

NGUYỄN CÔNG HOÀN

TRUYỆN NGẮN
CHỌN LỌC

II



TỦ SÁCH TINH HOA

NGUYỄN CÔNG HOAN

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

TẬP 1

Tái bản

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



(1903 – 1977)

GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH (1997)

LỜI NÓI ĐẦU

Nguyễn Công Hoan là một nhà văn hàng đầu của văn học hiện đại trong thế kỷ XX.

Ngay từ những thập kỷ đầu (từ năm 1925) khi văn xuôi Việt Nam đang trên đường hình thành, thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết còn đang trên đường tìm tòi thử nghiệm, thì những tác phẩm đầu tay, nhất là truyện ngắn của ông đã báo hiệu một triển vọng mới của văn học mới. Ông trở thành chủ tướng của dòng văn học hiện nay.

Truyện ngắn, tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan luôn chiếm lĩnh trên văn đàn và được nhiều người tìm đọc, mến mộ. Ông tạo được một văn phong, một thi pháp riêng để dựng lên những bức tranh sinh động của một xã hội thực dân phong kiến trước cách mạng Tháng 8 năm 1945, đầy rẫy những sự bất công, tàn ác, giả dối sa đọa... Văn ông vừa phanh phui được những chân dung của bọn quan lại hào lý, những chính sách mị dân của bọn thực dân Pháp và phong kiến triều Nguyễn thối nát, xuất phát từ ý thức tôn trọng dân tộc, đồng thời còn là lòng khát khao công bằng, chống

áp bức và tinh thần yêu thương những người chân chính khổ nghèo... Đã có nhiều tác gia phê bình nhiều thể hệ trong nước và ngoài nước đi sâu phân tích nghệ thuật và thi pháp độc đáo, về tài văn của ông. Nhưng có lẽ, ngắn gọn và súc tích nhất vẫn là lời nhận xét của nhà thơ Hoàng Trung Thông:

"... Nhìn thẳng vào sự thật và viết sự thật bằng tác phẩm văn học, đó là Nguyễn Công Hoan."

Viết sự thật trung thành với sự thật, mà không sợ áp lực của bọn cường quyền. Đó là Nguyễn Công Hoan."

Viết với cả tấm lòng, với cả tình thương những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị chà đạp, tính xã hội kết hợp với tính nhân đạo. Đó cũng là Nguyễn Công Hoan."

Hy vọng rằng ấn phẩm này sẽ giúp bạn đọc xa gần có được bộ sách quý về một tài năng lớn, một nhà văn lớn, một trong những người đã đặt nền móng cho nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

SỨC TRẺ CỦA MỘT CÂY BÚT

Đối với người cộng sản, tất nhiên chẳng có gì gọi được là định mệnh. Vậy mà câu chuyện xa xưa ấy như đã vạch trước con đường sau này tôi sẽ đi liền với cha. Có lẽ ngay cả khi ký tên tôi dưới truyện ngắn của mình, tên đứa con gái nhỏ vừa mới chào đời, cha tôi cũng không hề ao ước, khi lớn lên tôi sẽ theo nghề của cha. Nghiệp văn chương khi ấy chẳng là gì đối với một người đàn ông như cha tôi, hướng hồ đối với một đứa con gái. Truyện ngắn xuất hiện trên trang báo với tên ký Nguyễn Thị Tài Hồng đã làm cho Tản Đà sửng sốt. Là một nhà thơ lớn, một nhà nghiên cứu văn học thời bấy giờ, ông quyết đi tìm để được gặp người nữ tác giả.

Mấy chục năm qua đi, Tản Đà không còn nữa, người đọc cũng đã quên cái tên chỉ xuất hiện một lần trên văn đàn ấy, xã hội Việt Nam biến đổi qua bao nhiêu chặng đường cách mạng, và người viết văn phụ nữ không còn là một chướng ngại trước độc giả, thì một lần trong vui câu chuyện, cha tôi kể kỷ niệm này. Khi ấy tôi đang ở cùng một Hội nhà văn với cha tôi, đi họp, đi học, đi hội thảo các vấn đề văn học, hai cha con sóng đôi xe đạp, cùng đến, cùng về. Bè

bạn trong giới thường đùa vui: “Đi đến đâu cũng gặp hai cha con ông lão này”. Không có ý niệm trước sẽ đến một ngày hạnh phúc kia không còn nữa, chẳng bao giờ tôi kịp hỏi cha tôi, đằng sau những dòng chữ mà cha viết, ẩn náu một cuộc đời thứ hai mà cha tôi đã tưởng tượng, đã xây đắp. Tôi vẫn nghĩ, câu chuyện bếp núc đó chưa phải đến lúc cần bàn.

Trong một chuyến đi xa Hà Nội đến nhà máy Liên hợp gang thép, nơi mà từ lâu tôi đã chọn làm quê hương sáng tác của mình, cha tôi đột ngột lâm bệnh.

Trong gia đình không ai ngờ, vì mấy hôm trước cha tôi còn đi xe đạp đến Hội nhà văn họp Chấp hành. Không ai nghĩ cần phải báo tin ngay cho tôi. Sau một tuần lâm bệnh, cha tôi khắc khoải nhắc ngày tôi về, và giây phút trước lúc hôn mê, câu cuối cùng đời người, cha gọi tên tôi.

Ngồi bên giường bệnh cầm tay cha im lặng, trong nỗi thốn thức bàng hoàng, ngắm kỹ những ngón tay thô ráp của cha, một câu hỏi nghẹn ngào trong tâm khảm tôi. Những ngón tay này là của thợ cầm cưa, cầm búa, cầm kéo xén cây, hay là cầm bút của một nhà văn. Mọi việc sửa sang lật vật trong nhà, ngoài vườn, cha tôi là người thích làm hăm hở. Và những trang truyện làm say mê lòng người, làm rạng rỡ nền văn học Việt Nam, mở đường cho một giai đoạn văn xuôi hiện thực Việt Nam, đã viết xuống cũng từ những ngón tay thô ráp này ư. Đến tận bây giờ, sao tôi mới nghĩ ra điều ấy.

Đối với tôi, một đứa con gái nhỏ, thì cha tôi lúc nào cũng chỉ là cha như mọi người cha khác ở trên đời này. Những truyện cha tôi viết khác nào truyện thật hàng ngày cha tôi

gặp, và ông vẫn kể trong bữa cơm gia đình buổi chiều đi học về, những tai nghe mắt thấy, chuyện thời sự với nỗi lòng của cha tôi, những buồn vui uất ức, những hy vọng và cả những chuyện nực cười. Chưa bao giờ tôi kịp nghĩ cha tôi là nhà văn. Trước mắt tôi, ông là một thầy giáo trường tiểu học thì đúng hơn. Vì từ khi sinh ra, tôi đã nghe mọi người gọi cha tôi là ông giáo. Ông giáo nhân hậu và vui tính, mà đã có lần tôi là học trò, khi tôi theo cha ra Trà Cổ. Ở hòn đảo nhỏ gần biên giới phía bắc đó không có trường tiểu học riêng cho con gái. Tôi ngồi cùng bàn với những học trò trai và đứa nào cũng rất tinh nghịch. Họ là con những dân chài nghèo khổ, mùa đông gió thổi lạnh cứng tai, tái mặt, thì đi học, bọn bạn tôi cũng chỉ một chiếc áo cánh mỏng và quần đùi. Nhưng nhộn nhạo và nhí ngoáy trong lớp thì không ai bằng họ. Vào trường, mấy tướng ấy không đi đường cổng mà nhảy vọt qua hàng rào. Họ méo mặt, phùng mang làm các kiểu buồn cười để gỡ tội khi bắt gặp cha tôi nhìn thấy họ. Ít khi cánh này thuộc bài. Ở nhà họ phải làm đủ việc để giúp đỡ cha mẹ, chuẩn bị đi khơi, kéo lưới. Nhưng họ cũng đủ trí thông minh để đối phó với những câu hỏi của thầy giáo. Trong lớp, có mình tôi là đứa bé nhất. Còn họ, cao lêu đêu bằng thầy, người hơn tuổi tôi ít nhất cũng phải cả chục. Vì ở vùng thượng du heo hút như hòn đảo Trà Cổ này, mấy trẻ con được đi học, và nhà trường cũng nhận những học sinh không theo hạn định tuổi như ở vùng đồng bằng. Chiều chiều họ ra bãi biển đợi thuyền về, kéo lưới. Đã có một anh cùng lớp tôi, khi kéo lưới vào đến mấp mé bờ nước, cá đang quẫy nhảy đặc trong lưới, thì một con mập phóng thẳng lên, dớp trúng bụng chân anh. Anh được mang tên đùa là Mập. Trong lớp cha tôi cũng gọi anh là Mập.

Chiều nào chúng tôi cũng kéo nhau ra bờ biển từ lúc nắng mới bắt đầu nghiêng bóng, quần đùa trong cát nóng chờ thuyền cá về, hoặc đuổi bắt nhau trong nước, luồn dưới những gập thuyền, gập mảng bập bênh, hò hét vang động mặt biển. Nhô lên nhìn nhau, mặt mũi tóc tai đứa nào cũng ướt mềm và chúng tôi chạy ụa đến thấy giáo là cha tôi, khi ấy đương đứng lặng nhìn xa khơi, trong tay điều thuốc lá đương hút dở. Nụ cười và ánh mắt đầy nhân hậu của cha nhìn chúng tôi đã tha thứ tất cả những trò chúng tôi tinh nghịch. Những lúc ấy, lũ bạn lớn của tôi cũng đùa nhau thấy thấy con con với ý nghĩa không phải là thấy giáo nữa, mà là cha con trong nhà vậy. Họ biết, cha tôi thương yêu họ.

Mãi sau này đọc *“Đời viết văn của tôi”*, tôi mới hiểu ra, khi nhỏ cha tôi cũng là một mũi nghịch, nghịch hơn cả lũ chúng tôi nữa. Vốn không tin vào trời phật, cúng bái, một lần nhà có giỗ, cha tôi đã cùng người bác họ tôi - mà hai người thân nhau từ thuở nhỏ, nhón vụng thức ăn bày trên mâm cúng. Hai người thử xem có bị thần vạ cổ như lời dọa của người lớn không.

Sáu tuổi, cha tôi được học chữ nho, rồi quốc ngữ. Thầy ký rệu trong làng là người dạy cha tôi vỡ lòng tiếng Pháp. Nguyên đó đủ là một chuyện cười mở đầu cuộc đời học trò của cha tôi rồi. Và truyện ngắn khôi hài đầu tiên *“Quyết chí phiêu lưu”* đã xuất hiện năm cha tôi 17 tuổi. Tập truyện ngắn đầu tiên *“Kiếp hồng nhan”* xuất bản năm cha tôi 20 tuổi (1923). Tác phẩm đầu tay này của ông xuất hiện khi ông còn đương ngồi ghế nhà trường, cũng là buổi bình minh của nền văn xuôi Việt Nam viết bằng chữ quốc ngữ. Thời đó

văn chương câu kẹo trong các báo chí, tiểu thuyết còn ruộm rã, thuyết lý dài dòng, cốt truyện mơ màng khóc than mây gió. Truyện của ông đi thẳng vào cuộc sống thực, khai thác từ những cảnh ngang trái-bất công, những sự thối nát sa đọa, những cảnh khổ đau xảy ra hàng ngày trong xã hội thực dân phong kiến Việt Nam thời ấy.

Trong dịp mừng cha tôi 60 tuổi, Tô Hoài viết:

“... Nếu ta nhẩm từ cái hồi mà lời văn bỗng trầm khóc đứng khóc ngồi đến thời kỳ văn chương sạch sẽ kiểu “**Tự lực**” thì lực lưỡng như một tay đô vật không có địch thủ, từ “**Kiếp hồng nhan**” tới nay, truyện ngắn, truyện dài Nguyễn Công Hoan sừng sững tạo thành một thế Tam Đảo Ba Vì hùng vĩ, vượt qua hai thời kỳ, tiến vào Cách mạng tháng Tám...”

Thực vậy, nếu nhìn trở lại những năm 20 của thế kỷ, không chỉ riêng Việt Nam mà cả trên thế giới, thì những người lính tiên phong trong nền văn học hiện thực như Rômanh Rôlăng, Hăng-ri Béc-buyt, Mácxim Gorki chưa dành được địa vị áp đảo như bây giờ, nền văn học hiện thực chưa có một đại đội binh mã như bây giờ, thì những truyện ngắn hiện thực phê phán của cha tôi, ở một xứ nô lệ lạc hậu bị bưng bít tất, đâu đã được dễ công nhận.

Năm 1935, tập truyện ngắn **Kép Tu Bến** ra đời đã gây tiếng vang lớn, đánh dấu một mốc quan trọng trong sáng tác của ông, mà cũng là của dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Truyện của ông đã tạo một cách nhìn mới về con người, đối với xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Nhân vật của ông gồm đủ loại người, từ những tên có tiền, có quyền, có thế, những kẻ dơ dáy đại hình, đến những

người nghèo nàn sống khổ đau vất vưởng. Một cuộc tranh luận sôi nổi trong giới văn học Việt Nam, giữa hai phái nghệ thuật vị nghệ thuật, nghệ thuật vị nhân sinh. “Ai có đọc hết các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan thì thấy ông không đáng là nhà văn xã hội. Nguyễn Công Hoan theo chúng tôi chỉ là một anh kép hát được vài câu bông lơn, có duyên thế thôi” (Lê Tràng Kiếu). Phái nghệ thuật vị nhân sinh đại diện là Hải Triều lên tiếng bênh vực, cổ vũ: “Cái chủ trương nghệ thuật vị nhân sinh của tôi ngày nay đã biểu hiện bằng những bức tranh rất linh hoạt dưới ngòi bút tài tình của nhà văn Nguyễn Công Hoan. Về phương diện tả thực, có thể nói tác giả đã đến mục đích một phần lớn rồi vậy”.

Cái dáng cha tôi đứng lặng lẽ với điệu thuốc lá trong tay nhìn vào vô tận, về sau tôi gặp được nhiều lần. Những buổi chiều ăn xong cơm, tôi đứng nép bên chân cha nhìn phố xá, kẻ đi người lại. Sau này lớn lên đọc truyện ngắn **Đào kép mới** tôi mới biết cha tôi đã viết từ hình ảnh chợt nảy đến trong một buổi chiều hai cha con đứng chơi như vậy. Một gánh tuồng vừa điệu xe quảng cáo đi qua, đào kép phần son lòe loẹt, giấu cái nghèo nàn trong những bộ cân đai mũ áo đã sờn bạc, ngồi chồng lên nhau ba tầng, sàp xe, đệm xe, tựa xe. Chiếc xe kéo đi trong phố buồn vắng, nổi trống, thanh la, phèng phèng, gọi trẻ con chạy bu theo như đàn ong. Cái biển quảng cáo buộc áp sau lưng xe vẽ một cảnh trong vở diễn mà ai cũng đã thuộc nhẩm, nhưng tên vở thì vừa được kẻ lại bằng hàng chữ mới, đập vào mắt mọi người. Cha tôi nhìn theo, cười mỉm:

- Đào kép mới!

Những suy nghĩ về thời cuộc đã nung nấu trong lòng ông từ lâu, về những tên vua bù nhìn, con đẻ của thực dân cai trị Pháp nặn ra dưới cái phong màn gọi là triều đình Huế, vừa được bôi mặt dối tên hồng lừa dối thiên hạ về chính sách cách tân của chúng. Những việc xảy ra hàng ngày dường như thoáng qua vô nghĩa đối với người khác, chỉ là câu chuyện bông đùa ông có thói quen kể trong những bữa cơm gia đình, đã là cái nút bật ra tác phẩm.

Cha tôi là người hay quan tâm đến thời cuộc. Những chuyện xảy ra ở ngoài đời, các tin tức đăng trên báo chí hàng ngày, ông đọc không bỏ sót. Ngày ấy, cho đến tận sau này khi cao tuổi, lúc nào cha tôi cũng có cuốn sách đang đọc dở. Đọc, đánh dấu ở lề trang, và ghi những ý chợt đến vắn tắt. Cha tôi rất ghét bọn người rơm chữ, đọc sách cóc nhảy để ăn cắp, hoặc lười biếng cốt đi nghe lỏm rồi khoe mẽ. Ở phòng khách nhà Nghị Núc có một ô tủ dài trong để toàn sách bìa gấm, đóng gáy vàng, nhưng cả đời hấn chưa bao giờ biết đến tên một cuốn sách hấn có trong tủ. Sách là đồ trang sức theo một của bọn địa chủ vô học và thị của thời ấy.

Trong ba anh em, tôi là người sống với cha nhiều nhất. Không phải là sau này hai cha con cùng một nghề, mà ngay cả khi còn bé, là đứa con gái út sau hai anh, nên bất cứ cha tôi bị đối đi dạy học ở đâu, tôi cũng được theo cha. Gia đình lênh đênh nay đây mai đó, không được ở yên sau một hoặc hai năm, chỉ vì những trang truyện của cha tôi không làm vừa lòng những ông quan cai trị thời bấy giờ. Khoang hăm tầu thủy là phương tiện di chuyển vừa với túi tiền của gia đình tôi nhất. Ngọt ngạt, nóng bức, hôi thối, chúng tôi nằm

lăn ngay trên sàn cùng với hàng hóa, đồ vật chất ngất bao quanh. Mỗi khi bọn làm tàu đi qua, tiện lợi nhất là họ xéo luôn lên chỗ người nằm cho khỏi vướng cẳng. Những lúc ấy cha tôi thường bật nhóm dậy, thụ kéo chân tay tôi để che đỡ, và những tràng chửi phun ra từ những cái miệng bóng nhờn của bọn làm tàu khi bắt đồ một hình người nào đó dám phản ứng giầy cựa dưới cái xéo của họ. Đêm trên tàu là những cuộc sát phạt. Những bàn mạt chược, bàn xóc đĩa mở ra thâu đêm suốt sáng trong ánh đèn vàng nhò. Những cuộc bán mua, những cãi lộn, những đâm chém. Tôi núp trong cánh tay che chở của cha, mơ màng nghe tiếng máy tàu chạy xình xịch, nước vỗ mạn réo rào rào, và mỗi khi còi tàu cất lên báo hiệu cập bến, sao nghe như sông nước mênh mông hơn, tiếng í ới người ta gọi nhau như tan trong gió trời, và giữa cái thế giới đầy khổ ải này, cha tôi vẫn là một mái nhà ấm ru tôi trong những niềm ao ước trẻ thơ.

Cha tôi thức thâu đêm là chuyện rất thường. Tôi ngủ một giấc, mở mắt ra thấy cha tôi ngồi gằm ghì trước bàn. Ngủ giấc nữa hé mắt ra vẫn thấy ánh sáng của cây đèn bàn và khói thuốc lá nghi ngút. Bừng mở mắt, tôi bắt gặp cha tôi tì tay dưới cằm, ngược nhìn ra xa, cặp mắt vừa dịu hiền vừa cười cợt. Tôi trở về với giấc ngủ yên lành trong bóng thức của cha tôi cúi xuống trang giấy.

Sáng nào tôi cũng có một việc quen thuộc, đi đổ tàn thuốc lá cha tôi hút suốt đêm qua. Một cái nồi con bằng đồng có hai tai cầm, hình như là một cái nồi nấu cơm của cụ tôi khi đã già và lòa. Đây một nồi tàn thuốc. Cha tôi chỉ hút một loại thuốc, thuốc Bastô. Tôi vừa rón rén đi, vừa nhìn cha tôi ngủ. Cả nhà có thói quen ấy, đi khê, nói khê để cha

tôi có thể ngủ thêm tý chút trước khi đến trường dạy học. Ngày hai buổi cha tôi vắng nhà, đến lớp, đêm mới là lúc cha tôi ngồi vào bàn viết. Cả nhà không ai đụng đến chỗ bàn của cha tôi. Dù mẩu giấy nhỏ chọt gió bay xuống đất, mẹ tôi cũng cẩn thận nhặt lên để bàn và chặn lại. Tuổi thơ không cho tôi hiểu đầy đủ, nhưng cảm giác tôn kính việc làm của cha đã cho tôi ý thức rằng đó là công việc thiêng liêng.

Một lần, khi tôi đã làm nghề viết truyện, tôi kể ý định của mình với cha sẽ viết truyện làng du kích, như làng tôi ở quốc lộ 5 chẳng hạn. Không ngờ điều ấy làm cha tôi vô cùng xúc động. Cha tôi kể về những ngày cha tôi còn nhỏ, bà nội là người thông minh, dòng dõi nhà nho, nên thuộc rất nhiều thơ phú. Tối tối trước khi đi ngủ, bà thường ngâm nga rồi dạy truyền khẩu cho các cháu. Niêm luật của thơ ca, nhạc điệu của ngôn ngữ được luyện vào tai cậu bé là cha tôi ngay từ ngày ấy.

Và không hiểu có phải nhờ truyền thống chống ngoại xâm vốn có ở vùng Bắc Ninh quê tôi, mà cụ nội và bà tôi cũng đã ý thức được công cuộc chống Pháp của nhiều lớp sĩ phu yêu nước, do đó mà cha tôi đã mang sẵn đầu óc ghét Tây và quan ngay từ nhỏ. Bọn chúng thường được cha tôi nhắc đến để phỉ nhổ mỗi khi bữa cơm có tý rượu, nhân ngày giỗ hoặc ngày Tết. Những lúc ấy tôi thường nín cổ cha:

‘Bố kể nữa đi, chuyện Nghị Lại ấy mà.

Anh em chúng tôi cười giòn tan hòa theo cha, còn mẹ tôi chau mày:

- Nói bé chứ, ở bên kia người ta nghe tiếng đấy.

Cha tôi càng nói to hơn:

- Thì chỉ cốt cho chúng nó nghe được mà lại.

Cha tôi quen biết Nguyễn Thái Học và đã tham gia hoạt động cùng với ông. Song vì gánh nặng gia đình, cha tôi sợ bỏ đi làm hội kín, cả nhà sẽ bầu vùi vào ai. Một chú tôi đang học trường Bưởi trên Hà Nội, do hưởng ứng phong trào để tang Phan Chu Trinh đã bị đuổi học và về ở với cha tôi. Một chú thứ hai, đột nhiên về thăm nhà trong dịp nghỉ hè và nói thật với cha tôi, bỏ vào Sài Gòn làm thợ, gia đình đừng đi tìm. Cha tôi hiểu điều đó. Mãi bao nhiêu năm sau, khi Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở bên Pháp, ân xá một số tù Côn Đảo trong đó có Nguyễn Đức Chính là người cùng tham gia phong trào Nguyễn Thái Học với cha tôi, ông đến báo một tin đầy hy vọng. Ở Côn Đảo, ông có gặp một người tù tên là Phạm Văn Khương. Người này khai làm nghề chăn vịt, không biết chữ, không còn cha mẹ. Nhưng ông Chính ngờ, người ấy có thể là chú ruột tôi. Chú bị kết án tử hình trong vụ giết tên cặp-răng Nhà Bè, Sài Gòn. Nhờ phong trào đấu tranh do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo, các án tử hình được hạ xuống chung thân và chú bị đẩy ra Côn Đảo.

Theo ông Chính, người tù tên là Khương ấy không bao giờ có thư gia đình và rất kín miệng về tông tích riêng. Song căn cứ trên những biểu hiện sinh hoạt hàng ngày, người tù ấy tỏ ra có văn hóa và thông minh, không thể là người mù chữ chuyên đi chăn vịt, mặc dù từ khi vào tù người ấy mới bắt đầu học chữ. Nghe tả hình dáng và ước tính tuổi, cha tôi liền viết một bức thư gửi cho số tù ấy. Trang thư mở đầu: "Thưa ông. Nếu ông phải là em tôi thì xin viết thư về theo địa chỉ như sau cho gia đình hay tin. Cho phép tôi được coi như thư gửi đến đúng em tôi vậy. Từ

ngày em đi, mẹ hết sức mong ngóng và xót thương, không hiểu em sống chết thế nào. Những ngày Tết đến, cả gia đình, nhất là mẹ, không ai vui được vì bất tin em. Cũng đã tám năm”.

Tôi hiểu, nếu chỉ qua những truyện ngắn đầy tính hài hước, có thể người đọc hình dung cha tôi là một người dễ tính, hồn nhiên hay bông đùa và lúc nào cũng thư thái. Đó đúng là vẻ bề ngoài biểu hiện một phong cách của ông.

Thật vậy trong cuộc sống hàng ngày ông là một người vô cùng dễ tính và vui vẻ.

Trong một dịp nghỉ hè (khi tôi mới được vài tuổi và cha tôi đương còn là một ông giáo, nhưng những cuốn truyện của ông đã nổi tiếng trong nước), cha tôi đi chơi khắp Đông Dương theo lời mời của những người hâm mộ ông. Trước ngày về, ông đánh một bức điện báo cho gia đình chuẩn bị đón khách và bữa cơm đầu tiên phải có món cá. Mẹ tôi vốn là người đàn bà chiều chồng, nên đã làm đúng y lời dặn. Nhưng khi cha tôi bước vào nhà, không thấy khách đâu cả. Và từ từ cha tôi mở một cái túi. Một chú mèo Xiêm rất xinh, mắt xám, lông trắng, ngơ ngác nhìn mọi người và đón đến những đôi chân run rẩy vì bị tù túng nhiều ngày, hay vì còn quá non nớt, chú nép vào tôi là đứa bạn có lẽ cũng cùng lứa tuổi. Cha tôi cười:

- Khách đây. Món cá mời khách mang ra đi chứ.

Một lần ông cầm vải đi cắt áo, bước chân về đến cửa nhà đã khoe như một chiến công:

- Mình tìm được một ông thợ may thật tài tình. Miếng vải ấy mà anh ta cắt được những hai áo ngắn tay.

Mẹ tôi sùng sốt:

- Sao, chỗ vải ấy đủ may hai áo dài tay chứ.

Tiếng cười của ông là tiếng cười nhân hậu. Ông không có tiếng cười ác độc, ngay cả trong những chuỗi cười chua chát, sâu cay. Ai bảo rằng đời ông chỉ có những tiếng cười. Sau chuỗi cười sảng khoái khi đọc truyện của ông, sao ta thấy lòng thất lại, ghen ngào. Tiếng cười của người lóng lánh những giọt nước mắt. Cái sâu sắc của một truyện ngắn cười, sức mạnh lay động lòng người của tác phẩm ông, đã được ấp ủ trong mỗi tình người trong sáng, bằng tính giản dị mang đầy nhựa sống dân gian. Ngôn ngữ truyện của ông là ngôn ngữ ta nói hàng ngày được chọn lọc và nâng cao, có khi ông đưa ca dao tục ngữ vào truyện một cách tự nhiên thoải mái. Chữ ông dùng giàu hình ảnh, từng nhân vật mang sắc thái ngôn ngữ riêng, bộc lộ tâm lý xã hội. *"Khi văn chương mà viết đúng như lối nói của dân tộc thì nó hay và đứng vững. Bởi vì ngôn ngữ dân tộc sống mãi"*. Ông thường nhắc nhở những người viết văn thế hệ sau ông như vậy. Truyện của ông đã không lẫn với bất kỳ truyện cười nào khác trên thế giới, chính vì lẽ truyện cười của ông đã mang đầy tính dân gian và rất trữ tình.

Sống gần ông, tôi càng nhận rõ điều đó. Tôi hiểu rằng những tác phẩm ông viết đều bật ra từ những cơn đau nhức nhối cho số phận con người, những giận buồn không xóa nổi, và cả những thiết tha suốt đời người không thể với tới. Chúng kiến những bất công của xã hội mà ông cũng có phần là nạn nhân, càng đi nhiều, càng thấy nhiều, ông càng không chấp nhận nổi. Phải chăng vì lúc đó nghề thầy giáo của ông, nếu nhìn trong giới trí thức của xã hội bấy giờ chỉ toàn

là những công chức làm thuê cho bọn thống trị, mà ta không thể coi đó là nghề của trí thức được, thì nghề dạy học dù sao cũng vẫn còn là nghề truyền bá tri thức, truyền bá tư tưởng. Công việc hàng ngày ấy nhắc người thầy giáo ý thức với dân tộc, với lớp trẻ. Cộng thêm bản chất nghệ sĩ trong ông vốn nhạy cảm và trân trọng trước cái toàn thiện, toàn mỹ, do đấy ông không chịu nổi những sự xúc phạm đến cái đẹp, cái tốt, đến con người. Ông đã có sức rung động mạnh mẽ hơn người khác và có sức chống lại quyết liệt những gì đi ngược lại.

Có hai lần trong đời, tôi được chứng kiến cha tôi trong những nỗi đau không hàn gấn được. Chưa phải là lần cha tôi đương dạy học và bị mật thám bắt vì khám nhà thấy cuốn sách cấm, Stalin viết về Lênin. Cũng không phải là lần cuối cùng cha tôi ngồi tù cho đến ngày Khởi nghĩa tháng Tám. Cái chết của những người gia đình đã cho tôi thêm hiểu về cha tôi, sau những tiếng cười sảng khoái của ông mà tôi đã quen từ tấm bé. Những người cười nhiều, ấy là những người có cuộc đời tràn đầy nước mắt. Mỗi khi nhắc đến bà tôi, bao giờ cha tôi cũng ôn kỷ niệm khi bà phải rời làng đi tản cư, đầu ngoái trông về đám lửa cháy rừng rực đang thiêu hủy xóm làng bị giặc tàn phá. Lần đầu tiên trong đời phải lìa bỏ nơi chôn rau cắt rốn của mình, bà vẫn tâm niệm có ngày được trở lại. Nhưng một buổi chiều ở nơi tản cư xa lắc làng quê, một đàn máy bay giặc đã ập đến trút bom trúng sân nhà. Căn nhà lá bốc cháy. Và khi xóm giềng chạy đến cứu chữa, đã tìm thấy bà tôi trong đống tro than. Còn thím tôi, tay bồng chặt đứa con út mới chập chững biết đi, cả hai ngã đổ ngay trước cửa hầm. Sáu tháng trước, chú

tôi vừa hy sinh vì bom giặc trên đường đi công tác, bà tôi đến ở cùng với thím. Những cái chết dồn dập và đau thương bất ngờ ấy đã khiến cha tôi cảm lạnh.

Ít lâu sau, trong khu rừng Việt Bắc, vì những cơn sốt rét dữ dội, cha tôi nằm lại một cái lán của cơ quan. Một người bạn đã nhắn tin cho tôi đến. Thật sung sướng, khi trôi hết những bậc thang nhà sàn ọp ẹp, tôi không thể nhận ra người đang nằm co trong chiếc áo tôi lá, mặt tái nhợt vì cơn sốt kia là cha tôi. Cha tôi vụt bật nhồm dậy khi nhận ra con gái, và một nét rạng rỡ hiện nhanh trên gương mặt. Đã từ lâu lắm cha con tôi mới được nhìn thấy nhau. Ở rừng, cơ quan bí mật, nhất là chỗ cha tôi làm việc, trường dạy văn hóa cho cán bộ cao cấp trong quân đội, đâu phải ai cũng được tới. Cha tôi tòng quân ngay từ ngày đầu nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp, đã làm việc tại tờ báo **Vệ quốc quân** và lúc bấy giờ là giám đốc Trường Văn hóa.

Cha tôi mới đi dự cuộc tập trận của bộ đội quân khu bốn, và trên đường về, cha tôi đã ghé thăm mộ anh cả của tôi. Anh là người con mà cha tôi dành nhiều xót thương nhất, vì những năm tháng anh bị tù đầy từ khi chưa đủ tuổi thành niên, do hoạt động cách mạng. Anh là người đầu tiên hy sinh trong gia đình tôi, ngay từ năm thứ hai của cuộc chiến đấu, khi anh mới hơn hai mươi tuổi. Không hy vọng tìm gặp được tôi sớm, cha tôi viết một bức thư dài sáu trang giấy, kể tỉ mỉ chặng đường đi tìm đến nơi anh ngã xuống, gặp gỡ những đồng chí sống cùng với anh giây phút cuối cùng, và ông đã đến nghĩa trang liệt sĩ, nơi anh yên nghỉ. Cha tôi còn vẽ một sơ đồ nhỏ để nếu có dịp về xuôi, tôi tìm đến với anh. Người anh mà ngay từ tấm bé đã dạy cho

tôi biết vẽ, biết âm nhạc, và biết đi vào cọn đường cách mạng. Những chuyện cổ tích ngày nay tôi còn nhớ là do anh tôi kể, những buổi tối khi tôi còn bé tí, anh vừa xoa lưng vừa ru tôi vào giấc ngủ. Trong ba anh em, anh là người giống như đúc gương mặt cha tôi.

Đột nhiên cha tôi bật khóc. Một nỗi đau bấy lâu vùi kín, trỗi dậy xé nát lòng tôi. Tiếng khóc của người cha. Người cha mà xưa nay tôi chỉ nghe tiếng cười, chỉ nhận sự bông bế nâng niu, ấp ủ. Đứa bé gái là tôi trong phút chốc hiểu rằng mình phải “người lớn” hơn, phải đứng vào chỗ của anh, mang niềm vui đến an ủi cho cha mẹ, để bù đắp... Tôi chưa kịp nói một câu gì với cha tôi, rồi sau này mãi mãi cũng chưa bao giờ kịp nói, một chú bé giao thông xuất hiện ở đầu thang. Chú đem đến cho cha tôi một bức thư dày. Tất cả đã đứt khúc. Chuyện cũ tôi không bao giờ dám khuấy động lại nữa vì hy vọng nỗi đau sẽ trôi đi, nhưng những gì xảy ra buổi sáng ấy, suốt đời tôi không bao giờ quên được. Một kỷ niệm xa xưa vẫn thường hiện đến an ủi tôi, chia sẻ cùng tôi, ấy là khi tôi còn là đứa bé gái mới cấp sách đến trường. Cha tôi có cái thích là bông tôi ra đến cửa rồi mới thả tôi xuống đi một mình. Vậy mà giữa cái tuổi êm đẹp đó, tôi đã phải chứng kiến những cảnh nát tan của tổ ấm.

Đêm ấy nhiều tiếng đập cửa đùng đùng dữ tợn làm tôi giật bắn mình tỉnh giấc. Nghe mơ màng tiếng cha tôi đứng ngoài bao lơn hỏi vọng xuống đường:

- Ai?

- Có giấy của quan đốc học.

Giọng hách dịch, gắt gỏng. Tôi tỉnh hẳn ngủ. Cha tôi đã vào nhà, bật đèn bàn. Mẹ tôi trở dậy rồi:

- Để tôi xuống mở cửa.

Mẹ tôi cảm nhận được điều không hay, nên đứng ra đón đỡ thay cha tôi. Nhưng tôi vẫn nghe tiếng bước chân cha xuống thang nặng nề, bực bội. Tôi lóng tai xuống giường. Vì tiếng rằng nhà có gác, nhưng gác chỉ ở căn ngoài, căn trong là nhà ngang, cửa ván quay chốt kiểu thôn quê. Gác sơ sài, nhà dưới nói gì, trên nhà nghe được hết.

Cửa mở khóa. Tiếng xì xốc đông người, ồ vào khác thường. Giọng Tây lai lơ lớ:

- Nguyễn Công Bông, Nguyễn Tài Khoái.

Trống ngực tôi đánh thình thịch. Chú tôi và anh tôi.

Mẹ tôi đáp đồng dục:

- Để tôi đánh thức. Nửa đêm các ông đừng làm kinh động.

Giấy tây xộc rối loạn gian nhà ngang.

Giọng mẹ tôi lúc này dịu ngọt và nâng niu làm sao:

- Con. Em. Dậy. Từ từ. Tỉnh ngủ hẳn đã.

Khóa xích khua loảng xoảng. Tiếng xích khua giữa đêm khuya vang rợn vào tâm khảm đứa bé gái là tôi. Căn gác đột ngọt rung chuyển. Những tiếng giấy dạn mạnh lên thang. Tưởng như bao nhiêu ván thang, ván gác rã rời hết mộng mọ, và đổ sập tức thì. Tôi dán chặt người xuống giường.

- Còn những ai trên này?

Một phản ứng đột ngọt xốc tôi ngồi dậy. Tôi giương to mắt. Đã lừng lững trước mặt những đứa “đem giấy của quan đốc học” đến gọi một giáo viên tiểu học giữa đêm là cha tôi.

- Ngồi im, không chết.

Dọa nạt một đứa bé gái.

Mẹ tôi nhẹ nhàng vắt màn. Tròn xoe một họng súng lục ở bàn tay “nó” chìa thẳng vào ngực tôi. Ngón tay “nó” lông lá, đặt sẵn vào chỗ mà tôi hiểu ngay rằng sẽ phát đi lập tức cái chết. Nhưng, trẻ thơ như tôi thì ngày nào tôi chẳng “chết”. Đến trường, cười trên “lưng ngựa” (một đứa bạn), tay cầm “kiếm” (cành lá xoan tây), tôi xông lên. Đối phương ngã lăn dùm, nhắm tịt mắt. “Chết”. Trống gọi vào lớp. Và hai đứa tôi lại nắm tay nhau đứng vào hàng.

Nhìn cái nòng súng tôi hiểu không phải chuyện đùa. Tôi giương mắt nhìn “nó”, cái thẳng mà tôi đoán biết đây chính là tên mật thám thường ngày cha tôi đã có lúc nhắc đến một cách khinh bỉ. Sách vở học của chúng tôi qua năm cất giữ trên giá, bị lôi tuột hết xuống, rũ rối tinh. Sách báo của cha tôi, đến cả những trang vừa viết xong để trên bàn, cũng bị lật lộn xộn.

Những trang giấy bay lả tả xuống sàn. Cha tôi thúc viết, vừa mới đi nằm. Vậy mà “nó” không biết xấu. Chăn màn quần áo cũng bị lôi thốc ra. “Nó” làm những việc mà cha tôi nghiêm cấm đối với chúng tôi. “Phải ngăn nắp trật tự”. “Đụng vào thứ gì của người khác, phải hỏi trước”. “Trong khi người khác nằm nghỉ hoặc làm việc, không được nói to, làm mạnh”.

Tôi vụt hiểu, bọn mật thám bao giờ cũng làm ngược lại những cái thông thường con người làm. Chẳng thế mà mỗi lần gọi đến tên chúng, cha tôi đã có chữ riêng, “bọn liếm gót giấy Tây”. Còn những bạn bè của chú và anh tôi, thì thâm thì: “bọn chó”.

Lũ “chó” đến quỳ trước chủ:

- Bẩm không có gì ạ.

Cặp mắt cha tôi gần như nẩy lửa. Còn mẹ tôi, vẫn ở dưới nhà, có lẽ canh chừng cho anh tôi và chú tôi chăng. Bọn “chó” chia đôi, vẫn một nửa núp dưới nhà. Bọn được xuy lên gác lúc này đã cùng chủ nhao vội xuống. Tôi nghe tiếng sửa đủ tợn:

- Đi.

Tiếng mẹ tôi cao giọng:

- Để tôi lấy cho con tôi cái áo sợi. Trời lạnh thế này.

Bấy giờ tôi mới kịp nhớ, đương mùa đông. Anh tôi nói như vừa mím miệng:

- Thôi mẹ. Không sao.

Như là chú tôi ngoái đầu lại:

- Chị đừng phiền. Chúng em đi.

Sao lúc ấy tôi không biết chạy ngay ra cửa gác nhìn xuống, nhìn lần cuối những người ruột thịt của mình bị bứt lìa khỏi tổ lúc nửa đêm, để rồi đàn “chó” ấy thả sức cắn xé. Tôi nghe vọng lên tiếng ô-tô rồ máy. Ra là ô-tô chúng nó đổ tận đầu phố, mà vì làm lụng nhọc mệt cả ngày, những người lớn trong nhà không một ai biết.

Hôm sau tan học, cha tôi soạn lại nhà cửa giấy má, soát kỹ trong đồng sách vở của chúng tôi. Cha gọi tôi đến, nhếch cười:

- Lũ chúng nó mù.

Bức chân dung Lênin và Goóc ki do anh tôi vẽ vẫn còn nguyên trong đồng sách vở. Cha tôi ôm xiết tôi vào lòng.

... Bàn tay thô ráp là bàn tay thợ, hay là bàn tay nhà văn. Tôi ve vuốt những ngón tay. Tôi nắm chặt bàn tay

không rời trong suốt một ngày cuối cùng tôi được sống bên cha. Tôi không tự trả lời được câu hỏi. Nhưng bàn tay ấy đã sưởi ấm bước đường tôi đi cho đến suốt đời.

Một câu mà cha tôi nhận xét về tôi, nói với người bạn, mà sau khi ông mất rồi tôi mới được nghe kể:

- Nó viết cũng được đấy, nhưng sao mình vẫn thấy nó là đứa trẻ con.

Tính cách ấy ở trong ông đã nuôi cho ông những trang viết đầy sức trẻ. Tính cách ấy đã đưa ông vào vị trí một nhà văn xuôi trào phúng Việt Nam duy nhất lắm phen làm cho bọn thống trị cảm uất và những người cùng cực được nâng lên. Gia tài ông để lại gồm hơn hai trăm truyện ngắn, ba chục tiểu thuyết và nhiều tiểu luận, bút ký trong đó có năm tiểu thuyết chưa in, gồm một bộ tiểu thuyết hai tập. Ông cộng tác với các cơ quan khoa học xã hội soạn bộ từ điển và ngữ pháp Việt Nam. Truyện của ông xuất bản ở nhiều nước: Liên Xô, Trung Quốc, Bungari, Anbani, Hungari, Balan, Cộng hòa dân chủ Đức, Cuba, Mông Cổ, Ấn Độ, Pháp, Anh...

Và trong cuộc sống hôm nay của xã hội Việt Nam, cái cười trong tác phẩm của ông vẫn còn nguyên giá trị. Vì chỉ trong sức trẻ của tâm hồn, ông mới có đầy đủ một tầm nhìn vượt cao trên đau khổ, để sáng tạo, để hài hước, và tồn tại.

LÊ MINH

SÓNG VŨ MÔN

Đề huyện Thanh Trì, cách tỉnh Hà Nội mười cây số ở giữa làng X.X. có một cái nhà cổ. Cứ xem chữ khắc ở trên câu đầu, thì biết cái nhà ấy thượng lương từ ngày tháng ba năm Canh Thìn, đời vua Minh Mạng nguyên niên (1820). Kiểu mẫu nhà ấy tuy không lấy gì làm đẹp, song sơ lược dễ coi, mà kiên cố lắm. Trước nhà, một cái sân rộng lát toàn bằng gạch bát to, ngang dọc mỗi bề đến một thước. Một khu vườn rộng, cây cối um tùm, mùa nào thức ấy, dưới bóng cây, lẫn mười đồng rơm cao ngất, thực là nhà giàu thú quê, cha truyền con nối, không biết phát đạt từ đời nào, mà về sau mỗi đời lại thêm thịnh vượng, hoặc vì đất cát mấy ngôi mồ mả, hoặc vì phúc trạch của ông cha, hoặc tài thao lược của con cháu. Hiềm vì một nỗi, đời nào cũng yêu sự khoa cử, nhưng bận nào cũng lao đao trường ốc, rút lại đến xoay nghề buôn bè cùng làm đến tổng lý là hết.

Chủ nhà ấy là ông tổng Hưởng, râu tóc đen rậm, mặt mũi nở nang, rõ ra người phúc hậu. Vợ mất sớm, ông chỉ có một trai, năm ấy (1865) đã lên mười lăm tuổi.

Hoàng Quý (con trai ông tổng Hưởng) theo học trường

một ông đồ ở cạnh làng, nên đã thông, làm nổi bài luận ngắn, và đọc sách được mạch lạc.

Ông tổng thấy con có tư chất chăm chỉ, thì bao nhiêu cái chí khí bay nhảy ở đầu đều trứ cả lại mà hy vọng cho con, bèn định cho ra kẻ chợ theo đòi học tập. Một hôm đi vắng về, ông gọi con bảo rằng:

- Quý ơi, thấy xem gia phả nhà ta thì biết các cụ ta ngày xưa đã chầy chắt về đường nghiên bút, theo đuổi mãi nơi sân Trình của Khổng, song điều kỳ vọng vẫn là mộng tướng, chỉ loanh quanh trong nghề buôn bè, cái vòng tổng lý. Kể gia tư nhà mình thì không ai bì kịp, thanh giáo nhà ta ai cũng trọng, song thấy nghĩ giàu như Vương Khải, Thạch Sùng ngày xưa, cũng chỉ là anh trọc phú, sang đến đâu cũng chỉ là thầy hào thầy bá nhi dĩ, thấy bóng quan đã gãi đầu, gãi tai, khoanh tay dựa cột, trái ý thì bị quở, việc chậm là có đòn, thật là một nghề đầu chầy dứt thốt vậy! Nay như người ta kia, khoa danh kế thế, trung hiếu truyền giai ra ngoài cờ mở trống giông, về làng ăn trên ngồi trốc, mình nghĩ mà thẹn thay. Vậy nay thầy định cho con theo đòi nghiên bút, một mai nhờ tổ ấm, phát vua lộc nước, công danh hiển đạt thì hiển danh đến tổ tiên, đẹp mặt cha mẹ. Cái gia phả họ Hoàng ta thực đáng quý thay. Con nên cố, khỏi phụ lòng cha mong mỏi.

Hôm qua, thầy ra tỉnh Hà Nội, vào hầu cụ cử Nguyễn, thấy ngài dạy đông học trò lắm, nhân thầy có xin trước cùng cụ, sẽ cho con ra thỉnh nghiệp. Vậy con nên sắp sửa hành trang, lễ vật, để mai cha con ta ra hầu cụ.

Con chớ lo ngại điều gì, tuy u có mất sớm, thầy thiếu tay đỡ đần, gà trống nuôi con, ngoài coi sóc việc nông thương,

trong tận tảo việc nhà cửa, một chốc mười mấy năm trời, đều một tay thầy cang đáng, vậy công việc thầy làm đã quen, sự khó nhọc thầy coi dường tở tóc. Chẳng những khi con đi học vắng, việc thầy làm không trễ nhác, mà lại có phần vui vẻ phát đạt hơn được. Thầy nhất sinh hay buồn, nhưng từ ngày thấy con học hành được, thì lòng thầy phấn chấn vô cùng. Vậy bây giờ thầy tham sống là chỉ trông mong cho con, để gây dựng cho con, để...

Ông tổng Hường nói đến đó thì mắt rơm rớm ướt, Quý đứng thông tay tựa cửa, nghe lời cha mà trên cái bộ mặt khô ngô ấy đã biến ra vắng vẻ. Những lời nghiêm huấn đó, thì đến sát cũng phải oằn, đá cũng phải xiêu.

Sáng hôm hai mươi tháng Giêng năm ấy, cha con Hoàng Quý bung một mâm cau đến nhà cụ cử Nguyễn xin nhập môn. Cụ cử thấy Quý vẻ người tuấn tú, mặt mũi sáng sủa, nhận lời ngay, mới bảo thầy trưởng tràng biên vào sổ đồng môn. Trước khi cáo về, ông tổng rút rè, thưa với cụ cử:

- Lạy cụ, nhà con thực có mình cháu, con chỉ muốn cho cháu theo đòi đạo thánh, nhờ cụ bảo ban cho, ơn ấy không bao giờ dám quên. Vả đạo thánh là đạo rộng, lạy cụ, con bầm câu này tự lấy làm lỗi quá, song vẫn biết cụ là người lượng cả, nên con mới dám thưa.

- Được, có câu gì cứ nói.

- Bầm cụ, ở ngoài này con ít người quen, không tiện cho cháu trọ học, vả nơi thành thị là chốn ăn chơi, cái hay thì ít mà cái dở thì nhiều, con sợ cháu nó là con nhà hiếm, tính quen nuông chiều sẵn, hoặc nhiễm thói hư chẳng, nên đánh liều xin cụ cho cháu được ở hầu đây, sai bảo điều đóm, và rèn cặp cho thành nếp, được gần nơi thanh giáo, thì sự học

dễ hỏi han. Lâu nay, quả con mộ cái thanh thế đáng tiên nhân cùng phúc trạch của cụ, mới mong cho cháu theo ít giáo hóa chốn gia đình.

- Vâng, ông nghĩ đó thực chí phải, xem ra ông cũng là người mộ đạo vô cùng. Vậy tôi xin hết lòng bảo cháu, cho khỏi phụ bụng ông.

- Dạ.

Ông tổng không còn lẽ gì cần thêm nữa, nên sau tiếng dạ cụt thun lủn ấy, lại tiếp thêm:

- Lạy cụ, nhà chúng con quê mùa, không có gì, có ruộng cau dăng cụ, xin cụ thương cho.

Cụ cử về mặt rất tự nhiên đáp:

- Xa xôi, ông bấy đặt ra làm gì cho thêm phiền!

Cụ cử ra dáng bất đắc dĩ, bảo anh học trò bé đứng bên, bung vào đưa cụ bà cất.

Ông tổng vái một cái thực dài, và cáo lui. Quý nửa mừng nửa nhớ, lẳng lặng tiễn cha ra cửa. Ông tổng ngoảnh cổ lại dặn:

- Con ở đây học cho chăm chỉ, mỗi tháng thầy sai đưa ra một thúng gạo, một con gà làm lương học, với một quan tiền tiêu vật. Con nay đã lớn, phải biết suy nghĩ, đừng có nhớ nhà. Những ngày kỳ ông nội, bà nội và u con, cùng tết nhất, hãy xin phép cụ về. Nhà cụ là nhà thi thư văn phép lắm, con nên ăn ở cho nó có ý tứ và lễ phép. Thôi, con có nói gì nữa không, thầy về đây!

Ông tổng biết tính con gan góc, ít nói, ít cười, nên chỉ dặn con có thể. Quý chấp tay vái chào cha, rồi quay lưng lững thững trở vào, không hề ngoảnh cổ lại.

Xem như thế thì ông tổng Hưởng khát khao sự học biết là ngần nào. Song được cậu con biết nghĩ, thấy cha thế, nên càng gắng công dùi mài, trau dồi kinh sử. Trừ những ngày xin phép về nhà, còn không ai gặp Quý đi chơi ngoài phố. Quý mỗi ngày một tiến, cả trường ai cũng phục là người có nét có tài.

*

* *

Quả đất xoay quanh đường quỹ đạo, ngày kia, tháng khác, xuân qua, hạ lại, thu tới, đông đi, bỗng chốc ba năm vừa chẵn. Ngày tháng hai năm Mậu Thìn, niên hiệu Tự Đức thứ 21 (1868), bỗng có chiếu chỉ nhà vua ra rằng nhân khánh điển (không nhớ khánh điển gì), đến tháng mười năm ấy mở khoa thi. Tháng năm sát hạch, ai đỗ sẽ được thi. Thấy khóa Quý gặp cơ hội may, ra hạch ở Hà Nội, đỗ ngay ở đầu xứ.

Ngày xưa, vì lối đi chưa được tiện lợi và nhanh chóng, cho nên nhà vua lập ra hai trường thi, trường Hà Nội và trường Nam Định, để học trò dễ sự thi cử.

Gần kỳ thi, ông tổng Hưởng chọn ngày, sai dẫn một cây tre. Ông tự tay chẻ ra từng thanh dài độ hơn một sải, vót tròn đều nhọn hai đầu, buộc thêm một cái ghim, rồi dàn những gọng ấy ra, lấy dây buộc cách nhau độ một gang, căng vải phủ lên trên, lấy chỉ dính vào gọng, sơn đi sơn lại hai ba lượt thật kỹ. Rồi ông cưa đoạn gốc, tra cán làm vồ, đeo nhọn đoạn tre bổ đôi làm nọc và mua một cái chông cùng đôi chiếu mới. Sắp dâu vào đấy, ông lại sắm thêm một cái yên con bằng gỗ mộc và một cái ống quyển sơn son, buộc chông vào cái dây thao đỏ. Trong hai ô kéo yên, ông bỏ sẵn

một trăm giấy vũ di, một chục bút ô long thủy, hai thỏi mực cực phẩm, một cái nghiền đá và một con dao dùi. Ông lại mang theo một thùng nhỏ để quấy những đồ vật mới sấm ấy, rồi cùng nhau vào nhà cụ cửi.

Cụ cửi trông thấy, mừng quá, liền bảo rằng:

- Tôi mong ông mãi, vì có câu chuyện muốn nói, và mời ông ra chơi đây với tôi để xem thi.

Ông tổng vái chào, đáp:

- Lạy cụ, nhờ cụ dạy cháu, may được đầu xứ, đến kỳ thi cháu được đỗ, thật ơn ấy chúng con không bao giờ dám quên.

- À, ra ông đã sấm hết đồ đạc lều chiếu cho anh xứ Quý đây rồi. Tôi định nói với ông rằng thức ấy nhà tôi sẵn, anh ấy cứ lấy dùng cho khước, tội gì còn sấm cho thêm tốn.

- Đa tạ cụ, con vẫn biết thế, song sợ cháu thi khoa này không chắc đã được vào, nên con sấm những thức này cho bền, để khoa sau khỏi phải sấm, và để sau truyền lại cho cháu chất dùng làm vật kỷ niệm.

- Ông này nói gở, can gì anh ấy hồng. Tôi bảo anh ấy học, nên tài anh ấy tôi đã rõ, giã phải vỏ chuối cũng không trượt. Khoa này anh xứ lấy cho thầy cái thủ khoa nhé!

Quý chân đẩy cái bu gà thiến lại gần cái thùng gạo, cúi đầu đáp:

- Dạ con xin cô!

Ông tổng đứng khúm núm thưa:

- Lạy cụ, chúng con thành tâm lên tết cụ.

- Sao ông cho luôn mà bận nào cũng hậu thế? .

- Bẩm không dám, cụ tác thành cho cháu, con tưởng thế này là còn bạc lắm.

- Ông dạy quá, công tôi bảo anh ấy thì ít, mà tài anh ấy thực là cao. Xưa nay tôi chưa thấy ai học hay chữ đến thế. Chắc phen này đỗ thủ khoa. Song tôi với ông, chẳng lẽ tôi lại từ, thế nào cũng xin mời ông ở lại xem thi đã.

Trong khi nói chuyện thì bữa cơm chiều vừa dọn ra. Cụ cử mời ông tổng cùng ăn. Quý tuân theo lệ thường, bắc ghế ngồi cạnh hâu cơm. Chuyện trò rất vui vẻ, chủ khách đàm đạo đến mãi khi cơm xong, rửa mặt uống nước.

Chợt có người lính tuần vào nói với cụ cử:

- Thưa cụ, cụ cho thầy xứ Quý vào cụ lớn bố đòi.

Quý ngạc nhiên, đưa mắt hỏi ý thầy. Ông tổng thấy nói quan đòi đã giật mình, trong bụng phân vân, nửa mừng nửa sợ. Cụ cử ung dung, vuốt râu mỉm cười, thông thả bảo cậu vệ:

- Cậu cứ về, nó sẽ vào hâu cụ lớn sau.

Khi người lính đã ra, ông tổng bụng dạ còn đương vướng, bèn hỏi cụ cử:

- Bẩm cụ, chẳng hay việc lành hay việc dữ?

- Việc là việc hay đó!

Quý cũng mất cả gan, hỏi:

- Con không hiểu thế nào cả.

- Thế con có biết người học trò to lớn, mặt mũi trắng trẻo, ăn mặc lịch sự, vẫn đến tập văn thầy ở đây không?

- À, cậu Tư!

- Phải, con biết tên cậu Tư mà thôi, chứ chắc con không rõ đấy là con cụ lớn bố. Vì thầy thấy người ấy không thân gì với con, xem ra lại có ý khinh bỉ, cũng một đôi khi có khích bác và cãi nhau với con nữa.

- Bấm độ này cậu ấy hay mời con đi chơi và lên cao lâu uống rượu, nhưng con đều từ chối cả.

- Ấy, vì có ấy nên cậu ta mới cầu thân với con, mà hôm nay mới có lệnh đòi.

- À, con đã hiểu.

Ông tổng ngồi nghe chuyện, mắt gấp gáy, mồm há hốc, vẫn chưa vỡ lẽ, bèn hỏi lại:

- Xin cụ truyền rõ thế nào cho con hiểu với, kéo con sợ vì sự bất bình mọi khi mà sinh tai vạ cho cháu.

- Ông này mới cổ nhân chứ! Hay dở thế nào, sau ông sẽ rõ. Còn anh cứ thì sắp khăn áo vào hầu, ta cho người đưa đường.

Quý vừa bước đến cửa, thì gặp cậu lính khi nãy nói:

- Cụ cho đòi anh, bảo phải vào ngay, ngài đương đợi.

Quý bèn vội vã rào cẳng theo cậu vệ vào dinh.

Ngày đông tháng giá, gió bắc căm căm, sương chiều mù mịt, hai người ngậm miệng cùng nhau thui thủi bước đều qua dãy hàng cơm con đường Hàng Cỏ. Ngoài đường, lác đác có các thầy đội nón sơn đội đầu, quan tiền vắt vai, ống quyển cạnh sườn, lều chiếu cấp nách. Hai bên đường, nhà nào nhà nấy đèn thấp sáng choang, thịt treo lủng lẳng, dưới chõng hàng nghi ngút khói nổi canh, thơm sực mùi cá rán. Ngoài cửa, cô hàng thập thò mong ngóng, inh ỏi mời chào, nào mời thầy khóa vào nghỉ nhà tôi, rộng rãi thanh thoi, chiếu giường sạch sẽ, cơm lành canh ngọt, nhà con có mấy cụ tú đến trọ, khoa trước có mấy ông đồ. Thỉnh thoảng ở đầu ghế, những vị thầy bói tay bưng cơi trầu có gác mấy nén hương lên quá trán, suýt soát khăn vải lấm râm, rồi hạ

cơi trâu xuống mặt tráp, để gieo tiền Vạn Lịch. Máy cù thấy tướng, đôi mắt cặp kèm lên sau cặp kính mờ mờ, nghiêng ngửa nói năng, giở sách luôn mồm vanh vách.

Ngoài những cánh hàng cơm, giữa đường, thỉnh thoảng có vài cặp cang, theo sau một lũ gia đình khênh hòm xiêng, tráp điều nghênh ngang, nghêu ngهن đồ trước hàng cơm. Bọn người nhà hoảng hốt, nhanh nhẩu vào nhà nọ, ra nhà kia, xem có chỗ nào rộng rãi lịch sự để cậu con quan ấy con quan nọ vào trọ. Nhưng phần nhiều các công tử đi thi lại thích vào trọ cả nhà cô đầu. Chẳng những được cơm ngon canh ngọt, lại có sẵn cả gối êm đệm ấm nữa.

Hết Hàng Cỏ, rẽ ra Cửa Nam, Quý thấy người túm đông túm dỏ, dương xem tờ yết thị. Quý tạt vào, thì cậu vệ nắm áo giảng lại:

- Có gì mà xem, đó là tờ quan yết thị đến hăm nhăm tháng này thì khảo quan tiến trường, hăm sáu nộp quyền, sáng mồng một vào kỳ đệ nhất. Thôi, hãy đi cho xong việc đã.

- Hôm nay là mấy, cậu?

- Hôm nay là hai mươi rồi.

- Thế mà tôi chưa đóng quyền chi hết.

- Chốc nữa về đóng hãy còn kịp.

- Cậu có biết cách đóng quyền thi thế nào không?

- Nghe đâu đóng phần trường tờ đầu, rồi gấp năm, một phần làm gáy để tên ra ngoài, rồi thế nào nữa tôi không nhớ, có muốn biết cách thức, chốc nữa hầu cù lớn ra, xuống tìm tôi ở dưới trại, tôi đưa sang dinh cù lớn đốc, vào hỏi lão lễ sinh, đái hấn vài tiền, hấn dẫn cách thức cho. Hoặc mua ngay quyền hấn đóng sẵn, mượn hấn để tên họ cho cũng

được. Ấy thế mà nhiều thầy khóa đại quá, khi được vào chung vị, bài làm tương cả bản rập của người ta ném vào cho, giống nhau như hệt, bị các quan đánh trùng kiến, hồng liêng xiêng!

Trong khi cậu vệ giờ mồm mép một nhà theo voi vác hèo ra như thế, thì Quý đầu gật gù, chân lững thững đi qua Cửa Nam, hết quãng đường trong thành, gần đến dinh cụ lớn bố. Thoạt thấy sừng sững cái cổng to quét vôi trắng xóa, trên thấp ngọn đèn long mã lơ mờ, ngoài bóng thấp thoáng ba chữ *Bố chánh tư* đồ lộ ra, Quý mới sức nhớ mình đi có việc, liền đánh bạo hỏi cậu lính:

- Cậu làm phúc bảo tôi, cụ lớn đòi tôi có việc gì?

- Tôi không rõ. Chỉ biết lúc cụ lớn truyền tôi đi gọi anh thì ngài đương gặt gì, và có cả cậu Tư ở đấy.

Quý ta sức nhớ hôm qua cậu Tư mời mình lên hiệu mình từ chổi mái, đến nỗi cậu phát khùng lôi kéo to tiếng với nhau. Mồ hôi khi ấy toát ra, Quý vừa đi vừa nghĩ. Qua cái hồ tròn, giữa bầy hòn non bộ, Quý đến trước một cái nhà lâu to. Cậu lính ngăn lại, tiến vào trước để trình. Cánh cửa vừa mở, xứ Quý thấy tiếng hai người già nói chuyện - giá gọi là hai cụ lớn thì phải. Nhưng bỗng một tiếng quát rất dữ dội làm Quý hết hồn:

- Tống cổ nó xuống trại, giao cho chánh đội.

Số là trong khi cậu lính đi lần thứ hai, thì có cụ lớn nào ở Kinh ra chấm trường, đến chơi với cụ lớn nhà ta. Đáng lẽ cậu lính phải theo phép mà vào thấy đội để thầy trình lên quan, nay tự nhiên trình lấy, ấy là lỗi.

Thầy đội nghe tiếng quan hét, vội vã ở đâu chạy lên, vừa gặp tên lính đi ra, vội vàng hỏi ngay:

- Cự quả gì thế?

- Thưa thầy, chẳng biết tên này có tội gì mà cụ sai đưa xuống thầy giữ.

Thầy đội đánh hơi, biết rằng việc này mình có kiểm, lôi ngay tên tù giam lỏng xuống trại.

Trại lính ở về phía hữu, nhà gỗ lợp gồi, có năm gian hai chái. Hai chái đầu là hai chái buồng: một buồng làm nhà giam những kẻ có tội đương xét, giữa buồng dựng một cái cùm lim to, tường treo mấy bộ gông xiềng. Nhà ngoài, gian giữa, có bàn thờ tổ, ngoài treo màn幔 màn hoa. Hai bên, kê hai dãy phản, chiếu để xộc xệch, dưới gấm, mấy đôi guốc gỗ để lỏng chống. Trong ô tường nào kim, nào cặp, nào roi, nào tẩn. Buồng bên kia, thầy đội ở, trong bấy biện đẹp đẽ: tủ kính, bàn đọc, sonh bình, giá hương. Trên sập, bấy la liệt diều sứ, tráp sơn, gối xếp, đèn tọa. Ở tường, có treo mấy đôi liễn và ở cột, một túi roi, mấy đôi hèo. Trên mặt hòm rương, có đặt một cái giá, cắm vài cặp tín bài.

Thầy đội ngồi trên ghế, hút diếu thuốc, vắt chân chữ ngũ, tựa tay vào bàn, hỏi:

- Thế nào, tội anh làm sao? Nói thật ta xem!

- Lay cụ, con chẳng biết rằng có tội gì mà cụ lớn đòi.

- Anh chết, muốn sống thú thực với ta, rồi ta trình lên cụ lớn ngài liệu cho.

- Cụ thương cho thì được, mà bắt tội thì con phải chịu, chứ cụ bảo thú thì con chẳng biết gì mà thú.

- Được rồi sẽ biết! Mà chết!

Những câu trên này, thầy đội đã dùng nhiều lần để nói với kẻ bị lỗi, xem ra cũng công hiệu cho cái chính sách kiểm chác của thầy.

Song, lần này thầy dùng mấy câu sáo đó, lại còn hết đồ dành đến dọa nạt, để ngộ có hớ cơ thì thầy nắm lấy chuỗi. Nhưng được anh tù là người có ý và ngay thực, nên cái chính sách của thầy không hiệu.

Chợt có tiếng gọi to, đưa tên Quý lên hầu. Xin các ngài nhớ cho rằng thời bấy giờ ở chỗ công môn, trừ những buổi hầu ban ngày, lại còn một buổi hầu ban đêm, mà buổi hầu ấy quan trọng hơn cả.

Xứ Quý theo cậu lính lên công đường. Công đường là một cái nhà gạch thấp, nhưng rộng. Giữa treo ngọn đèn ba dây. Dưới bóng đèn, một cái sập gụ chân quỳ, sau sập là một cái bàn tầu, trên bày bộ tam sự đồng to. Trước sập, một bộ ghế bành khảm quay quanh cái bàn xoay.

Khi cụ lớn ngài giải tọa một mình trên sập, tay tựa gối xếp, trước mặt có cái điều ống đồng mỗi xe dài vắt cân câu. Ngài thoát thấy bộ mặt trắng xanh của anh khóa, bèn trông trước trông sau, không thấy ai, mới tươi tỉnh bảo:

- À, có phải tện anh là Hoàng Quý không?

Quý chấp tay, đáp:

- Dạ, lay cụ lớn ngàn năm, con tên là Hoàng Quý lên hầu.

- Có phải anh học cụ cử Nguyễn đó không?

- Dạ.

- Khi nãy ta làm cho anh phải sợ một tí, vì sự nó bí mật lắm. Anh có quen thằng Tư nhà tôi không?

- Lay cụ lớn, không.

- Sao lại không? Nó vẫn tập văn với anh một trường, thường nó vẫn nói chuyện với tôi rằng văn anh kỳ nào cũng được bình kia mà?

- Lạ cụ lớn, cậu chúng con cao xa, con là hàn sĩ, vậy chúng con không dám làm quen.

- Anh không quen, nhưng cũng biết nó đấy chứ?

- Bẩm ban nãy con mới biết, vì cậu lính bảo con.

Sùng sốt, cụ lớn hỏi:

- Sao? Nó nói chuyện gì, mà nó bảo anh những gì?

Quý biết câu trả lời của mình hớ hênh, một là vì cái lo vẫn chưa nguôi, hai là vì mình không khôn ngoan, song cũng phải nói xuôi đỡ đòn:

- Bẩm cậu ta nói nghe đâu vì chuyện văn bài thế nào ở trường thầy cử con, mà cậu Tư con với con sinh sự cãi nhau, nên cụ lớn đòi vào. Nay con mới biết Tư công tử là lệnh lang cụ lớn.

Cụ lớn lại tươi nét mặt, ôn tồn truyền:

- Vì sự ấy nên hôm nay tôi định gọi anh vào để em nó được tạ quá cùng anh.

- Lạ cụ lớn ngàn năm, hàn sĩ này thực có tội với công tử lắm. Nhưng vì con nhà học trò, cho nên không thuộc chỗ công môn, để đến nỗi ngài phải bắt với vào, thực là đại tội, xin cụ lớn thương cho.

- Không, ta không chấp. Ta còn muốn nhờ anh một việc to tát, anh mà làm được thì không những ta trọng thưởng, mà ơn ấy ta không quên được.

Quý xem ý, đoán tất là việc to thật. Song cụ lớn còn phải nhờ mình, thì chưa chắc đã khó. Nhưng Quý cũng cứ khiêm tốn, thưa:

- Lạ cụ lớn, tiện sĩ tài hèn sức yếu, biết có làm được không.

- Anh không nói thì cái tài anh, đức anh, ta đã biết hết cả rồi. Con ta mười phần không đậu được một.

- Lạy cụ lớn, ngài dạy quá lời, con nhiều khi được trộm xen văn của công tử, thì tài con thực đại bất cập.

- Anh lạ gì các cậu con quan, học hành gì chúng nó, văn bài gì chúng nó, chỉ sẵn của bố mẹ đấy, ăn cắp đi mà sấm ăn sấm mặc, chơi đại chơi càn. Bố mẹ có muốn cho con khá mới bắt đi học, lười biếng phải mắng chửi, chơi bời phải cấm chấp. Nhưng nào các ông ấy có nghe, đi học chẳng đi, lại tạ dĩ ra mà đi chơi, bài làm chẳng làm, chỉ thuê người làm hộ, đưa lại nộp thầy thì thầy nể, khuyên như đổ son để đem về khoe bố. Nào biết đâu, đấy chỉ là tài mượn. Hôm qua, tôi mới bắt nó làm văn nhật khắc, thì ra cậu mít đặc cán tấu, ngồi từ giờ Dần đến giờ Dậu, không viết nổi ba câu văn sách. Bây giờ tôi lấy làm chán quá. Con các quan người ta đồ xoành xoạch, mà con mình thì cửa trường chưa biết, tôi lấy làm thẹn lắm. Ba thằng kia hồng cả, còn thằng này hơi có tư chất một tí, cũng chẳng ăn thua gì. Phen này tôi quyết tuyệt - sĩ mà lập một kế, cái kế ấy, phải cần đến anh, vậy anh chớ từ nan.

- Xin cụ lớn truyền cho.

- Anh phải kín mới được, chớ tiết lộ.

- Dạ.

Cụ lớn cho Quý ngồi ghé bàn, rỉ tai nói một hồi lâu. Đoạn ngài gõ chuông gọi lính, sai mời Tư công tử ra. Công tử đứng sau bình phong nghe trộm đã lâu, thấy cha đòi, lập tức bước ra. Hoàng Quý trông thấy, vội vàng đứng dậy thi lễ, công tử đáp lại. Cụ lớn vào nhà trong, còn hai người ngồi lại thì thăm một lúc nữa thì bác xứ Quý cáo từ về nhà.

Đến nơi, cụ cử hỏi ngay:

- Xứ Quý đã về đó à? Việc con hẳn hay nên trông tươi lắm.

- Dạ, quả thị không sai.

Ông tổng cũng hỏi:

- Thế nào? Ngài cho con một chân thư lại vị nhập lưu, hay cái bằng cấp đầu xứ?

- Bẩm to hơn nhiều.

Cụ cử gạt câu chuyện ấy đi, bảo xứ Quý đóng quyển. Quý vừa xoe giở chiếc lễ, bỗng cậu lệ khi nãy vào, tay cầm một quyển có đóng sẵn, đưa cho Quý:

- Khi nãy anh vào đình, có bỏ quên quyển sách, nên cụ lớn truyền đưa trả.

Cụ cử hiểu ý, bảo:

- Con đã có quyển rồi, sao còn đóng làm gì nữa, anh này mới lắm tiền chú! Đã đi mua sẵn của thầy lễ sinh rồi!

Ông tổng Hưởng thấy con mình tiêu những món có thể dùng được, thì cho là hoang phí, bèn quắc mắt toan mắng theo. Song cụ cử gạt đi, mời ông lên giường nghỉ. Ông tổng đành chịu, đem cuộn cái bụng nghỉ ngơi và tức tối vào trong chăn.

Sáng hôm sau, cụ cử sai người thẳng đường nấu chè, đồ xôi. Đúng giờ, cụ ra ngoài đình gần đấy. Học trò theo lời cụ dặn, chờ sẵn cả ở đó. Cụ cử lấy tư triện, đóng giáp lai các quyển tập văn như lối trường thi, rồi ra bài kinh nghĩa theo kỳ đệ nhất. Trong cả sáu kinh, ai làm được Kinh Dịch thì là đàn anh, còn các kinh khác, thì đều như nhau. Song, bấy giờ học trò còn thiên về Kinh Thi, vì Kinh Thi dễ. Trưa đến,

cũng lấy dấu nhật trung, rồi học trò ăn xôi chè của cụ cử thết, đoạn lại bắt đầu làm, đến chiều tối mới nộp quyển. Hôm sau cụ cử cho bình những văn hay. Hôm sau nữa, cụ lại ra bài phú lục, theo cách thức kỳ đệ nhị. Rồi cụ ra mấy câu văn sách, nửa cổ nửa kim, theo cách kỳ đệ tam. Quý kỳ nào cũng được đầu. Lòng cụ cử lấy làm vui vẻ lắm. Học trò nộp quyển thi ngay từ hôm bình văn kỳ đệ nhất ở trường cụ cử.

*

* *

Khoa thi là một khoa cử ba năm mới có một lần, trừ khi vua có mở ân khoa như năm ấy. Vì vậy, suốt dân gian, từ đàn bà trẻ em, sĩ nông công cổ, ai ai cũng đều mong mống, rủ nhau đi xem. Song, có hai cách vui khác nhau, một cách vui cho đàn bà trẻ con, là hôm các khảo quan tiến trường, một cách vui cho học trò và phần nhiều người trong xã hội, là hôm vào trường và hôm xuống danh.

Hôm hăm năm tháng mười Mậu Thìn, trời mưa dầm, rét lắm. Trước dinh quan thượng, gần chân cột cờ, đám rước bắt đầu đi. Lính toàn mặc áo nẹp, một đội voi đứng dàn trước mặt, một người dịch loa, một đôi lính kỵ, mười ngọn cờ nheo, chiêng đồng, trống cái, ngũ lôi, bát âm, kể đến bốn đôi quạt, các quan trường ngồi trên võng điều che bốn lọng. Rồi một đội cung cò, cũng trống, cũng loa, đôi voi đi hậu ủng, đám đi rất nghiêm trang nghi vệ, rõ ra cảnh tượng thái bình.

Hai bên từ Cửa Đông, Hàng Mạnh, qua Hàng Hải, Cửa Huyện Thọ, Trường đức tiên, đến cửa trường thi, người xem đông như kiến cỏ. Đám rước đi tới đâu, thì ai đứng phải ngả

nón, ai ngồi phải đứng dậy, nếu không tuân, sẽ bị roi cật lính dẹt lưng.

Các quan vào trường tế một tuần, dùng lễ tam sinh. Nửa đêm hôm ba mươi, mưa phùn, đường lầy, trời tối như mực, gió thổi lạnh buốt. Xứ Quý ăn cơm xong, sắp sửa các đồ dự bị vào trường, xắn quần, vén áo, ngọn đuốc cầm tay; người nhà quấy lều, chiếu, yên, chõng theo sau, hai người lưng thưng bước ra phố. Đi được nửa đường, Quý gặp cậu Tư con cụ lớn bố, bèn rủ nhau cùng đi. Ngoài phố, nhấp nhô ngọn đuốc, chỗ xa chỗ gần, cùng trông trường thi thẳng tới, như một đàn đom đóm kéo quân.

Trước trường thi, hai ngọn đình liệu đỏ ối, người đông lỗ nhố, chen vai chạm cánh, ai cũng lướt lướt lấm láp, thỉnh thoảng lại bị cơn gió thổi rét run cầm cập, thực là vất vả. Mọi khi, đối với cái cảnh này, nhà nho ngồi nhà, đã lấy làm một cảnh buồn, thì lại pha chén chè ngon, đốt hòn than đỏ, tri kỷ tri âm đàm bầy kẻ, mà trò đời chuyện thế, đàm đạo cùng nhau, ngâm câu văn cổ, đọc bài tán luận cho giải sầu. Song, đối với cái đêm rục rờ này, lòng hy vọng về công danh sùng sục như sôi, nó làm tiêu mất tư tưởng nào nùng, mà phải giữ cánh giương vây, đường mây nhẹ bước...

Một chốc tiếng loa inh ỏi đình tai, làm cho ai nấy giật mình, ngửa trông lên. Trên tòa lầu cao, một vị quan ngồi giữa, bên hữu có thầy lai phòng, bên tả có cậu lính thể sách dịch loa. Ấy là khi sắp gọi tên các thí sinh lĩnh quyển vào trường. Cạnh lầu, treo một cái bảng con yết các chữ húy nhà vua và trường qui, ai lẫm phải ghép vào tội phạm húy và phạm trường.

Tư công tử và xứ Quý thế nào lại vào cùng một vi. Nhờ

được Tư công tử là người mà phần nhiều lính đã quen mặt, nên việc khám xét qua loa làm phép. Hai người tấp nập, tìm chỗ cao nhất để đóng lều liên sát bên nhau. Quý lấy đĩa xôi, coi trầu, nậm rượu, thấp mấy nén hương, khấn vái thần kỳ thổ địa, ông bà ông vải, cùng các âm hồn chực báo ân báo oán, đến chứng quả vi thành mà phù hộ cho được thông mây lọt gió, gặp vận điều hay. Đoạn Quý lấy pháo ra đốt và ngồi chờ ở trong lều, đến lúc rạng đông mới có đầu bài. Học trò kéo ồ ạt ra chếp.

Trước hết Quý viết ra tờ giấy ráp, buộc vào đầu dây, chẳng từ lều cậu Tư sang, rồi giật mấy cái làm hiệu. Bên kia thấy động, rút dây về... Quý thi hành mưu ấy suốt trong mấy kỳ sau.

Xong kỳ đệ nhất, ai cũng thấy mình nhẹ đi được một phần. Các thầy ra trường, làm huyền não cả phố xá, nào tiếng cãi nhau về nghĩa sách, nào giọng đặc chí về vắn chương, khiến cho khách qua đường lấy làm khó chịu.

Nhưng sự khó chịu đó cũng chẳng bao lâu lại tan ngay, vì cái bảng vào đệ nhị đã mời bớt những ông Đồ kênh về rồi. Chắc các ông chẳng phân nản gì, vì các ông chỉ cốt đi thi cho biết của trường, khi về làng, sung vào chân tả vắn, để mẹ đi được nhiều phần xôi thịt.

*

* *

Cứ ngót đi mãi, suốt ba kỳ, trong bảy nghìn sĩ tử còn độ một nghìn. Tư công tử và xú Quý nhờ phúc ấm được lọt ba kỳ, còn kỳ phúc hạnh nữa là xong.

Ông tổng Hưởng chắc mẩm phen này con mình không

được tiếng dạ của trường, cũng được tú tài đội bảng, chứ chẳng lẽ về không.

Sáng hăm bảy là ngày xướng danh, người đi nghe đông như kiến cỏ. Ông tổng Hưởng sai người nhà mượn ngấm, dâu được cái áo thụng xanh, để khi xú Quý có gọi tên thì sẵn có mà mặc vào nhà thập đạo. Chớ khi ấy mới mượn thì sợ lâu, quan gắt chẳng. Song sự ấy, ông tổng vẫn giữ bí mật, không cho quan sắp tân khoa của ông biết.

Lệ xướng danh thì xướng tỉnh trước, rồi phủ, huyện, xã, mới đến tên. Quan trường ở trên lầu truyền xuống dưới, lính thể sách dịch loa theo.

Hôm ấy phải chú lính đường trong móm, gân cổ ề à mãi, mới được một tiếng:

- Hà Nội tỉnh, Thanh Trì huyện.

Ông tổng nghe thấy, mừng quá xuýt ngã, đẩy vai con một cái.

- ... Giáp Nhất xã, Nguyễn Văn Sỹ.

Ông tổng điếng người, tái mét mặt.

Lượt gọi tên thứ nhì, đến ngay cậu Tư nhà cụ lớn bố. Thấy tiếng dạ vang trời, dậy đất, từ đằng xa đưa lại, xú Quý nghĩ đến mình, ruột rối beng. Đám đông người tự nhiên dân ra cho Á nguyên thên thang áo thụng mới tiến vào. Kế đến lượt thứ ba, thứ tư, Quý vẫn chưa thấy tên.

Hai cha con thở dài, ngồi xuống chống hàng nước. Mặt Hoàng Quý lúc bấy giờ diêm đạm lạnh lùng như không. Mỗi lượt xướng danh không thấy tên con, ông tổng Hưởng như bị dao cắt ruột. Anh nhỏ theo hầu, bụng thu cái áo thụng xanh, cứ luôn luôn vờ cái điệu nhà hàng, hết thông

lại hút, hết hút lại thông, tay những rấp thò vào bụng để rút áo.

Cảnh bi quan ta được mục kích của phần người ở trước chỗ xướng danh như thế, diễn mãi tới hồi cuối cùng. Song có một sự kết cục rất đáng thương. Sau khi bảng tú tài đã treo, có người đập vào vai Hoàng Quý, nói:

- Thôi hết rồi, đi về!

Ông tổng giật mình đánh thót như người bị bỏng, rồi tự nhiên rưng rức ôm con khóc òa lên. Hoàng Quý vẫn lạnh lùng như không, tự an ủi bằng những câu thơ cổ: *Trong cơ duyên may rủi cũng bởi trời, đường sớm muộn có xa mấy bước. Đã tu mi vào trong cuộc cầm thú, người hữu chí trời chi nữ phụ. Đường kia kẻ trước người sau, trong ba năm nữa có lâu la gì...*

Bỗng tên người nhà ở đâu chạy lại, hoảng hốt mừng rỡ gọi rít rít:

- Thầy đồ tú tài, thầy ơi!

Ông tổng vội lau nước mắt, hỏi:

- Sao mà biết?

- Con có thấy tên trên bảng kia.

Số là anh nhỏ nhà quê này, trước kia cũng khốn nạn mãi nơi sân Trình của Khổng, đã xem nổi văn tự, đã ký đủ ba chữ tên, song anh chưa dùng cái tài ấy để thi bao giờ, chỉ lần này là lần đầu, anh đi xem bảng thi mà thôi. Trong khi thấy ông tổng khóc, anh bèn quyết phô tài cho bõ công lưng nổi trạch, mép bị vòng mà vội bỏ ngay cái dây thất vọng nó buộc mình, chạy lại chỗ treo bảng khác thì thấy tên thầy ở cái bảng con, chứ không hiểu chi hết. Anh làm bộ công cán lon ton đi trước, đưa hai cha con Hoàng Quý theo sau.

Ông tổng Hưởng lách đám đông, đến chỗ người đứng đông xúm xít. Song, vừa tới nơi, bỗng ông rú lên một tiếng thất thần: Con ông bị tội phạm hủý.

Quý nhìn cha rưng rưng nước mắt. Anh oán hận phép thi khắc nghiệt vô lý, làm cho anh chỉ vì sợ ý không nhớ đến kiêng tên húý của nhà vua mà tai hại một đời.

Nhưng giữa những tiếng nói tiếng cười ồ ạt, còn ai để ý đến nỗi thương tâm của con người bất hạnh, đã đem tài mình cho kẻ khác được “dạ” vang trời trước cửa trường thi?

20-21-5-1920

NHÂN TÌNH TÔI

Tôi nhớ đích rằng năm ấy tôi mới mười chín tuổi. Cái tuổi mười chín, như hoa xuân đương nhị, như trăng tròn đương gương, các ngài phải hiểu cho rằng là cái tuổi dễ chịu nhất. Trai gái mười chín tuổi, đều dễ thương, nên thương cả.

Tôi đỗ Sơ-học Pháp-Việt, tiếng đồn âm học giỏi, chiều ra phố chơi mát, tưởng hình như ai cũng chỉ trở vào mình mà thì thảo với nhau:

- Kia cậu Ấm Căn con cụ lớn Tuần mới đỗ.

Khốn nạn tôi cứ tưởng thế là danh giá, chứ vì họ có khen thế thật, tôi cũng nên lấy làm xấu hổ thì phải. Vì con nhà dòng dõi thi thư, mà đầu to bằng cái giành, mới đỗ được cái bằng còn con thì vênh vào cái gì.

Tôi thi vào trường Bảo-hộ, hồng kỳ thi vấn đáp. Cha tôi định cho tôi về ở nhà. Nhưng tính tôi không chịu được cảnh tiêu điều các tỉnh nhỏ, nhân có nhà ở Hà Nội, tôi xin về ngay ở Hà Thành, lấy cớ để học tập với các anh em bạn.

Tôi thích quốc văn. Ngày còn đi học, các bài luận quốc

ngũ của tôi làm, thường được cụ giáo khen ngợi, bạn bè cũng tặng cho cái tên “anh văn sĩ”. Độ này nhàn rỗi việc, tôi viết bài gửi báo chương được tòa soạn đăng cho, mình cũng tự đắc tưởng có lẽ là “nhà ngôn luận” đến nơi rồi, càng ham viết.

Tôi ở Hà Nội lười học nhưng chăm chơi. Ngày được mục kích những đóa hoa biết nói bầy ở các phố, thì tối về nằm ngủ cũng mơ màng năm canh.

Xin thú thật rằng tôi không thạo và không có can đảm như các bạn về khoa chim gái. Họ bạo lắm. Hễ thấy một cô nào, cứ là con gái thì thôi, là buông lời uớm ý, dăng hăng, ném thư, hoặc mua hàng, để giả vờ bỏ quên quyển sách hay tờ báo trong có bức thư tình. Tôi thì dự tính cũng chả dám. Làm đường đột như thế nhờ người ta mắng cho thì “bêu”. Nhưng xem ra, các tiểu thư cũng hiền lành ngoan ngoãn lắm. Không những không mắng ai, mà còn nhìn trước nhìn sau, nếu không có ai trông thấy, là cầm cái thư bỏ tọt ngay vào túi... Nhanh như điện!... Các cô thực là rộng lượng hải hà, giàu lòng bác ái nào cô 51, nào cô 96.

Trước họ còn chim nhau bằng cách “hàm thụ” như thế rồi chẳng bao lâu, có ngay cuộc “biểu tình” bí mật. Nhảy quá, thực là nhảy! Trông người mà ngấm đến ta, mà tự thương thân như ao bèo gió thu.

Nhân độ ấy ở báo, có một nữ sĩ bàn về vấn đề nam nữ bình quyền. Rồi dư luận sôi lên sùng sục, tán thành cổ động, công kích. Tôi chối kệ biết nam nữ bình quyền đối với xã hội hay dở thế nào, nhưng đối với riêng tôi, thì thực là có ích, vì tôi định lợi dụng cơ hội để đạt mục đích riêng. Tôi bèn viết bài lai cáo, ký tên là Minh-Châu nữ sĩ. Thế là tôi nhờ tờ báo để nói chuyện trai với gái vậy!

Tôi hay đấu dịu giảng co với một cô tên là Kim-Chi. Tôi lấy làm đắc ý lắm, vì Kim-Chi phải ra công gào thét, cãi nhau với một nữ sĩ dục là tôi! Có gì đâu, những bài của tôi, độc vị giọng nói ngang bướng, chính tôi cũng biết là không tiêu được, thế nhưng tôi chỉ cốt cho họ bẻ lại để kéo cho dài cuộc cãi nhau. Họ có hiểu ý đâu, rồi ba bốn nữ sĩ khác vào hùa với nhau, nhao nhao lên mà bẻ tôi! Thế là phải lừa cả sốc!

Xem ra nội trong đám ấy, có Kim-Chi ăn nói hoạt nhất. Tôi đoán là cô giáo, không thì ít ra cũng là một nhân-vật có học thức tư tưởng. Văn chương của Kim-Chi không gọt giũa nhưng nhanh mà hoạt. Tôi tin rằng hẳn cũng có lượng hải hà, cái lòng bác ái như phần nhiều các cô gái khác. Thế là tôi xoay tư tưởng.

Phải nói chuyện với gái, mà phải gọi là bà chị xưng là em, thì các ngài tưởng còn thú quái gì? Vả nào có chuyện ôn tồn đâu? Lại cãi nhau với xỏ mắt nhau thì còn tình nỡm gì?

Một hôm có người bảo tôi rằng:

- Tài quá, lão cử Học, thánh thế nào mà vợ ngày được con giáo Lãng!

- À, tại đăng vào báo nó chứ gì!

- Thằng Bạch-Ngọc-Đàm lên mặt mộ phạm đạo đức, cũng xoay được một thị nữ học sinh vì một bài văn đăng báo! Họ thế cả đấy anh ạ!

Cái câu "họ thế cả" làm cho tôi vẫn vợ mãi. Kết cục bao hy vọng của tôi đổ xô vào ả Kim-Chi nữ sĩ. Tôi bèn hỏi dò chỗ ở của nữ sĩ ở trong tòa soạn. Rồi ngay chiều hôm ấy, tôi diện rất sang, cạo mặt, đánh phấn bơn nước hoa ngênh ngang đến nhà cô để xem mặt.

Chà! Có sai đâu, Kim-Chi quả là một vị sao khăn nhung, áo mùi, giày cườm, món tóc gáy xòe ra, trông dễ thương quá! Tôi tưởng như một chàng thiếu niên công tử như tôi mà đi đôi với một vị thanh tân nữ sĩ như Kim-Chi, thì đâu cũng khét tiếng, đến phố nào làm tăng giá trị phố ấy lên, và hẳn vô số thằng ghen!

Tôi thấy dung nhan Kim-Chi mà sửng sốt cả người, chân tay mềm đi. Không trách cái sắc khuynh thành nó làm cho khuynh gia được cũng phải.

Tôi lượn lờ qua nhà Kim-Chi hai ba lượt, toan vờ vào mua hàng, thì vừa gặp cô đi phố, nhẩy tót lên xe chạy nhẹ như gió. Tôi được dịp may định bay xe theo hút, nhưng đen quá, phố hết xe. Chả lẽ lại cầm cổ chạy theo! Không coi được. Tôi đành nuốt sâu, thất vọng lủi thủi về nhà.

Thế là tôi đã có phút biết mặt Kim-Chi rồi. Chỉ còn việc gần bó nữa là xong.

Tối hôm ấy, tôi nghĩ một bức thư rõ dài rất văn chương để gửi cho Kim Chi. Tôi thú thật rằng tôi đội tên là Minh Châu để đăng báo trêu nhau, chứ kỳ thực tên tôi là Trần-Văn-Căn, con quan Tuần, nhà giàu, ở phố ấy phố nọ, từ khi được trộm liếc dung nhan cô, thì tương tư chả ốm cũng sâu. Rõ khéo quá! Cái lý lịch tôi, cái gia phả tôi, ai khảo mà xưng? Thằng con trai đi chim gái mà đề tiện đến thế thì nhục quá! Kết cục tôi bảo từ nay, nếu định cùng nhau đàm đạo, thì xin đừng đăng báo, cứ viết thư riêng có lẽ tiện hơn.

Hôm sau quả nhiên tôi tiếp được thư hồng trả lời của Kim-Chi. Các ngài có đoán được cái vui sướng của tôi không? Tôi đọc đi đọc lại đến thuộc lòng, thuộc lòng mà vẫn chưa chán. Thích nhất là tuy trong thư, lời lẽ rất nghiêm trang,

nhưng lại thơm sắc mùi nước hoa! Chết chửa! Không phải tư tình sao lại thơm thế?

Đại khái trong thư nói, cô đã biết tiếng tôi từ lâu, vì vẫn được nghe đại danh - trời ơi! Đại danh, xin các ngài nhớ cho! - Nghe đại danh tôi trên báo chương. Nay tuy tôi ký tên là Minh-Châu nữ sĩ, mà cô vẫn ngờ là giọng văn tôi. Không những thế, nữ sĩ lại còn thông thuộc cả nhà cửa tôi nữa. Thế thì nếu Kim-Chi không phải là tri kỷ của tôi, sao đôi với tôi có cái cảm tình sẵn sàng ấy! Cuối thư nữ sĩ bảo từ nay đừng đăng báo thì xin vâng, nhưng nếu thư đi từ lại thì không tiện, vì sợ người ngoài ngờ vực nọ kia chẳng. Vả cổ nhân có câu “Nam nữ thụ thụ bất tương thân”, thì xin đừng thư từ gì nữa, nhớ tôi không nhận được trả lời, lại trách nhau là bất nhã.

Ấy, từ đấy mà đi, hai đội quân đang xung đột nhau kịch liệt trên mặt báo bỗng đình chiến.

Nhưng đình chiến thì phải để huê mới phải chứ! Tôi đọc xong thư mà khen thầm Kim-Chi là người đã có sắc, mà lại có tài, có đức. Hiếm có thay! Nhưng bỏ ra thì tiếc. Tôi bèn đánh bạo viết bức thư nữa, bẻ phất câu nam nữ bất tương thân là hủ, cổ động bọn thanh niên tân tiến không nên quá chấp nê, phải hợp sức nhau mà làm cách mạng phong tục mới được. Trong thư này tôi tuy giở giọng triết lý, nhưng thỉnh thoảng gõ đến chữ tình luôn.

Thế nào tôi lại tiếp ngay thư trả lời của Kim-Chi! Vậy các ngài bảo còn sao trách được cô là bất nhã. Cái thư này người vú già mang đến. Người vú ấy, tôi coi như một vị ân nhân trong cuộc ái tình của hai chúng tôi. Thường tôi cho tiền luôn, trước sau cũng mất khá. Mỗi bận đưa thư, vú ấy

lại kể cho tôi nghe chuyện Kim-Chi, những là yêu tôi, nhớ tôi, mà sinh vợ vắn, lược thưa biếng chải, gương tàu biếng soi.

Vú già kể qua là Kim-Chi còn hai cha mẹ và một người anh. Người anh thì lêu lổng chơi bời, du côn, ác tợn, cả nhà ghét. Còn Kim-Chi thì ngoan ngoãn, cha mẹ nuông chiều, hơi sổ mũi nhức đầu, thì ông bà chạy nháo lên về thuốc. Kim-Chi không bao giờ ra cửa đứng ngóng trai. Cả ngày cặm cụi viết văn, xem sách. Có lẽ bởi thế nên từ ngày ấy, tôi tối qua cửa nhà Kim-Chi, tôi cũng không được gặp bao giờ.

Ngày trước có người bảo tôi rằng:

Gồm các tiểu thư càng ngày càng tệ, chỉ ngồi duỗi ra mà ăn, rồi viết thư cho trai mà thôi! Anh không nên lấy vợ Hà Nội. Nhất là bọn gái tân thời lại càng khó tin lắm. Bình quyền gì chúng nó? Chúng nó chỉ quảng có cái tên để đất chồng mà thôi!

Bạn tôi phán đoán quá khác, chứ đã làm gì đến thế? Tôi có thể làm trạng sư bênh các cô, và xin dẫn ngay Kim-Chi ra làm chứng. Câu ấy là chuyện của bạn tôi nói riêng với tôi, chứ nhớ mà đến tai các tiểu thư, thì bạn tôi tất bị một phen kéo tai chết.

Những thư từ của tôi gửi cho Kim-Chi toàn là cái bả để dất Kim-Chi vào cạm. Chắc ngài cũng thừa hiểu cái mục đích của anh con trai chim gái. Một ngày kia mục đích đã đạt, thì thôi, ếp truy phong xin bái ngảnh ái tình! Cho nên không trai gái nào nhân tình nhân nghĩa với nhau đến già bao giờ. Thế nhưng bao giờ bên con trai cũng phải dùng lời đường mật để vờ tỉnh cuộc dài lâu, các cô nhẹ dạ là mắc tuốt.

Tôi hiểu cái tâm lý ấy, cho nên tôi cứ cái chương trình ấy mà tiến hành. Thư từ trước còn đứng đắn, sau là lơ đãng;

có khi bịa ra cái chiêm bao đêm qua, cùng Kim-Chi đi chơi buổi tối, để tỏ cho Kim-Chi biết lúc nào mình cũng nghĩ đến mà thành mộng, và để dò ý Kim-Chi ra sao. Cái chiêm bao thứ nhất còn là đi chơi, nói chuyện triết lý văn chương. Cái chiêm bao thứ hai, đã pha mùi tình tự nhảm nhí.

Kim-Chi trả lời thương tôi buồn, mà tiếc cái mộng thú vị thế mà chỉ có mình tôi được thấy. Tôi hiểu ý biết là Kim-Chi cũng ước ao một ngày kia được gặp tôi để nói chuyện.

Một hôm, tôi viết thư cho Kim-Chi rằng tôi sắp phải ly biệt trong vài tháng để về quê. Tôi nói thế là để xem ý Kim-Chi. Thì ra cô viết trả lời bốn trang giấy đặc rất cảm tình, bảo tôi nên tìm cơ mà ở lại, kéo đi muôn dặm một mình xa xôi, mà người ở cũng lệ rơi thấm đá.

Thế là Kim-Chi thực bụng yêu tôi. Tôi bèn hỏi Kim-Chi có dịp gặp nhau không? Còn nhớ trong thư này, tôi gửi kèm cho Kim-Chi một giọt nước mắt. Hẳn các ngài cho là tôi nhu nhược dở hơi. Thưa các ngài lắm rồi! Cái giọt lệ đó, là tôi vẩy một giọt nước chè tàu vào giấy cho nhòe chữ để tỏ ra bụng nhớ. Chứ nào có biệt ly đâu mà nhớ, mà dù có biệt ly thực đi nữa, thì chữa chắc đã nhớ, hướng chi là nước mắt!

Kim-Chi thì tỏ ý muốn trăm năm cùng tôi. Mà thực bụng, tôi không thêm rước những cái nợ ấy về nhà làm gì. Chim nhau mà lấy nhau, thì chỉ tỏ bỏ nhau sớm! Bởi vì hôn nhân là một việc đứng đắn, mong hạnh phúc một đời. Thế mà cái việc đứng đắn ấy lại vì một sự lừa gạt mà gây nên, thì cần chi hạnh phúc?

Kim-Chi trả lời, nghĩ tủi thân là phận gái, phải trong vòng bó buộc chốn gia đình. Từ ngày biết tôi thực là chưa biết lời ăn tiếng nói tôi sao. Trong thư có hẹn, đúng bảy giờ

tôi hôm sau thì ra vườn hoa Cửa Nam đứng đợi ở chân tượng Bà Dâm Xoe, sẽ được gặp.

Được lời như cời tấm lòng. Từ khi tôi nhận được thư, vội vàng khắp khởi ra đi. Đen quá! Cứ hết ông bạn nọ, lại đến bố ông bạn kia đến âm mãi. Họ nói toàn chuyện phiếm, mình còn bụng nào để nghe. Ruột thì nóng như lửa, mà hình như cái thư nó cứ nhảy tanh tách ở trong túi. Thỉnh thoảng tôi phải vờ gật gù nghe chuyện, đưa tay vào nắn lại túi, thì các bố cố ngỡ là đưa thuốc lá ra mời, cứ rình thò tay ra đỡ!

Tuy vậy, tôi cũng được đến chỗ hẹn. Đến nơi, mới có sáu giờ rưỡi. Trong bụng hờn hờ như trẻ con vó được cái danh. Tôi phải nhẩm sẵn những câu hỏi và câu trả lời. Tôi chờ đến bảy giờ, bảy giờ mười, bảy rưỡi, bảy giờ bốn năm. Rồi bảy giờ năm mười, đến mãi tám giờ, cũng chẳng thấy bóng chim tăm cá gì cả. Tôi nóng ruột quá! Đang bực dọc trách thầm ai sai hẹn, thì có một người đi lại, làm cho tôi nguôi hẳn cơn sầu. Người ấy không phải là Kim-Chi mà là vú già nhà Kim-Chi, đưa cho cái thư xin lỗi, vì ở nhà cô đỡ có khách, không thể đi được.

Hôm sau tôi lại tiếp thư Kim-Chi bảo rằng có dịp gặp nhau, nhưng phải xuống tận ngã tư Trung Hiền, mà chờ vào quăng từ mười giờ đêm đến hai giờ sáng, thì thế nào cũng gặp.

Những dịp hiếm có ấy, không bao giờ tôi dám bỏ qua, vì lòng ước vọng của tôi, những là thướt tha lá liễu, thỏ thẻ giọng oanh, ta sẽ thấy non Vu đỉnh Giáp, động Thiên Thai sắp đón mời chàng Lưu. Cứ nhắm mắt lại là đã thấy đủ từng ấy cảnh bỗng lai như thế rồi. Tuy hôm ấy trời mưa

phùn, nhưng tôi chịu khó đi ngay từ chín giờ. Vì tôi sợ đồng hồ nhà Kim-Chi nhanh, hoặc đồng hồ nhà tôi chậm. Tôi thấy xe nào đi qua cũng phải trở mắt lên nhìn. Thực là có công quá! Ai ơi có thấu cho không? Cái hy vọng của tôi trước còn dài, sau ngắn dần. Đến lúc đồng hồ chỉ hai giờ thì cụt hết. Nhưng tôi vẫn chưa nản lòng, vì thế thượng vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên, vậy cứ mặt dày kiên tâm thì chìm được gái, trời nào có phụ? Tôi đành đứng suốt đêm ở ngoài đường, ướt như chuột lột, lấm như chôn vùi. Đến hơn bốn giờ sáng, tôi phải cuốc bộ về Hà Nội. Thực là một bữa mệt lử, nếu không sẵn sức khỏe, thì có lẽ tôi ốm to rồi.

Tôi giận Kim-Chi đánh lừa tôi. Nhưng không dám trách. Vì trách thì còn mong “nước non” gì.

Tôi nghĩ kế để gặp Kim-Chi. Nhân có một hội kia cần tiền, tôi bèn viết một kịch bản, rồi cổ động các tài tử đem ra diễn. Tôi định đóng một vai, mà mời Kim-Chi đóng một vai nữ. Tôi tự biết là một việc nhờ phiếu, chứ các tiểu thư khuê các ta, đã ai có can đảm ra diễn kịch? Kịch của tôi viết là một cái hài kịch về ái tình. Kim-Chi nhận ngay vai chính! Cái giã tâm của tôi định lợi dụng cuộc diễn kịch về việc nghĩa, để một là được gần gũi Kim-Chi, hai là được tiêu tiền. Trời ôi, chữ nghĩa gì mà nghĩa!

Cách độ mười lăm hôm sau, Kim-Chi cho tôi biết rằng hôm ấy cha mẹ và anh về quê vắng cả, chỉ có một mình vú già ở lại mà thôi. Thế thì tự do quá.

Kim-Chi hẹn đúng chín giờ tối thì tôi đến. Nhưng tính tôi nóng nảy, không có thể ngồi suông mà chờ được. Hơn bảy giờ tối, tôi đã ngấm vuốt quần áo ra phố rồi định hết sức lờ các bạn. Tôi vừa ra khỏi cửa, thì người vú già lại đưa

cho tôi một bức thư của Kim-Chi nhắc tôi đúng hẹn. Có một đoạn tôi nhớ đến tận bây giờ, mà có lẽ nhớ đến già nữa kia.

"Những tấn hài kịch về ái tình, em được xem đã nhiều, nhưng có lẽ chưa có tấn nào được hay và buồn cười bằng kịch sẽ diễn tối hôm nay. Tối hôm nay, hai anh em ta xin đóng vai chính để diễn tấn hài kịch về ái tình của anh soạn.

Em xin kiêm cả bài trí. Anh thực là một ông "thầy dạy đời" mở mầy mở mặt cho nhiều kẻ hiện đương chìm đắm trong bể tình. Anh ạ, cái sóng tình đã tràn đi thì lấp cả trí người ta. Đã say mê nhau, thì không nghĩ, không trông thấy gì cả..."

Chắc các ngài bề rảng: Kim-Chi ăn nói khôn ngoan như thế, có sao chính mình cũng bị ma tình mờ ám, mà không tự tỉnh ngộ? Câu hỏi đó làm cho tôi bối rối, và tôi được cái thư trên kia, mời đến diễn kịch về ái tình, mà hai đứa chúng tôi lại đóng vai chính, thì bụng nào mà trả lời nữa! Âu là tôi cũng xin hỏi lại các ngài vậy.

Tôi không trả lời nổi câu hỏi đó, thì tôi mới có thì giờ viết nốt truyện này. Nếu các ngài cũng chịu nốt, thì các ngài cố đọc cho hết truyện này sẽ biết, thưa các ngài, tôi thiết nghĩ các phương thuốc về tinh thần mỗi khi dùng để chữa cái hư của người ta, thực không công hiệu tí nào. Chứ ai học luân lý, ai xem diễn kịch, thì ở xã hội có lẽ không lấy xe đâu để chất cho hết các cậu thánh cô hiền!

Đúng chín giờ, tôi gõ cửa nhà Kim-Chi ba tiếng khê. Có tiếng đặng hắng trả lời. Tôi vừa trống ngực vừa run!

Cánh cửa khê kệt hé mở... Kim-Chi trùm hum cái khăn tua gần kín cả mặt, một tay cầm đèn hoa-kỳ vắn bé tí, một tay che lấp ngọn lửa đi. Tôi biết ý Kim-Chi cẩn thận giữ

gìn, nên vừa bước chân vào trong, tôi thổi phụt tắt ngọn đèn đi. Vì tôi cũng định giữ cả cho tôi nữa. Chứ thực thì chưa nghĩ ra rằng tắt đèn là có lợi.

Trong nhà tối như hũ nút. Tôi nắm lấy tay Kim-Chi để Kim-Chi dắt đi. Kim-Chi dắt tôi đến ghế. Tôi ngồi xuống hỏi đùa:

- Sao hôm nọ tôi trông mợ bé nhỏ, mà nay mợ lại hóa ra to thế?

Kim-Chi cười trả lời khê quá, hẳn là khăn tua trùm kín vương quai hàm.

- Cậu trông sai, em vẫn thế đấy.

- A-di-đà-Phật. Lượn năm sáu lượt còn sai, thế nào mợ nói thâm nhỏ, mà tôi nghe rõ, có thính tai không?

- Thính lắm, em thì nghễnh ngãng quá.

- Tôi đổi tai cho mợ nhé!

- Chả đổi, cậu có cho thì em xin!

- Thành ra mợ muốn tôi “sú-vơ-nia” cho đôi tai à? Tưởng cái gì chứ đôi tai thì vâng! Xin vui lòng tặng quý tiểu thư. Mợ lấy dao mà xuyệt đi.

Kim-Chi bật mồm rúc rích cười, chắc muốn tỏ ý yêu tôi.

- À này, mợ ạ. Tôi tiếc vì nhà tối quá, giá thấp đèn lên mà ngồi nói chuyện, tiện thể được ngắm cái nhan sắc của mợ, cho câu chuyện thêm vui thì hay.

- Cậu lại muốn nhìn mặt Kim-Chi nữ sĩ là hạng người thế nào à?

- Kim-Chi nữ sĩ là tay đối thủ của Minh-Châu nữ sĩ, là ý trung nhân của ấm sinh Trần-Văn-Cẩn chứ ai?

- Chả dám nhận cái hân hạnh ấy. Mặt em gớm lắm, anh trông thấy thì đến phải chạy mất!

- Gớm nhún mình quá!

- Em nói thực đấy!

- Thực hay dối cũng mặc, đừng gằn lại cho anh yêu.

- Không đứng gằn, nói đủ nghe thì thôi!

Tôi chạy lại gần ôm chặt lấy Kim-Chi hôn chụt một cái. Kim-Chi cố lấy tay bưng mặt, rúc rích cười. Thế các ngài tính Kim-Chi có làm bộ không? Hãy hỏi viết giấy mời trai đến nhà làm gì mà còn khéo vờ? Nhưng cái lỗi các cô vẫn thế.

- Chết nhầm quá, em kêu to bây giờ.

- Thách đấy! Tôi yêu mợ lắm. Hai quả dừa ở ngực mợ đâu?

- Không biết làm sao nó thui từ thừa bé rồi.

- À mợ không phải là loài có vú, mợ là loài chim, để rồi tôi rắc truyền đơn cho mợ ế chồng mà xem!

- Cậu có định kết hôn với em không?

- Nếu tôi có vợ rồi, tôi xin li dị ngay để lấy mợ.

- Thực chứ!

- Nếu tôi mà bạc tình cùng mợ, xin trời chu đất diệt.

Tôi lại ôm được Kim-Chi, nhưng xuýt bị đẩy ngã. À, người chị em biết võ!

- Phải gió đâu đấy! Thế mà đội tên nữ sĩ.

- Phỉ phui! Đừng nói đại. Cửa đóng kín, làm gì có gió! Tôi hỏi mợ nhé, mợ có giữ lời hứa hôm nọ không?

- Hứa gì?

- Hứa sẽ có ngày kia cho tôi sở cầu như ý, mợ nghĩ sao?

- Thế thì tôi chiều cậu quá giới hạn. Cậu chiều tôi không?

- Có.

- Chiều thế nào?

- Mọi muốn gì tôi xin chiều thế.

- Em xin cậu cho em...

- Lại gạ đôi tai cậu chứ gì!

Kim-Chi vừa cười vừa nói:

- Vâng!

- Khổ lắm! Ai bảo không lấy dao mà xẻo phắt đi. Mọi đưa tôi con dao nào! Vợ kịch đâu, chúng ta tập diễn đi!

Tôi vừa nói xong, sờ lên bàn đưng phải bao diêm. Mừng quá. Xèo!

- Tôi thắp đèn đây.

Tôi mở thông phong, gạt dầu bắc. Khi đương lúi húi châm, thì Kim-Chi mở khăn trùm mặt ra nói to giọng ồ ồ rằng:

- Thưa cậu, Kim-Chi nữ sĩ cùng là loài Minh-Châu nữ sĩ. Hiện tôi đang diễn kịch đây!

Tôi ngẩng đầu lên nhìn, giật nảy mình, xuýt ngã ngửa người ra! Té ra là một người đàn ông, bộ dạng láu lỉnh, da đen nhẻm, râu mép cứng và rậm, mắt trợn lông trắng lên, tay cầm con dao nhọn sáng quắc lóe cả mắt, ồm ồm nhại giọng tiểu thư rằng:

- Dao đây, cậu sú-vơ-nia cho em một đôi tai?..

*

* *

Hú vía, từ đó ai dú tôi bằng mực văn nữ giới, tôi sợ hơn chuột nhắt chết.

6 Juin 1929

RĂNG CON CHÓ CỦA NHÀ TƯ BẢN

Lúc ấy, độ sáu giờ chiều. Một cái ô-tô đang xa chạy lại. Ánh sáng hai ngọn đèn pha chiếu tóe đến chân trời. Xe qua cầu, đến trước cái nhà tây có giậu sắt thì còi bóp ran như ếch kêu và dừng lại. Khi ô-tô chưa đỗ hẳn, thì đã thấy con chó nhảy vọt từ trên xuống đất, ngoe nguẩy đuôi vừa sủa, vừa chồm lên hai người đương bước xuống. Hai người đó, một người là chủ nhà này, còn một người là khách.

Đèn xe tắt. Cửa xe đóng. Chủ khách bước vào nhà. Họ đều mặc âu phục, mặc lối đi sẵn, trên đôi ghệt, còn bê bết những bùn, vai đeo súng, tay xách xâu chim nặng trĩu. Con chó chạy trước, vừa chạy vừa quay cổ lại, vừa vẫy đuôi, vừa ẳng.

Chủ mời khách vào xa-lông. Buồng này bày biện đúng kiểu tân thời, toàn đồ bằng gỗ lát đánh bóng nhoáng. Tường nhà quét vôi xanh, gạch chỉ xanh, lại được ngọn đèn măng-sông ánh sáng cũng xanh xanh. Cứ trông buồng khách, cũng đủ đoán tất ông chủ nhà này là một nhà giàu, ăn chơi lịch thiệp.

Bà chủ vừa trang điểm xong, ra ngồi đó để tiếp khách. Trên chiếc ghế thứ tư, con chó nhảy tót lên, ngồi chồm chồm, thè lưỡi, nhìn hết người nọ đến người kia.

Người đời ai được phú quý cũng hay khoe của. Cho nên, dù khôn ngoan khéo léo hơn người, ông chủ nhà này cũng mắc phải cái bệnh ấy. Nay cái dinh cơ này, cái ô-tô này, cái buồng khách, buồng ăn này, đối với ông đã là cũ rồi, khoe lắm chán miệng, cho nên ông nói đến cái mới. Cái mới đây, là con chó Lu.

- Ấy, chính nó là gốc của Bleu d'Auvergne đấy, bác ạ. Tôi mua nó mất ba trăm bảy mươi đồng. Cái người Tây bán nó cho tôi, vì nể tôi lắm, mới để rẻ thế. Cứ kể ra thì những hơn bốn trăm kia! Cũng có con đẹp hơn thế này, những hơn năm trăm. Nhưng kể ra An Nam mà đã dám bỏ ra ngót bốn trăm bạc mà mua chó, thì đã ngông lắm rồi! Vả lại, người mình mấy ai chơi chó sành, cho nên mua con nhiều tiền quá cũng phí mất. Nay, bác thử ngắm kỹ nó mà xem. Giống chó này tai to, lồm đồm. Ấy, không biết thì lầm với giống khác đấy. Con này, tôi chỉ yêu về cái đầu vuông như chữ điền, này, nét ngang đây nhé, nét sổ đây nhé, thần tình không? Con nào được cái bụng thon, mồm ngắn, nhất là hai lườn phình ra như hai cái lườn dê thế này, là khỏe và nhanh lắm đấy. Hẳn ban nãy, bác đã thấy nó có cái dáng oai vệ là ngần nào rồi đấy nhỉ. Có phải bao giờ nó cũng đi trước tôi mười thước không? Cứ lấy thước mà đo, cũng chẳng sai mấy tí đâu. Lúc đi như thế, cái mắt nó đưa đưa, cái mũi nó ngửi ngửi, trông đẹp đão đẽ. Khi nào nó đánh hơi thấy chim nấp ở trong bụi, thì nó gục đầu xuống, khễ ngồng ngồng cái đuôi. Thế là tôi biết hiệu. Lúc tôi lấp đạn xong, tôi "chutt!"

một tiếng, thì nó chồm ngay vào con chim. Anh chim bay ra, "Pan!" Thôi còn chạy đằng giò! Mười lượt như thế cả mười, chẳng sai một lượt nào!

Lúc ấy, con Lu ngồi trên ghế, đối diện với chủ, chúm chúm cái mồm để nghe chuyện.

- Không những nó săn giỏi, mà giữ nhà, tìm đồ đánh mất cũng tài. Bây giờ bác thử đưa cái kính của bác cho nó ngửi hơi một lúc, rồi bác giấu vào trong vườn, tôi bảo nó tìm cho mà xem. Được ông bạn cũ là người hâm mộ chó, cho nên thử ngay tài con Lu. Quả nhiên, chưa được năm phút, con Lu đã ngọam cái kính, ngoe nguẩy đuôi, đưa trả khách. Ông chủ đắc chí, cười ha hả, vuốt ve, vỗ mải má nó, rồi bế nó vào lòng, hôn lấy hôn để, vui thú như được cậu con hay chữ vậy!

- Tôi nuôi nó cẩn thận lắm. Tôi không dám cho nó ăn dưới đất bao giờ. Cho nên nó quen thói sạch sẽ và khôn ngoan lắm. Thế mới biết cái giống chó tây nó cũng hơn cái giống chó An Nam mình thực. Chó An Nam thì lông đã xấu, lại hay ăn bẩn, đã ăn bẩn lại hay cắn càn. Lắm bận, nó lù lù ở đằng sau mình, rồi dóp trộm ngay một miếng vào quần, mới nan du chứ! Con này, hễ đã lên tiếng thì y như có kẻ gian vào nhà. Nó chồm hẳn lên mặt mà cắn, thằng trộm nào vô phúc vào nhà này thì hẳn mất chỗ đội nón! Nhưng chỉ từ mười giờ đêm trở đi, nó mới sủa mà thôi.

Lúc ấy, cơm bung lên, để trên bàn ăn. Chủ khách đang mời nhau lại ngồi, thì con chó đã nhảy tót lên ghế, chồm chồm ngồi trước chủ.

- Con Lu này được cái lễ phép lắm. Tôi dạy mãi mới được đấy. Đây, đĩa đồ ăn của nó đây nhé, cơm trộn với thịt.

ngon lành thế này, nhưng tôi chưa cho ăn, thì đổ có dám ăn. Ngay khuất mắt mình cũng vậy.

Ông chủ cầm đĩa đồ thức ăn của con chó, mang ra sân đằng trước. Khách và con vật đi theo sau.

Con Lu vẫy đuôi, ra dáng mừng rỡ. Ông chủ để đĩa cơm ở giữa sân. con Lu cúi cổ xuống ngửi. Nó sắp ăn, thì chú nó mắng ngay bằng tiếng tây:

- Tảng xông! *

Thấy không được phụng dưỡng như mọi khi, con Lu lừ lừ lui ra.

- Ta không cần phải coi, Lúc ta ăn xong, mà đĩa này nó vẫn không dám đụng đến đâu. Thôi, mời bác vào xơi cơm.

Lúc bảy giờ, giá ông chủ có tình ý một tí, thì chắc thấy một vật gì đen đen, lù lù ở ngay ngoài cổng. Đó là một người ăn mày, ngồi bó gối ở đấy. Người ấy đội cái nón toạc tung cả cặp, đã đóng khố, lại mặc cái áo rách cụt cả tay. Thành ra bốn chân tay khằng khiu, đen thui thui, dài ngoằng ngoằng. Cái bị bẹp há hốc miệng, nằm chờ bên cạnh cái dạ dày lép kẹp.

Người ăn mày chờ đấy từ lâu. Thấy trong nhà lạch cạch tiếng dũa bát, mùi đồ xào theo chiều gió đưa ra, hắt gào lên xin, mà cũng chả có ai nghe tiếng. Lúc hai người ra sân, hắt lay van rã bọt mép. Nhưng hai ông còn đương dở bận chơi với con chó, không ai để ý đến người.

Người ăn mày biết thế, nên lại cố lấy sức để gào to. Nhưng cái tiếng hết hơi của hắn đập đến màng tai ông chủ, thì ông chủ trợn mắt, hăm hăm quát:

* Liệu hồn.

- Làm gì mà neho neho lên thế? Làm át cả câu chuyện của người ta! Bước ngay! Không ông đá cho một cái thì chết bây giờ!

Người khốn nạn im thin thít. Chủ khách vào buồng ăn cơm.

Lúc ấy, hai con mắt người ăn xin chòng chọc nhìn vào đĩa cơm của con chó. Hắn thèm quá. Nước dãi chảy ròng ròng, nuốt không kịp. Muốn vào ăn trộm một miếng, nhưng chỉ sợ con chó cắn cho một miếng thì chết! Hắn thấy con chó cứ đứng gần đĩa cơm mà không ăn, thì không hiểu ra làm sao. Hắn tưởng con chó chê cơm nhạt, không thèm ăn, thì hắn muốn đánh đổi số phận hắn cho con chó nhà giàu!

Giá con chó biết tiếng người, hẳn hẳn đã lân la đến gần để đánh bạn, rồi kể lẽ nôi đói khát, có lẽ, chỗ anh em, con chó cũng động tâm mà lấy tình “nhân đạo”, nhường cho hắn đĩa cơm ấy. Hay là hắn xù xù ngồi đó, cho nên con chó phải đứng canh chẳng? Hắn liên lần ra sau cái cột cổng để dòm vào. Một lúc, quả hắn thấy con chó lù lù ra nằm chỗ khuất bóng ở cạnh tường.

Được dịp may, người ăn mày đánh liều dõ ra, tiến gần lại mấy bước. Nhưng con chó lập tức đứng dậy, cũng tiến gần lại mấy bước, vừa đi vừa gừ. Thằng người giương mắt nhìn con chó. Con chó cũng giương mắt nhìn lại thằng người. Thành ra đĩa cơm nằm ở giữa, người tiến thì chó cũng tiến, người lui thì chó cũng lui: Hai bên hằm hè nhau, người lườm chó, chó lườm người đều cũng giữ miếng nhau, như hai kẻ thù không đội trời chung vậy.

Cứ như thế, không bên nào chịu bên nào. Độ hơn mười phút, người ăn mày cùng thế, nghĩ ngay được một kế. Tay

hắn vớ được hòn đá to tướng, thu thu đằng sau, chạy tọt lại đĩa cơm, rón một miếng rơ nhanh, dứt tồm vào mồm.

Nhưng con chó nhanh hơn. Nó chồm vọt lại, nhảy xổ lên, há mồm, nhe răng ra cắn. Người ăn mảy giờ thẳng cánh tay, nhằm giữa mồm con chó, ạch hòn đá một cái rơ mạnh. Con chó ẩng lên một tiếng, rồi nhanh như chớp, nó vật được kẻ thù xuống đất, giơ hai chân ra cào mặt và móc mồm. Nhưng nó bị ngay một cái đấm nữa vào đầu. Nó chịu buông thẳng người ra, nằm sóng xoài, ẩng rầm lên.

Ông chủ đương ăn cơm, nghe tiếng chó kêu, vội bỏ cả bát đũa, lẩn vợ, lẩn khách. Ông cầm đèn, hấp tấp chạy ra:

- Thôi chết rồi! Con Lu làm sao thế này! Ối giời ơi! Nó gầy hai cái răng rồi! Khổ tôi quá!

Thế rồi thét người nhà văng lên, ông sai bế con Lu vào. Còn mình thì chạy ra cổng xem ai đánh chó. Bỗng ông thấy ở đằng xa, có cái bóng đen đen, chạy nhanh tít, ông bấm đèn ô-tô để chiếu theo, thì trông rõ người ăn mảy ban nầy đương chạy.

Ông tức, nóng ran cả người. Nghĩ thương con chó gầy hai cái răng, ông nghiêng răng, nhìn theo, rồi nhảy tót lên ô-tô, mở máy sinh sịch:

- À, mảy đánh gầy răng chó ông, ông chỉ kẹp cho mảy chết tươi, ông đền mạng. Bất quá ba chục bạc là cùng!

Nói đoạn, ông tắt đèn pha, phóng xe hết sức nhanh để đuổi theo...

OẢN TÀ ROẢN

Anh Phong, thế anh định bỏ chết tôi đấy à? Không trách người ta bảo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu! Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào là những an dỗi ở kiếp cùng nhau... Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi, ai đến dạm hỏi, tôi cũng kiềm cố thoái thác. Vì tôi đã trót hứa cùng anh. Ấy thế mà anh quyết tình giở mặt. Hắn anh cũng biết tôi chỉ là quá dại dột mà nghe lời anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thì nghĩ...

- Cái bụng Nguyệt vài tháng nữa thì tròn bằng cái thúng. Nguyệt còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa!

- Tôi không nói đùa! Nếu anh không làm hại tôi, thì làm gì tôi không lấy được chồng tử tế.

Lúc bấy giờ, ở bờ hồ Hoàn Kiếm, mảnh trăng ngọn gió như khơi động tấm tình gió trăng. Nguyệt và Phong lững lững bước vào cầu Thê Húc.

Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Nàng vì quá nhẹ dạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đương

nằm co ở trong bụng. Chàng lo vì vô tình định thỏa bụng muốn, bây giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra.

- Thế có chắc Nguyệt chữa với tôi không?

- Này, năm nay tôi mới có mười tám tuổi đầu, sao anh đã đổ bậy, đổ bạ cho tôi cái tiếng khỉ gió ấy! Anh hỏi tôi chữa với ai à? Rồi nó giống ai, nó máu mủ ai, thì anh biết. Tôi con nhà trâm anh, anh cũng con nhà thế phiệt, vì một lời giao ước, nên tôi mới quá chiều anh. Tuy tôi chưa làm vợ anh, nhưng cũng như là vợ, nên tôi dốc một lòng chung thủy, thì chữ trinh tôi giữ nguyên cho anh. Nếu anh ngờ tôi loan chung phượng chạ thì dây này, tôi sẽ chết thế này này!

- Đừng thế độc, lỡ chết thật thì oan!

- À anh nhiee tôi mãi. Thôi, đồ bạc tình! Anh buông tôi ra!...

- Này, cầm lấy cái này.

- Cái gì đây?

- Lọ thuốc thôi thai. Nguyệt uống nó vào, cho cái thai nó ra, thế là mất tích.

- Eo ơi! Anh nói mà tôi ghê cả mình! Nếu anh cố tình giết cả hai mẹ con tôi, thì dây này, tôi liều chết ngay trước mặt anh, cho anh trông thấy. Anh buông tôi ra. Trời ơi! Ngờ đâu hồ Hoàn Kiếm này chỉ là mồ hồng nhan!

Nàng giật tay ra, chạy lại mé đầu cầu. Phong vội chạy theo, níu vạt áo lại:

- Ấy chết! Chớ chớ! Tôi thử Nguyệt đấy mà!

- ...!

- Này em ơi!

Nguyệt gục đầu, ôm mặt, hu hu khóc...

- Nguyệt ơi! Em chớ lo, anh vẫn biết Nguyệt là người chung tình với anh. Nguyệt không phải phiến lòng. Cái thai trong bụng Nguyệt là con anh, là con Nguyệt, Nguyệt cứ yên tâm. Anh thề rằng sẽ chu toàn danh tiết cho Nguyệt. Đến ngày khai hoa, anh sẽ đưa Nguyệt sang nhà họ sinh tỉnh Bắc Ninh. Sau khi mẹ tròn con vuông, anh sẽ tính cuộc trăm năm với Nguyệt.

- Này đừng nỏ mồm!

- Em đừng mắng anh mà oan! Thôi, em cứ đi về...

- Tôi không về đâu cả. Sống gửi thác về, mà tôi đây rồi!

- Anh van Nguyệt, nếu anh không giữ được lời hứa, xin trời tru đất diệt! Em cứ về, cứ yên lòng...

Nàng lau mắt, khẽ gượng đứng dậy, gọi xe về nhà. Phong vừa đi vừa nghĩ:

"Ừ, suýt nữa mình gieo cái vạ tầy đình, giết cả hai nhân mạng. Giá một mình con Nguyệt nó tự tử, thì mặc quách nó, nhưng lại đèo cả đứa con ta ở trong bụng nó!... Ừ, tính tháng, tính ngày, quả nó có mang với ta... Vậy đợi lúc nó đẻ, ta lấy con về nuôi, còn việc trăm năm với nó thế nào ta không nên nghĩ trước".

*

* *

- Chết chữa! Thế mợ định uống thuốc thôi thai thật đấy à?

- Cậu tính tôi mới có mười tám tuổi đầu, chồng con chưa có, mà chữa hoang, thì còn xấu gì bằng!

- Chà, việc gì mà xấu, sự xấu tốt đối với phong trào dư luận xã hội như làn khói trước ngọn gió to, chỉ đánh loáng

là không ai trông thấy nữa. Thế thì dư luận có gì là đáng sợ? Vả lại tôi hiếm hoi, lấy nhà tôi ngót hai mươi năm giờ, con cái chưa có, thì mẹ cứ yên lòng, sau khi sinh ở nhà hộ sinh ra, tôi sẽ thu xếp để mẹ với tôi ăn đời ở kiếp.

- Tôi cảm ơn cậu! Cậu hơn tôi bốn chục tuổi đầu, tôi mà lấy cậu thì người ta cho là bố lấy con. Vả vợ cả cậu như con sư tử cái, có lẽ nào để yên cho cậu thương tôi. Cậu cứ mặc tôi, để tôi tự xử, cậu không cần nghĩ đến. Bao nhiêu việc, tôi đã định sẵn, tôi đành uống thuốc để giữ cho vòng tròn tiếng tăm. Vả tôi là con nhà thi lễ, mớm mỗn đào tơ, làm gì không lấy được chồng ông họ ông kia, can chi vội vàng mà vợ quàng vợ xiên vội.

- Mẹ nói thế, tôi đau lòng quá. Mẹ phải hiểu cho rằng cái thai trong bụng mẹ là đứa con sau này của đôi ta.

- Nếu cậu thương con cậu, thì mai, tôi xin gửi lại trao trả cậu.

- Chết nổi! Tôi xin mẹ.

Luồng nước cuộn cuộn dưới sông, hàng cột ù ù trước gió, dây sắt cầu như giăng mắc môi tơ tình. Trên cầu sông Cái, Nguyệt đứng thừ ra, tựa tay vào lan can, mắt nhìn làn sóng lênh bênh trước mặt. Bắc vánh bộ râu ghi - đông, nét mặt ra dáng van lơn lo lắng:

- Nào tôi có phải ăn ở bạc tình với mẹ đâu mà mẹ nỡ dứt lia thế?

- Tôi cũng biết vì tôi đối với cậu chung tình, nên cậu đối với tôi trung hậu, nhưng tôi không thể nào đeo mo mà sống ở đời được.

- Sao mẹ lại bảo đeo mo? Vẫn biết đàn bà quý giá ở chữ

trình, nhưng có phải mợ là gái thất trinh đâu? Vì mợ quá yêu tôi, quá chiều tôi, nên đến nay đeo đẳng khối tình cùng tôi. Vậy rồi sau, tôi nuôi con, lại cưới mợ về làm vợ. Làm người vợ, cần giữ chữ trinh với chồng. Mợ chung tình với tôi từ trước đến nay, thì đối với riêng tôi, mợ vẫn chu toàn được chữ trinh. Vậy có làm sao mà phải nghi? Nếu tôi bạc tình cùng mợ, toan bỏ lửng mợ, thì mợ mới đáng hờn duyên tui phận chứ!

- Thôi tôi xin cậu, tôi nào dám tin cái mồm mép đàn ông!

- Nếu tôi ăn ở như kẻ khác, xin thề rằng ngọn đèn điện tắt, tôi cũng chết.

- Thề! Thề cá trê chui ống! Cậu buông tôi ra, tôi xin gửi thân tôi cho Hà Bá dưới sông này!

- Mợ định tự tử? Nếu mợ định chết, tôi xin chết theo ngay.

- Khổ lắm, cậu kệ xác tôi! Tôi không tin ai ở đời này nữa! Những cái mặt nhăn nhui trơn tru, nhưng toàn là bụng ba que xỏ lá cả. Tôi vì đại đột mới nên nông nổi này.

Một cái ô-tô sinh sịch qua, chiếu hắt ánh sáng vào mặt Bắc, trông rõ cái nét nhăn nhó, cặp mắt gấp gáy.

- Mợ ơi, mợ yên lòng. Mợ nên hiểu tôi, đừng phụ bụng tôi, bởi tôi biết bụng mợ lắm. Vả-dĩ, bấy lâu tôi khao khát chút con để sau này nó chống gậy cho tôi, nối dõi tông đường cho nhà tôi. Nếu nay mợ quyết tình giết cả mợ lẫn con, tôi sẽ phải âu sầu ân hận suốt đời.

Nguyệt bưng mặt khóc. Bắc lấy vạt áo chùi nước mắt hộ và dỗ:

- Mẹ ơi! Tôi đã theo lời mẹ là đến ngày mẹ đẻ, thì sang nhà họ sinh tỉnh Bắc Ninh mà nằm cho êm tiếng. Bây giờ, chỉ cần mẹ giữ cái bụng cho kín đáo. Mẹ đẻ xong, tôi nuôi lấy con.

- Thế rồi cậu bỏ tôi bơ vơ?

Bác nhăn mặt, giậm chân:

- Khốn nạn, cho tôi nói hết câu đã. Tôi lạy mẹ! Tôi tính việc xin cưới mẹ sau.

Nguyệt thở dài.

- Mẹ đã bằng lòng như thế chưa?

Nguyệt đưa tay lên miệng, cắn móng tay út, không trả lời, ra dáng nghĩ ngợi.

- Mẹ ừ đi, mẹ đừng uống thuốc thôi thai nữa phải tội đấy!

- ...

- Mẹ cứ yên bụng cho tôi được yên lòng. Mẹ ừ đi!

- Ừ!

*

* * *

- Bà đẻ con so hay sao ạ?

- Thưa bà, con so.

- Bà nên nói thực, thì tôi mới liệu được. Tôi xem bụng bà, hình như đẻ con ọ thì phải hơn.

- Thưa bà, thực tôi đẻ con so.

Đó là lời bà đỡ nhà họ sinh cùng nói chuyện với Nguyệt. Bà đỡ ngạc nhiên, hỏi vặn:

- Mọi khi người đẻ con so thì da bụng cứng và có gân vằn đỏ. Người đẻ con ọ thì da bụng mềm, mà có gân vằn

trắng. Nay tôi xem bụng bà, quả là đẻ con rạ. Phép nhà thương không nên nói dối, lỡ ra nguy đến tính mạng, chứ chả chơi đâu.

- Thưa bà, xin bà kín cho, tôi đẻ con rạ!

- Vâng, bà nên nói thực thế là phải. À, ông nhà ta tên là gì? Ở đâu?

- Thưa, cậu cháu tên là Nguyễn Văn Tình, đã mất năm ngoài, sau khi tôi có mang được vài tháng.

- Tội nghiệp! Thế ông mất, bà có mang được mấy tháng?

Nguyệt luống cuống nói chừa:

- À, thưa bà, cậu cháu mất năm nay ạ. Mới mất tháng tư, mà tôi có mang từ tháng giêng.

- Bà cũng chỉ độ tối hôm nay thì trở dạ thôi. Bà cứ nằm nghỉ yên. Lần trước bà ở cũ, trai hay gái?

- Thưa bà, cháu gái.

- Nay cháu biết làm gì rồi?

- Thưa bà, tôi sinh cháu được vài hôm thì bỏ cháu.

- Thế bà đẻ dễ hay khó?

- Thưa bà, dễ ạ.

- Được, vậy bà cứ nghỉ yên để lấy sức.

*

* *

... Ngày chủ nhật, sau khi Nguyệt đẻ, có mấy bọn người ở Hà Nội sang, vào nhà thương thăm.

Bọn trước, hai công tử ăn mặc tây, đứng một quần thụng đỏ, áo cộc xanh, ở trong gian Nguyệt nằm bước ra, bưng miệng, rúc rích nhìn nhau cười, thì thảo:

- Hú vía! Tao tưởng con Nguyệt nó chữa với tao, tao sợ quá!

- Tao chả ngờ nó chữa với mày, nhưng tao thấy cái mồm thằng bé giống mồm tao, tao đã giật mình. Nó ăn vạ tao, thì tao bỏ mẹ! May được cái nước da thằng bé nó mình oan cho tao...

Hai người vừa đi khỏi thì Phong đến. Phong ẩy cửa lại gần Nguyệt, hỏi:

- Trai hay gái?

Nguyệt trả lời khẽ:

- Trai.

- Thế à? Mẹ có mạnh không? Có ăn được không?

Nguyệt thừ mặt ra, không đáp.

- Mẹ làm sao thế?

- ...

- Cho tôi bế con một tí.

- Không bế!

- Ài chà! Mẹ cu làm bộ.

- ...

- Con ngủ à! Mặt giống cậu hay giống mẹ?

- ...

- Công tử rúc mãi vào nách mẹ! Ra đây cậu yêu tí.

- Yên.

Phong mở cái lót trùm đầu thằng bé ra. Nguyệt nhắm nghiền mắt lại.

Khi nàng mở mắt ra, đã thấy Phong len lén rút từ bao giờ rồi.

Lúc bấy giờ, Bắc ôm một bọc to tướng đến nhà thương. Nhưng khi ở ngoài cửa kính, Bắc thấy có người đến thăm Nguyệt, thì ngờ là họ hàng, không dám vào vội. Chàng vừa đi bách bộ, vừa liếc mắt vào trong. chàng đã hút hết điều thuốc lá rồi, nhìn hết các nhà cửa, cây cối rồi, mà người họ vẫn chưa ra. Một lúc thấy kẹt cửa, bụng chàng mừng lắm. Chàng nhìn theo hút người ấy, đến khi thấy rẽ hết phố, mới dám vào.

- Chào mẹ! Trai hay gái?

- Trai.

Bắc lộ ra nét mặt mừng rỡ, vui vẻ hỏi:

- À! Ai vừa vào đó?

- ...

- ...

- Mẹ mệt à?

- Không!

- Mẹ có ăn được cơm không? Có mạnh khỏe không?

Nguyệt thở dài. Bắc mở bọc, lấy ra nào rượu bổ, nào sữa bò, nào vú cao su.

- Con có cứng cáp không? Mẹ có nhiều sữa không?

- Yên cho tôi nằm nghỉ.

- Cho tôi bế con một tí, nó giống tôi hay giống mẹ?

- Im cho nó nằm.

- Ô hay! Mẹ giận tôi đấy à?

- Không!

- Bao giờ mẹ định về?

- Không biết.

Nguyệt thở dài mãi, thằng bé con ở trong bọc, cựa cạy, tiếng nhoe nhoe.

- Dậy với cậu, con!

- Yên cho nó ngủ!

Thằng bé vẫn khóc. Cái lót chùm đầu nó xê ra ngoài. Bắc lật ra xem mặt con:

- Cậu đây, nín đi!

Nguyệt nhắm nghiền đôi mắt lại, vắt tay lên trán để che mặt. Bắc nhìn kỹ cái tóc, cái mặt, cái mũi con... Rồi gỡ bọc ra ngắm cả người thằng bé... Ngắm xong, bọc cẩn thận trả lại, chàng từ từ lui ra, thở dài một cái rõ dài, nét mặt thất vọng.

Té ra thằng bé con chàng mà nước da lại đen như cái cột nhà cháy! Vậy nó không phải con Rồng cháu Tiên. Nó giống “Oản tà r roàn” không biết chống gậy.

27-2-1930

HAI THẺNG KHỐN NẠN

Năm 1926, nước to, dê vỡ tứ tung, nhân dân bêu rếch, khổ sở. Nhất là khi nước đã ra rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm ngùi nữa.

*Cỏ tàn khắp cánh đồng xa,
Bên làng hoang hủi mấy nhà lơ thơ,
Đầu đường mẹ bế con thơ,
Người tìm sang Bắc, kẻ đưa về Đoài.*

Bởi thế, bác Lan luôn mấy tháng, nào nhà đổ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tai bay vạ gió mà sạch sành sanh, thì dầu ông vua đời xưa mất nước, hay thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con trai mới biết ngồi. Cái cảnh gà trống không còn mồi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Lan thực là một thằng khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt. Của chìm của nổi đã không còn gì, nhịn cơm từ sáng nhường con

đã là cả dạ dày. Nếu mai cũng thế này nữa thì bố chết đói, con chết đói. Ấu là trong nhà còn một thứ của nổi nữa, đem bán nốt đi chẳng?

Bác Lan nghĩ thế thì làm thế. Bác xin được cái thúng sứt cặp bên đôi quang và chẻ cái đòn gánh. Sáng sớm, gánh thàng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thàng bằng thúng hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng, tùm lum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này, làng khác, qua chợ nọ, chợ kia. Nhưng chỉ thấy có người xem, mà không thấy có người mua.

Bác Lan đói quá, mắt đã mờ. Thàng bé con trần truồng trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bê bết những rãi, mũi và vỏ khoai. Đi đường, bác toàn gặp bọn khóc dở mếu dở như bác cả. An ủi nhau cũng chỉ có câu:

- Này, bác đến nhà ông nghị Trinh, may ông ấy hiếm hoi, thì ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng, bác mới đến nhà ông nghị Trinh. Trời đã sắp xẩm tối. Đứng ở cổng, trông vào trong nhà, bác thấy gạch tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ chè, gương đứng, giường tây, thật có vẻ đỉnh chung sung sướng.

Bác Lan đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra.

- Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đương ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn sóc, nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Lan, vì cái đói khát nó cấp bách quá, nên tưởng

tượng ngay độ dăm phút nữa thì bụng sẽ được no đầy. Nhưng tưởng tượng thế lắm rồi. Độ một giờ sau, bác thấy một người mặt mũi phương phi, cổ rút, bụng phệ, môi trề mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt, ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng. Thì quả là ông Nghị thực. Vì nghe giọng hách dịch lắm:

- Sao không giật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Lan kể nỗi cơ cực, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác, nhìn qua đứa bé, rồi nói:

- Ừ, để tao nói chuyện với bà sẽ hay. Chờ đây, tao ra ngay.

Nghe câu ấy, bác Lan tuy trong bụng lép kẹp, nhưng thấy như được no một nửa vậy.

Hơn nửa giờ sau, ông bà Nghị mới ra.

Bác Lan chào, rồi cũng những câu khi nãy, bác nói với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm động. Bà bế đứa con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà có vẻ vừa ý, bèn hỏi giá:

- Mà định bán bao nhiêu, nói cho thực.

- Bẩm tùy ông bà cho.

Người bán không nói giá, người mua không biết giá, thì làm thế nào? Độc giả các ngài đánh giá hộ đi? Một người như chúng ta đây, khéo nuôi, khéo dạy, thì chưa biết chừng, vĩ nhân cũng nên đấy. Một trăm nhé! Hai trăm nhé! Năm trăm nhé!

Ông Nghị thấy bác Lan lưỡng lự, không muốn nói giá, thì đương ngồi xồm ở trước cái thúng, bỗng ông đứng phắt dậy:

- Đáng lẽ ra anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi, việc phúc đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy!

Vừa nói, ông vừa móc túi lấy tiền đưa. Bác Lan gãi tai thở dài. Có lẽ không ngờ đâu-cái giá trị một thằng bé con có thể mà thôi.

- Thưa ông...

- Tôi không nói lời thôi. Ông với ênh gì! Tôi không quen mặt cả. Ba hào không bán thì thôi!

Nói xong ông quay lưng vào, gọi bà đi, và đóng cổng lại.

Bác Lan vợ vẫn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không có người trả thêm xu nào.

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ dày rỗng tuếch từ hôm trước. Thôi thì ba hào thì ba. Con mình được chỗ ấm no nường tựa, còn hơn là bố con bêu rếch, xó chợ đầu đường. Nghĩ vậy, bác giật chuông. Một lát, ông Nghị ra.

- Thế nào? Anh có định bán thế không mà gọi?

- Thôi, lạy ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

- Thương là thế nào! Nói cho dứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không?

Bác Lan mím miệng, gượng cười rất chua chát:

- Vâng!

Ông Nghị đưa bác vào trong nhà. Làm giấy má xong, ông còn xem xét đứa bé kỹ càng. Khi thấy sau lưng có nhiều nốt ruồi quá, thì ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thì phải bớt tiền. Cho nên khi trả, ông ban cho cả ba hào, mà phạt hai xu nốt ruồi!

Bác Lan lay van mãi. Nhưng bác nghĩ, nếu cố nằn nì hai xu, thì chưa chắc đã được, mà không khéo thì bị trả tiền lại. Nghĩ nực cười, mình đã khốn nạn hơn, thì thôi, chịu cầm hai hào tám vậy.

Bác bế đứa con lần cuối cùng, hôn hít, dặn dò mãi, mới rút. Khi ra ngoài cổng, bác đi không nổi, tình cha con vương vít, bác nghĩ muốn trả lại hai hào tám mà lấy con về.

Bác đứng lại, quay nhìn vào trong nhà ông Nghị, thì thấy kẻ bung chậu nước, người lấy xà phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thì tự tay tắm cho đứa bé, ra dăng âu yếm, nâng niu. Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nãy. Một chốc, ông ra ý hối hận, nói với vợ:

- Bà ạ, hoài của. giá bớt hẳn năm xu, nó cũng phải chịu.
- Sao ông nghiệt thế! Tiền hàng vạn lo nghị viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng:

- Tiêu những món đáng tiêu thì còn tiếc cái gì! Thằng bếp đầu! Mày chạy đi tìm thằng bán con ban nãy, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con lập tức!

Bác Lan giật nảy mình, co cứng, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm:

- Một, hai. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám...

7-6-1930

THẬT LÀ PHÚC

Chú lính cơ Ván-cách⁽¹⁾, cứ buổi chiều, ngồi trên phản trong trại, trông ra ngoài mảnh mảnh, thì cũng cho đôi mắt được một bữa tiết no nê bằng cuộc ngắm những chị đi gánh nước ở giếng trong huyện.

Trong các chị gánh nước đó, chú chú ý nhất là một chị, là “ma phâm” anh chàng bánh giò ở cổng huyện, tên là Tam.

Cứ kể ra, chị Tam trông cũng tình thực! Cái quần sồi đen nhánh, cái áo cánh hồ lơ, cái thắt lưng đỏ phấp phới bay theo gió, cái bộ xà tích lưng lửng đập vào đùi, đã làm cho Ván-cách ta say lử cò bợ! Không những thế, chị Tam lại còn có cái bộ mặt “gioong”! Mỗi khi chị gánh hai thùng nước nặng mà đi qua trại, thì mắt cố nhìn thẳng, mũi cố cầm hơi, tay nguẩy đằng sau, đầu nghiêng bên cạnh, cố kéo cái hò áo cho kín ngực, thì tuy mắt về tự nhiên, nhưng mồm mím như quả đào Vân Nam mới trẩy, khiến cho Ván-cách chết cũng vớ vội lấy cái đàn bầu, mà tằng tằng vài tiếng. Nhiều khi thấy chị Tam hớn hở, chú chỉ phàn nàn có một câu rằng:

(1) Số hiệu lính 24, nguyên từ tiếng Pháp vingt-quatre.

- Hoài của! Giá mình “sú-ca-nia” cho nó ít giấy ráp để đánh đôi thùng rõ sáng, thì thực là bảnh chọe.

Nói nôm na, chú Ván-cách cũng muốn chim chị Tam đáo để. Có bạn chú định ngồi trong màn幔, ví cho chị Tam một câu rõ hay. Giá chú biết làm thơ, làm văn thì hẳn đã nghĩ được một bài trường thiên rõ dài để tặng! Khốn nhưng chú chỉ quen thói tộp ngực lẫn lưng dân, cho nên chỉ học được một chim gái của bạn đồng nghiệp, thẳng như nòng súng, là giữ nón, chắn đường, hoặc nắm cổ tay mà bắt nói một câu.

- Van nhà, nhà buồng em ra!

Nhưng người anh này chỉ dám “tiểu di” thế thôi, chứ mà thầy quản đồn này nghiêm khắc lắm, lỡ chú bị “lập goòng”, hoặc bị tai thì phải biết! Cho nên, lắm lúc gặp cơ hội tốt, mà chú nghĩ đến hình phạt nhà binh, chú đành phải “đờ-mi-tua” ngay!

Còn một kế sau cùng, chú nghĩ đã chín lắm, là nhân ngày lĩnh lương, hoặc gặp buổi bốp nặn được thằng dân nào, chú quyết bỏ hẳn ra ba hào chỉ, ra hàng chị Tam đánh một bữa bánh giò rõ no, thế là “a-lê”, tha hồ tán chuyện!

Buổi tối hôm ấy, trong túi chú Ván-cách xúng xoảng có tiền. Chú bèn búi tóc yên ngựa cho thật nắn, gài cái lược xương trắng cho thật khéo, chít cái khăn lượt cho thật vổ, vuốt ít nước hoa cho thật thơm, rồi soi gương đằng trước, đằng sau, ngắm nghía mãi, mới thay quần, gài khố, bóc gói thuốc lá mới, phì phèo, huýt còi đi “la mát”.

Lúc bấy giờ đã vào chín giờ khuya. Nhà hàng phố đã đóng cửa kín mít. Chú Ván-cách lượn qua nhà chị Tam mấy lượt, thổi bài kèn “la vầy” rõ lảng để đánh tiếng, rồi dòm

qua lỗ liếp. Chị ngồi một mình, dương chẻ lạt. Chú ngấm nghĩa thế một lúc lâu, đắn đo, không biết thằng chồng đi đâu, nhưng cứ liêu gổ của. Chị Tam đương lúi húi, bèn ngẩng đầu lên, hỏi:

- Ai?

- Tôi đây! Cho tôi mua ít bánh giò! - Chị Tam đứng dậy, vừa nâng hé cái liếp ra. Ván-cách đã lách được vào rồi.

- Chào chị, “măm-den” còn bánh giò không?

- Thưa thầy, hôm nay phiên chợ, nên nhà còn ít, thầy mua giùm cho cháu.

- Được! Còn bao nhiêu mang cả ra đây. Anh ấy nhà chị đi đâu?

- Thưa thầy, chạy đâu ấy ạ.

Ván-cách được dịp tốt, “a la-văng” ngay đến trước mặt chị Tam, vừa cười vừa lả lơi nói:

- “Cắm-ma-lách” với nhau cả, thầy với cháu gì! Đừng nói thế, phải tội!

Nói xong, chú sấn ngay vào, nắm cổ tay người yêu một cách âu yếm:

- Nhà ơi!

Thế rồi mắt chú lim dim như lúc ngấm sủng. Chị Tam nhanh thoăn thoắt, giật ngay ra, lùi lại mấy bước:

- Ô hay! Thầy quyền làm cái trò gì thế này? Tôi kêu to bây giờ!

- Minh ơi! Tôi yêu mình lắm!

Vừa nói, chú vừa sấn vào, ôm lấy chị Tam, đẩy ngã xuống đất, rồi cũng ngã theo...

- Ồi giới đất ơi! Thầy quyền làm gì tôi thế này?

Tiếng kêu râm râm hàng phố. Thành linh, anh Tam ở đâu chạy về đến nơi.

Hắn các ngài đã đoán trước ngay rằng máu ghen của anh Tam mà bùng bùng nổi lên, thì chú quyền Ván-cách sẽ bị trối gô vào chân giường, và phải trận đòn nát da tan thịt.

Thế nhưng anh Tam tuy hơi tức đẩy lên cổ, mà cũng cố nén ngay. Anh sợ Ván-cách là người Nhà nước lại có sức, có quyền hơn anh, mà anh thì hèn hạ. Chi bằng thôi, thu xếp cho êm là hơn cả. Cho nên anh chỉ lấy lời ngọt ngào mà nói với Ván-cách, chứ không dám lời thôi.

Vậy mà Ván-cách nào phải người biết điều. Thấy Tam chịu nước lép, chú lại làm già, sẵn đến, tát cho Tam mấy cái.

Ngờ đâu Tam giữ được cái chày giã giò, giơ lên đỡ. Ván-cách tưởng Tam đánh, quờ tay, giật phắt ngay được chày. Rồi giơ thẳng cánh: “a, đê, toa, hấp!”. Sống mũi Tam máu chảy đầm đìa! Tam ngã quay ra, miệng kêu râm râm xóm.

Nghe tiếng kêu cứu, người phố kéo lại rất đông, mới gỡ được đám đánh nhau. Nhưng Ván-cách vẫn còn hung hăng, trở vào mặt Tam mà mắng:

- Mày láo! “Tăng cương!” Mày không biết ông là ai à?

Hàng phố thấy chuyện bất bình, ai cũng thương hại vợ chồng Tam bị bắt nạt một cách vô lý. Lúc ấy, Ván-cách đã về rồi, nên nhiều người xui Tam đi trình ngay quan huyện, để ngài trừng phạt kẻ hay... lấy thịt đè người.

- Ủ, cậ là lính huyện mà vào hiếp vợ người ta, lại còn đánh người ta, thì pháp luật nào dung?

- Phải đi kiện mới được, bắt nạt thế, ai chịu nổi!

- Cứ kiện đi, đã có tôi làm chứng. Nếu cứ để nó quen thói, thì nay nó hiếp vợ anh, mai nó tha gì vợ tôi?

Sau một lúc bàn ra bàn vào, mãi anh Tam mới dám đội khăn, mặc áo, đi vào huyện.

Quan ở trong nhà tư. Ngài đương đánh tài bàn. Thấy đương đêm có âm âm tiếng kêu, ngài cũng đoán là có chuyện gì to xảy ra đó. Nhưng vì chưa có ai báo thì chưa chắc đã to bằng ván bài phải báo của thầy thừa, ù cừu vạ thiếu lưng! Quan cười ha hả. Các cậu lệ thấy quan vui, cũng tùm tùm liếc nhau. Bỗng có tiếng rì rào ngoài cửa, và người kéo lối nhổ dây sân. Cậu lệ đang hầu nước bài, phải ngác mắt nhìn lên mãi, đến nỗi phải chửi, vì quan bàn, quân ăn đánh mà không biết.

Lúc ấy, tiếng xôn xao càng to, nên quan biết là đám kêu to ngoài phố khi nãy.

Thật may cho anh Tam vì trình quan vào lúc ngài đương vui. Đáng lẽ phải chờ đến buổi hầu sáng hôm sau mới được vào.

Quan cho cậu lệ hỏi chuyện, thì thấy cậu lệ dất anh Tam vào. Giá lúc ấy quan không mải nhìn quân bài dưới chiếu, hẳn ngài đã thấy anh Tam mặt mũi bê bết máu me.

Tam vái chào, khúm núm gãi đầu, chấp tay, bầm hết cả nổi vợ bị hiếp là thế, mình bị đánh là thế. Câu chuyện rất dài, nên anh phải kể làm ba bốn nấc mới hết, vì thỉnh thoảng quan cắt ngang mà hỏi vắn:

- Khoan! Cừu vắn đấy có phải không? Cháu... Gượm! Gì? Sao không xuống to lên?

Khi câu chuyện bầm xong, thì vừa hết ván bài. Quan

ngẩng đầu lên nhìn anh Tam, rồi cho gọi chị Tam vào. Quan ngắm một lúc, hai con mắt sáng quắc như hai ngọn đèn trời, khiến cho hai vợ chồng nhà hàng bánh giò phải thất đảm. Rồi ngài nghiêm nét mặt lại, như có ý muốn nghĩ để phân xử cho công minh.

Lúc đó, ngoài sân tối mù mù. Người đứng xem đằng xa cố ngậm miệng, nín hơi, để nghe.

Một lúc, ngài sang sảng truyền xuống, như ông Long thần ban hạnh phúc cho chúng sinh mà dạy rằng:

- Đáng lẽ dương đem chúng bay đánh nhau, thì không biết nấp tẻ ra sao, ông hãy bỏ tù hăm bốn giờ cái đã. Nhưng ông tha về mà làm ăn lương thiện, không được lười thôi nữa. Vả lại vợ mày mặt mũi thế kia, chắc hẳn cũng có thể nào với nó, thì nó mới thế chứ? Thôi ông cho về. Ông đang bận.

Một tiếng “dạ” dài, anh Tam thụp xuống đất lạy tạ quan hai lạy. Đoạn anh lom khom lui ra, nét mặt vui vẻ như người biết an phận, rỉ tai nói với vợ:

- May quá! Xuýt nữa thì phải ngồi tù. Thật là phúc! Lạy quan lớn ngàn năm!

9-10-1930

“LẬP-GIÒNG”*

Anh em trong trại cơ đứng xúm xít xung quanh chú quyền Ván-cách và hỏi:

- Thế nào? Toa phải phạt nặng thế à?

- Nặng lắm. Nhưng mình có lỗi, thì kêu ca làm gì? Có gì đâu, đêm hôm qua, đảng này đi tuần với thầy quản, vào mé rừng làng Cổ Tích. Lúc tang tảng sáng, có một người đàn bà thu lu cái gì trong bọc, ở đằng kia đi lại. Người ấy thấy thầy quản và tôi, thì vùng té chạy. Thầy quản nghi tình, mới hô đuổi theo, bắt đứng lại để khám. Thì ra con mẹ ấy...

- Khoan, con mẹ ấy mặt mũi có khá không?

- À chà, sộp phải biết! Hai con mắt nó mới lẳng làm sao!

- Thôi được. Con mẹ ấy tại làm sao mà chạy?

- Lúc nó bị bắt, thì tay nó cầm một chai thuốc phiện lậu!

Nó van lạy thầy quản xin tha và hứa sẽ biện chè lá.

- Nó khẩn bao nhiêu?

- Nó khẩn thầy quản một chục và đảng này năm đồng.

* Tiếng của lính nói La prion, tiếng Pháp là nhà tù theo giọng bồi.

- Hoài của! Thế mà thầy quản không nhận! Giá phải tay tớ, thì tội gì, tớ nắm lấy xu tiêu, rồi thả băng.

- Các anh phải biết thầy quản thẳng lắm. Tôi còn trông thấy trong túi nó có mấy cái giấy năm đồng nữa, gói vào một cuộn, mà chính lúc nó giở ra, thầy quản cũng biết, nhưng thầy vẫn nghiêm nét mặt như không.

- Phải! Làm việc quan thế mới được, chứ như anh em mình, chưa thấy tiền đã híp mắt lại, thì còn pháp luật gì! Thế rồi làm sao?

- Nó khấn thế nào thầy quản cũng không nghe, cứ khăng khăng một mực thét trối để giải về trình quan.

- Thế thì làm sao nó lại trốn thoát?

- Đã trối nó đâu. Con mẹ ấy quần tóc trần, thành ra không có gì để trối. Thầy quản nhìn trước nhìn sau rồi bảo nhỏ tôi: “Này chú Ván-cách, con mẹ này khôn ngoan lắm, ranh mãnh lắm, thầy trò ta phải coi chừng! Chú mình phải chịu khó vào rừng, tìm cho được cái dây hay cái cây leo nào rõ chắc chắn, để trối nó. Vì xem ra nó khỏe lắm. Giải không, lỡ nó chạy trốn mất”.

Tôi chạy vào rừng. Còn một mình thầy quản giữ nó. Ác quá, cái rừng ấy lại chỉ có cỏ tranh. Tôi quanh quẩn mãi, chẳng kiếm được một sợi dây nhỏ nào. Quay lại nhìn, tôi vẫn thấy thầy quản trông theo, nét mặt ra ý tức giận. Rồi thầy hỏi:

- Thế nào? Đã có dây chưa, sau lâu thế?

Tôi đáp:

- Thưa thầy rừng tranh, khó kiếm dây quá.

Thầy quản bảo:

- Thế thì sang rừng bên kia mà tìm vậy chứ? Sao chú ngốc thế? Đi mau lên!

Thực ra, từ thừa cha mẹ đẻ ra, lần này tôi mới phải bừa vát vả là một. Tôi chui chỗ nọ, tôi luồn chỗ kia, lúc thì rúc, lúc thì bò, mãi mãi mới kiếm được dây về. Song, tôi chỉ còn thấy thấy quần đứng trơ khấc một mình ở đó. Thoạt thấy tôi, thầy hăm hăm nét mặt, vừa giơ đồng hồ, vừa gắt:

- Chú không được việc gì cả! Chim gái thì thạo lắm! Chú ngủ trong rừng hay sao? Hơn một tiếng đồng hồ chú mới kiếm được dây. Thôi con mẹ nó trốn mất rồi!... Chú không nhớ rằng tôi đã bảo con mẹ ấy tai quái, khỏe mạnh à? Chú để một mình tôi canh nó, nên nó trốn thoát! Được rồi, tôi “lập-bô” cho chú, chú sẽ phải “lập-gioòng”!

- Làm sao đằng ấy không xin thầy quần ngay?

- Sao lại không xin? Nhưng tính thầy quần nghiêm khắc, còn ai lạ? Đến ngay như lúc ấy, tôi mệt quá, xin vào ngồi nghỉ ở túp hàng nước cạnh đấy, mà cũng không được. Thầy bảo: “Thôi, đã có ai dọn hàng đâu mà vào nghỉ. Chú phải về ngay, nếu chú tìm được con mẹ ấy thì tôi tha cho chú”.

Cha mẹ ơi! Biết nó trốn đằng nào mà tìm bây giờ! Thôi đành chịu “lập gioòng” cho xong chuyện vậy...

Ván-cách nói đến đấy thì vừa đến giờ chịu phạt. Chú phải mặc quần áo chỉnh tề, quần xà cạp, đeo bao đạn, bông súng cắm lười lê, đi xung quanh bờ giếng. Cách hình phạt ấy, làng “ăng dê” ta gọi là “lập gioòng”...

Nghe câu chuyện chú quyền Ván-cách nói, ta cũng đã hiểu được tại sao chú phải phạt rồi. Vì lỗi chú đi lâu quá, đến nỗi thầy quần đồn một mình không giữ nổi cái con mẹ khôn ngoan mạnh khỏe kia, để nó xổng mất. Nhưng tưởng

thầy quản đồn cũng lực lưỡng nhanh trí lắm đấy chứ. Tại sao lại để cho con đàn bà nó đánh tháo được cả người lẫn tang vật?

Nhà tiểu thuyết chẳng muốn để chỗ thủng ấy vừa chỗ cho độc giả đánh dấu hỏi. Vậy xin kể cái miếng võ nó rình đánh vào chỗ yếu của thầy quản, và mưu mẹo nó lừa ra sao.

Nguyên thầy quản trông thấy rừng tranh, có lẽ biết là hiểm dẫy, nhưng cũng cứ sai Ván-cách tìm. Thầy nhìn theo Ván-cách, cứ thấy anh chàng vợ vẫn kiếm quanh ở đó, nên thầy mới bắt phải sang tận rừng bên kia mà kiếm cho được cái dây chắc chắn để trói.

Lúc Ván-cách đi khuất, thầy quản mới quay lại người đàn bà, cau mặt mà gắt:

- Mày mang thuốc phiện lậu, phen này ông cho thì ngồi tù.

Con mẹ thấy lòng thầy quản thẳng như nòng súng, rắn như hòn đạn, khẩn tiên cũng không thêm, thì không biết làm thế nào được. Nhưng lo cũng cứ lay van hoài:

- Lay quan lớn, ngài tha cho con.

- Tha! “Tăng xương”! Coi thì mày chết, con ạ. À, tao biết, mày vẫn còn nhiều đồ quốc cấm giắt ở trong mình...

- Lay quan lớn, con là đàn bà, làm gì dám mang những thứ ấy.

- Mày không đánh lừa nổi ông. Đàn bà mang những vật ấy mới dễ. Giờ hai tay lên, ông khám.

Con mẹ sợ hãi, chấp hai tay lay rồi rít. Thầy quản quát hai con mắt, dọa báng súng vào ngực nó:

- Mày có giờ tay hay không thì mày bảo?

Khốn nạn, con mẹ tái mặt. Nó vội giơ phắt hai cánh tay lên trời. Thấy quần khoác súng vào vai, dần dần lần các túi áo.

Túi bên phải: một gói thuốc lào. Thấy chẳng nói gì, quăng toạch xuống đất.

Túi bên trái: bốn đồng trinh.

- À, con này gói thật, mày vẫn còn trinh à?

Chẳng biết cho là câu nói ý nhị hay nói hớ, thầy quần liếc mắt cười tùm, rồi lại nấn.

Túi trên: hai hào.

- Hào giả hay thực đây? Tao phải mang về trình quan mới được.

Con mẹ ấy toét mồm ra cười.

Túi trong: cuộn bạc giấy.

- Mày làm gì có nhiều tiền thế này? Hẳn là tiền buôn thuốc phiện lậu. Tang vật này, tao phải mang lấy. Còn đồ quốc cấm, mày giắt ở đâu? À, con này ranh quái quá! Tao phải khám cẩn thận mới được. Còn thứ nào nữa không?

Thầy quần lại bắt con mẹ phải giơ thẳng tay lên, không cựa. Thấy khám, khám mãi, mãi... Trước thì con mẹ rúc rích cười. Dần dần, thầy quần quăng cả súng ra bên đường để khám cho khỏi vướng, và cũng rúc rích cười. Rồi con mẹ bật cười ngặt nghẹo.

Ấy thế rồi thầy quần, miệng thì ha hả, đầu thì gật gật, tay thì lôi kéo, bắt con mẹ vào trong túp hàng nước, có lẽ để khám cho kỹ hơn.

Đó, nguyên do vì thế nên con mẹ mới trốn thoát. Nhưng xin các ngài giữ kín hộ, đừng nói chuyện với ai!

11-12-1930

NGỰA NGƯỜI VÀ NGƯỜI NGỰA

Đố ai biết anh phu xe đang lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đấy?

Trông anh ấy có vẻ “dối” khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi Tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế? Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng một “cuộc” Tết niên?

Ấy thế! Trả xe cho xong quách, về nhà hú hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó nọ. Năm hết Tết đến rồi. Còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ còn lâu la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền, thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vợ vẫn vẫn vợ như thế này! Khốn nhưng anh ấy vừa mới ốm dậy, ốm một trận tưởng mười mười chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu, sạch sành sanh cả.

Bởi vậy, hôm nay, anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn Tết.

Quái, không hiểu cái ngày nay là cái ngày gì, mà từ chiều tới giờ, anh ấy mới được có hai hào nhĩ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mỗi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh Tết nhà giàu mà thêm rở dãi. Họ quăng tiền đi vào dịp Tết, thì nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng, anh ta dỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa không. Thì chỉ thấy đánh đẹt, lòn một cái ở giữa đường, làm cho anh ta giật mình đánh thót. Giật mình, rồi lại thở dài, ngán cho cái đời bấp bênh, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi, làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua Hàng Trống, qua mặt phố Nhà Thờ, xuyên thẳng lối nhà thương Phủ Doãn, thì bỗng đứng dừng, quay cổ lại nhìn.

- Xe!

- Đây!

Ba bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía có người gọi, hạ hai cẳng xuống.

- Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót ba mươi tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè:

- Anh có đi giờ không?

- Bà đi mấy giờ?

- Một giờ.

- Xin bà sáu hào.

- Sao anh lấy đất thế? Hai hào!

- Thưa bà xe ngày tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai mà kéo nữa, mà bà trả rẻ thế. Con kéo một chuyến, rồi cũng đi trả xe, về ăn tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

- Này, bà trả bao nhiêu?

- Hai hào là đất rồi, ngày dựng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

- Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thì thôi.

- Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chổng cẳng lên trời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán người này cũng là khách kiệt, nên mới trả rẻ quá như vậy. Thôi thì người già thì ta non. Anh chạy theo và gọi:

- Này, mời bà lên xe!... Hai... hào...! Xin bà hai hào rưỡi!

Bà khách vừa bước chân lên sàn xe, thấy anh xe vùi hai hào rưỡi, vội nhảy tọt ngay xuống đất:

- Không hai hào thì thôi.

- Thôi, đây, mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ:

- Chín giờ năm nhé, nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, nên cũng chỉ chạy “dưỡng lão” thôi, dứt

nhóm mạnh, mà bước ngắn. Vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng bà khách đi có việc gì, cho nên còn chạy. Sau thấy bà cứ trở vợ vẫn hết phố nọ sang phố kia, mà chẳng đỗ ở phố nào cả, thì mới đoán có lẽ là cánh “ăn sương” chi đây. Anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải là giảng há thì mình giới thiệu cho một món sộp đáo để.

Nhưng lỡ không phải thì họ mắng cho và không trả tiền thì khổ.

Qua chợ Đồng Xuân, vòng về Hàng Cót, lại rẽ sang Cửa Đông, bà khách bỗng hỏi:

- Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Vâng, nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

- Được.

- À, anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc tôi trả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao phục, lấy ra hai hào, đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu, mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe nhấp nhúm chạy rảo cẳng vài bước, rồi lại tiến bước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn:

- Bà tìm ai, thưa bà?

- Tôi tìm người quen.

- Nhà người quen bà ở phố nào?

- Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra Ga, vòng về đường Sinh Từ, quặt về Hàng Bông, Hàng Manh, Hàng Vải Thâm, vân vân. Mãi mãi, mà người khách vẫn không tìm thấy người quen.

- Thưa bà bây giờ mấy giờ rồi?

- Mười một giờ kém năm.

- Con kéo hết giờ này, xin bà cho tiền để con đi đón khách ở ga về.

- Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng một cuộc cũng được hai hào chỉ.

- Anh đã chắc có khách chưa? Hay là chỉ mật ít ruồi nhiều, rồi dắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thủng thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mưa mật ra ư?

Anh xe nghe bụi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi. Các cửa đóng kín mít. Đi một lúc, qua Ngõ Trạm, vòng sang Hàng Điều rồi rẽ sang Hàng Bồ. Lúc ấy, bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, đi đẹt báo giao thừa.

- Mấy giờ rồi, thưa bà?

- Phải gió nhà nào bây giờ đã đốt pháo Giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: “Mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào. Sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín. Chín hào! Mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may! Mới năm mới

đã phát tài! Thôi, sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay”.

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phẩn chấn trong lòng như có cái sức gì nó xúi giục anh quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

“Sáng mai, kéo chuyến khách qua ga, xong rồi, ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga-tô cho nó mừng. Vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hơn hở, thấy ta làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không một nhọc, để vợ chồng con cái ăn Tết với nhau cho hể hả”.

Anh vừa nghĩ thế, vừa kéo về phía nhà thương Phủ Doãn. Tối chỗ khi nấy, anh dừng xe lại, nói:

- Bây giờ có lẽ mười hai giờ, xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống cuống, nói:

- Chết! Anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

- Thôi khuya rồi, cháu phải về nhà.

- Đây, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ. Có anh biết đấy. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để trả anh. Nhưng chẳng may gặp phải cái tối xúi quẩy thế này, thì tôi biết làm thế nào?

- Thế cô đi xe tôi từ chín giờ, cô không trả tiền tôi à?

- Bây giờ tôi biết làm thế nào?

- Tôi kéo cô lên Cẩm.

- Lên Cẩm thì tôi đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào?

- Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giò, lại còn vay tiền người ta mua thuốc lá và hạt dưa!

- Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng Bún, khi nào anh đi qua, thì tôi trả tiền anh chứ gì!

- Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng Bún, ai biết ngõ nào mà tìm!

- Tôi không có tiền đâu, chả tin anh khám mà xem.

- Tôi không khám, cô trả tiền cho tôi về!

- Đây, hay là phu-la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thứ gì thì lấy.

- Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

- Thôi này, đừng câu làm gì. Tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh, cũng là đi kiếm khách cả. Nhỡ phải một tối thế này, thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào?

- Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà sấm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.

- Nào ai biết nó ra cơ sự thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây thì tôi không có tiền trả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may tôi có khách thì tôi có tiền, mà anh cũng không phàn nàn gì nữa.

- Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà rấp! Rắc rồi!

- Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!

Anh xe vừa đi, vừa thở dài. Khách cũng vừa đi, vừa thở dài. Càng đi, càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt. Thịnh thoảng mới gặp một người tùm hum cái áo ba-dờ-xuy, mà có ý đi vội vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn. Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau ở đường nhựa.

Anh xe dắt xe đi diều qua các cửa nhà sẫm để xin việc cho cô ả. Nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao, đến phố Hàng Gai thì gặp một người ra dáng ăn chơi, đang tắt tả cúi đầu đi. Cô ả dủ môi, đánh liều gọi lại, vờ vỉnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ rảo cẳng bước đều:

- Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được. Tôi còn vội đi mời đốc-tờ cho vợ ốm đấy!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào. Anh xe lại từ từ tiến bước.

- Cô làm thế này thì tôi chết mất!

- Thôi anh bằng lòng vậy.

- Ấy cũng may cho cô, vợ vẫn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mặt thám hoặc đội con gái thì khốn!

- Mặt thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có "ba tầng".

Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả, cô ả bảo anh xe:

- Đây, anh đỗ xuống tôi bảo. Tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền trả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết thế nào cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín, vắng, anh muốn bắt tôi gì, tôi xin chịu.

- Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe, nhân nhờ cười:

- Anh này thực thà quá, nghĩa là chỉ có anh và tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì. tôi cũng bằng lòng.

- Ối thôi! Tôi lay cô. Nhỡ cô đổ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi.

- Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

- Thôi, tôi chấp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

- Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi, xem có đồ đạc gì đáng giá, thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng. Nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì thì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đồ nát dụng nhau.

- Nhà cô ở đâu?

- Trên Hàng Bún.

Anh xe vừa kéo, vừa lăm bắm nói một mình:

- Không có tiền, cũng leo lên xe mà ngồi, chỉ sợ diện hảo thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phèo thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt dầy cho anh xe mắng một ít câu cho bỏ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy gió bắc thổi cầm cầm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà sấm, cô ả bảo:

- Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người ta xem có được không.

Anh xe hơi có hy vọng, đỗ lại để cho cô ả vào. Rồi vì mệt lử, anh ngồi phịch xuống sân xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ, vừa nghĩ vợ nghĩ vẫn.

Một lúc lâu sau, một tràng pháo nổ vang trời, làm anh giật mình. Anh sực nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế. Hay có lẽ đã có món khách nào chăng. Nhưng thế nào cũng phải trả tiền cho mình về đã chứ, lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh gõ cửa gọi.

Người bồi sấm ra.

- Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quán khăn quàng trắng vào đây ban nãy, nằm ở buồng nào?

- Chả có buồng nào có khách cả.

- Thế người con gái ấy đâu?

- Ra ngay từ bao giờ rồi, còn đâu mà hỏi.

- Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau.

Anh xe choáng người, nghe như tiếng sét đánh. Anh bàng hoàng như tỉnh giấc chiêm bao. Người bồi sấm nói xẵng:

- Đi, cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh xông nhà cho tôi? Năm mới đừng bí beng!

- Ông ơi...!

Người bồi giúi vai anh xe, đẩy ra, rồi đóng ập cửa lại.

Anh xe nghiêng răng, cau mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm quật mạnh vào hòm đánh thành một cái! Anh móc túi lấy bao diêm đốt vía, rồi khều bàn chân, co cái cẳng lên, đưa tay ra đỡ, thùng thẳng dắt xe đi.

Tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau bùng bùng, toạch toạch...

11-2-1931

BỐ ANH ẤY CHẾT

Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá! Nhất là các “cụ cát dem” chúng tôi, làm như Ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái Luật, cái buồng bình, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thể sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chẳng sợ, chẳng nể ai cả. Mà cũng chẳng ai buồn dây với chúng tôi làm gì cho thêm ác cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư, lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành hành như “Ông Tướng Quảng-Lạc”!

Chín giờ tối hôm thứ bảy ấy. Trống ngũ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đã lên trên gác, bỏ màn nằm yên tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới “khệnh khạng lên, lê giầy sên sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu. Người thì còn xuống nhà dưới ăn phở. Người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng

chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu. Canh chuông tiêu, ba bốn anh còn quây xung quanh anh Doan “Bà một” để chờ anh đánh diêm “khao” nốt mẩu thuốc lá ban chiều. Bên vòi nước, anh Bách “Tu-via” miệng lúng búng ngậm nước, tay cầm cái điều cày cán chổi còn chờ anh Vũ “Oản” lấy diêm để “tê” một tuần ngoài hiên, bên dãy tủ quần áo, anh Văn, trắng trẻo và đẹp trai, đang măm mồm lợi giở võ đánh đôi giày giôn cho bóng lộn để diện với “en” Tuyết, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giày xem đã được như gương chưa. Anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít sì dẹt đen để “cộng sản”. Trong buồng mấy anh nghịch tình, xúm xum nhau để lật chăn anh Thọ là tín đồ đạo “thờ quần” vì sợ “vỡ hộp” hôm chủ nhật, nên tối thứ bảy anh vẫn chịu khó nằm vo một ông Táo!

Lúc ấy tôi cũng duỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nốt mấy anh vài ngón đàn tam-thập-lục. Xung quanh các bạn ngồi chồm chồm như lũ cọp đắp ở tường ở các đền. Ấy trong bọn “ma cà cú” chỉ còn thiếu anh Dếnh, anh Rững, anh Khải, mà thôi. Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị “công-sinh”, nên không còn hy vọng gì ra ngày chủ nhật mà hoài công sấm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rững là liều lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh ấy chẳng lo gì cả, chỉ nay trả lời cái thư tìm tít, mai học thuộc cái thư hồng hồng. Cả buổi chỉ giở quyển Kiều, gia công khảo cứu những câu tình tứ. Bài làm thì “cóp”, bài thi thì “phim”, cho nên bao giờ bị “truy”, mặt anh cũng xám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rững vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen

võ bụng. Cho nên anh Rững tuy thấy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thì bỗng có tiếng gọi. Tôi dừng tay lắng tai nghe:

- Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tí!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

- Tôi nhờ cậu, cậu ơi!

Tôi hỏi:

- Ai đấy? Hỏi gì?

- Nhờ cậu bảo cậu Rững rằng thầy cậu ấy mới mất, cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ dội của bạn, anh nào anh nấy giật nảy mình, kinh hoàng ngơ ngác nhìn nhau và hỏi:

- Rững lên ngủ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

- Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ chạy tán loạn đi tìm anh Rững. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy, rồi kháo nhau:

- Bố anh Rững “cát dem” chết.

Anh Rững lúc ấy còn đang ở buồng học, xem cuốn tiểu thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, meo máo, hấp tấp xếp sách vở, gấp năm sáu cái thư kín vào cặp, rồi tắt tả hỏi tôi:

- Đâu, thằng bé con nào đâu?

Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rững tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con bạn này đâu, tôi bèn hỏi to:

- Ai là người nhà cậu Rừng đâu rồi?

Không thấy ai thưa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

- Nó về rồi.

Anh Rừng lập cập chạy lên gác, nằm ềnh trên giường, lăn lộn khóc nức nở. Chúng tôi hết lời khuyên giải, nhưng, những lời khuyên giải ấy đối với tâm lý anh Rừng lúc bấy giờ, chỉ là vô hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thảo tờ giáp phép hộ, rồi giục anh Rừng sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà, ký giấy cho anh nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở công ra ngay.

Chúng tôi nhìn theo anh Rừng mà ái ngại cho anh. Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nãy vui vẻ, cười khanh khách, ngồi trong lớp còn tán chuyện ầm ầm, chê hết người nọ, lại trêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh gia biến, vật mình vật mẩy nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm!

Vả chẳng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc Giang chơi. Ông cụ phúc hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ồm mà bỗng đánh đòn thấy nói mất, thì tuy không máu mủ, nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền rủ nhau xuống cả buổi học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng viếng. Anh Mộng có tài hùng biện, ngồi cao làm chủ hội đồng. Cái hội đồng này cũng có tính chất êm đềm như hội đồng các dân biểu, anh Mộng nói

ra điều gì, chúng tôi cũng gật ngay không ai phản kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai, buổi trưa, anh Thuận đắp xe lửa đi Bắc Giang.

Hội đồng giải tán, ai mấy đều im lặng lên gác bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên cổ, ái ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rững cũng thực đáng ái ngại. Bà thân sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay ông cụ lại quy tiên, thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả còn nữa tháng nữa thì thi, giá ông cụ có ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần lễ để học rần lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rững ở vào cảnh ngộ sâu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tạo oái oăm, hay bày trò thêm rắc rối!

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

- Bây giờ Rững đến nhà chưa chỉ?
- Bây giờ chắc Rững đương lẫn lộn bên quan tài!

Sáng sớm hôm chủ nhật, trước khi ra phố, anh em lại dặn tôi rằng:

- Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp.

Tôi mượn được xe đạp, thượng khẩn cuộc đi sắm sửa lễ vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao trả anh Mộng để anh cất anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô Lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà cô anh Rững ở phố Hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

- Cậu Rững đi lúc mấy giờ?

- Thưa chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi!

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vợ vắn tắt, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rững nằm dài ở trường kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng Tây khê rằng:

- Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương móc óc tôi, thì anh Rững đã mặc áo xong, anh liền cầm mũ rủ tôi đi.

Ra đến cửa, anh có ý lo, vạt đầu vạt tai nói:

- Nguy quá, anh ạ.

- Sao? Cụ bây giờ thế nào?

- Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi!

- Sao nó không cho anh về à?

- Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rững. Trời ơi! Thế ra nhân tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu! Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột, nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rững chẳng cãi sao, chỉ nhún nhó hổi hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

- Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói

đối, có lẽ lồi thối, không khéo tôi phải đuối mắt, kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công, thì thấy tôi mắng, rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi, thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bấy giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhớ nhỏ chỉ vì tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

- Chỉ còn cách tối nay anh về thú thật với ông Đốc, nói là anh bị đứa nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

- Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn, tôi nói:

- Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rững vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ anh cho kế ấy là diệu, nên anh lạy van, và dặn tôi rằng về trường đừng nói với ai. Anh nói:

- Sau này có xảy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai, mà việc lên Bắc Giang tôi cũng tìm cách ngăn trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gửi ngay xe hỏa cho tiện. Thế là tôi gìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận nghe tiếng giấy tây lộp cộp của một anh ở phố vào lớp, là tôi lại giật mình hộ anh Rững. Anh mà bị anh em hỏi

chuyện, thì không biết anh trả lời làm sao cho trôi? Nhưng quái, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rững đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta định làm thế nào.

Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư,... Chẳng thấy Rững vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm ấy nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rững mà ái ngại. Đến tối hôm chủ nhật sau, gần tám giờ, khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

- À! Rững!

Rồi một vài anh:

- Ê! Rững! Tôi chia buồn cùng anh!

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rững mặt mũi xanh xao, bơ phờ, râu rĩ, chẳng hay anh lo hay anh buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại tang, đầu chít khăn ngang sô, mình mặc áo sổ gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân vân như mê mê, hoảng hoảng. Ở hay, thế là nghĩa làm sao? Hay là bố anh chết thật chẳng? Tôi trở mắt lên nhìn anh Rững. Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi, nắm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khế tôi:

- Không ai biết đấy chứ?

- Phải, nhưng sao lại khăn áo này?

Anh Rững tắc lưỡi đáp:

- Không! Còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng!

20 Janvier 1932

QUAN THAM NỬA GIỜ

Năm tôi mười tám tuổi, tôi đã có cái vẻ mặt đứng đắn của con người hai mươi. Nhất là khi khăn áo chỉnh tề, thì các bậc ngàn, người lạ cũng chả dám đánh cuộc rằng tôi còn mải dững quần ở ghế trường học.

Sở dĩ tôi nhớ lại chuyện cũ, là vì độ này bên tai tôi, ai ai cũng còn nói đến Tết.

Nguyên từ nhà quê tôi ra đến Hà Nội, có hai mươi cây số. Muốn đi xe lửa, thì thuê một hào xe ra ga, lấy vé mất hào bảy. Nhưng nếu sợ phu xe bắt chẹt, thì cứ đứng ở chợ Đường Cái, mà chờ ô-tô hàng Hưng Yên và Hải Dương đến. Vừa chóng, vừa chỉ tốn có hào rưỡi thôi.

Hôm ấy là mồng hai tháng Giêng, tôi phải ra Hà Nội để lễ tết người nhà họ.

Tôi chờ ở giữa đường mãi không thấy có xe qua. Có lẽ vì năm mới, các hãng còn nghỉ việc.

Nhưng may quá, tôi đương nóng ruột, bỗng có cái ô-tô hòm đi tới, mà đến gần tôi, người tài xế hãm lại, ngó cổ ra, hỏi có đi Hà Nội thì lên. Tôi mừng quá, vội lên ngay.

Các ngài thử tưởng tượng mà xem, một người mặc lịch sự như tôi, giấy ban, khăn nhiễu, trong gấm, ngoài xa-tanh, mà chính chễm ngồi giữa cái xe hòm, thì phỏng ngay các ngài có dám nói dựng đứng rằng không phải xe nhà tôi không?

Đi được một ít, anh tài xế dẫn tôi:

- Đây là xe của chủ tôi ở Hải Phòng, hôm qua lên Hà Nội có việc, nay bảo tôi đi đón; vậy giữa đường, lỡ có gặp ai hỏi, ông cứ nhận là người nhà tôi.

- Được.

- Ông lên Hà Nội có việc gì?

- Tôi đi lễ tết, chiều về.

- Hôm nay ngày xấu, sao ông vội xuất hành thế?

- Nếu cứ chờ ngày tốt, thì còn gì là ngày nghỉ nữa.

Anh tài thấy tôi nói đến tiếng “nghỉ”, cơ chừng anh đoán là tôi cũng đã có địa vị chi đây, phi ông tham, thì ông phán, ông ký, không cũng ông giáo hẳn - chứ chắc chẳng dám đoán tôi là học trò - cho nên anh hỏi ngay:

- Ông làm gì ở đâu?

Cái sĩ diện của tôi mới “bơm” được có một ít, chẳng lẽ nay tôi lại trả lời thực thà để nó “xì” mất a? Tôi liền “thụt” ngay cho thêm vài nhát nữa, và đã nói khoác, tội gì không nói mình thực sang, cho nó bõ chuyến, tôi liền đáp:

- Tôi làm *tham-tá phủ Thống-sứ*.

Lúc đó, anh tài quay lại nhìn tôi. Hẳn anh không ngờ đâu cái ô-tô của anh đã được hân hạnh một nhân vật oai thế đặt cái quý dít lên trên, cho nên tuy bụng anh không nói ra, nhưng cứ đọc ở đôi con mắt, tôi cũng đoán được là

anh vừa ngạc nhiên, vừa sợ hãi. Quả thực, từ đó, mỗi câu nói, anh ta lại *bấm quan* và lại xưng là *con* nữa.

Thấy thế, tôi tự phụ là tuy ít tuổi, nhưng ra ngoài xã hội đã khôn khéo hơn người, biết làm cho kẻ khác vị nể.

Rồi, từ đó đến Hà Nội, trong nửa giờ, tôi cứ hô hấp, nói năng, cử chỉ một cách tham-tá, mà anh tài càng nghe tôi nói khoác bao nhiêu, lại càng lễ phép khúm núm bấy nhiêu. Rồi xe vào cầu Đu-me, anh nói:

- Bấm quan, người ta thì đến đầu cầu bên kia, phải xuống ngay, nhưng quan đây thì con vững tâm lắm, con xin đánh xe hầu quan đến tận nhà.

Đấy, các ngài đã phục lẫn ra chưa? Cái sĩ diện của tôi cùng thời gian mà to dần, cho nên đến các phố, tôi càng lấy dáng bảnh chòe, ta đây là kẻ giàu, cái mặt vênh vênh, đôi tay khuỳnh khuỳnh, cặp mắt gấp gáy, rõ con người trưởng giả không chịu nổi gió bụi. Xe qua nhà các tiểu thư ngày thường bốn buổi tôi cuộc bộ cặp sách qua, các cô còn trở mặt ra nhìn theo, không biết có phải chính hần không!

Đến nhà tôi. Xe vừa dừng bánh, anh tài đã chạy vội xuống xuống để mở cửa. Nhưng về phần quan tham thì tính sao? Quan phải chi tiền xe chứ? Lúc bấy giờ quan mới sực nghĩ ra rằng trong túi quan, đếm đi đếm lại, chỉ có đồng tư bạc.

Thì giá các ngài vào địa vị tôi, các ngài định trả bao nhiêu? Giá từ trước, cứ ngồi cạnh anh tài xế, đừng chồm chồm như con chó tiền rưỡi ở yên sau, hoặc cứ ngồi yên sau mà nói rằng mình học ở trường Cao đẳng, cũng sĩ diện chán, mà không nguy hiểm đến tính mệnh số tiền tí xiu kia. Chết một nỗi làm những quan tham mất rồi! Chẳng lẽ quan tham

ngài lại xử nhỏ, đưa bốn hào hoặc đưa đồng bạc bắt anh tài trả lại mấy hào, coi không tiện. Thôi, quan đành cắn răng lòi cả đồng bạc ra vậy. Ô hô!

Anh tài thấy tôi chỉ sang, dang cả hai tay ra nâng một cách cung kính:

- Bẩm quan, năm mới quan mở hàng, con xin bái lĩnh.

Nói đoạn, anh vái rồi đánh xe đi, để tôi với cái tham tá của tôi lại giữa đám cát bay mù.

*

* *

Xe đi khuất phố. Tôi phủ bụi áo, chợt nghĩ đến cái sĩ diện quan tham ban nãy, thôi, nó theo anh tài-xế đi đường nào mất rồi? Thực là dại! Tiếc quá, được làm quan tham trong nửa tiếng đồng hồ, thành ra đi nhẹ mất đồng bạc!

Thì ra có dại mới nên khôn, nhưng khôn nạn, lúc khôn thì dại quách rồi. Tôi nghĩ còn dại hơn anh chàng thiếu niên trong chuyện *Gil Blas* nọ, được là “*cái kỳ quan thứ tám trên thế giới*” mà phải trả tiền cơm ăn kẹ cho con chó đói nó nịnh mình. Nhưng chàng thiếu niên ấy nó hơn tôi ở chỗ được người ta tự nhiên đến biếu cái sĩ diện thì mất tiền cũng đáng, chứ mà như tôi, tự mình mua cái sĩ diện cho mình đến nỗi đánh gãy mất ba phần tư cơ nghiệp mới dại làm sao?

Bây giờ tôi lớn lên, nhân nhớ lại chuyện cũ mà lại buồn cười. Té ra là hai bên cùng lầm cả, cho nên mới thành câu chuyện. Anh tài lầm vì anh chỉ biết trọng quan tham, mà anh không biết khinh thẳng nói khoác; mà tôi lầm vì lại đi trả đất cái sĩ diện với kẻ xét lầm mình!

Ấy cũng chỉ vì người đời đều lầm như anh tài xế và tôi, cho nên mới đánh giá những cái không đáng quý khí cao quá. Bởi vậy mà xung quanh tôi đây, từ năm ấy đến nay, tôi hằng gặp biết bao tôi và anh tài xế! Trong những hạng người ấy, không thiếu gì anh to đầu hơn tôi, có râu rồi, có con rồi, có cháu rồi, mà còn dại như đứa trẻ thơ, cố mua hớ một tí sĩ diện hảo huyền.

Các cô tiểu thư! Các cô cứ kệ cái nước da ngăm ngăm cho có duyên, các cô cứ mặc cái làn tóc tự nhiên của giống đẹp nó phát phơ trước gió có được không? Các cô lại muốn đánh lừa chúng tôi mà tô son điểm phấn, để lấy cái bộ mặt khác, các cô lại đánh sập bôi nước hoa để làm lạc cái vẻ nhu mì của các cô đi. Các cô đẹp thực, thơm thực. Vậy cái sĩ diện các cô đã bắt các cô tiêu phí bao nhiêu tiền về trang điểm, về thì giờ, về mất việc? Các cô đi qua mặt chúng tôi, việc gì trong ngực các cô phải bồi hồi, việc gì các cô phải lấy đáng cho yếu điệu, việc gì các cô phải làm nét mặt cho nghiêm chỉnh? Chúng tôi tưởng rằng các cô đoan trang thực đấy, nhưng các cô có biết cái sĩ diện ấy đã xui các cô giết mất cái đáng điệu tự nhiên không?

Các ông nhà quê! Các ông không muốn ngồi yên chiếu dưới, các ông phải xoay lấy cái lý trưởng phen này. Nhưng nào các ông đã thỏa cho, cụ Chánh còn có điều có tráp kia, vào quan không phải tụt giầy, được bạn với cụ Thừa, cụ Lục kia; mà lúc các ông được làm Chánh tổng, các ông có ngồi yên đâu? Các ông lại còn nháp nhồm lên cái ghế nghị viên hàng xứ. Phải, quan nghị oai lắm! Nhưng, các ông muốn được cái sĩ diện lâu và to gấp trăm gấp nghìn cái quan tham

trong nửa giờ của tôi, thì hẳn các ông phải sùu một món tiền cũng gấp trăm gấp nghìn cái đồng bạc ấy. Bây giờ các ông thử võ túi xem có còn cái gì không?

Lại còn nữa; lại còn những anh kiệt xác, muốn được cái sĩ diện tư bản, cố vay mượn để xe nhà, để ô-tô, để Đồ-sơn, Xá-pa, để vợ con ắp mặc ngang bà nọ bà kia; thì ra anh ấy đã tiêu phí mất cái tự do về tinh thần. Ông chủ báo dốt đặc muốn lấy sĩ diện với quốc dân, đã liều thân làm cái bia cho đời mai mỉa. Ông võ tướng muốn lấy sĩ diện hoàn cầu hậu thế, đã tiêu tốn mấy mươi vạn sinh linh.

Ấy các ngài dừng đại như tôi, trước khi chui vào cái ô tô hòm mà chễm chệ, ta hãy bấm lũng xem có bao nhiêu vốn cái đã, mà anh tài có hởi cũng cứ sự thực mà nói, thì ở xã hội làm gì có những cảnh ba đào? Nhưng nếu không thế, sao đã có câu chuyện tôi hiến các ngài đây.

20 Janvier 1932

ÔNG CHỦ BÁO CHẲNG BẰNG LÒNG

Hễ bao giờ ông chủ nhiệm tờ Đời Mới đến tòa báo mà ngậm cái tẩu thuốc là chệch sang một bên hàm, và hay khịt mũi, thì y như hôm ấy, ông có việc gì chẳng bằng lòng.

Sáng hôm ấy cũng thế. Cho nên từ lúc bước chân đến tòa báo, ông đã gắt như mấm! Thỉnh thoảng, ông đưa tay đập vào cái túi nó ngậm chặt mấy tờ báo khác mới xuất bản. Ông vào buồng giấy, mắng loong-toong để giấy bừa bãi. Ông xuống nhà in, cự cãi chẳng chịu trông nom. Ông qua buồng tòa soạn, nắm quả bâng cửa, toan vào, nhưng lại quay gót tạt ngang. Ông mở cửa buồng tòa trị sự, đẩy lại đánh thình, ngồi vào ghế, lôi tập báo ở túi ra, vừa khịt mũi, vừa đập mạnh xuống bàn. Rồi ông bấm chuông gọi. Anh loong-toong, mặt tái xanh như thằng ốm, khê đi vào. Ông hất hàm hỏi:

- Ông Thanh Tử đến chưa?

- Bấm ông chưa.

- Anh đạp ngay đến nhà ông ấy, nói rằng mời ông ấy đến tòa báo có việc cần. Trời ơi! Chủ bút gì chủ bút thế! Ra các ông giết tôi thật! Các ông ấy làm ăn thế này, thì báo đóng cửa lúc nào, không biết chừng!

Tiếng ông chủ nhiệm nói toang toang như lệnh võ, ai cũng nghe thấy. Nhưng chẳng ai đoán vì việc gì. Mới hôm kia, ông còn chuyện trò vui vẻ. Hôm qua, ông đi vắng. Đến hôm nay ông về, thì khác hẳn như thế.

Họ đều sợ hãi, ngơ ngác nhìn nhau. Kẻ đoán thế nọ, người đoán thế kia. Nhưng đều hệt lý. Ừ, đáng lẽ ông về lần này thì vui vẻ bằng ba, bằng bốn mọi ngày mới phải. Vì hôm qua, khi ông không có nhà, thì tờ báo có một tin rất quan trọng để đăng. Ông chủ bút cho chạy một vạn rưỡi số. Nghĩa là gấp bốn ngày thường. Mà in đến đâu, bán hết đến đấy. Kể từ ngày tờ Đời Mới ra đời đến nay, chưa từng lần nào in bạo tay như lần này. Cả tòa báo mừng rỡ. Vậy có sao ông chủ nhiệm lại cau có thế kia? Hay ông thấy ông chủ bút lấn quyền, chẳng hỏi han gì ông, cứ tự tiện cho in nhiều thế, mà ông tức? Nhưng báo bán chạy, ông còn nên nói chi nữa? Nếu chẳng phải vì có ấy mà từ nãy đến giờ ông phải phát cáu, thì họ cũng chịu, không đoán được ra hơn nữa.

*

* *

Muốn các độc giả hiểu rõ câu chuyện này, tôi xin lấy một việc mới xảy ra ở Hà-thành trong ít lâu nay làm thí dụ. Sở dĩ tôi đem chuyện *thực* để thí dụ cho rõ câu chuyện *bịa*, là tôi cũng mắc phải cái bệnh dùng điển tích. Nhưng vì tôi

tin là bụt chùa nhà cũng thiêng, nên tôi lấy ngay câu chuyện An Nam, nhân vật An Nam là đồ nội hóa, ai cũng biết.

Thí dụ sau đây, tình cờ tôi kiếm lấy, nói lấy trời, thực tôi chẳng thù hằn gì hai tay chủ động, định thổi đồng tro tàn đã gần nguội, để đốt ai. Mà tôi cũng chẳng có hân hạnh quen biết họ mà mong làm quảng cáo không công cho họ. Vì cái thủ đoạn kỳ dị mà họ chủ trương đã thừa tự làm quảng cáo để khắp Trung Nam Bắc ba kỳ biết tên tuổi họ rồi vậy.

Các báo hàng ngày ít lâu nay đăng một việc, hẳn các độc giả còn nhớ:

Ông Th., bà Kh., hai người vốn là bạn học cũ. Nay tuy đã thành gia thất cả, nhưng gặp nhau, họ vẫn vẫn vã bắt tay bắt chân, tự do trò chuyện. Một hôm, cách đây không xa, hai người cùng biệt mặt ở đất Hà-thành, làm cho dư luận xôn xao, inh ỏi. Họ cũng là hạng người có tai mắt...

(Trích An Nam tạp chí số 35)

Như những việc này, thì có phải ai xem báo cũng đều chú ý, cố mong ngóng để muốn biết hai sự biến mặt ấy có liên quan với nhau không, mà ông Th. có đích là quyến rũ vợ bạn thực hay bị ngờ oan không?

Ở xã hội mà thỉnh thoảng không xảy ra những chuyện quái gở ấy, tờ báo hàng ngày thực là nhạt hoét, chẳng ai buồn mua để xem tin mất chó, mất ví da làm gì! Cho nên, những khi các báo có việc dễ gặm, như việc Trung Nhật chiến tranh, việc Nhật Nga sừng sộ, việc tranh cúp quần vợt, việc tiểu thư đi bộ, việc đánh nhau giết người, thì đều lấy làm mừng.

Nhưng đến khi những tin ngon ấy hết cả, thì thôi! Các

ông trong tòa soạn chẳng được ngồi rồi, tán hão, cứ phải hết ngày ấy sang ngày khác, nặn óc để viết ra những bài luận đại cà sa, mà độc giả lơ ra vô ý đọc phải, cũng lấy làm khổ tâm lắm.

Cho nên ở vào cái xã hội ít chuyện như xã hội An nam mình, gặp phải lúc “thời sự khủng hoảng”, thì báo hàng ngày hay ế. Lúc ấy, các ông chủ báo ranh mãnh, mảnh khỏe, hay gây nên phong trào dư luận, để mong cho báo được sống còn. Nào là trưng cầu ý kiến, nào là mở cuộc đố thi, nào điều tra, nào phỏng vấn, các ông cố dùng những tiếng to tướng, để nặn ra chuyện! Một việc bằng con muỗi, các ông phóng đại cho nó phồng lên bằng cái đình!

Ngày năm ấy, cũng đã lâu, có một chuyện đại khái cũng đều giả như việc ông Th. với bà Kh. bây giờ. Hai người cũng tự nhiên biến mất, mà chưa ai rõ vì cớ gì trốn đi, và đi đâu. Hai tay chủ động ấy, địa vị cũng quan trọng không kém gì, mà còn có khi hơn ông Th. và bà Kh nữa. Lâu ngày rồi, tôi chẳng muốn nhắc lại cái tên quý hóa ấy. Xin hãy tạm đặt cho hai vai chính trong tấn kịch bỏ nhà này, người đàn ông là *Tê*, người đàn bà là *Ca* cho dễ nhớ.

Độ ấy, dư luận cũng xôn xao chẳng khác gì bây giờ. Mà dư luận xôn xao đến mức ấy, là nhờ ông chủ nhiệm tờ báo *Đời Mới*. Ông khéo dẫn tòa soạn nhân việc này mà kéo cho dài câu chuyện, nay phỏng vấn chồng bà Ca, mai nửa giờ nói chuyện cùng vợ ông Tê. Một việc khốn nạn, mà báo ấy nói hơn một tuần lễ mới dứt. Rồi lại khéo rắc mối ngờ vào óc độc giả. Nay báo ấy phỏng đoán là hay tay đó, quả là có tư tưởng, có học thức đã chán ghét cảnh ở trong nước, phải trốn sang Tàu, sang Nhật, làm cách mệnh; mà báo ấy lại

nói hoặc là thời buổi văn minh, hai người đó đã lạm dụng chữ tự do, bị chìm đắm vào trong bể tình, nay tỉnh ngộ, dễ thường đã cùng nhau tự tử.

Thân nhân những người ấy đi trình báo. Sở mật thám đã phái người đi dò la. Nhưng tuyệt vẫn chưa thấy tin tức. Các bài đăng báo, văn chương sáng quắc như ban ngày, mà chính hai tay nam nữ chủ động vẫn lẩn quất trong bóng tối mù của cuộc khám xét. Tóm lại, một cái dấu hỏi đỏ còn lửng lơ ở cổng tòa án dư luận, như ở bìa quyển truyện trinh thám vậy.

Rồi tờ *Đời Mới* sợ câu chuyện ấy chết trong trí nhớ mọi người, nên khi dư luận chỉ còn ngắc ngoải, bèn cố nuôi cho nó sống lại dai dẳng mãi. Ở mục *Quanh vụ Tê Ca*, in ngay trang đầu, báo ấy nay hô hào nên chấn hưng phong hóa bằng cách nào, mai bàn nam nữ có nên giao thiệp tự do hay không, ngày kia lại bàn đến tình nghĩa vợ chồng, bè bạn. Ròng rã gần một tháng trời, thì đến hôm ấy, ông chủ nhiệm đi vắng, tức là hôm ông chủ bút cho in một vạ rưởi tờ. Dám in một vạ rưởi tờ, hẳn các ngài đoán ngay rằng số báo đó có chuyện ông Tê và bà Ca thế nào lạ lắm thì phải. Vâng. Báo ấy đăng là đã tìm thấy tin tức ông Tê và bà Ca. Và có in thêm tám ảnh hai người đi chơi mát. Bài đăng ấy tuy là chìa khóa mở nắp hòm bí mật, nhưng nó cũng lại là cái chìa khóa, khóa tách câu chuyện Tê Ca.

Nguyên sáng hôm sau, hồi tám giờ, khi ông chủ bút đến tòa soạn, thì người loong-toong theo vào, đưa phong bì thư, và nói:

- Thưa ông, phóng viên là Lão Cai đưa thư này, và dặn rằng đây là một việc đang về vụ Tê Ca. Vì trong ấy có cái

kính ảnh, nên gửi nhà Dây thép, sợ vô mất, ông ấy phải thân hành đem về, và xin ông cho đăng ngay vào kỳ báo hôm nay. Đến chiều hay sáng mai, ông ấy sẽ lại nói chuyện.

Nỗi mừng nở thành nụ cười trên miệng ông chủ bút. Ông vội vàng bóc thư ra đọc. Đọc xong, ông cầm bút chì biên số cỡ chữ, rồi gọi người cai nhà in, bảo cho xếp ngay lập tức vào trang nhất.

Ông bắt rập ngay bản in thử để tự tay ông sửa lại. Ông ngắm xem cách in như thế đã nổi bật chưa, rồi đặt bút, xoa tay, tủm tủm cười. Ông bảo người thợ:

- Báo hàng ngày ăn thua nhau về tin tức có nhanh chóng mới có thể đánh đổ được “chúng nó”.

Ông cho in một vạn rưỡi tờ. Mà mới hơn ba giờ sáng, báo đã lên khuôn. Rồi in được bao nhiêu, ông hãy cho gấp ngay, để trẻ con chạy bán khắp các phố.

Ngày ấy chưa có lệnh cấm lối quảng cáo các bài trong tờ báo bằng mồm, cho nên trẻ con rao âm ỉ, khách qua đường ai nghe thấy cũng bỏ ra hai xu để mua.

- *Đời Mới* đã tìm thấy *Tê Ca* ơ!

Ngót vạn tờ đua nhau bay như bướm bướm ở nhà in ra, đến độ mười giờ đã hết sạch. Mà khi tòa báo đóng cửa rồi, còn có người đăm thình thình, hỏi mua một số.

Bài đăng về việc ấy như sau này:

TÊ VÀ CA ĐI ĐÂU?

Tê và Ca chẳng phải có óc yêu nước, trốn ra ngoại quốc làm cách mệnh, như nhiều người đã phỏng đoán. Tê và Ca chỉ là hai nhân vật thờ thần tình ái, mà yêu nhau quá đổi nên mê.

Tê và Ca chẳng bị làn sóng dư luận đánh bạt xuống sông, xuống bể mất tích. Tê và Ca hiện đương trú ngụ tại nhà sấm Mỹ Lạc, tỉnh Lào Cai.

Chứng cứ?

Thì đây, độc giả thử nhìn cái ảnh in dưới này sẽ biết rõ.

Kết cục mỗi ngõ, Đời Mới hẹn từ nay chẳng thừa hơi để đã động đến tên đôi gian phu dâm phụ.

P.V

Dưới bài, in ảnh hai người khoác tay nhau đi chơi trong miền rừng núi.

*

* *

Người loong-toong tòa báo *Đời Mới* lật đặt đi gọi ông chủ bút, và cũng nói qua không biết vì đâu ông chủ nhiệm chẳng bằng lòng. Ông chủ bút cũng không đoán được ra có gì, vừa đi đường, vừa luẩn quẩn nghĩ.

Lúc ông ta đến tòa báo, thì ông chủ nhiệm đương đứng dưới nhà in, gất gỏng với thợ. Thấy ông chủ bút đến, ông chạy lên, bắt tay, và mời vào buồng giấy. Ông chủ bút nhận thấy ông chủ nhiệm vẫn còn ngậm tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và khịt mũi luôn, biết rằng cơn bản chưa nguôi, bèn làm ra mặt vồn vã, vui vẻ hỏi:

- Ông vẫn bình yên?

- Bình yên! Mời ông ngồi đó. Ủi chà!

Ông chủ nhiệm đặt phịch cây thọt xuống ghế, duỗi thẳng hai cẳng, đánh diêm châm lại điếu thuốc, nghiêm sắc mặt lại, thở dài, vỗ vào tập báo ở bàn, rồi hỏi:

- Thế nào? Hôm qua ông cho in bao nhiêu?

- Tôi cho in một vạn rưỡi. Ngày hôm qua thực đáng là ngày kỷ niệm của tờ *Đời Mới*. Nguyên bản lẻ ở Hà Nội cũng đã ngót một vạn tờ mà còn thiếu. Gửi đại lý các tỉnh và các người mua năm xong, ở nhà hiện nay chỉ còn ngót trăm tờ.

- Các ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

- Tại làm sao? Ông nói lạ quá!

- Nhưng trước hết, xin ông đừng giận. Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo trong bao nhiêu năm, không lần nào tôi thấy nguy hiểm như ngày hôm qua.

- Ông thử xem, từ ngày Bắc Kỳ có báo tới nay, có tờ nào một số chạy nổi vạn rưỡi không?

- Vẫn biết vậy. Nhưng chính ông đáng trách ở chỗ đó. Thì ra ông làm báo chưa lành nghề. Sao ông lẩn thần thế?

- Thế lại còn lẩn thần?

- Phải. Chính ông lẩn thần. Ông được một tin hay, mà chỉ để báo ra có thế, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa lý gì không.

- Ô hay! Thì câu chuyện tóm lại chỉ có thế thôi mà?

- Chỉ có thế! Tóm lại! Thôi, ông đừng lý sự nữa. Ông để yên cho tôi nói. Tôi cần nói dài. Ấu cũng là một bài học về nhà nghề. Độc giả đang đói thời sự, sao ông không cho họ ăn dè? Ông nhồi nhét cho cả vào một kỳ, lại còn hẹn không đả động đến chuyện ấy nữa! Ông không biết tôi cố công nuôi cái tin này bao nhiêu ngày à? Thế mà đến hôm tôi đi vắng, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc giả? Họ đang say lử về cái mới của tôi, đến tay ông, ông thả buột đi mất! Sao ông không "còn nữa", "còn nữa", mãi một tin ấy? Cứ

như tôi, thì việc này, ít ra tôi cũng kéo được nửa tháng. Mà hèn ra mỗi số cũng được ngót vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ in ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hò độc giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao thượng mà chẳng thêm nói nữa. Bây giờ, thôi, thế là xong!.. Đây này, ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo lá cải nó cướp mất mỗi. Báo ông cho ra lúc ba giờ, thì chín giờ tối nó in ngay phụ trương để tranh khách! Này! Còn tờ *Buổi Sáng* này nữa, ông thử đọc mà xem, có phải bài phóng sự ấy nó viết hay, và văn chương bao nhiêu không?

- Ai chả biết là tìn ăn cắp! Họ làm gì có phóng viên ở Lào cai?

- Ai biết? Ông bảo ai biết? Ông xem hai bài có đoạn nào giống nhau không? Đấy, sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời sự mọi khi ông viết, tôi vẫn kêu là ngắn quá. Phải tốn nhiều việc mới đầy mấy cột báo. Mà ông còn kém ở chỗ cứ phải mắt trông thấy mới viết được việc. Ngồi nhà mà chả viết được một bài tường thuật đấm đánh nhau, cuộc diễn thuyết, việc chệt xe à? Thì nó có mẫu sẵn, chỉ thay đổi một vài tiếng, có khó gì! Hứng bút ra, ông tìm những giọng văn cho mới, dùng những chữ cho ngây ngô, có vẻ tây một tý, để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Mà làm báo kiêng nhất một việc là công kích phong trào. Độ nọ, nếu tôi không can, thì ông đã công kích bọn phụ nữ tự do rồi đấy! Cổ động phứa đi, công kích làm gì? Ông tính có phải vợ con mình đâu mà mình cấm? Công kích họ, tức là gây một bọn ác cảm với báo mình, hơi đâu? Thôi, xin ông nghe tôi một chút, và mời ông đi làm việc. Ông chớ giận tôi nhé!

Ông chủ bút chẳng được vui, cầm tập báo mới sang bàn giấy. Ông đọc tờ *Bạn Trẻ* xuất bản hồi chín giờ đêm hôm trước.

TIN TÊ CA

Tê và Ca mà bấy lâu nay đọc giả Bạn Trẻ vẫn mong ngóng tin tức, thì hiện nay đang ở nhà sầm Mỹ Lạc, tỉnh Lào Cai.

Đôi nam nữ lãng mạn ấy, nay chẳng dám nhìn mặt người xã hội, thỉnh thoảng chỉ hai người thơ thẩn với nhau, khoác tay nhau vào rừng rậm non cao, xa nơi phố phường đông đúc, để tiêu dao cùng hoa tươi cỏ thắm. Vậy mấy lời vội vàng. Bạn Trẻ mách nhỏ hai gia đình có con quý hóa ấy, sớm liệu tìm đến nơi mà bắt về, dạy cho một bài học về phong hóa.

*(Theo điện thoại của phóng viên **Bạn Trẻ**)*

Mặt tím bầm như quả bồ quân, ông chủ bút lại mở tờ *Buổi Sáng* ra đọc:

KẾT QUẢ CUỘC ĐIỀU TRA CỦA BUỔI SÁNG AI BẢO TÊ VÀ CA TỰ TỬ?

Vì Buổi Sáng tiếp được tin của phóng viên khí chậm, nên kỳ báo hôm qua đã lên khuôn, không kịp đăng ngay. Vậy nay xin đăng nguyên văn bài tường thuật ấy.

Tỉnh Lào Cao ở vào chỗ biên thùý. Tuy là một nơi ban ngày vắng vẻ, nhưng đến tối thì lại là một cái phòng trọ lớn chứa hạnh khách lạ, từ Hà Nội đi Vân Nam, hoặc đi Cha

Pa, và từ Cha Pa, hoặc Vân Nam về Hà Nội. Bởi vậy, các phòng chứa khách rất nhiều, mà việc thuê buồng ngủ đêm cũng rất thường thấy.

Vì mục đích Buổi Sáng là bài trừ hạng người làm bêu rếu phong hóa của nước Cổ Việt Nam, cho nên từ ngày xảy ra vụ Tê Ca. Buổi Sáng đã toan quyết tìm cho ra đôi nam nữ quá ư tự do ấy. Từ đó Buổi Sáng phái một phóng viên đi khắp các nơi, để mong giúp một phần tìm tòi hộ Sở mật thám, và cho hai gia đình đáng thương ấy. Thì đây, câu chuyện đã rõ rệt như ban ngày.

Tê và Ca không làm chính trị, Tê và Ca cũng chẳng tự tử như mấy tờ báo "lá cải" đã dám đoán phỏng một cách vô lý. Tê và Ca hẳn chỉ tìm quanh ở đất nước nhà một nơi hẻo lánh để tránh mặt nường thân. Trọng việc làm hơn sự bàn suông nói hão, Buổi Sáng quyết nhúng tay vào việc. Thì trừ tỉnh Lào Cai ra, hẳn không còn nơi nào có thể lẩn núp được mãi cái bộ mặt khuyển lang của đôi gian phu dâm phụ. Buổi Sáng nghĩ. Vì vậy, phóng viên Buổi Sáng chẳng quản đường xa dặm thẳng, cố lặn ngòi ngòi nước, lên được đến nơi ải lạnh rừng thiêng, cố điều tra trong các sầm trọ, thì đã hơi có chút ánh sáng rọi qua tấm màn đen bí mật.

Này! Ai đi qua nhà Mỹ Lạc, nhác mắt nhìn vào trong một buồng, có trông thấy một đôi nam nữ ăn mặc ra cách tân nhân vật Hà Thành, mà chẳng lấy làm ngỡ? Đôi trai gái ấy, ngày thường chẳng dám bè bạn cùng ai, mà bốn bức tường chật hẹp như chẳng đủ điểm vào câu chuyện cho thêm nồng mặn, nên những khi trăng thanh gió mát, êm ả chiều trời, thì ta lại thấy trên đường kia, ẩn hiện ở dưới bóng cây một cặp trai gái, xinh đẹp như đôi uyên ương, cậu can bạc,

đầu trần, mớ áo màu, quần trắng, khoác tay nhau, đo từng bước mà trò chuyện to nhỏ. Ôi! Trước mắt rừng rung, bên tai sóng réo, non nước đa tình nó cũng hợp với óc lãng mạn của giống đa tình! Cho nên mải vui về cảnh, quá say về tình, mà dư luận eo óc bên mình, nào có để ý tới!

Ấy. Tê và Ca đấy!

Than ôi!

Chữ tình là chữ chi chi?

Cho gan sắt đá cũng si vì tình.

Khuyên em đừng đẹp đừng xinh.

Em khuynh thành lắm, anh khuynh gia nhiều!

Khuyên anh, anh chớ mỹ miều,

Anh giòn tán lắm, em liễu thân ngay!

PHÓNG VIÊN

Ông chủ bút đọc xong, tái mặt lại. Bỗng ngoài cửa có tiếng gõ. Ông phóng viên Lào Cai vào.

Ông chủ bút đứng dậy chào, bắt tay, mời ngồi. Rồi cũng đặt bịch cân thịt xuống thớt, duỗi thẳng cẳng ra, nghiêm sắc mặt lại, thở dài. Ông vỗ vào tập báo ở bàn, rồi nói:

- Ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

- Tại làm sao, thưa ông?

- Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo bao nhiêu năm trời, không lần nào thấy bất đắc ý bằng ngày hôm qua.

- Thưa ông, tôi tưởng báo hàng ngày ăn thua nhau ở tin tức nhanh chóng. Hẳn chỉ có mình tôi biết tin ấy, chứ các báo khác có phóng viên ở Lào Cai đâu?

- Vẫn biết vậy, nhưng chính là ông đáng trách chỗ đó. Thì ra ông làm báo chưa lành nghề, mà tòa báo dùng lầm ông! Sao ông lẩn thần thế? Ông vẫn còn trẻ người non dạ, chưa lịch duyệt, còn nhiều cái hắc lờ lắm!

- Thế còn lẩn thần, hắc lờ?

- Phải, chính ông lẩn thần, hắc lờ. Ông được một tin hay, mà ông chỉ viết một bài ngắn, để đăng vào có một kỳ, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa lý gì không?

- Vâng, thì nói thế là đủ ý, chứ còn gì nữa?

- Trời ơi! Thế nào là đủ ý? Ý biết thế nào cho đủ? Bây giờ tôi mới thấy ông nói thế là một! Độc giả đang đói thời sự, tôi đương nuôi vụ Ca Tê cho nó đỡ ngắc ngoải, thế mà được tin sừng sốt, ông không cho bạn đọc ăn dè? Ông nhồi, ông nhét, ông tọng vào cả một kỳ, viết ngắn có mấy dòng tũn hoãn, ông lại hẹn không đả động đến chuyện ấy nữa.

- Thì sao ông không chữa lại và kéo dài ra?

- Vì tôi không muốn làm mất lòng ông. Ông đã phụ công tôi, nuôi nấng tin này trong bao nhiêu ngày. Thế mà chính tay ông, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc giả! Họ đang say lử về cái mồi của tôi, đến ông, ông thả buột đi mất! Sao ông không “còn nữa”, “còn nữa” mãi một tin ấy như mục tiêu thuyết, như bài diễn văn, như lối tường thuật một vụ án quan trọng? Cứ như tôi, thì việc này ít ra tôi cũng kéo dài được một tháng mà hèn ra, mỗi số cũng chạy hơn vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ viết ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hỏ độc giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao thượng mà chẳng thêm nói nữa! Bây giờ thôi! Thế là xong!... Đây này, ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo lá cải nó cướp mất mồi. Bài của ông ra lúc ba giờ, lúc

chín giờ tối, chúng nó in ngay phụ trường để tranh khách! Đây, còn tờ *Buổi Sáng* nữa, ông đọc thử mà xem, có phải bài thời sự ấy nó viết hay và văn chương bao nhiêu không?

- Chà! Họ mà lại tin, ai mà chẳng biết!

- Sao ông nói dốt thế? Ai biết? Ông xem hai bài, có đoạn nào giống nhau không? Đây, sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời sự mọi khi ông viết, tôi vẫn kêu là ngắn quá, mà thiếu nhiều văn chương. Như thế phải tốn nhiều việc mới lấp đầy mấy cột báo. Ông phải biết những người làm báo lâu năm như tôi, viết thời sự không cốt gì phải mục kích mới viết nổi. Mất thì giờ đi. Mà đi thì tốn tiền! Ngồi nhà mà chẳng viết nổi bài tường thuật đám đánh nhau, việc chết chết, vụ đám thuyến à? Đây, đến ngay việc chiến sự ở Ngô Tùng bên Tàu, mà tình ý ra, cũng viết được một bài rõ ràng không kém báo Trung Hoa, Nhật bản. Thì nó có mẩu sắn cả. Đám chệt xe thì tắt sứt đầu, kẹp tay, máu me lênh láng. Rồi khéo tả cho rùng rợn, và kéo dài như bài luận nhà trường rồi để kết luận, ông thêm cho hai tiếng "tội nghiệp", thế là hay đáo để rồi. Những việc xảy ra ở nước ta, việc nào chẳng giống việc nào, chỉ thay đổi một vài tiếng tên người, tên chỗ, có khó gì? Hứng bút ra, ông tìm những giọng văn cho mới, dùng chữ cho ngây ngô, có vẻ tây một tí, để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Bây giờ họ làm báo thế cả, chứ có cốt gì học thức lắm đâu? Vậy mà báo họ vẫn chạy lắm. Những lời tôi khuyên ông, tôi xin ông nghe tôi, bởi vì, chẳng phải khoe, tôi sành nghề làm báo hơn ông.

- Vâng, cảm ơn ông và xin lỗi ông, tôi muốn sang buông ông chủ nhiệm.

- Thôi, ông không cần sang. Ông ấy vừa găt ông đấy.

Ông ấy găt suốt cả ngày hôm qua đến nay! Nếu không có tôi nói đỡ thì có lẽ ông ấy đã viết thư ngay từ sáng sớm lên Lào Cai để thu cái thẻ phóng viên của ông lại rồi.

Ông phóng viên bùi ngùi đứng dậy, cảm ơn ông chủ bút và cáo từ lui ra. Khi cửa đã khép, ông chủ bút còn trông theo và tủm tỉm cười. Ông vui vẻ như cậu học trò học thuộc bài. Rồi, như còn quên một câu gì của ông chủ nhiệm, chưa nói nốt, ông gọi giật ông bạn đồng sự lại:

- À, này, ông phóng viên! Sau hết, xin ông đừng giận tôi nhé!

Ông phóng viên nhìn ông chủ bút như một vị ân nhân, vội vả trả lời:

- Ấy chết! Thưa ông, tôi không dám ạ.

3-4-1932

CHUYỆN CHÓ CHẾT

CÁI THÂM Ý CỦA ANH CHÀNG SỢ VỢ

*(Trích trong bức thư mừng một người bạn gái
có tình hung hân sắp về nhà chồng)*

Chị sắp xuất giá, tôi chắc chị chẳng thiếu chi đồ mừng quý hóa về vật chất, vậy muốn tặng chị một thứ lạ mắt, lạ tai về tinh thần, nên theo tính riêng của chị xưa nay, tôi xin chếp câu chuyện chó chết này cho hợp thời, gọi là cây nhà lá vườn, chắc chị cũng chẳng từ chối tấm lòng thành thực của tôi vậy.

Tuy nhiên việc xảy ra đã mười năm nay, nhưng bây giờ tôi nghĩ lại, vẫn còn thấy bất buồn cười và rợn tóc gáy! Chỉ e lời chẳng thấu ý, tôi viết ra không được rõ ràng khéo léo, vậy xin chị đọc xong, hãy thử gập cái thư này mà để địa vị vào tôi lúc bấy giờ, sẽ biết tôi vẫn còn là mạnh bạo, và thử ngẫm nghĩ kỹ, rồi ra chị có nên để cho anh khiếp oai không?

Ngày ấy vì nhà có súng, nên tôi cũng đã hiểu luật săn bắn, là mình không có giấy phép mang khí giới, thì dù có vác súng hầu người khác, cũng chỉ được đi cách người ấy năm bước thôi. Nhưng nếu người nào cũng biết trọng pháp

luật cả, thì tòa án còn lập ra để bắt tội ai? Chỉ vì nỗi dù có biết tội mười mươi, nhưng tặc lưỡi một cái, là cứ làm văng mạng! Mà nhất là tôi đây, nếu chẳng cậy mình một chút, thì chi đã phải một phen lo-mất mật vì câu chuyện chó chết của anh chàng sợ vợ này!

Khẩu súng ấy của cha tôi mua để bắn chim, nhưng vì cha tôi bận việc luôn, ít có khi rảnh để đi săn, mà tôi thì thêm quá.

Xung quanh nhà, mà nhất là trong các đồi bên cạnh huyện, lúc nào thấy gần ghì, chim gáy lạch đạch hay hàng đàn ở các bụi cây, mà anh lính cơ Cá-rán-tiêng còn mách tôi rằng ở các đồi ấy, thường đêm đêm anh vẫn nghe thấy tiếng nai kêu hươu gọi. Anh lại giục tôi nên vác súng đi mà săn:

- Cần gì, súng của Quan mà cậu mang đi bắn ở huyện nhà, thì bố đứa nào dám hỏi!

Anh Cá-rán-tiêng quê ở một làng gần rừng có nhiều cọp, cho nên thỉnh thoảng kể cho tôi nghe về cách săn cọp ở vùng ấy. Tôi thích nghe lắm, mà phục nhất là cái lối chòng lọng cổ cọp rất giản tiện mà thần tình; chỉ cần một cái dây chẳng to lắm, nhưng biết cách giật thì con cọp dù khỏe đến đâu cũng mất cựa! Anh chòng lọng thử cho tôi xem vào cổ con mèo rồi dạy tôi cái lối xếp dây và buộc nút.

Từ khi học được cách làm chòng lọng cọp, tuy tôi cũng chẳng hy vọng một ngày kia bắt được ông ba mươi, nhân những lúc buồn, tôi hay lấy dây ra giật chơi mấy củ khoai lang lăn lóc dưới gầm phản, rồi khi đã thạo, tôi nghĩ ngay đến sự ăn cắp đạn.

Hôm ấy cha tôi có việc phải đi vắng hai ngày. Tôi mừng lắm. Cơm sáng xong, tôi lấy dây, tết cái chòng lọng cọp,

trèo lên mặt tử, nhấc một tấm ván long danh ra, dòng xuống, giặt cổ được sáu viên đạn.

Khi sắp sẵn các đồ đi bắn xong, tôi xuống trại cơ, gọi anh Cá-rán-tiêng, rủ cùng đi cho vui, vì anh ấy bắn thạo lắm. Anh ấy thích đi, nhưng ngần ngừ đáp:

- Để đến bận khác. Quan đi vắng, tôi phải ở nhà coi huyện.

- Anh đi độ hai giờ đồng hồ thôi mà, thầy Quản đồn cũng chẳng biết đâu, và anh đi bắn với tôi chứ với ai mà sợ?

Nghĩ phân vân một lúc, anh đáp:

- Vâng, cậu cứ đi một mình trước, chờ tôi ở đầu phố, tôi sẽ đến sau.

Tôi qua trại cơ. Thầy Quản đồn thấy tôi ăn mặc gọn gàng và dáng đi hùng dũng, bèn ngắm và khen mãi, rồi thấy chúc:

- Cậu đi săn cho may mắn nhé!

Câu này rất kiêng kỵ. Trong làng săn, ai gặp người chúc thế, y như hôm ấy vác súng về không có khi lại bị rủi ro nữa.

Tôi cũng bị cái mê tín ấy nó bám vào óc, từ ngày được người mùi thuốc đạn, cho nên tôi thất vọng ngay từ đầu.

Chúng tôi chui, rúc, trèo, leo, vào rừng, hết sức để kiếm chim muông, nhưng chẳng gặp con nào. Rồi loanh quanh chúng tôi qua cái làng cách huyện lỵ ước ba cây số.

Hôm ấy là ngày phiên chợ, nên người lớn, trẻ con kéo xem chúng tôi đông lắm, mà mình thì ngượng về một nỗi không được con nào. Chợ ấy hẹp, nhưng có một điều làm tôi chú ý nhất, là ở dọc đường đi, tôi nhận thấy bốn năm hàng

bán thịt chó, mà hàng nào cũng đông người đến mua, có người ngã ngay nón ra đấy đánh chén.

Tôi đi đến đầu làng, thì gặp một người chòng chọc con mắt nhìn tôi, lại tùm tùm cười ra ý chế nhạo. Hai tay thọc vào túi áo cánh, anh ta uõn ngực, vênh râu, ngấm mãi vào cái chùm dây xích chim rồng tuếch, và nói bằng quơ rằng:

- Nhục chữa!

Đang cái tuổi hung hăng, tôi nào chịu nổi những câu xỏ xiên của những quân ngựa miệng, tôi liền quắc mắt lên nhìn, rồi đứng dừng lại, định chất vấn anh chàng lão xược, thì anh Cá-rán-tiêng, biết ý, lôi áo tôi đi và nói nhỏ:

- Thôi xin cậu, nó không biết.

- Nó là đứa nào thế?

- Lý trưởng cự làng này đấy.

Thấy nói lý trưởng cự, tôi càng tức, vì lẽ gì nó chẳng biết tôi là con quan mà dám nói láo? Ấy phần nhiều các cậu con quan thường có thói hách hơn bố, xin chị tha lỗi cho tôi.

Tôi cau tiết, quay cổ lại nhìn, thì thấy nó vẫn nhìn theo tôi, mà lại bĩu môi ra cách khinh bỉ. Tôi liền quay gót trở lại, định cho nó một bài học hay về cách xử thế, thì anh Cá-rán-tiêng lại kéo áo tôi mà rằng:

- Thôi, khê chứ cậu, con gì kia kia...

Anh trở cho tôi ở cái đồi bên cạnh, một con vật gì lông vàng và có vằn đốm đen, đương lẫn trong bụi cây. Tôi ngắm kỹ một lúc, rồi giật mình nói:

- Hô! Hô! Anh ạ!

Anh Cá-rán-tiêng tái mét mặt lại, cũng trở mắt lên, rồi nói:

- Không phải, con gì đấy.

- Đích là hổ, con hổ con, trông lông nó thì biết.

Lúc ấy con vật nhích lên một tí, thì tôi quả quyết rằng:

- Không còn sai nữa. Anh để tôi bắn.

Anh chàng lão xước ban nãy cũng rảo bước sau tôi, thấy tôi nói hổ, thì anh cũng “chỗ mồm” vào rằng:

- Phải đấy, ở đấy vẫn có mấy con hổ con. Bắn đi! Con gì cũng bắn phăng đi!

Tôi se sẽ lui lủi nấp sau gốc cây, quay lại thấy anh Cá-rán-tiêng có ý sợ mà lánh xa, còn anh Lý cựu kia, lại đang vui vẻ mà nhìn chọc chọc vào con hổ.

Tôi lấp đạn, giương súng, ngắm. Tôi hồi hộp, vì không biết phát này có rửa nhục cho tôi trước mặt cái anh vô lễ kia không, hay nó lại làm thêm cho tôi một phen rất mặt nữa? Tôi ngắm rất kỹ, trúng lắm. Tôi bóp cò: Đoành!

Tiếng vang inh trời, một vùng khói tỏa tròn lan ra trước mắt, che lấp cả con vật. Bỗng Cá-rán-tiêng kêu ầm lên rằng:

- A! Chết rồi!

Anh Lý cựu cũng vừa vỗ tay, vừa nhảy như thằng cuồng:

- A ha! Híp! Híp lơ! Con ma quay lơ! Hổ chết rồi!

Chúng tôi mừng rú, thì nhau chạy lại bắt, thì trời ơi, chi có cho tôi mượn mau cái rổ để che mặt không, cái con vật nằm sòng xoài ra giữa vũng máu còn đang trợn ngược đôi mắt và hăm hè nhe bộ răng nhọn hoắt ra ấy, chẳng phải là hổ, mà chỉ là con chó vện! Khổ quá, thì ra trông gà hóa cuốc, tôi bắn phải con chó vện nhà người ta! Lúc chúng tôi đến nơi mới được vài giây đồng hồ, đương nhìn cái thảm

trạng ấy, thì con vật khốn nạn kia đã lìm dầm mà hồn về chín suối.

Tôi hối hận vô cùng. Cái cuộc đi săn hôm nay thực là đại đột quá. Tôi mang súng đã không có giấy, đạn lại đi ăn cắp, thế mà lại bắn chết con chó vô tội! Rồi đối với chủ của con chó ấy, hẳn tôi còn lỗi thôi to. Chẳng biết tôi giờ cái con quan của tôi ra thì sự lỗi thôi ấy có giảm đi phần nào chẳng, vậy mà chẳng may cho tôi nữa, người có con chó chết, lại chính là cái nhà anh Lý cựu đáng ghét ấy!

Chúng tôi đang tỏ ý lo riêng với nhau thì người ấy cũng chạy tới nơi nói:

- A, ông bắn chết chó nhà tôi!

Biết mình có lỗi, tôi vút ngay bộ mặt thù địch ban nãy mà dịu ngay cái nét hòa bình lại, mà tự giữ chủ nghĩa "bất đề kháng":

- Phải, tôi bắn lầm.

- Ông bắn lầm! Phải! Rồi một ngày kia ông tương đạn vào bụng người ta nữa!

- Nhưng hình như tôi còn nhớ chính ông cũng bảo rằng hổ, và xui tôi bắn?

- Tôi nói đùa, mặc kệ ông chứ, ai bảo ông nghe? Chó hay hổ ông không biết à?

- Thôi thì nếu có phải chó của ông thật, thì ông bằng lòng, tôi đền tiền ông vậy.

- Ông là ai?

- Tôi là con quan huyện, ông này là quyền Cá-rán-tiêng trong huyện!

Tôi tưởng tôi lờ nó bằng chúc tước to như thế, mà tôi

gọi anh lính cơ là ông, lại lên giọng tây có uốn lưỡi thì nó đủ sợ, ai ngờ mặt nó cứ điềm nhiên. Tôi nói:

- Tôi đến tiền ông.

- Tôi không lấy tiền.

Tôi hung hăng, trợn mắt, cầm ngang khẩu súng, hất hàm hỏi:

- Vậy anh muốn gì hơn nữa?

Lối bắt nạt ấy rất công hiệu. Trên cái mặt điềm nhiên kia, quả lờ mờ có vẽ hai nét nhăn cười:

- Tôi chẳng muốn gì hơn, mời ông hai về nhà xơi nước.

Xơi nước? Tôi không cần nước của nó? Tôi nói:

- Tôi không vào, tôi không khát.

- Thì mời hai ông vào chơi nói chuyện vậy!

Nói chuyện? Chỉ có báng súng của tôi muốn nói chuyện với ngực nó thôi? Nó tưởng tôi ngu ngốc như nó đấy, ai chẳng biết nó rủ tôi vào nhà để sửa một mẻ cho tôi đỡ tính nông ngược? Tôi nói:

- Câu chuyện chỉ có thế, ông có muốn nói thêm gì, thì nói ở đây.

- Thì hãy mời hai ông vào chơi thư thả đã.

Đến câu này thì thằng cha có ý nằn nì. Tôi hiểu cái thâm ý của nó, nhưng hai chúng tôi lực lưỡng đường này, lẽ nào lại bó tay cho nó thật? Lòng tự ái làm tôi hăng tiết, tôi liền đi trước và bảo:

- Nào ta đi!

Ấy, hùng dũng thế, mà vừa đi, tôi vừa phân vân trong bụng đấy.

Tay lễ mê xách con chó mềm như sợi bún, anh ta sấn lên đi trước. Đến nhà, anh ta mời chúng tôi lên buồng khách, rồi treo ngược con chó lủng lẳng ở đầu bếp và không biết đi đâu mất.

Ở vào cái địa vị tù giam lỏng, mấy lần chúng tôi bàn nhau đánh tháo, nhưng đã trót xưng danh thật ra rồi, thì có trốn đằng trời cho thoát! Tôi nóng cả ruột, buồn cả người. Cái kim ngắn đồng hồ trên tường đã trở chệch sang chữ một.

Một lúc tôi thấy con bé con ở dưới bếp mang nước sôi lên rồi bung bộ ấm chén chè tàu ra nói:

- Thấy cháu mời các ông xơi nước.

Tôi chẳng đại gì uống nước của kẻ thù, biết rằng chè thực hay bùa mê, thuốc độc? Tôi đang xem xét ấm chén, ngửi chè, thì thấy một người lạ mặt đến, khăn áo chỉnh tề. Anh Cá-rán-tiêng nhận biết ngay là lý trưởng đương thứ. Người lý trưởng này lễ phép hơn người lý trưởng cựu, mà có ý thạo khoa giao thiệp lắm.

Anh ta cứ gởi chuyện ra hỏi, nhưng trong bụng tôi lo lắng, không biết ý tứ họ định làm những gì, nên tôi chỉ đóng vai trò trả lời bằng những tiếng dấn do, đủ diễn ý tưởng, chứ không rậm lời như lúc thường. Rồi độ nửa giờ sau, người chánh hội, phó hội, thư ký, thủ quỹ, lục tục đến dần.

Ở hay, cả hội đồng hương hội nọ kéo nhau đến làm gì đông làm vậy? Làm biên bản án mạng con chó chẳng? Tôi càng sợ, mà không thể đoán được ra sao, vì xem ra bọn họ, anh nào bề ngoài cũng ôn tồn nhã nhặn như anh lý trưởng đương thứ cả. Lại một nỗi anh chủ nhà không ra mặt, để

mặc một lũ trên này ngồi nói chuyện với nhau. Họ hỏi thì tôi đáp, mà lúc thấy nguy, tôi lại khôn khéo hơn, thỉnh thoảng tôi trả lời: Không biết! Tôi không thể dò được ý họ. Giá họ cùng hàng tuổi, cùng tư tưởng, cùng kiến thức, cùng nghề nghiệp, thì tôi xét tính tình dễ hơn. Cho nên trong bụng tôi bực dọc lo sợ, nhất là chưa thấy họ đã động đến chuyện chó chết. Mặt anh Cá-rán-tiêng cũng chẳng kém vẻ rầu rầu, nên hai ba lần, tôi nháy anh đứng dậy và ngỏ ý đòi về, thì họ cố mời cho được. Lắm lúc tôi nằng nặc đòi đi ra, thì họ phải gọi lý cượng lên giữ lại, rồi mấy người ra đóng cổng.

Đến hai giờ chiều, tôi thấy tiếng đàn bà nói léo nhéo ở ngoài sân, về việc con chó. Tôi biết rằng vợ anh chàng lão xước đã về, mà mình sắp bí beng to đến nơi. Tôi đang sửa soạn một cuộc xung đột kịch liệt để đối phó trong lúc khó khăn, thì tôi thấy người chồng ở bếp chạy ra, lúc trợn mắt, lúc chỉ trỏ lên buồng khách, rồi người đàn bà có ý lão xước hơn chồng ấy, hằm hằm chẳng khác gì con sư tử cái, chạy lên chào mọi người rồi hỏi tôi:

- Thưa cậu, tôi xin hỏi thực cậu, ai bắn chết con chó nhà tôi?

Tôi đứng dậy trả lời một cách cứng cỏi:

- Tôi, chính tôi bắn vì tôi ngỡ là con hổ, tôi đã xin đền, nhưng ông ấy không nghe.

- Được rồi!

Hai tiếng cụt thun lủn ấy chẳng phải để trả lời tôi, mà chính là để phê vào câu chuyện chó chết, lại ngụ ý đe dọa! Tôi tức quá, toan bảo cho con mẹ hung hãn ấy mấy câu,

nhưng nó đã nhanh chân ra sân, rồi mở cổng, cấp rồ đi đâu, tôi không biết. Lúc đó hai người trai trẻ lực lưỡng ở ngoài đi vào, mà bọn hội-đồng hương-hội lại nói với nhau rằng:

- À, hai anh tuần này được việc đấy!

Rồi con bé con lên nói:

- Thấy cháu mời các ông xuống dưới nhà nói chuyện.

Bọn họ đứng cả dậy, tôi và anh Cá-rán-tiêng cũng theo ra, nhưng người Chánh-hội xua tay nói:

- Mời các ông cứ ngồi chơi.

Nói rồi ra cả, đóng chặt cửa lại, làm cho tôi chẳng còn trông thấy gì ở ngoài.

Tôi lắng tai nghe, nhưng họ thì thảo với nhau khê quá, nên chỉ rõ có mấy tiếng sau, làm cho tôi gợn tóc gáy mà thương hại cho tôi mới hai mươi cái xuân xanh.

- Cho chết!... Chẳng phải trời!... Mất cựa!... Con dao này chưa được sắc!...

Lo quá, thân cô, thế cô, tôi biết tính sau? Súng để cạnh mình, tôi nằm, một tay vắt lên trán để nghĩ kế, một tay thọc vào túi chỉ rình móc đạn ra. Tôi bàn mưu với anh Cá-rán-tiêng, xem nên chống cự bằng cách gì, thì anh ta lại cuống quýt quá tôi, thêm một mối lo nữa, là anh ta đã bỏ trại không xin phép.

Rồi nghĩ luẩn quẩn rồi beng trong óc, tôi ngủ bằng lúc nào không biết. Trong khi ngủ, tôi chiêm bao thấy bao nhiêu phen kinh hồn, và giữa lúc đương nằm mê thấy họ đem mình ra bỏ rọ, thì có người lay vai tôi đánh thức.

Tôi choàng mắt dậy: lũ người ban nãy đứng cả trước mặt. Tôi giật mình, nghĩ:

“Có lẽ giờ này là giờ quyết định số phận mình chẳng?”

Tôi bèn ngồi nhồm dậy, tay vớ vội lấy khẩu súng. Họ đồng thanh nói:

- Nào, mời cậu, chờ mấy khi, ta hãy đánh chén đã!

Trời ơi, câu nào họ nói cũng ý nhị sâu xa. Hay, nghĩa là họ còn để cho tôi vài phút mà ăn uống no nê chẳng? Tôi thấy lù lù trên bàn một mâm rượu đầy tú tủa, la liệt những đĩa, chén ngút khói bốc lên thơm phưng phức, nào dưa mận, nào thịt luộc, nào muối gừng, nào chả nướng. Tôi nhìn đồng hồ đã hơn năm giờ chiều rồi, nóng ruột toan không ăn, thì họ mời và dắt ngồi vào ghế. Tôi cứ phải để ý dò từng tí xem họ đưa mình đến cái hố nào. Họ mời tôi nâng cốc, cầm đũa, uống, ăn. Tôi ăn dè, uống ít, và chẳng nói câu nào, vì luôn luôn nghĩ đến tính mệnh, nên phải nghe ngóng, nhai mãi mới dám nuốt. Hễ họ gấp tiếp là không bao giờ tôi dám bỏ mồm, lại gấp trả vào đĩa. Một việc họ trả thù tôi, mà cần gom nhiều trí khôn lịch duyệt hơn tôi để bàn soạn và lại xếp đặt bằng một cái chương trình lâu thì giờ, bí hiểm thế, thì tài nào tôi chẳng phải giữ mình cẩn thận.

Họ ăn uống cũng ung dung, ỉ ọp như đám đánh chén trong đình, khen lẫn nhau nấu khéo. Mà họ nấu khéo thực, tiếc rằng tôi không dám bạo ăn, khéo đến nỗi từ ngày ấy đến bây giờ, tôi chưa được thấy bữa thịt chó nào ngon như thế nữa. Trong đám đánh chén, tôi để ý nhất vào anh chàng lão xược. Tôi thấy anh ấy ăn tục uống nhiều nhất, mà động anh ta nói câu gì ra, tôi cũng thấy ngang tai muốn bẻ. Không hiểu vì ác cảm mà tự nhiên tôi cảm tưởng thế hay sao, chứ mà tôi thấy anh ta làm gì, nói gì, tôi cũng chỉ muốn tặng anh một phát đạn vào ngực cho đỡ ngứa tai, ngứa mắt!

Tôi ăn xong trước nhất, rồi đến anh Cá-rán-tiêng. Vậy mà họ mới uống cạn có một chai rượu. Bao giờ cho hết hai chai nữa đương đứng chực ở giữa bàn?

Rửa mặt xong, tôi có tính đi đi lại lại để xả răng. Lão lý cự thấy tôi như vậy, bèn nói:

- Mới chữa sáu rưỡi, đã tối đâu, mời cậu hãy ngồi chơi. Thong thả chán!

Ồ! quái, đến sáu rưỡi họ định làm gì tôi? Lo sợ quá.

Hắn chả còn nghi ngờ gì nữa, gần bảy giờ, lão Chánh-hội nhìn ra ngoài sân, thấy tối, nói:

- Thôi tối rồi, ông Cự gọi hai chú tuần dưới bếp mang hai thanh giáo lên đây.

Nghe câu nói ghê cả người, tôi vớ lấy súng, và liếc mắt gọi anh Cá-rán-tiêng, đứng lại gần tôi, trước bức tường để thủ thế cho dễ, vì tôi mới học được miếng võ ấy. Có lẽ sống chết phen này đây!

Đứng trước tôi đoán hắn là phút cuối cùng, lòng tôi nao nao không sao tả cho xiết nỗi được. Bao nhiêu phiền ảnh trong hai mươi năm trời của đời tôi đều phun phút diễn nhanh như chớp ở trước mắt. Việc hay làm cho tôi tiếc đời, việc dở làm cho tôi hối hận, mà bao nhiêu người thân thích với tôi, cũng lần lượt hiện ra trong trí nhớ, khiến tôi nghĩ tới tình cảnh ấy, nông nổi này mà thốn thức, xuýt chảy nước mắt! Chị ơi! Đọc đến đây, chị có thấy động lòng không? Nhưng đồ chị đoán được cái thâm ý của anh chàng Lý cự ấy thế nào, mà gọi tuần mang giáo mác đến làm tình làm tội gì tôi, và cái kết cục câu chuyện chó chết này thế nào đấy?

Thưa, kết cục chỉ có thế thôi. Ăn xong, chúng tôi đi về, tuy trời tối, rừng rậm, nhưng trong bụng vững như thành vì đã có hai người tuần giáo mác dẫn lối cẩn thận! Vậy anh Lý lão kia làm thế là nghĩa làm sao?

Thế nghĩa là, người tuần đưa đường giảng cho tôi nghe thế, thế nghĩa là anh Lý này có tính sợ vợ mà lại thích ăn thịt chó, lâu nay vẫn khao khát thèm thuồng nhưng không dám xin tiền mua. Nay nhân thấy tôi vác súng đi qua, lại trông gà hóa cuốc, cho nên anh Lý “áp triệu” nhận thực chẳng ngay con chó vệ của anh ấy là con hổ, để tôi đưa phát đạn vào giữa đầu. Anh rất thỏa lòng, nhưng còn sợ vợ bắt đem ra chợ bán mất, thì hựt bữa chén ngon, anh bèn cố mời cho được những tay tai mắt trong làng đến sẵn cho vợ mất nói, mà anh cố níu rịt lấy tôi, vừa để làm chứng, vừa để đền ơn, vừa để lấy thêm thế lực lòe mẹ dĩ!

Vậy mà, than ôi! Sao anh chả cho tôi sớm hiểu thâm ý, để tôi nói dăm ba câu cảm tình!

10 Avril 1932

THẾ LÀ MỢ NÓ ĐI TÂY

A bord du Chantilly, le 10 Décembre 1927

Cậu. Trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly biệt nó xé tan nát gan ruột tôi thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần gũi gia đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất dương du học, đến nỗi bây giờ vất vả một mình, thân gái dăm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc con tàu chạy xa, nhìn vào bờ, chỗ cậu đứng bế con, chỉ còn thấy cái mùi soa bay phấp phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tác dạ, giọt lệ khôn cầm, tâm sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường không chịu nghiên cứu văn chương An Nam, để lúc này tôi làm một bài thơ kỷ niệm sự biệt ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, tôi không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu vào quyển sổ tay, nhưng thảm quá, nước mắt đã tràn trụa, không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi, cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tàu ác nghiệt nó cứ mỗi lúc làm cho mình xa nơi xứ sở thân thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn sương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng,

mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tàu, trong bụng hăm hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con, tôi tôi được sum họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột tôi lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã trót đi thì cứ dấn, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! Ở Hà Nội, thì chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú tài. Cậu sẽ chẳng xấu hổ mất tiền cho vợ du học đến nổi trắng tay về không. Tôi buồn thực. Nhưng buồn bao nhiêu, thì lại nhớ cậu bấy nhiêu. Tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu, nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá! Nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng mẹ nó đi Tây không? Máy hôm nay, nó có quấy không? Cậu nhớ chừng đâu cho nó đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên giải mẹ tôi cho khuây khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi. Chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí tổn đi Tây học, tôi để phân cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thui thui quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế, chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái, sao hôm nay tôi thấy lao đao thế này, hay là say sóng rồi đây?

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đằng chị Diệp hộ, vì chị ấy xin, mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Ta

TUYẾT-ANH

A bord du Chantilly, le 1er Janvier 1928

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về, chắc cậu tiếp được cả rồi. Lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. Sự đó tôi cũng biết lỗi, đáng lẽ người đi phải an ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tàu qua kênh Suez, vào đại phận bể Méditerranée tới nay, tôi thấy phần chán trong lòng lắm. Trời tây bằng lảng bóng vàng, cái không khí êm đềm, nhẹ nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi tôi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những lúc nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuấy buồn. Cho nên càng khuấy buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ cậu bấy nhiêu. Chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thư trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh đênh giữa bể, không biết có bình yên khỏe mạnh không. Nhưng cậu yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thổ thán với bạn, được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu thì cậu than thở cùng ai? Cậu chỉ ngậm mồi sầu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có

gửi ngay, tôi cũng chưa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái, tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? Hôm lễ Noel vừa rồi, cậu có mua cho con thú gì cho nó chơi không? Hôm nay cậu có đi chào Tết hay không? Chào những ai? Ở dưới tàu, sáng ngày, hành khách cũng tụ họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hối thế khi lắm cảm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chưa khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh dây thép báo cậu biết.

Vợ yêu cậu

TUYẾT-ANH

Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928

Cậu,

Ban nãy tới Marseille, tôi đã đánh dây thép về cho cậu biết rồi. Chắc cậu đã tiếp được. Hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải Phòng, nó không gặp cái thư của cậu gửi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng không bắt tay nhau, tệ nhỉ!

Tôi tới Aix mới được hơn một giờ đồng hồ! Tuy trong người vẫn còn lao đao như khi ở dưới tàu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui vẻ như xưa, duy ông ấy thì khác trước vì bây giờ cạo

trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước, và nói từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn có vất vả hơn ở Hà Nội ta. Thăng Robert nó còn nhớ tôi! Ông bà Madron được mấy chai nước mắm của tôi biếu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là thứ đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy qui lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi, chứ có phải 39 km đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa, chỉ ngót một giờ thì tới. Hai bên đường phong cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo sư Bourguignon, độ đến tháng Octibre này thì có thể thi vào lớp 1ère ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe.

Je t'embrase

TUYẾT-ANH

Aix, le 12 Janvier 1928

Cậu,

Từ nay, cậu viết thư cho tôi, thì cứ đề về No 2 phố Eméric David là nhà tôi thuê.

Tôi sợ dĩ phải thuê nhà, là vì ở đằng nhà ông bà Madron chật quá, không có chỗ tĩnh để học, mà chính bà Madron giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200f một tháng. Rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron. Chỗ ở xinh lắm, lại được gần hội

quán của tụi học sinh An Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần. Ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mirabeau. Mỗi khi tới đây, thấy xe điện chạy về phía Marseille, thì tôi lại nhớ nhà lắm. Nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây, sao mà nó giống cái cây trước cửa nhà ta thế! Cũng có cái cành cụt, trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giơ ra để ục nhau ấy mà!

À, gồm chiều hôm nay, ở Café Leydet, gần phố tôi ở, có một chuyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học sinh ta họ cãi nhau về nghĩa lý văn bài thế nào, thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học sinh An Nam ta, cứ chiều tôi là hay ngồi đó. Học sinh người mình ở Aix có độ ngót trăm. Nhiều người học hành xuất sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giàu thì chỉ chơi bởi mà thôi! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội quán, lại gần Lycée Mignet, đi độ 5, 6 phút thì tới.

Tối qua, bà Madron rủ tôi đi xem cinéma, cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

Tôi xin thề rằng sẽ hết sức học hành để khỏi phụ lòng trông cậy của cậu, xin cậu yên tâm. Ông Bourguignon giỏi khoa văn chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần!

Chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu. Ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi.

Ta

TUYẾT-ANH

Aix, le 4 Février 1928

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi tràn trụa đầy ra cả giấy. Trời ơi! Biết thế này tôi chẳng đi Tây cho nó đành!

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tôi làm thêm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp, nhưng cậu cứ cặm cùi quá sức thế thì đến kiệt lực mà ho lao mất! Cậu có khỏe gì bằng ai, tôi tưởng chẳng nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất vả, cậu làm tôi thương cậu đến nỗi ốm mất!

Cậu ơi! Cậu nên tỉnh dưỡng, nên coi sức khỏe làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã được 140 đồng mỗi tháng, chỉ phải gửi cho tôi có 80 đồng, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiêm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, lỡ có mang bệnh, lại để tôi ân hận suốt đời vì con vì trùng ho lao có nề người tốt bụng đâu?

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tàu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái một mình ở nước tự do, song, xin cậu biết rằng ở đây tự do thật, nhưng là cái tự do có giáo dục, chứ không phải như ở bên ta đâu. Vả lại bao giờ đi ra ngoại quốc cũng phải giữ sĩ diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu. Xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất

của đời tôi. Trừ những khi mắt để vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng *Février* này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở *Cours Mirabeau*, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong, tiếp luôn mấy trận gió *mitral* thổi rét thấu xương. Đường phố lội nhơm nhớp, bẩn quá. À, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đi ô-tô ở phố chưa nhỉ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đi theo dọc đường, sát hè phố, như bên ta đâu. Xe nào cũng đứng ngang đường, quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi sát vào mũi, tưởng hình như nó sắp xéo bẹp mình! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé! Nhớ cậu quá!

TUYẾT-ANH

Aix, le 2 *Mai* 1928

Cậu,

Khốn nạn thân tôi, sao cái tin đau đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng dây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác nghiệt quá thế, trời ơi!

Cậu ơi! Tôi bất hiểu quá, mà ông trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy, bắt tôi đi xa rồi đem tôi đi đâu?

Ông bà *Madron* thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải

và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê man như lúc mới biết tin nữa. Khốn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu tuyền, để yên ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi!

Nhưng đến trường hợp này, tôi mới rõ bụng cậu. Thực là ít thấy có. Mà nhà tôi cũng là đại phúc, nên trời xui khiến tôi được hầu hạ cậu. Mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con, mà càng đáng lo lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bể ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khẩn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm về đền ơn trả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.

Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được. Mà nhất là trong lúc tôi gặp cảnh đau đớn này, thì tôi chỉ biết than thở, khóc lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đấy, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó thì thật không còn bầu vú vào đâu được nữa. Khốn nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi nghen lời, không sao viết được thêm nữa.

À, thư trước viết bằng tiếng Tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ thế đâu, cậu miễn trách cho. Cậu đừng chơi bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khốn nạn của cậu
TUYẾT ANH trăm lạy

Aix, le 29 Juillet 1929

Cậu,

Thế nào? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta, tôi tưởng chả ăn thua gì đâu. Nhưng nó cũng mệt xoàng thôi đấy chứ? Đầu tháng này, có kết quả kỳ thi tú tài, tôi trông thấy người đỗ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số phận mình ra sao.

Nhưng mà xem ra tôi học tấn tới lắm, cậu ạ. Cậu cứ yên tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị Tham, cậu nhận như thế cũng phải. Thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến hẹn, phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sên để dành, nay mai phúc nhà ta còn vượng, tôi đỗ về, thì lúc bấy giờ ta làm giàu!

Nghĩ đến tương lai thì phấn chấn trong lòng, mà nghĩ lại riêng mình cậu khó nhọc, thì tôi lại đau từng khúc ruột. Vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo lắng năm canh! Nào cho tôi đi học, nào lo lắng ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã đỗ nên người.

Độ này cậu phải làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ mà uống. Nếu không thì lại đăng ông lang Hai mà mua lấy mấy lạng cao ban long để ăn. Cậu chớ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô khan ở miền Nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gửi theo đây gói đồ chơi của con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biết. Cái ảnh cậu mới gửi sang, sao tôi trông gầy thế? Mà mũi con có cái vết gì đau, hay cái vết sờn trong ảnh, cậu cho tôi biết.

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu. Nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille baisers

TUYẾT-ANH

Aix, le 15 Aout 1930

Cậu,

Thật là từ ngày tôi sang bên này tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lầy làm buồn bực, ân hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh dây thép báo tin đổ cho cậu biết, thì nay đã tiếp được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thề? Tôi nói có sai bao giờ đâu. Cậu chả nghe tôi, cậu chả bổ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả. Thà rằng tôi chết cho cậu được sung sướng, còn hơn tôi phải để cậu càng đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong, cũng cho tôi xem với. Nếu thấy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng chỉ nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu trồng cây sắp tới ngày ăn quả. Đến sang năm, tôi thì nốt phần thứ hai kỳ tú tài rồi, vậy cậu nghĩ cho tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra xung quanh mình, tôi chỉ thấy những sự buồn mà không đủ sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm!

Bệnh tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tàu, cậu nhớ cho tôi biết. Con thế nào? Vẫn chơi ngoan đấy chứ? Chuyện gì bí mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi bời gì nhé!

Nay kính thư

TUYẾT-ANH

Aix, le Septembre 1931

Thưa cậu,

Tôi bất đắc dĩ cầm bút viết bức thư này tạ tội cùng cậu, xin cậu tha thứ cho người vợ bạc bẽo, phản bội này.

Tôi chịu ơn cậu rất nhiều, cũng mong đến ngày công thành danh toại, về để hầu hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà... tóc tơ ngắn ngủi có ngắn ấy thôi, cậu cũng cảm lòng như tôi hừ mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi như tôi không có nữa mà thôi.

Sự vợ chồng ông trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước, lúc đưa nhau ở bến tàu Sáu Kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam Kỳ với một người bạn học tôi mới đậu Y khoa bác sĩ.

Nay vĩnh quyết

TUYẾT-ANH

18-5-1932

XIN CHỮ CỤ NGHÈ

Gần chỗ tôi ở, có một cụ Nghè, đỗ khoa nào tôi không rõ. Cụ Nghè nổi tiếng hay chữ. Những thơ phú, câu đối, cụ làm ra, toàn là chữ nho cả, tôi ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều và đều phục hay lắm.

Làng cụ ở cách nhà tôi độ ba cây số. Những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu chuyện cụ. Vì tính cụ vui vẻ, dễ dãi, nhất là tiếp đãi tôi, thì bao giờ cũng một cách đặc biệt. Thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho, thì cụ sẵn lòng giúp.

Tôi vâng dạ, nhưng chưa có dịp nào được phiên đến cụ, vì chưa có dịp nào phải giao thiệp bằng chữ nho. Nhiều người cứ xui tôi xin cụ câu đối, nhưng tôi không muốn. Vì vẫn biết cụ sẵn lòng cho, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa, đều phải có đem hoặc canh cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ. Chữ không ai chơi cái lối “nước dãi” bao giờ. Như thế thực là phải. Cho nên, chẳng lẽ bây giờ nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến, thì sợ cụ cười rằng trẻ con không biết gì. Nhưng nếu ngộ không tạ ơn cụ bằng

thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách “tây” quá ấy chẳng. Bất nhược chẳng phiền cụ cho xong quách.

Một hôm nhận được giấy cáo phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân sinh mới tạ thế, tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

Ngày thường, chúng tôi vẫn nghe lắm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già, người ta hay dùng bốn chữ *Hạc giá tiên du*. Chúng tôi định thừa ở hiệu bốn chữ ấy. Nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào. Mà đành phận chữ *chi* là *cò* cũng không biết, thì thà chịu dốt còn hơn. Vả lại bốn chữ sẵn này, tuy hợp nghĩa, nhưng cũ rích, lại chẳng hay ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân mật kia của chúng tôi đối với hiếu chủ. Chúng tôi bèn quyết không dùng mấy chữ sáo *Hạc giá tiên du* ấy nữa. Nhân có cụ Nghè ở gần, chi bằng chúng tôi lại xin ngay chữ cụ, tất được hay lắm.

Chúng tôi biết tính cụ Nghè thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa có dịp nào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến xơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

Dặn dò người nhà làm cơm và mua rượu xong, chúng tôi cùng thân hành đến nhà cụ Nghè để đón cụ. Hôm ấy, được ngày cụ thông thả và mát trời, nên cụ đi ngay.

Cơm xong, tôi nói:

- Thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.

- Hừ! Các ông lại muốn nhờ làm câu đối chứ gì?

- Dạ.

- Thế thì việc quái gì phải bày vẽ ra thế này cho thêm tốn?

- Bẩm có gì là bày vẽ. Chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến xơi cơm để chúng con được hân hạnh hầu rượu cụ mà thôi.

- Câu đối gì?

- Bẩm câu đối phúng.

- Phúng ai?

- Bẩm phúng ông thân sinh một người bạn thân.

- Được! Đem giấy, bút ra đây.

Chúng tôi đưa lọ mực tấy và bút sắt. Cụ không nghe, cười:

- Tôi có quen dùng những thứ này đâu?

Chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ đồ. Khi thấy mang về, cụ bảo:

- Mài mực đi. Ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mười vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thôi.

Chúng tôi vâng lời cụ. Khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt, lên gọng kính, rồi hỏi:

- Viếng ông cụ thân sinh ra bạn thân phải không?

- Dạ.

- Ông cụ ấy bao nhiêu tuổi?

- Bẩm ngót bảy mươi.

- À thọ nhỉ? Con cháu khá cả đấy chứ?

- Bẩm vâng.

- Ông cụ ấy còn cha mẹ già không?

- Không ạ.

- Bà cụ còn chứ?

- Dạ.

- Được. Ấy, phải biết đủ như thế mới có thể giải tỏ hết cả tấm lòng mình được.

Cụ rung đùi rồi nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, cơ chừng để nghĩ. Chúng tôi ngồi chấp tay, yên lặng cả, để khỏi làm rối mắt mối văn chương của cụ Nghè.

- Mà cần gì phải câu đối? Bây giờ những đám ma văn minh người ta có hay dùng câu đối nữa đâu? Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không?

- Dạ!

- Được.

Cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, xoe ngồi cho tròn rồi viết. Chúng tôi châu đầu cả vào để nhìn tay cụ.

Đầu tiên, cụ nắn nét, viết một dòng chữ về mé tay phải tờ giấy, chỗ đề niên hiệu:

Bảo đại Nhâm thân niên trọng hạ thật.

Rồi cụ đưa phất tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ đề lạc khoản:

*Tử chấp: Trần Văn X. Trịnh Hữu Y. Nguyễn Mạnh Z.
đồng trang văn.*

Cụ hỏi:

- Có phải tên các ông viết thế không? Dòng bên kia là đề ngày, tháng, năm đấy.

- Dạ.

- Tử chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấy.

- Dạ.

Chỗ giữa vẫn còn để trống. Cụ lại hỏi:

- Ông cụ có phải không nhỉ?

- Dạ.

Lúc ấy cụ ra dáng nghĩ ngợi hơn, gục hẳn mặt vào bàn tay và rung chân mạnh hơn trước. Rồi ngẩng dậy, cụ đặt bút, chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. Chúng tôi lại phải im phăng phắc, không dám thở mạnh để cụ loạn trí, mất chữ hay, chăm chăm con mắt nhìn theo tay cụ.

Độ năm phút sau, cụ lại đặt bút xuống chiếu, gãi chân rồi kêu nục, chúng tôi quạt hâu. Cụ cầm bút rồi rung đùi nữa, đặt hẳn ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quản ngoáy ngoáy trên không để lấy gân, rồi gí hẳn xuống, nắn nót, viết bốn chữ nét rậm rì to tướng.

Viết xong, cụ nhồm phất dậy, trở vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được thấu hiểu cái hay. Cụ Nghè giảng:

- *Hạc là con hạc, giá là xe, tiên là côi tiên, du là chơi*, các ông hiểu chưa?

Hiểu rồi, chúng tôi lườm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết!...

6-6-1932

quá, một hai giờ sáng rồi, mà vô ý vô tứ - mười tám mười chín rồi, chứ nào bé xác gì! - nhà thì ở chung ở chạ, mà cô Hồi còn bô bô cái mồm, mãi không thèm xếp lọ diễn thuyết lại. Cô nói cho đến lúc nghe thấy mẹ ngáy mới chịu ngả lưng.

Ra cái tai được nghe chuyện phiếm, thì cái óc cũng đâm ra nghĩ ngợi những chuyện đầu đầu. Thấy người ta giàu có, ăn chơi sung sướng, thì mình cũng ước ao được lăn vào nơi bể bạc rừng vàng. Nhưng quái ác quá, tôi cứ muốn làm sao được trở nên một nhà cự phú trong giây phút mà không phải tốn nhiều công.

Kể ra muốn chóng giàu thì cũng không khó đâu, miễn là nên quên chữ *nghĩa*, chữ *sỹ* đi là được, mà làm nghề gì, chứ làm quan, đi thầu, buôn thuốc phiện lậu, ăn cướp, thì chẳng mấy chốc!

Nhưng từ khi xảy ra chuyện cô Hồi mất cửa, thì mỗi bận tôi biết một ông nhà giàu nào, là tôi muốn chiêu ngay lại cái phim ảnh đời ông ấy, để tôi đỡ hối hận về sự quá kính trọng!

Lúc ở nhà đang râm râm lên thì tôi bừng mắt dậy. Thằng nhỏ, con sen bị một mẻ dọa ghê cả thịt, nào đòn nhà xăng-tan, nào thể đèn Hàng Trống, đứa nào đã trót đại mà không thú thực đi, thì rồi sẽ biết.

- Không phải chúng bay thì còn con chó nào vào nhà này mà ăn cắp gói tư trang của con bé?

Câu nói của bà cụ, làm tôi sực nghĩ đến cái thằng nó vừa mới vào nhà này, nó đập cửa râm râm, nhân tiện nó khênh cái thùng vàng to tướng ở đằng sau, chắc nó sà-lộn cả cái gói vàng của cô em cho gọn chuyển!

Nghĩ thế, nhưng tôi không dứt dứt mối nghi ngờ của bà

GÓI ĐỒ NỮ TRANG

Tưởng là việc cướp hay cháy ở đâu, chẳng hóa ra cô Hôi mất gói đồ nữ trang! Mới độ năm giờ sáng, mà cả nhà trong nhà ngoài mất ngủ!

- Rõ ràng con gói nó lại, con để nó ở đây này, bây giờ con sờ thì không thấy nữa, mà cả gầm giường con cũng soi rồi.

- Sao con không cất vào tủ hay đưa cho me, lại để đây?

- Thế này nhé, lúc me ngủ thì con cũng ngủ, nhưng cái vòng hột nặng trĩu nó cứ đè lên cổ con, cái hoa nó cứ sát vào mang tai con, cả đôi vòng ở cổ tay, mấy đồng bạc ở trong túi, nó cứ kên kên làm cho con khó ngủ quá. Con mới tháo tất cả ra, gói vào cái mùi xoa, để ở đầu giường này cẩn thận, rồi con mới ngủ kia mà.

Ngày ấy, tôi trọ học ở nhà bà cụ để ra cô Hôi. Bà cụ góa chồng mà chỉ sinh được một mình cô ta, cho nên chiều chuộng hết sức. Từ khi cô Hôi đi xem hát về tối hôm trước, tôi không học được bài nữa, cái tai cứ để cả vào câu chuyện phiếm dưới nhà.

- Nhỉ, me nhỉ, cái vai ấy đóng khéo, cái vai nọ hát hay.

Rồi huyền thuyên, cô bình phẩm những cái gì cái gì. Khó

chủ, mà cũng không cho bà thêm một mồi ngò nữa. Tôi chỉ bảo nhỏ với cô Hôi, rồi lẳng lặng ra đi.

Lúc bấy giờ chỉ vào khoảng năm giờ rưỡi. Đáng lẽ đi chơi phố sớm như thế, thì được hít không khí trong trẻo, mà cảnh buổi sáng chan chứa biết bao mùi nên thơ. Nhưng mà trái lại, tôi cứ phải lẻo đẻo theo sau cái xe “hơi”, cái mùi không nên thơ nó làm hao cho cái cơ quan tên là cái mũi!

Tôi nhìn rõ mặt thằng cha đẩy xe, chính mọi khi nó vẫn vào đổi thùng nhà tôi. Tôi cứ đi theo sau, rất ý tứ kín đáo. Đến máy nước đầu phố, nó đỗ lại, khênh một cái thùng kê vào vòi máy, rồi ấn nước đầy, thọc hai tay vào, sáo lộn lên, đoạn lại để lên xe mà đi. Tôi càng đắm nghĩ.

Cái xe lạch cạch đến ngoài châu thành, thì không biết nó bảo thằng làm bò những gì, thấy nó lẽ mề khuôn cái thùng vào đầu hè một nếp nhà tranh, rồi gọi to người ở trong nhà:

- Cát cái này đi cho tao, bu mày ơi!

Tôi biết là nhà nó. Vợ nó ở trong tắt tả chạy ra, nhưng đến khi ngó thấy cái thùng quý hóa mà mùi hôi thối dậy lên khắp góc trời, nó bèn giẫy lên đành dạch, cất giọng khề nằng nặc, xỉa xối:

- Mày bắt tao cất cái này? Quý hóa lắm thế à? Ồi đời ơi là đời! Chồng ơi là chồng!

Thằng chồng chẳng nói chẳng rằng, tát bốp vào má vợ một cái rồi đe:

- Mày muốn ở tù thì quang quác cái mồm lên, ông truyền đời cho mày không cất cái này, lúc ông về thì đừng chết!

Con vợ lăn ra khóc rầm rĩ. Thằng chồng vừa đi vừa quay lại, ra dáng giận dữ lắm.

Khi cái xe đã đi xa, tôi bèn khéo nói với nhà bên cạnh, thuê tiền vào nhờ trong nhà để rình. Hai nhà có tường liền chắn đôi thành ra tôi trông sang bên kia rõ mồn một.

Nằm ăn vạ một bên cái thùng xia, con vợ như đã sặc cái hơi nguy hiểm, và cho việc mình làm là vô ích. Nó liền ngồi dậy, nào nôn, nào oẹ, nào khạc, nào khở, nào nhả mặt, nào bịt mũi, rồi nó vào trong nhà, khép kín cửa lại, nằm lên trên giường, mồm thì chửi rửa cái thằng chồng ngu ngốc đem rước cái nợ ấy về nhà.

Cái thùng vẫn ngồi lù lù ở đầu hè nhà nó. Hơi bốc lên ghê quá, làm cho ai qua lại cũng phải khạc nhổ ầm ầm.

Một lúc lâu, thằng chồng về. Thấy cái thùng vẫn nguyên ở đó, nó hăm hăm đẩy cánh cửa đánh xình một cái, quát:

- Mả bố mày vẫn để ở cửa kia à?

Con vợ cáu tiết, giở dậy, định cà khịa gây chuyện lời thôi to, thì thằng chồng đang ì ạch khênh cái thùng vào nhà.

Con mẹ khốn nạn kêu rầm làng nước, rồi lôi kéo thằng chồng trở lại, mà thằng này thì cố miệt đi. Thành ra hai vợ chồng giằng co, cái thùng nặng quá, rơi bịch xuống đất, làm bắn vung vít cả nhà, mùi thối xông lên, làm cho tôi đứng ở hàng xóm cũng không chịu nổi.

Con vợ túm lấy thằng chồng, vừa thở vừa nói:

- Mày bảo mả bố ai thì để cái mả bố ấy ra ngoài kia.

Chồng thấy vợ làm hăng quá, liền nói nhỏ vào tai những gì, thì tự nhiên con vợ đổi ngay nét mặt. Chắc có lẽ nó giảng cho vợ nó nghe trong cái mả ấy có những gì. Con vợ hớn hở, tươi tỉnh, giơ tay ra khênh đỡ với chồng, mà không tỏ ra ý tỏm như trước nữa. Chẳng nhổ, chẳng khạc, chẳng bịt mũi, chẳng quay đi, nói lại như có ý vui lòng lắm.

Vào đến sân, con mẹ cởi phăng áo ra, thọc cả hai tay vào trong thùng mà mò. Một lúc, nó lấy lên một chiếc xuyên.

Mừng rỡ quá, nó càng thấy phấn chấn trong lòng. Rồi lại chiếc xuyên nữa. Thế là nó cúi gằm cả mặt vào cái miệng thùng mà khò, mà bốc, mà sờ, mà bóp.

- Mấy chiếc? Đầu đuôi thế nào bố mày nói cho tôi nghe.

- Tao đang đi vào cái nhà ấy, thì chân tao xéo ngay vào phải cái bọc trắng trắng. Tao đá, thấy nặng nặng. Lúc ấy thằng nhỏ đang cúi húi thấp nắm hương, tao cúi ngay xuống nhặt lên bỏ tọt ngay vào túi. Đến đằng sau, tao cởi gói soi đèn, thì ra cái gói rất vàng với bạc, sáu chiếc xuyên, ba cái nhẫn, một đôi hoa tai, một chuỗi hạt vàng dài bằng chừng này, với hai đồng bạc, ba hào sáu xu. Tao sợ bỏ vào túi lỡ nó biết mà khám thì lấy không trôi, tao mới dứt dứt cái dây hạt vàng ra, vút tọt cả vào trong thùng này.

- Bố mày khôn nhỉ!

- Ra đến máy, tao đổ đầy nước vào trong thùng và xáo lộn lên, cho thằng bò nó không trông thấy. Lúc đẩy xe, tao cố kìm lại cho nặng. Thằng kia miết mãi không lê được, tao mới tán với nó để lại một thùng, rồi tao mang đi sau cho.

- Sao bố mày không bảo thực ngay với tôi từ trước? Bố mày khôn quá! Nay, phải đổ ra đất mới dễ tìm hạt vàng, vì nó bé quá!

Nói xong, hai vợ chồng đổ cái thùng ra sân, phân lỏng toé loang ra đất. Mùi khai thối sực lên tận óc. Con vợ thấy nhiều vàng quá, mừng rú lên, vô lấy vô để. Bất đồ trượt chân, nó ngã đánh oạch một cái, bê bết cả vào mặt lẫn người.

Nhưng vì nó mê về của cải, nó không trông thấy bẩn,

không ngủi thấy thối, cứ tự nhiên như không lẫn xả vào cái mỏ vàng mà nhặt.

Lúc ấy mặt trời đã lên cao, chiếu ánh nắng vào khắp sân. Mồ hôi nhễ nhại, nhưng chúng nó hình như không thấy nực nội gì cả, cứ cặm cụi chăm chỉ vào công việc bới đồng phân, đồng giò ra để tìm vàng bạc. Những lúc chúng thấy ngứa mặt hay lưng, thì cứ việc gãi tay lên mà gãi.

Tôi thấy chúng mà động mỗi thương tâm. Trước khi chưa dúng tay vào tìm vàng bạc, thì mặt chúng còn sáng sủa sạch sẽ như mọi người. Từ lúc cái lòng tham lam giục chúng cố nhắm mắt quên cái khai cái thối để làm giàu, thì ra cái đồng vàng bạc càng to bao nhiêu, mặt chúng càng dầy nhè nhẹt nhiều cứt nhiều đái bấy nhiêu, trông rõ ra khốn nạn, dơ tiện...

Vậy mà chúng có biết gì đâu? Con vợ còn nói hợm với thằng chồng:

- Nhỉ, nhà nhỉ, giò cho ngày nào ta cũng được món bở như thế này, thì mấy chốc chẳng tậu được nhà gạch, chẳng mua được tô-bin, chẳng nên được ông kia bà nọ!

Tôi nghe thấy con vợ chưa giàu đã hợm mà tôi giật nảy mình, bụng bảo dạ, giá cứ để cho lũ mày được nuốt trôi cái món bở ấy, thì chưa biết chừng, một ngày kia biết đâu nó chẳng trở nên nhà đại tư bản có đủ sức xoay được cả thời thế!

Nghĩ vậy, tôi không muốn để xã hội ta sẽ có thêm một bậc tai mắt như thế nữa mà rầy rà, tôi bèn lập tức đi báo ông cò đến mời nhà đại tư bản lên ấy nghỉ chơi trên bốp.

16 Juin 1932

THẰNG ĂN CẤP

Phải đòn trận này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp! Ai thương! Ai bảo nó nút mắt ra đã đi ăn cấp?

Người ta kháo nhau:

- Quân ấy tinh quái lắm! Ấy, nó cứ giả vờ đói khát để ăn xin, trát bùn vào mặt, vào người, lử thủ lử thù, làm như thằng ốm nhưng hề rình nhà nào vô ý, là thừa cơ thố ngay, rồi lẩn mất, nhanh như cái cắt!

Người ta gờm mặt nó! Người ta sợ nó! Hễ nó lảng vảng đến, người ta ngờ, người ta canh, người ta giữ, coi nó như một con chó đói.

Một hôm, nó vợ vẫn giữa đám hàng bán rong.

Thấy nó, bà bán hàng rau đứng dậy, quẩy gánh lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt sờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nấn lại tiền. Bà hàng lê bấm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán đưa mắt cho bác bán khoai.

Họ thì thảo:

- Thằng ăn cấp.

Trông nó đáng sợ thật. Hai mắt trắng dã, lăm la lăm

lét. Tóc thì bông lên như tổ quạ. Da đen thui thui, mặt rạn như men lọ cổ.

Hai tay thọc vào cái túi tây tàng, xơ xác như tổ đĩa, nó đứng nhích ra chỗ bóng nắng, dún dầy cho ấm.

Nó nhìn gánh bún riêu. Nó nhìn mẹt bánh đúc. Nó nhìn rổ khoai lang. Cơ chừng nó thèm. Nó thèm vì đói.

Thấy nó ám, các bà chẳng dám đuổi, nhưng bụng mong nó cút ngay đi.

Nó đứng một lúc. Rồi quá. Nó chìa bàn tay ra xin, xin bằng những câu văn sách thuộc lòng, chứ không cố lấy giọng nằn nì khốn nạn:

- Cẩn cở lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng cơm bát cháo.

Thấy nó giở giọng, các bà giữ riết ruột tượng, túi tiền, thức hàng.

- Để bạn sau, đi mà xin chỗ khác.

Nó nhăn bộ răng trắng như hạt bầu ra, cười láu cá. Góm chết!

Nó cười gì? Ai mà biết được! Hay là nó chế các bà lần này quá khinh nó? Vì nó tham cơ hội mà xin đó thôi.

Nó làm bộ, lắc túi cho các bà nghe thấy tiếng xu kêu loảng xoảng! Ranh con thực! Nó lại đứng yên. Nó ngấm. Hai mắt chòng chòng vào cái nồi bún riêu khói bốc lên ngùn ngụt, vào cái nồi bánh đúc ngon lành, vào cái rổ khoai tròn trĩnh như "ông Y". Nó chảy nước dãi. Nó thèm. Vì nó đói thực.

Suốt từ sáng, nó chỉ được có sáu đồng trình, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức dền vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vật! Ăn không ra bữa

quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói. Chứ không thấy cồn cào. Nó ngồi sấn vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:

- Chưa bán mở hàng đấy! Khỉ ạ!

Nó lại lê dịch sang kê nôi bún riêu:

- Lạy bà, con ăn mỳ bà một bát.

- Ba mươi sáu cái nồn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đấy! Thôi đi! Dơ!

Nó lại mó vào củ khoai lang, tùm tùm cười.

Bà ấy vội hất tay nó ra, và mắng:

- Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ hàng xa xỉ phẩm, đùa nó rằng:

- Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu.

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quýt. Nó đã được, bỏ vào mồm, nhai gau gau.

Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy. Tay nó đếm xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu:

- Bà bán cho cháu một bát.

- Mày có tiền không!

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuyt xoạt! Cay! Ngon quá!

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ ghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

*

* *

Năm phút...

Mười phút...

Bồng chóc:

- Ôi ông đội sếp ơi! Thằng ăn cấp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhốn nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

- Bắt lấy nó!

Thằng ấy cầm đầu cầm cổ chạy, nhanh như mũi tên.

- Giời ơi! Nó kia kia! Ai đuổi hộ tôi!

Mọi người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người...

- Bắt lấy thằng ăn cấp!

Rồi hàng chục người. Rồi không đếm được bao nhiêu người nữa. Họ chạy huỳnh huých. Họ làm như bắt giặc!

Ai cũng kéo cả ra đường để nhìn theo.

Một thằng chạy. Mấy trăm người đuổi. Bụi mù!

Bà ấy chạy sau rớt. Áo lấm. Khăn xô. Tóc rũ. Ngửa mặt lên mà kêu:

- Ôi ông đội sếp ơi!

Mọi người hỏi nhau:

- Ai mất gì?

Người bảo:

- Nó cắt đứt ruột tượng của người kia.

Người bảo:

- Nó lẩn túi người ta! Chà thằng oe con gớm thật!

Rồi lại thêm mấy chục người nữa đuổi theo thằng ăn cấp.

- Thằng ăn cắp! Bắt lấy nó! Ồi ông đội sếp ơi! Nó ăn cắp của tôi!

Kìa, ông đội sếp đến thực. Bỏ mẹ!

Ông ấy cầm cổ, gò lưng, bấm chuông liên thanh, đạp xe đuổi theo.

Nó vẫn chạy như khoảng cả hai chân lên vai. Chạy hăng quá!

Nhưng người đuổi chạy nhanh hơn.

Bà ấy thì lạch bạch như con vịt, kêu không ra tiếng, mỗi lúc một xa nó, xa nó đến sáu bảy mươi thước.

- Khổ thân tôi, giờ đất ơi!

Đến ngã tư.

May quá. Một ông chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nghe tiếng kêu, đâm bổ ở trong nhà ra, tóm ngay được cổ nó. Nó cúi xuống, mồ hôi trơn, ông ấy suýt nắm trượt. Nhưng liền vớ ngay được cánh tay nó.

Nó giằng ra. Ông ấy khỏe như vâm, quật ngay nó xuống đánh oách, ngã sấp xuống đường, sây sát cả người, máu me bê bết. Ông ấy vồ được nó.

- Nó ăn cắp gì?

- Nó giặt khăn.

Ức! Một cái đá vào mạng mỡ.

- Chạy nữa đi!

Hự! Một quả tống vào ngực.

Nó méo mặt, không thở được! Đành chịu nằm yên.

Người ta chạy tới dần.

- Nắm chặt lấy nó!

Nhưng chẳng nắm, nó cũng chẳng chạy được.

Huych! huych! bốp! bốp!

- Này chừa này! Ăn cấp này!

Ai cũng phải giã cho cẩn thận, để bỏ lúc chạy mưa mặt bắt nó!

Nó lạy. Nó van. Nhưng ai tha? Đại gì mà tha thằng ăn cấp?

Họ càng ghét, túm lại, đánh như mưa.

- Cho đáng kiếp! Nó giật đôi khuyên vàng của người ta!

Họ lại đánh túi bụi, không tiếc tay.

- Mười ba mười bốn tuổi đầu đã dám lén lút, lấy của người ta năm đồng bạc rồi lại đánh người ta!

Họ lại tức. Lại cho thêm một trận.

Nó đau quá. Nằm sóng soài, không nói được nữa. Hai mắt lờ đờ, khốn nạn như con chó bị trời giạt bốn cẳng ra đằng sau lưng.

Họ khám túi nó.

Tang vật nó lẫn đi đâu rồi?

- Mày để đồ ăn cấp ở đâu?

- Nó có đảng!

Nó mở mắt ra nhìn. Họ lại uyech. Họ lại thụi. Họ lại tát. Họ lại đá. Không tiếc tay. Rồi lại hô:

- Đánh chết nó đi!

Nó cũng gần chết thực.

Những mũi giầy, những ngọn gân bò, những quả dấm, những nhát gậy, làm nó đau ê ẩm cả mình. Phen này nó sống cũng thành tật!

Nó cựa. Nó nhăn. Nó ôm bụng.

Đám đông càng ùn lên. Xe pháo tắc tị không đi được. Ông đội sếp lúi tay nó dậy:

- A lê! Lên Cẩm!

Nó mềm như sợi bún, không dậy được.

- Nó giả vờ đấy!

Lại mấy cái móng giò. Lại mấy cái tát. Để đợi người khổ chủ còn đương ý ạch chạy theo ở đằng xa. Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước. Không kêu được một tiếng. Cơ chừng tiếc của. Cơ chừng hết sức. Cơ chừng hết hơi. Không biết mất cái khăn, đôi khuyên, hay năm đồng bạc? Không biết bị nó đánh có đau không? Chờ bà ấy đến sẽ rõ.

- Ông...bà,...giữ...lấy...nó... cho... tôi!

- Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu. Bà ấy vẫn thở. Thảm quá!

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến. Hồn hển thở chẳng được.

- Phải, nó đây rồi.

Bà ấy vồ lấy nó, vả lấy vả để.

Bà ấy cứ tưởng mạnh. Nó cũng không biết đau. Nó mê lên rồi.

Bà ấy kiệt sức, ôm chầm lấy nó, rồi ngã sòng soài ngay cạnh.

- Giả tao đây!...Giả...tao...đây!

Nó không thở được. Nó nhăn.

- Nó lấy gì của bà?

- Các ông đưa...nó lên...Cẩm...hộ...tôi!

- Bà mất gì?

Bà ấy cố trả lời, nói rồi rạc như người sắp tắt thở:

- Nó ăn của tôi...hai xu...bún riêu...rồi...nó quịt... nó chạy!

SAMANDJI

Đến hai tháng tôi không gặp Samandji. Đó là một chú lính da đen ở đạo quân thuộc địa thứ chín: một con bò mộng nuôi chờ ngày mổ thịt. Anh ta trông dữ tợn vì hai con mắt trắng dã trên màu da mun, song bản tính thực hiền lành, chất phác.

Sở dĩ tôi thích Samndji, vì hắn là người ngoại quốc, và lại hắn phục vụ tôi là giống văn minh hơn, cũng như tôi kính phục người Nhật Bản. Bởi thế, thỉnh thoảng tôi trịch thượng lên mặt đàn anh, sai bảo anh ta chẳng khác gì kẻ bộ hạ trung thành.

Đến hai tháng nay, tôi không thấy chủ nhật anh ta đến chơi tôi nữa.

Rồi hôm qua, trong khi đi dán mũi vào cửa kính các hiệu, tôi thấy bị một bàn tay sắt vỗ sụn cả vai.

Tôi quay lại: rành rành Samandji bằng xương bằng thịt hẳn hoi. Ngạc nhiên, tôi trở mặt nhìn anh ta mà hỏi:

- Anh ở lỗ nào chui ra đây?

- Ô, Thượng Hải về, vất vả quá!

- Làm gì ở bên ấy?

Anh ta ngẩng cao người lên, vênh mặt mà trả lời:

- Đẹp giặc.

- Ấy chết! Nguy hiểm thế à? May mà không bỏ mạng đấy.

Câu nói của tôi như có hiệu lực gì vào tâm hồn anh, mà anh tỏ vẻ ngạc nhiên trong cái lòng trắng mắt:

- Sao anh hèn thế? Chết vì nước mà anh sợ à? Chả trách anh không dám đi lính.

Tôi cố làm ra cách thẹn vì câu nói ít can đảm của mình, không muốn làm nhàu mất tấm lòng ái quốc của anh ấy.

- Lại sắp đi tu rượu hử?

Tôi vội lảng sang chuyện khác như thế. Anh đáp:

- Không, về nhà tôi.

- Anh có nhà ở đây à? Diện nhỉ!

- Tôi mới thuê một cái gác xinh lắm, ở gần đây.

- Một mình anh làm gì hoang thế?

- Không...

Tôi hiểu ý, cười, anh ta cũng nhếch mép cười theo: một cái chớp loáng trong đêm ba mươi!

Một chốc, tôi đã ngồi bên cái bàn ăn phủ khăn trắng. Samandji đi rót rượu cho tôi uống.

- Đâu, còn ai nữa đâu?

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật, biết câu ấy với An Nam mình thì khiếm nhã, song đối với anh ta, chỉ là câu chuyện thường.

- Nó còn đương đun nước dưới bếp.

Ngay sau đó, tôi thấy tiếng dép lẹp lẹp sau lưng tôi, rồi tiếng reo:

- Đã về đây mình?

Theo sau một câu nhỏ hơn:

- Ai thế?

- Bạn thân tôi, chào ông ấy đi.

Tôi vội ngoảnh lại: một người đàn bà rộng khổ, cũng mồm đỏ, cũng đít cong, cúi đầu chào tôi.

Tôi lúng túng không biết dùng tiếng gì trả lời, may thay hai vợ chồng anh ta bá cổ hôn nhau, làm lấp cả tiếng âm ừ của tôi đáp lại.

Trông cảnh tượng hai cây thịt ôm chặt lấy nhau mà bất giác tôi nghĩ tới cuộc thế giới hòa bình, cuộc tương thân, tương ái của các màu da.

Song tôi lại quên không hiểu cái nguyên nhân sự thương yêu đó ở đâu mà ra, mà nong nân đến thế. Vợ Samandji trông có vẻ lắm. Chẳng hiểu cạo lượt nước hàng ở mặt đi, thì còn trơ ra cái mầu gì, chứ ngay lúc đó, đứng bên cái cột nhà cháy, thì chị ta cũng còn được một chút mỹ thuật.

Mỹ thuật nhất là cái ngực đầy như cái ví của nhà tư bản, như cái óc của ông Nghị trước ngày họp hội đồng.

Song đó chẳng phải là cái chỗ tôi kính phục chị. Tôi không ngờ một người đàn bà ở cái sọt ấy mà chiều chồng khéo đến thế.

Chị ta ngồi đối diện với Samandji, con mắt đưa tình, miệng cười chúm chím.

Tôi thì cứ trở mắt nhìn tấn hoạt tượng đó, trong lòng nôn nao, cũng một cảnh gia đình “sống để mà yêu” đó.

Bàn tay nhẩy những thịt, nhanh nhẹn rót rượu cho chồng, cho khách, cho mình.

Ông bạn đen của tôi chừng như khoái trí lắm, uống mãi rồi kể chuyện, nào khi ra trận, nào lúc nằm hầm, nào tiến, nào lui, vào sinh ra tử. Giọng nói có vẻ tự nhiên, yên phận.

Còn cô vợ, lúc giún vai, khi rút cổ, bấu môi, rầu mồm, cũng có vẻ tự nhiên của một người thập thành.

Song tôi lấy làm lạ một điều, là khoe thu ba, không khi nào đánh ngang sang chỗ tôi, chỉ chăm chú vào cặp môi đầy đặn võ gương oai. Tôi đương cảm phục tấm ái tình chân thật của chị ta thì bỗng nhiên tôi giật mình: trên bàn chân tôi có vật gì đè xuống. Tôi tưởng Samandji cao hứng, sắp đưa cả gót giày vào ống cẳng chân tôi, tôi vội vàng rút lại.

Chẳng bao lâu, tôi lại thấy cái cảm giác ấy nữa. Lần này tôi không tưởng nữa, vì chính là bàn chân nóng hôi hổi đụng vào chân tôi. Tôi co cẳng lại. Cái bàn chân đuôi theo tôi, tôi lại chạy. Trong gầm bàn, nấp dưới chiếc khăn trắng bỏ xõa, thực là một cuộc bắt cóc của hai bàn chân.

Một lúc, bí thế, tôi đành để yên. Samandji vẫn nói chuyện, tôi vẫn nghe, cái mồm đỏ vẫn cử động, mà bàn chân tôi đành chịu ngồi tù.

Thỉnh thoảng vợ Samandji lại ru ngủ chồng bằng những cái vỗ vai, những cái phúi bụi áo: âu yếm nhau ghê!

Một phút. Hai phút...

Lần này thật là nguy. Hai cái ống cẳng đầy những thịt, nóng hôi hổi gác lên đầu gối tôi, rồi tôi thấy mấy đầu ngón chân nhí ngoáy trên đùi tôi.

- Trận đánh này kịch liệt hơn trận trước. Hôm ấy trời mưa tuyết...

Samandji vẫn mê lên về kể chuyện, vì anh vẫn tưởng vợ anh và tôi mê lên về nghe chuyện.

Quả tim tôi đập đến vỡ ra mất, mà thần trí tôi thì rối loạn.

Đã vậy, tôi vẫn phải cười gượng với bạn, nhưng cái cười vàng như miếng nghệ, tay thì nhấc lên, bỏ xuống cái cốc hũy còn đầy những rượu men nồng.

Samandji càng uống, càng nói, tôi lại càng thấy đầu gối bị đè chặt, tê cả bắp đùi.

Bỗng anh ta ngắt câu chuyện, lườm tôi mà bảo rằng:

- Anh không tốt.

Ấy chết! Nguy to rồi. Cái này có lẽ hần biết mà hần cho một quả tổng thì còn gì là mũi! Hàng tóc gáy của tôi gợn lên cả một lượt.

Tôi ứ cổ mà hỏi:

- Tôi không tốt? Anh say à?

- Không! Tôi không say. Cả vợ tôi cũng không tốt.

Nhanh như điện, hai ống cằm đầy thịt biến mất: đầu gối tôi được tự do.

- Thế nào, không tốt mình?

Mặt chị vợ cơ chừng cũng tái mét trong lần phấn, vì tôi nghe thấy giọng nói hơi run. Tôi tưởng tượng như bị nhốt trong một cái chuồng hổ, hay nguy hiểm hơn, bị nhét vào một cái hộp quán nào để bắt nghe diễn thuyết.

Hai chúng tôi như hai tên tội phạm sắp đến lúc tuyên án tử hình.

Mặt tôi cố tỏ ra vẻ ngạc nhiên, cái mồm đỏ cũng cố để ra một nụ cười héo hắt.

Một chốc, Samandji lè nhè lên giọng:

- Anh đừng giấu tôi nữa, tôi hiểu cả rồi...

- Anh hiểu cả cái gì? Tôi làm gì anh?

- Anh đừng có giấu tôi nữa, cũng như tôi không giấu vợ tôi, tôi thường bảo nó rằng: “Khi tao về thì mày hôn tao, mà khi tao vào trại, thì ban ngày mày đi đánh chấn, ban đêm mày ngủ với người khác, mày không tốt”. Có thể mà nó không thừa. Tôi cũng chán, không muốn bảo nó nữa. Thôi mặc nó. Tôi nghe nói anh sắp lấy vợ, mà anh không cho tôi biết, không hỏi tôi: đừng lấy nữa. Mình chẳng thể tin được nó. Nếu anh có vợ, anh không tốt.

Tôi nhảy một bước dài từ cái ngạc nhiên nọ sang cái ngạc nhiên kia. Nào ngờ đâu tôi chỉ phải nghe cái bản án gọn lỏn mà bình thường có như thế.

- Anh Samandji, tôi khen anh đấy, ở với vợ trung thành và có độ lượng.

- Anh tính tôi làm thế nào? Đứa nào cũng vậy, thì im đi còn hơn, bảo nó, nó chẳng nghe thì thôi.

Nói xong, Samandji cười. Tôi cũng cười. Đến chị vợ cũng cười. Ba cái cười tự nhiên không có vẻ ngượng nghịu.

13 Décembre 1932

BÁO HIẾU: TRẢ NGHĨA CHA

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa, gió, rét, có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ để ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô “Con cọp”? Bởi vì trong buồng khách, cửa đóng kín mít, hơi lửa lò sưởi xông lên nóng rực. Mà khách đến chơi, ông nào cũng gói mình vào đến trăm thứ áo, lại xù xù ở cổ một chiếc chăn con!

Khách đến dự tiệc, toàn là hạng ông nọ ông kia, danh giá, mà ông chủ nói là chỗ thân. Cho nên cố mời cho kỳ được. Vì chính ông cũng là hạng tai mắt trong phố phường. Ông là nhà tư bản vậy!

Vả lại, không nhân ngày giỗ bố, mà làm bữa tiệc thật linh đình, mời mọc cho thực đông khách, để tỏ rằng mình tuy nhờ trời làm ăn được khá, nhưng chẳng phải hạng uống nước quên nguồn - bởi đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ, để khỏi phụ công sinh thành dưỡng dục - thì thế gian họ cũng cười cho. Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.

Mà phú quý sinh lễ nghĩa thực. Chẳng tin cứ nhân cách cử chỉ của hai ông bà chủ nhà ra đón tiếp khách thì đủ rõ.

Hai ông bà cũng béo tốt, đẹp đẽ. Nhất là ông, cái bụng phưỡn ra, nắp trong bộ quần áo xếp nếp cứng thẳng như cái hộp. Tóc bóng mượt, nhẵn như cái gáo úp trên đầu, không chịu kém vẻ đẹp với bộ ria sữa khéo như vẽ. Miệng lúc nào cũng cũng chực tóe ra một chuỗi cười. Vì ngày hôm nay, bốn phận ông bà là phải hay cười. Mà đã cười thì cười thực to, ôm bụng mà cười, cười cả từ câu nói buồn cười đến cả câu nói không buồn cười. Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp đời của nhà tư bản. Phải, người ta đã chẳng quản mưa, gió, rét mướt, mà quá bộ đến nhà để chiếu cố, thì mình phải lấy làm hân hạnh, vui vẻ mới được. Cho nên ai đến, ông cũng chấp tay vái chào cung kính, rồi mời mọc ân cần, quý quý hóa hóa, ăn nói rõ ra một nhà nền nếp, gia giáo. Trong buồng ăn, tiệc đã dọn trên bàn, cái bàn chữ nhật, giải trên một tấm khăn trắng nuột. Cốc to, cốc nhỏ, chai lớn, chai nhỏ, bát sứ, đĩa tây, bày la liệt, nhưng có thứ tự, lóng lánh dưới ngọn đèn trăm nến.

Chuông sáu giờ vừa dứt. Khách đến đã đủ. Một tiếng ông chủ mời, thì một trăm bốn tư chiếc chân, vừa chân người vừa chân ghế, lê sên sệt trên nền gạch tây bóng lộn. Hai mươi bốn chiếc cốc đầy rượu đã đụng nhau. Chủ khách bắt đầu cầm đũa.

- Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ.

Câu nói vừa dứt, thì đã thấy bà chủ trong buồng đi ra, chấp lạy, tươi như cái hoa:

- Các quan đã có lòng yêu chúng tôi, mà đến chiếu cố bữa cơm thường nhà chúng tôi, chúng tôi xin đa tạ. Xin rước các quan xơi rượu.

- Chúng tôi chẳng dám tin là bữa cơm thường! Kỵ cù cố

ông mà ông bà làm to thế này, thì chúng tôi tự xét mình lấy làm xấu hổ vì bất hiếu. Thôi nhờ bà nói giúp cho chúng tôi xin vô phép cុc cố bà.

- Thưa các quan, cảm ơn các quan, cុc bà chúng tôi ở trong nhà quê ạ. Nhiều lần chúng tôi mời ra đây, nhưng không chịu đi. Cho nên chúng tôi vẫn lấy làm ân hận lắm.

Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất êm đêm vui vẻ. Êm đêm vui vẻ thực! Sung sướng thay! Củi lò sưởi nổ đom đóp, át cả tiếng giọt mưa phùn. Chuyện nói to làm lấp cả tiếng gió bắc thổi. Hơi rượu nồng nàn, ai nghĩ đến rét buốt thấu tận xương.

*

* *

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt thấu tận xương.

Ngoài đường phố, ở quăng trước cửa nhà có bữa tiệc này, có một người đàn bà, lưng khoác áo tơ lá, đầu đội chiếc nón nghệ, dáng điệu bờ ngõ. Bà dòm hết nhà nọ đến nhà kia, mà lại dòm một cách ngốc dại. Nghĩa là không nghĩ đến rằng lỗ người ta đuổi, hay mắng cho là định rình ăn cắp, người ta bắt lên Cẩm thì sao? Dòm chán rồi lại hỏi thăm. Mà hỏi độc nói trống không. Khi chẳng ai hoài hơi trả lời, thì bà ta cũng không biết phàn nàn hoặc sửa lại câu hỏi cho nhã nhận thêm chút ít. Ấy thế rồi chịu đứng giữa đường, như yên trí rằng đây cũng như ở nhà quê, không có xe pháo qua lại. Bà lại nhìn quanh quẩn từng nhà một...

Hàng mười lăm phút, bà ta loanh quanh, đi lại đến năm sáu lượt. Rồi nhận thấy một cái nhà có cái mái chìa ra, bà bèn đứng lại để trú mưa. Bà bỏ nón, cởi áo, ngồi tè he ở thêm cửa. Người đàn bà ấy trạc ngoài sáu mươi tuổi, trông

rõ quê mùa, đần độn. Mặt mũi đen đui, dãn đeo, xấu như con khỉ. Hai mắt thì toét nhèn những nhử. Cái hàm trên thì chìa ra như mái hiên. Hai tay thì lỏng cồng, gí cái nút buộc ở dải yếm vào tận mắt, lúng túng cởi mãi mới lấy được một miếng trầu, bỏ vào mồm, nhai phồm phồm. Trông lại càng xấu. Cái áo vải nâu dây cồng cộc, cái quần một ống - nói nôm na, là cái váy - lũng thùng như cái bồ, chỗ thì ướt, chỗ thì khô. Có lẽ bộ cánh quý nhất, nên ra tỉnh mới dám mặc đến, nay bị ướt thì tiếc, nên cố vắt mãi cho khỏi đầm nước mưa. Rồi lại cởi cái khăn vuông ra, để hờ cái đầu bạc trọc tếch ra mà gãi, nhăn mặt lại mà gãi. Rồi lấy ngay cái khăn đội đầu ấy mà lau chỗ gấu váy có dính đất.

Gớm, sao mà người đầu lại có người không biết thế nào là bẩn cả!

Rét đã run lên chẳng được, lại còn cứ lảm bảm nói một mình. Không biết nói những gì? Tính công tính việc hay là than thở, hay là vui thú cái chi chi? Nhưng thế thực rõ là cái lỗi người từ thuở bé chưa hề được thấy cái gì là hề hã.

Đương ngồi thì bỗng đằng sau lưng có tiếng mở. Người đàn bà nhà quê quay lại, thì thấy trong nhà đèn điện sáng trưng, lố nhố bao nhiêu người, hình như ăn uống. Chỉ trông thoáng có thế thì thấy cửa khép lại, và có người đi ra.

- Alê! Chạy! Chốc nữa hãy đến. Người ta vừa mới ăn!

Nói xong người ấy đi.

Bà lão nhìn theo, không hiểu họ bảo ai. Nhưng chừng cũng đoán được rằng người ấy là bồi biệc cái nhà này đây. Cho nên, một lát sau, trông thấy người ấy về, bà lão đứng ngay dậy, toan hỏi. Nhưng chưa nói được gì, đã bị mắng ngay câu nữa:

- Alê! Không đi đi thì ông ấy ra bây giờ!

- Đây có phải nhà ông chủ không?

- Ông chủ nào? Không biết! Alê! đi!

Thế rồi cửa lại hé ra, rồi ập lại. Người ấy vào trong mất.

Bà lão cố liếc, rón rén bước lên bậc thêm cao, dòm qua cửa kính. Vì đèn sáng, nên trông rõ lắm. Rồi không biết nghĩ sao, bà lấy tay sờ mãi vào cửa để mở. Nhưng không biết làm cách nào, bèn lay thình thình, như không sợ hãi gì cả.

Một người hầu chạy ra mở cửa! Cỗ lễ người ban nãy, nên thấy bà lão thì đẩy ra, và nói:

- Đi! Chốc nữa...! Dạ!

Cánh cửa lại đóng đánh thình. Bà lão nhìn theo, thì thấy người hầu ấy khoanh tay đứng nói gì với một người đương ngồi ăn. Mà chính vì trông thấy người đương ngồi ăn ấy, nên bà lão mới dám bạo dạn như thế. Người ngồi ăn ấy tức là ông chủ nhà, chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô "Con cộp".

Ông chủ đứng phắt dậy, phưỡn bụng đi ra mở cửa. Bà lão mừng rỡ, híp mắt, nhăn nhó cái mặt để mà cười và nói to tướng:

- Thành ra tôi ngồi ngay ở cửa nhà mà không biết!

Ông chủ nhà cau mặt, ra ý không bằng lòng, tặc lưỡi một cái. Rồi cánh cửa lại đóng ập lại.

Bà lão không hiểu ra sao. Hay là mình trông lầm chăng. Ấy thế mà còn ngốc quá, bà lão cố cạy và đẩy mãi cửa. Nhưng may, không sao đẩy được. Nhìn theo vào, bà thấy cái ông ấy đi tuột vào trong, mà khi ra ngồi vào bàn tiệc, thì lại cười nói như trước.

Độ mười lăm phút sau, có người đập tay vào lưng. Bà lão quay lại, thì người ấy nói:

- Tôi đưa bà cụ đi vào cổng đằng này, ông tôi bảo thế.
- Không đi được lối này à?
- Ông tôi đương có khách.

Bà lão bước xuống thêm, đi theo. Vòng hai phố thì đến một cái cổng hơi rộng. Cổng mở, bà bước vào, đi qua một cái sân, thì đến cái nhà con, trong có chiếc ô-tô bóng nhoáng. Người ấy bảo:

- Bà cụ ngồi tạm đây.

Bà lão nhìn bốn bên. Đèn tuy sáng, nhưng cũng không hiểu mình ngồi tạm nhà ai. Mà nói rằng ngồi, chứ có cái gì để ngồi đâu. Vả muỗi và hôi thối quá. Nên chỉ mong cho chóng có người đưa về, để lễ và để nằm nghỉ. Vì đi xe ngót một giờ đồng hồ cũng mệt. Bà lão nóng ruột quá.

Nhưng may sao, một lát thấy có người đi đến. Bà lão nhờ nhân ông chủ xuống cho mình hỏi.

Đội mười phút, quả nhiên có tiếng gót giày lộp cộp nện trên sân gạch. Bà lão cố nhìn xem ai. Mừng quá! Thật đích là ông chủ.

Ông chủ đứng trước mặt bà lão, nét mặt hăm hăm, trợn mắt, khoanh tay vào ngực mà gắt:

- Một suýt nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

Bà lão chưa kịp trả lời cái câu hỏi không ngờ, thì đã bị mắng luôn mấy câu nữa:

- Tôi đã cấm bà không được ra đến đây kia mà. Đã một lần trước rồi, mà không chừa! Bà không biết đề sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Mặc kệ bà! Bà về ngay bây giờ! Mới có hơn bảy giờ, còn sớm!

Nói xong, ông ta ấn vào tay bà lão một cái tròn tròn, rồi quay gót trở lên, và gọi rầm rĩ:

- Thằng bếp đầu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cấm, không đứa nào được kéo bà ấy cả! Chọ mà đi bộ để bận sau chùa.

Bà ấy là ai? Bà ấy là một người đàn bà góa. Đã ngoại ba mươi năm nay, có một đêm, bà ấy trót dại chiều chồng, mà tình cờ đẻ ra một đứa con trai. Sinh được ít lâu, trời bắt tội bà ấy góa bụa. Nhà nghèo, làm ăn vất vả, kiếm chẳng đủ ăn, nhưng bà ấy chẳng nhẫn tâm vứt bỏ đứa bé thơ ngây trả nhà chồng để đi bước nữa mà vui thú với cái tuổi xuân đương hơ hớ.

Qua mấy năm khó nhọc, khi sài, khi đẹn, suýt chết mấy lần, thì đứa bé đến tuổi đi học. Rồi vì nghèo khổ quá, nó phải ra tỉnh kiếm ăn theo anh em. Nhờ được cái nó nhanh nhẩu, láu lỉnh, mà chẳng biết nó làm ăn ra sao, nó có được một ít vốn, rồi lấy được ở đâu con vợ giàu. Từ đó, thằng ấy một ngày một khá, buôn bán phát tài. Nay giàu đến hàng mươi vạn. Thằng con ấy tức là ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô "Con cọp" vậy.

Bà lão lấy bấy, theo người bếp lôi ra cửa ban này. Đến đường, còn đương ngơ ngơ ngác ngác, chưa rõ nên đi lối nào, thì không biết tâm trí để đâu, bà ta lập cập vấp một cái, ngã xoài ngay ra rãnh cống. Quần áo mặt mũi lấm bết. Cái tròn tròn vẫn nắm trong tay bắn quăng đi. Bà lão cố sò soạng. Khi tìm thấy, bèn gi vào mắt để xem, thì cái tròn tròn ấy là đồng hào ván..

Mưa đổ khóc, gió đổ rên. Rét để cắt đứt ruột mẹ người con, mà họ đương khen là hiếu tử.

28-3-1933

BẢO HIẾU: TRẢ NGHĨA MẸ

Đây có phải nhà ông chủ ô-tô “Con cạp” hay không?

- Phải, ông hỏi gì?

- Thưa cụ, ông chủ có nhà không ạ?

- Ông ấy đi vắng chưa về.

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khi không phải, cụ có phải là cụ sinh ra ông chủ tôi không ạ?

- Không phải, con vú già đây!

Người khách đang luống cuống, sượng sùng, vì sự mình lằm con vú già với mẹ ông chủ, thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở nhà trong đi đến sân. Muốn cho khỏi lằm lằm thứ hai, người khách vội hỏi ngay người vú:

- Kia có phải là bà chủ không?

- Không phải, đấy là mẹ đấy!

Câu trả lời dăm dăng, đáng lẽ làm cho người khách phải luống cuống sượng sùng lần thứ hai, thì trái lại, người khách nhận thấy vẻ mặt uất ức những sự giận dữ của bà cụ tự xưng là vú già và người được giới thiệu là mẹ, nên nhanh trí, hiểu ngay rằng không những mình không lằm lằm thứ

hai, mà lần thứ nhất mình hỏi cũng đúng. Tất là trong gia đình này, đương có sự xung đột mẹ chồng nàng dâu chi đây.

*

* *

Tôi lấy cậu, là vì ái tình của tôi đối với cậu, thì tôi chỉ biết có cậu, ngoài ra, tôi chẳng biết thằng nào con nào ở nhà này cả! Cậu ngu lắm, cậu không biết bảo bà ấy!

- Thôi người già vãn hay trái tính, mợ nên biết nhin. Mợ với tôi cả đời, chứ bất quá bà ấy sống được mấy nữa!

- Bà ấy ở đây ngày nào, tôi ê chề ngày ấy. Đấy cậu xem, hôm qua đấy, một suýt nữa mà bà ấy vào cửa trước, thì có họa mặt mình là mặt mo! Cậu chỉ nói dối tôi. Cậu đuổi bà ấy, sao bà ấy còn đấy?

- Tôi không đuổi thì tôi chết! Mợ cứ chửi đứa nào nói dối mợ! Chẳng tin mợ hỏi lại thằng bếp mà xem. Nhưng chắc bà ấy phải đi bộ mà về nên lạc đường, mới trở lại. Tôi đã bắt bà ấy mai phải về rồi.

- Đồ mặt dày! Thế mà không biết nhục! Sao nó không chết đi cho người ta nhẹ nợ!

- Thôi, mợ nói vừa chứ.

- Tôi không nói vừa, cậu bệnh mẹ cậu à! Ồi giờ ời! Đây, cậu giết tôi trước đi! Ồi hàng phố ời! Con gái già nó hại tôi!

- Tôi xin mợ! Tôi van mợ! Tôi lạy mợ!

- Cậu buông tôi ra. Tôi không để con mụ ấy yên đêm nay được!

*

* *

Sáng hôm sau, ở cửa nhà ông chủ xe cao su kiêm chủ

hãng ô tô “Con cọp”, người ta trông thấy cãng cái màn đen diêm trắng. Mà đi trên hè, ai cũng ngửi thấy mùi khói hương, khói trầm, thơm phức.

Trong nhà có đám tang?

Phải, bà cụ sinh ra ông chủ mới tạ thế hồi đêm.

Trong nhà trong, thằng bếp thì thảo hỏi con vú:

- Cụ tức bà, rồi cụ uất lên mà chết, phải không chị?

Con vú nháy mắt, trở tay vào cổ, nói:

- Thắt!

Thằng Quýt nghe thấy bĩu môi, trở vào mồm mình:

- Chỗ này đen những máu, trông ghê quá, đích là thuốc độc.

Uất lên mà chết? Thắt cổ? Uống phải thuốc độc?

Chẳng đúng! Chúng nó nói láo toét hết! Quân bạc thế đấy! Dem mà cắt lưỡi chúng nó đi!

Ai muốn rõ nguyên nhân vì sao bà cụ tạ thế, thì hãy đọc tờ cáo phó sau này, sẽ biết:

Chúng tôi lấy làm đau đớn, cáo phó để các Cụ, các Quan, các Ông, các Bà biết cho rằng thân mẫu chúng tôi là:

Cụ Trần Thị Y

Hưởng thọ 67 tuổi.

Chẳng may thụ bệnh, đã tạ thế ngày 15 tháng giêng, năm Quý Dậu, tức là ngày 9 Février 1933, tại nhà riêng chúng tôi, phố P. số 15.

Chúng tôi định đến ngày chủ nhật 12 Février 1933, hồi 8 giờ sáng, sẽ làm lễ an táng tại nghĩa trang hàng tỉnh.

Cô ai tử: Nguyễn Văn D.

Hôn tử: Nguyễn Thị N.

Đồng gia đẳng khắp bái.

Lời cáo phó ấy đăng lên mười tờ báo hàng ngày, lại in riêng thêm một nghìn tờ nữa. Thành ra ngót bốn vạn tờ ở nhà bưu điện bay ra như bướm bướm khắp các nơi, khiến các cụ, các quan, các ông, các bà, ai thấy cái tin đau đớn bà cụ thụ bệnh mà tạ thế, cũng phải giật mình mà vội vã đến thăm viếng, và chia buồn cùng người gặp lúc vận hạn.

*

* *

Rồi đến lúc 8 giờ sáng ngày 12 Février, đám tang cử hành.

Đầu tiên, năm lá cờ ngũ hành pháp phối theo chiều gió. Rồi đến ông Thiên lôi, bà La Sát, cao lệnh khênh đi hai bên. Một đoàn trống cà rùng, rinh tùng rinh, đi xung quanh chiếc trống cái, mà những phu đều áo nỉ đỏ, nón dấu sơn. Kế đến một cái kiệu long đình sơn son thếp vàng, thông thả tiến từng bước, trông rất uy vệ chững chạc. Theo sau long đình, là bốn chiếc xe nhà bóng nhoáng, trên có bốn vị sư, mỗi vị đi hai lọng. Rồi ước trăm bà vải đội cầu dài dằng dặc, mỗi bà tay cầm phướn, miệng tụng kinh âm âm. Một cái minh tinh cao ngất nghểu đi trước một bức trướng vóc căng ngang đường, có bốn chữ quen quen là *Dĩ sơn vân ám* to tướng. Đoạn đến hàng hai trăm câu đối, cái vàng, cái trắng, cái đen, cái tím, cái xanh, cái bằng xa-tanh, cái bằng vóc, cái bằng lượt, cái bằng dạ, xếp hàng đôi, mà trẻ con cầm đứa nào cũng mặc áo dài trắng. Những câu đối ấy toàn những chữ nho khó đọc cả. Duy chỗ lạc khoản thì dễ nhận

hơn. Có chữ giống như thẻ bài ngà của cụ thượng. Có chữ trên rậm rì khó đọc, nhưng dưới thì là chữ Lâm, muốn chừng là Hàn Lâm. Có câu người ta bảo là của cụ lớn Bối chánh. Có câu thì trông rõ ba chữ Bắc kỳ nhân, rồi có ba chữ mới đến tên. Nói tóm lại, nhiều quá, không ai nhớ hết. Vì còn những câu của ông phú, ông huyện, ông tham, ông phán chi chút những chữ nho là chữ nho.

Sau đoàn câu đối thì là bốn năm cái bàn độc, rước đồ tam sinh với các phẩm vật. Cứ đồ mặn xen với đồ chay, mà cuối cùng là con bò thui to kếch. Bàn nào bàn nấy chẳng chít những dây vải trắng tinh.

Đương mỗi mắt về nhìn các nghi vệ, thì khách qua đường lại đình tai về đội kèn tây thuê từ Hà Nội về. Họ ăn mặc như lính tây thổi những bài rất hùng hồn, như muốn giục người hăng hái ra trận. Cái linh xa tám người khênh, thông thả đi nối ngay sau phường kèn. Trong linh xa khói hương trầm bay nghi ngút, giữa có bức truyền thần vẽ sơn, mới xong tối hôm trước, để kịp rước. Bà cụ thì mặc áo gấm và đi giấy vân hài. Nào hoa tai, nào hột vàng, nào tráp đôi mỗi, nào ống nhổ sứ, ai trông cũng đoán được là nhà giàu. Đi sau linh xa, phường bát âm ta đưa những bài lâm khóc, như than, như khóc, như oán, như hờn, nỉ non, rên rĩ, nghe buồn chảy nước mắt được! Một người khăn trắng, áo trắng, thắt lưng xanh ra ngoài, giơ cái phênh rè, một hồi phách nổi lên, lách cách như tiếng nhái kêu. Cái nhà táng thừa mấy hôm trời, thợ cả phố làm suốt ngày thâu đêm mới kịp và vừa lòng ông chủ. Vì nghe đâu đất đến trăm hai! Bốn mươi hai người khênh đòn cữu, khi tiến, khi quành, đều đều tấp tấp. Trong nhà táng, là quan tài, sơn son thếp vàng rất

đẹp. Người ta bảo sấm mất những hơn sáu chục. Trong cái phương du đi sau nhà táng, thì họ hàng thân thích, chen lách nhau mà bước từng bước một, tiếng khóc than kêu gào thảm thiết, ai nghe thấy cũng phải náo lòng. Người ta bảo là bọn khóc muốn, nhưng lấy gì làm chứng? Rồi đến hàng nghìn người, các cụ, các quan, các ông, các bà, rất những chỗ thân thuộc, đi theo sau. Cuối cùng thì ba bốn chiếc ô-tô, sinh sịch tiến dần. Và hai ba chục chiếc xe nhà, như nê-m khúc đường chật hẹp.

Được xem cái đám ma linh đình uy vệ là thế, thì ta nên khen người hiếu chủ khéo trả nghĩa mẹ. Mà nhất là nếu trông thấy người, ta lại càng khâm phục cái bụng hiếu thảo, không bến không bờ.

Người ấy mặc đồ xô gai. Chứ còn bụng dạ nào mà nghĩ đến áo quần cho chải chuốt! Đi trước cưu thì giật lùi từng bước. Lúc nào cũng bung miệng mà khóc, còng lưng xuống mà khóc, đến nỗi phải chống gậy! Vậy mà có đủ vững được đâu? Mấy hôm nay, vì thương mẹ quá thành ra ốm yếu, họ hàng sợ người ấy ngã lăn ra, cho nên phải cử người đi kèm, vừa che ô, vừa ôm chặt lấy ngang lưng cho đỡ khuyu. Người ta lại sợ hiếu chủ thương mẹ quá mà đập đầu vào quan tài, lỡ chết thì hoải, vì lúc trong bụng bối rối vẫn hay sinh liêu, nên phải bện cho cái nùn rơm để chít quanh đầu, thì dù có đập mạnh đến đâu, cũng không đến nỗi vỡ sọ.

Người con dâu mới lại đáng ngại nữa chứ! Khốn nạn, mấy hôm nay, người này kêu khản cả tiếng, khóc hết cả hơi. Mà ông trời độc địa, cứ khăng khăng bắt bà cụ, hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi, để bây giờ con dâu không có mẹ hầu hạ. Lắm lúc lại như thù giận lũ phi

nhân đạo, họ cứ nhấn tâm khênh cữu đi, thì nàng dâu lại lăn ra đường mà chấn lồi, rồi lại kêu gào rầm rầm. Lúc hạ huyết lại càng thương tâm. Áo quan chưa ngấm đúng hướng, người ấy đã nhảy đánh tụp xuống mà nằm thẳng cẳng ra, ôm chặt lấy mà hò, mà khóc. Rồi quá lắm, đến nổi ngất đi. Nếu bốn năm người không lôi dậy và không tốt khuyên, thì có lẽ người ấy còn muốn sống làm gì? Thà đi theo mẹ còn hơn chịu bơ vơ như chim mất tổ!!

Não lòng thay! Bà cụ ở dưới suối vàng, có thiêng chẳng tá! Giá bà cụ biết rằng mình được con nó báo hiếu, làm đám ma long trọng dường này, thì hẳn cũng ngậm cười. Mà nhất là giá bà cụ lại trông thấy trước rằng con trai và con dâu mình nó thương mình quá thế, thì chắc lúc “thụ bệnh”, cụ chẳng đành tâm mà nhắm mắt!

3-13-1933

VỢ

Anh Ba Cốc, từ ngày lấy được vợ, thì đâm lo. Lo ngày, lo đêm. Sao cho chóng trả được món nợ cưới. Không thì rầy rà to chứ chẳng chơi! Đúng vào những chỗ hóc búa, lăm lăm rất cả mặt!

Vợ anh là con bác khản thủ làng trên, anh là phu tuần. Hai người lấy nhau, cả hai làng, ai cũng khen là vợ chồng kén chọn được chỗ xứng đáng. Nhưng thực ra, vợ anh lấy anh cũng vì đôi bên là chỗ “thanh khí”, nghĩa đen là bèn “tiếng” quen “hơi” nhau trước mãi. Rồi bất đắc dĩ, bác khản sợ anh như những kẻ Sở Khanh, mới ép anh phải lấy. Số trời có khác!

Trước kia, anh nghĩ đã sinh ra con trai, tất nhiên là phải cưới vợ cho hợp lẽ tạo hóa. Nhưng cưới được vợ thì tốn kém quá. Tiền nợ, tiền kia, tiền ăn uống, ít ra mất hàng chục. Nghĩ đến hàng chục, anh lại lắc đầu, lè lưỡi, muốn chịu thua, đành vô phép tạo hóa làm trai tơ suốt đời vậy. Vậy mà giá nói cho anh biết ở Hà Nội bây giờ, người ta cưới vợ phải dẫn những kim cương, những vàng ngọc, dùng những áo thêu, giày, vá, đi những ô-tô, máy bay, tốn kém

đến hàng nghìn, thì quyết anh không tin, cho là chuyện hoang đường ở nước nào, đời nào kia đấy! Lấy vợ mà phải lo đến hàng trăm, không đủ méo mặt rồi à? Vả vợ cũng là người, nào phải cái quái gì mà làm hại nhiều như thế?

Thế nhưng, trời sinh ra thế, anh Ba Cốc nghĩ đến cưới thì sợ, nhưng nghĩ đến vợ thì thích. Bởi vậy, anh mới lần la trò chuyện với chị Ba bây giờ. Trước chuyện to ở đám đông, sau chuyện nhỏ ở chỗ vắng. Rồi sau nói thầm ở một nơi kín. Vì anh chị nói thầm khế quá, nên bác Khán nghe tiếng, bắt anh phải lo cưới cho chị được về.

Bởi vậy, anh Cốc quyết bắt chẹt bố vợ, cố mặc cả. Sau, anh lấy được vợ hạ giá hơn người ta, chỉ có mười lăm đồng bạc.

Mười lăm đồng bạc một cô vợ xinh! Mười lăm đồng bạc một cô vợ yêu! Thích nhỉ! Nếu vào địa vị chúng mình thì phải biết là đáng mừng! Nhưng vào anh Ba Cốc, một người cây sâu cuộc bầm quanh năm, làm ăn vất vả, vất mũi không đủ đút miệng, thì đến mười lăm hào cũng đủ méo mặt, chứ nói gì đến mười lăm đồng bạc! Nhưng mười lăm đồng bạc tiêu vào một việc bổn phận làm người, thôi, anh cũng cố vay mượn của các bà con thân thuộc, nói khó với người ta, nên được gán đủ.

Ngày hẹn cưới sắp đến. Bác Khán thúc mãi anh, anh mới lo được chẵn chục bạc. Anh cứ đành liều đưa sang nhà gái cho xong chuyện. Còn năm đồng, anh xin chịu lại ông nhạc, hẹn đến mùa tới thì trả nốt.

Ý anh định sau này, khi đã là bố con, anh có thể lấy cảm tình mà xí xóa món nợ. Nhưng không được. Bố vợ anh lâu hơn, bắt anh phải viết văn tự cẩn thận. Phải, thời buổi kinh

tế khó khăn, như thế là bác Khán đã nhân nhượng lắm rồi. Chứ mà như người khác, đổ anh có đón dâu nổi ngày hôm ấy. Anh thử lên Hà Nội, thử một thứ hàng mà xem. Nếu anh đặt được ít tiền trước, rồi không đủ để trả nốt, thì anh chớ có hòng mang đồ về. Mà vợ anh cũng là đồ chứ sao? Lấy vợ mà được “biên bông” như anh, là may đấy.

Nhưng rồi anh Ba Cốc lo lắm. Cuối được lâu ngày bao nhiêu, thì hẹn trả chồng đến bấy nhiêu. Vụ gặt xong, mà anh ý xác ra, thì quyết anh chẳng yên được.

Anh đã tính chán ra rồi. Đến ngày mùa, hai vợ chồng làm nai lưng cật sức, chưa chắc đã đủ tiền trang trải các món nợ ông chủ, huống chi là năm đồng bạc nợ ông nhạc! Anh định nếu rồi không cưỡi trừ được, thì anh đành xin khát lại. Chẳng lẽ ông ấy lại chẻ xác anh ra à? Nếu anh bị chẻ xác, thì con gái ông ấy góa chồng, còn thiệt bằng mười.

Nhưng ở đời, tính một đường thường nó đi một nẻo. Vợ anh khuyên anh nên trả cái món nợ năm đồng ấy trước, anh lại chẳng nghe. Khi hẹn đến ngày, bác Khán cứ gọi anh đến mà đòi nặng nặc. Trước còn ngọt nhạt dỗ dành, sau bác biết anh chỉ còn bộ răng nhe ra đấy thôi, bác liền dậm ra nói nặng. Không chịu nổi những điều đau đớn, anh đành lẩn mặt. Bố vợ cho gọi, anh cứ thoái thác có nợ có kia, không đến nữa.

Mấy lần bác Khán gọi anh Ba Cốc không được, thì tức. Bác mới gọi chị Ba đến. Bác chửi, đánh cho một trận thật đau, bắt phải về đòi chồng cho kỳ được món tiền năm đồng ấy.

Chị Ba sợ bố, về đòi chồng nặng nặc. Nhưng vợ đòi nợ chồng thì một cái hôn là đủ xỉ xóa. Vợ anh bảo:

- Nếu mình không trả được, thì ông bắt tôi về.

Nghe câu dọa vô lý, anh chẳng sợ một tý nào. Dù bố vợ có bắt vợ anh về thực, thì chẳng qua như cái lỗi chủ nợ bắt đồ, cốt để làm oai, khiến anh phải lo cho kịp. Nhưng thế là đại. Đồ vật thì không biết đi, không biết trốn, chứ đồ người nào phải vật vô tri vô tình, giữ sao nổi? Chẳng lẽ bác Khán xỏ chạc vào mũi con gái mà buộc suốt ngày vào chân giường, để nuôi cơm báo cô mãi? Chỉ cho ba hôm, bác xót ruột là phải thả con ra ngay. Lúc ấy anh cứ chịu khó nghe một trận nữa là trôi việc.

Nhưng anh đoán không đúng. Bố vợ anh chưa tịch ký vợ anh, đã áp đảo đến nhà anh mà chửi rửa. Ngày nào tấn kịch ấy cũng diễn ra nửa giờ. Mà bao giờ anh cũng đóng một vai tuồng câm.

Song, già néo đứt dây. Anh cứ thấy ông bà ông vải ngày nào cũng bị mời lên ăn vật chẳng ngon, thì anh động tâm. Cho nên, đến lúc bác Khán bảo nếu anh không trả thì bác bắt con gái về, anh dậm khùng, liền đáp lại:

- Thì nó đấy, ông muốn đem nó đi đâu thì đem!

Chị ba Cốc thấy bố đẻ và chồng xử với nhau cạn tàu ráo máng, thì chỉ thút thít. Chú bênh bên nào cũng tội.

Hôm sau đi đâu về, chị ấy nói với anh một chuyện nghe buồn quá:

- Anh ơi, tôi lấy anh chốc đà một năm tròn. Tôi không ngờ đâu chỉ vì có năm đồng anh thiếu mà sinh chuyện. Ông nhất định bắt tôi về. Anh nghĩ thế nào?

Anh Ba cau mặt, thở dài:

- Ông dọa thế, chứ ông chả nỡ.

- Không phải chuyện đùa. Nội nhật ngày mai, nếu anh không trả được, thì ông không dẫn đo gì nữa đâu.

- Thì nhà cứ tạm về, tôi sẽ thu xếp sau.

- Thu xếp sau thì chậm quá. Nghe như ông định liệu cả công việc rồi.

- Ông đi kiện tôi à? Lý vậy, nhưng còn tình nữa chứ?

Anh ba Cốc tin ở chữ tình, nên bằng chân như vậy.

Phải, bác Khán nghĩ đến tình bố vợ con rể, nên không nỡ thừa kiện. Nhưng bác bắt con gái về, không cho ở với anh Ba Cốc nữa.

Anh Ba Cốc chờ năm hôm, lại mười hôm. Rồi nửa tháng, đến một tháng. Anh nóng ruột, nhớ vợ, long tong chạy ngược chạy xuôi để vay tiền chuộc. Nhưng không ai tin mà cho anh mượn nữa. Anh bèn liều đến nhà ông nhạc, lạy van, khóc lóc. Nhưng bác Khán một mực lắc đầu, sai con trai đuổi anh ra khỏi cửa. Rồi từ hôm sau, cấm không cho anh vào nhà.

Anh định đâm i. I mãi, thì tất cũng có một ngày ông nhạc giữ vợ anh chán, rồi cũng hồi tâm mà nghĩ lại cho vợ chồng anh ăn ở với nhau.

Nhưng trong khi đương thi hành cái chương trình i, thì anh nghe tin rằng người bạn trăm năm của anh, vì bố ép, nên chỉ trăm năm với anh có một năm, còn chín mươi chín năm nữa, thì trăm năm với cụ lý Bá dưới cuối tổng, làm vợ lẽ thứ bảy, để gán món nợ hai chục mà bác Khán đã vay cụ năm trước.

15-4-1933

CỤ CHÁNH BÁ MẤT GIÀY

Phải hiểu rằng cụ chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xơi rượu, chứ như nhà khác, để mà mời nổi cụ đấy hẳn? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thêm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đứa nào xà lộn mất đôi giày mới của cụ, có chết không! Ừ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc, nhà nào chả có nhiều kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà thăm thăm, thì còn kẻ gian nào dám lén vào đó? Vả riêng mình cụ ngồi ở sập giữa thì còn ngờ ai đi lẩn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà, không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đứa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hồn của ai thì hồn, chứ sao được hồn ngay của cụ chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

May thay cho nhà chủ, là tự nhiên lại biết ngay rằng cụ mất giày. Chứ đợi đến lúc cụ về, hay vô phúc cụ đi giải, mà tìm giày không thấy, thì không biết làm thế nào? Lại cũng may nữa, là cụ chưa biết rằng đôi giày mới của cụ không cánh mà bay mất. Chứ cụ mà biết thì chết với cụ! Xưa nay cụ chúa ghét những thói gian xảo. Ngay như đây tớ cụ,

đứa nào mà lảng vảng ra chợ, tắt mắt đồ đạc của người ta, người ta có bắt được và trình cụ, thì cụ cũng không tha. Cụ nhất định giữ lấy đồ ăn cắp, rồi sai đánh cho một trận thật.

Thế nên cụ chánh Bá mắt giày, nhà chủ sợ xanh mắt.

- Đôi giày của cụ như thế nào, hở cậu?

- Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cò-lép, mua những ngót ba đồng.

*

* *

Độ một tháng nay, cụ chánh Bá bực mình vì đôi giày của cụ nó móm quá. Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu Gia Định, đế cò-lép, là anh đã làm một lỗi văn “cổ điển” đẹp lời, chứ nếu theo giọng “tả chân” thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ đế tả nữa!

Đôi giày ấy, chẳng biết cụ mua từ Khải Định mấy niên, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn không hoàn đế. Mũi thì nứt rạn và vá nhiều nơi. Cái cá đã đóng thêm lượt nữa, nhưng nó vẫn thủng. Lượt da thì ải và bật dây gần hết. Bọn thợ khâu giày phải trốn như chạch, vì lỡ ra không nhẹ tay mà chọc mạnh cái dùi vào, là nó toạc ra - vì tất nó toạc ra - thì oan gia!

Cho nên chiều hôm ấy, trước khi đi ăn cỗ, cụ đội khăn, mặc áo chỉnh tề, mà cụ ngấm đến đôi giày, thì cụ phát khùng lên. Cụ cầm cái giẻ, nhỏ tí nước dãi, lau lại cái mũi cho đỡ mờ, nhưng cụ ngấm, cụ vẫn phải nhăn mặt.

Cụ đi đi lại lại vài lượt, ra ý nghĩ ngợi, rồi gọi anh đầy tớ thân và sai rằng:

- Đội khăn, đi hầu tao.

Anh đầy tớ gảy cái bã điếu, lau qua cái tráp, rồi đứng

khoanh tay chờ lệnh. Cụ Bá nhìn vào đôi giày, nghiêm sắc mặt lại, gắt:

- Mày làm tao xấu hổ về đôi giày!

Thấy khí giận ngầu ngầu trên mặt chủ, anh này gãi tai, không dám trả lời.

- Tao bực lắm! Làm thế nào bây giờ?

Anh đây tớ không biết nói tiếng gì hơn là tiếng “dạ” đồ đòn. Nhưng cụ Bá lại gắt:

- Tao không thể đi đôi giày này được nữa. Kệ chúng bay muốn làm thế nào thì làm!

Câu gắt khí lạ, các ngài nhỉ! Giá chúng mình làm nũng vợ, hay bắt nạt em gái, thì dùng câu ấy được đấy. Nhưng bắt đền người nhà thì kém “lô gic” lắm!

Nhưng mà cụ chánh Bá nói thực đấy! Đôi giày của cụ cũ và xấu, là lỗi tại đây tớ ngu. Nay cụ bắt phải có đôi khác thay vào, thì không đưa nào được trái ý.

Anh đây tớ lo lắm. Nếu anh bấm cụ mua giày mới, thì khổ anh. Vì cụ cứ ừ, nhưng không đưa tiền. Nếu không có giày cho cụ, thì cụ đánh đòn về tội kiệt.

Cụ để cho anh luống cuống một lúc, rồi cụ mới dịu nét mặt, khoan thai vẩy lại gân, rỉ tai nói nhỏ. Đến câu chửi kết luận, anh ta mới tủm tủm cười, phụng ngẫm thấy là mưu cao, và thấy nhẹ nhàng, đỡ lo đôi chút.

Ấy thế rồi hai thầy trò đi.

Đến nơi, nhà chủ đón chào rất trân trọng. Họ mời cụ lên nhà trên, hầu hạ kính cẩn, sợ hãi. Lại còn sợ không quen tính cụ xưa nay ra sao, nên cứ phải thì thào hỏi dò cậu người nhà từng tí. Và nhờ cậu luôn luôn đứng cạnh cụ, xem thiếu thức gì, thì cứ việc sai bảo tự nhiên.

Cụ ngồi một mình trên sập giữa, và xơi riêng một mâm rượu đầy tú ụ. Nhà chủ không dám ghé ai ngồi hầu, mà cũng chẳng ai dám ngồi hầu. Vì lỡ ra có sơ suất hay thất thố, thì thà cụ cứ mắng chửi ngay cho lại là phúc. Đằng này, cụ cứ im, rồi để bụng. Thế là mất làm ăn.

Lúc chập tối, trong khi có hai thầy trò cụ chánh Bá ở nhà trên, thì cụ khê gậy tên đầy tớ, và liếc mắt một cái. Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt... Rồi thu thu vào trong bọc. Rồi len lén ra ngoài ao. Rồi giờ thẳng cánh tay, ném xuống nước. Tôm!...

Vì thế cho nên cụ chánh Bá nhà tôi mất đôi giày mới nguyên.

Cụ chánh Bá mất giày! May mà cụ không biết đấy! Chứ giá cụ mà biết, thì chết nhà chủ! Vì cụ xưa nay chưa ghét những thói gian giảo! To gan thay, đứa nào dám vuốt râu hùm!

Lúc cụ xơi com xong, nhà chủ mới lên mời cụ đánh tổ tôm. Cụ vui vẻ cho phép ngồi và hỏi dăm ba câu chuyện. Nhà chủ ngồi xổm cạnh sập. Và trong khi hầu chuyện, anh ta vớ lấy cái điều để hút. Đấy, chính lúc ngọn dóm lập lòe dưới gậm, anh ta mới nom rõ bốn xung quanh giường, không thấy đôi giày nào cả. Anh ta tái nét mặt, đến nỗi chưa hút được xong hơi thuốc thì mới lo đã dồn dồn đưa lên ngực, đến nỗi anh ta sặc và ho sù sù! Sợ quá! Nhưng không dám nói ra, anh ta mới lẳng lặng soi khắp nhà! Quái! Không tìm thấy đâu cả.

Nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. Lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới khê hỏi:

- Đôi giày của cụ, cậu có cất không?
- Không! Sao bác hỏi lố bịch thế?

- Vậy thì mất à? Đôi giày của cụ như thế nào hở cậu?

- Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cò-lép, mua những ngót ba đồng!

Hỏi xong, nhà chủ sai người đồ đi soi đèn, tìm khắp mọi nơi. Sau nhà, bờ giậu, xó bếp, ngoài vườn, chuồng trâu, cũi chó. Nghĩa là những chỗ có thể ngờ là kẻ gian giấu được, hoặc các nơi mà đàn chó con mọi khi vẫn chơi đùa.

Càng không thấy, nhà chủ càng lo. Cậu người nhà thỉnh thoảng lại nói một câu dậm dọa:

- Hay là tôi lên trình cụ xem nhé!

Trình cụ! Coi không cụ biết cụ chửi cho ửng mỡ! Nhà chủ cứ bắt gia nhân đi tìm mãi, nhưng vẫn chẳng hy vọng gì, bèn đánh liều bỏ phí một đồng bạc để treo giải thưởng cho người tìm thấy.

Nhưng mà có trời tìm! Giá có cao đoán rằng cụ đã mất sai người nhà cụ vớt bôm xuống ao rồi, mà mò thì cũng vô ích. Vì từ nãy đến giờ, thời gian cũng đủ cho đôi giày rửa ra và tiêu hết, chứ còn gì!

Nhưng mà mất giày cụ chánh Bá! Việc to! Chết!

Ấy, ở trên nhà, cụ vẫn đương vui vẻ gọi phổng, và tính nước bài. Chứ nếu ai mà hót với cụ rằng đôi giày mới của cụ, có đứa nào thó mất, thì hẳn cụ quăng bài đó, rồi cụ tra tấn cho ra. Vì xưa nay cụ dữ như con hùm, khét tiếng trong làng tổng là quyền hành, hách dịch, thét ra lửa!

Cụ thét ra lửa thật hay đối? Ấy là tán rộng ra thế cho nó hay đấy. Chứ nếu biết rằng mất giày cụ thét ra lửa thực, thì cháy tiệt cả nhà, còn gì nữa? Mà nhà nước thấy cụ có phép lạ, thì đã gửi toách cụ sang Tây từ đời nào, để viện Hàn lâm khoa học, các ông Bouvier, Caullery, Gravier,

Joubin, Marchal, Mesnil khảo cứu. Và như thế thì chắc chắn cụ được đôi giày tây để đi, chứ cụ có còn ở nhà nữa đâu mà mất đôi giày Gia Định, để cò-lép!

Nhưng nói cho cụ đỡ oan, là từ ngày cụ có chân Sơ học yếu lược tới nay, được đổi ngạch Bá hộ sang Văn giai, thì cụ cũng hiền lành hơn một chút. Cho nên giá cụ có biết rằng cụ mất giày, thì cũng mặc kệ, cho nhà chủ tự xử trí.

Tìm mãi không thấy, hai nhà chủ trợn mắt trợn mũi, luống cuống chỉ trỏ bàn nhau. Không biết làm thế nào cho êm chuyện. Rồi thở ngán than dài, hồi mãi vì sự trông nom không cẩn thận để xảy ra sự mất mát đáng tiếc ấy.

Rồi đến hai giờ sáng, xong ba hội tổ tôm, mọi người mời cụ chánh Bá nghĩ, kéo mệt. Nhà chủ sai đốt đuốc để tiễn cụ lại nhà.

Khi chỉ còn một mình cụ ở lại, cụ mới quàng cái khăn vào cánh tay, rồi lấy đóm soi đôi giày dưới đất. Đôi giày của cụ thật mới, bóng nhoáng kiểu Gia Định, và để cò-lép, được để cẩn thận bên gậm sập. Cụ hiểu ý, liếc mắt nhìn nhà chủ. Nhưng cụ lại thấy nhà chủ cũng nhìn trộm cụ, thì cụ lại phải soi đóm xuống lần nữa, và làm như ngạc nhiên, không hiểu, nên nói:

- Ô! Không phải...

Nhà chủ, trống ngực thình thình, vội vàng đáp để đánh trống láp:

- Dạ! Bẩm phải đấy ạ.

Thế rồi cụ làm như vô tâm, và hay tin người, cụ vươn vai, ngáp, rồi cót két đôi giày mới, đi về, lấy làm vừa lòng lắm...

20-5-1933

CÔ KẾU, GÁI TÂN THỜI

Nhưng có nhận cái tên ấy nữa đâu!

Kếu là nghĩa thế nào? Nghĩ bao nhiêu, cô lại oán cha trách mẹ, không đặt cho cô cái tên mỹ miều. Mà chữ nhỏ, nào thiếu gì tiếng hay, sao cô chịu mang cái tên nôm na xấu xí ấy mãi? Nhất là đi ngoài phố, hay là ở chỗ đông người mà mẹ cô gọi: Kếu ơi! Thì cô đỏ mặt tía tai, hậm hực, lấy làm ngượng quá! Lại còn những chị em bạn cô! Cứ những lúc ở Bờ Hồ, hay thấy cô gặp một công tử quen nào, là nhè ngay cái tên cúng cơm của cô ra mà réo quang quác, rồi cười rúc rích.

Nhiều lần cô đã van lạy, xin rằng giữ sĩ diện cho cô mà gọi các biệt hiệu cô mới nhờ người tự đặt hộ là Bạch Nhạn ấy, nhưng các mẹ ranh tai ngược, cứ vờ quên, để bêu cô, mới tức chứ?

Cô Bạch Nhạn - phải đấy, bởi vì cô đã thể độc đưa nào còn bêu cái tên cúng cơm của cô - cô Bạch Nhạn buồn lắm. Vì cổ hủ hết cách. Cái tên đã là "Ca EU sắc", mà lại ăn mặc lối cổ! Ấy thế cũng mang tiếng là con gái Hàng Đào! Các

bạn cô, có Bích Ngọc thì đã được mặc quần trắng và áo sáu khuy. Cô Song Khê đã được cạo rãnh. Đến ngay như cô Mộng Lê, mà bà cụ cũng chịu để cho đánh phấn và mặc áo mầu nữa là! Ấy là chẳng dám so kè với cô Minh Nguyệt, được mẹ chiều chuộng quá, mà cho phép đi học cả nhẩy đầm ở nhà bạn trai đấy! Thế mà cô Bạch Nhạn ta, úi chào, động có chải cái tóc xòe xòe ra một tí, là bị chửi liên.

Úc nhất là quanh năm cô chỉ được mặc đồ thâm như người có trở, trông tối sẫm như bà cụ.

Ấy, giá cô không mua cái khăn nhung và nhờ bà mợ vò đem lên cho, thì có lẽ bây giờ cô còn phải chít cái khăn xatanh trông như con Sen con Nụ.

Cô bực mình quá! Sao lại có bà cụ nghiệt như mẹ cô bao giờ. Bà cụ tưởng cứ đánh phấn với mặc áo mầu là đi cả đấy!

Bà cụ biết đâu rằng các cô gái non bây giờ, mỗi năm mỗi một, thay đổi xoành xoạch, thì nhau mà quần nọ áo kia.

Mà có phải nhà cô nghèo kiệt gì cho cam! Tiền của nhà cô, tưởng có sắm ăn, sắm mặc bằng mấy người ta, cũng còn thừa nữa là. Nhưng bà cụ cứ bắt na bắt nét, bắt tập những nét ăn, ý ở, bắt học những câu nói, việc làm.

Một hôm, cô rình lúc bà mẹ ngủ, mới khê lấy hộp phấn Cô-tỳ mà cô nhờ người mua hộ, vắn cất kỹ ở trong hòm. Cô đánh mặt cho rõ trắng, bôi cả nốt ruồi giả bên cạnh má. Cô ngồi soi gương, ngắm đi ngắm lại một mình độ một giờ. Rồi lại phải rửa mặt cho thật kỹ, mới dám đi ngủ.

Năm nọ, cô có giấu mẹ, may giấu một cái áo lam. Nhưng cô chẳng mặc lần nào. Đến bây giờ mầu ấy lại là mầu cổ mất rồi. Những lúc cô có việc đi cùng chị em bạn, thì cô tự

thấy ê chệ nhất đám, vì cách ăn mặc của mình. Cô than thở, thì cô Song Khê xui rằng:

- Tội gì! Có tiền, cậu cứ sắm văng đi! Mẹ cậu có giết được cậu đâu mà sợ?

Nhưng cô không dám liều thế. Vì lỡ bị mẹ chửi thì cũng khổ. Cô Bích Ngọc cũng phàn nàn hộ cô:

- Ở đời này mà cứ ăn mặc theo lối cổ, thì bất quá lấy được anh giáo học là cùng! Những thằng Cao-đẳng nó chỉ ưa tân thời thôi.

Thấy bạn vẽ cái tương lai, cô lại thở dài, oán cái nền nếp nhà cô. Sao trời đã sinh cô ra là con gái; con gái phố Hàng Đào; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc của một nhà giàu; đương thì đào tơ môn mọn, mà không được sinh trưởng vào một cái gia đình được ăn mặc tự do, để được xứng đáng với từng ấy cái mà cô được hơn người.

Cô bực. Cô bực quá!

Thỉnh thoảng, cô ngồi trông hàng, ló mắt ngắm các tiểu thư đi ngang qua nhà mà đâm ghen.

Nhiều cô thực là xấu, cái môi cong tớn, cái mắt ốc nhồi, thế nhưng hễ ăn mặc đúng một tân thời thì trông không thấy xấu nữa. Thế thì cô, tuy trẻ và đẹp, nhưng vì ăn mặc đen, thì có lẽ cái nhan sắc cũng bị tiêu đi mất chứ còn gì! Gớm! Thế thì chán thật...

Cô thêm! Cô thêm quá!

Năm nào cô cũng lên Hàng Ngang vài chục lần, để xem hàng mặc mới. Nhiều thứ đẹp và rẻ lắm! Cô ước ao. Cô giở tung cả cuộn của người ta ra mà ướm vào mình, đứng trước

cái gương, ngắm nghía thật kỹ. Cô lấy làm thích lắm. Rồi cô lại nhà bạn, mượn áo mới may để mặc thử, rồi đi lấy dáng tha thướt, thì ai cũng phải khen:

- Bạch Nhận nó mặc tân thời ăn lắm nhỉ! Thử cởi cái quần thâm ra xem nào.

Rồi họ lại nói:

- Ừ, ra cứ mặt trái xoan và người thon thả, thì ai mặc quần áo mầu cũng nổi.

Mỗi bận cô được khen như thế, thì về nhà, cô lại đâm nghĩ. Cô mơ màng đến ngày cưới cô, quyết thế nào cô cũng xin mặc quần trắng và áo xa-tanh hồng, thêu hoa to bằng cái bát. Rồi cô tưởng tượng đến người bạn trăm năm của cô, trẻ, đẹp, đầy đà cứ chiều chiều dắt cô ra Bờ Hồ hóng mát. Nhưng người ấy phải mặt quần Tây phẳng nếp, đầu chải thật bóng. Mà cô thì cầm cái mũ cho chồng, mặc lối tân thời từ đỉnh đầu đến dưới gót.

Cô mơ màng, cho nên cô thêm quá rồi! Cô không chịu nổi nữa. Cô đành liêu. Cô giấu bà cụ, sắm một mẻ toàn những thứ tân thời.

Cô mua đôi giày cao gót, mũi vá; may một cái quần lụa Nhật Bản có bốn nếp gấp ở lườn, lại khâu trái một đường ở ống, mà ống thì hẹp, và vén gấu; một cái áo sơ mi viền đăng-ten và thêu hai bông hoa ở hai bên ngực; một cái áo cánh kín tà dài đến hông, cũng viền đăng-ten xung quanh; và một cái áo dài sắc sỡ, chỉ chít những hoa là hoa, vẽ rắc rối như thời cục nước Tàu; một cái ví đầm bằng da hung hung, trong có sẵn những đồ để trang sức.

Cô sắm những thứ ấy, nhưng không dám để ở nhà. Cô gửi dâng chị Bích Ngọc, ở phố Hàng Trống.

Rồi từ đó, mỗi buổi chiều, cô thu thu hộp phấn vào bọc, cô đến chơi nhà cô Bích Ngọc.

Đến nơi, cô xỏ khăn, lấy lược ra chải lại mái tóc. Rồi rẽ lệch đường ngồi.

Rồi uốn lại mái tóc cho cong xuống, và thò ra mang tai. Rồi cô bôi phấn khắp mặt, tai và gáy. Rồi cô vươn cổ ra để xoa cho đều. Rồi cô rê dài môi ra để tô son. Nhưng cô bạn dạy rằng đừng nên bôi cả vào bề dày của môi mả xấu, phải làm cho cái miệng chúm lại, nghĩa là phải theo chiều cái môi mà vẽ đồ một cái môi giả, mỏng và hẹp hơn làn môi thật, gọi là môi quả tim. Rồi cô mặc quần trắng, xếp cho thẳng nếp, đứng ống. Rồi cô vận cái áo sơ-mi, cái áo cánh và áo dài sặc sỡ, vuốt cho phẳng phiu. Xong đâu đấy, cô lặn đôi giày mang cá, ôm cái ví đầm, đến trước tủ gương mà đứng. Cô quay đằng trước. Cô quay đằng sau. Cô đi đi. Cô lại lại. Cô uốn éo. Cô thuật tha. Rồi cô đứng yên. Cô ngắm. Cô bàn. Cô bình phẩm... Cô khoái lắm!

Rồi trong độ nửa giờ, ngắm chán, cô trút hết bộ cánh ra, xin thau nước, lau kỹ cái mặt, rồi mặc quần áo thâm, đi về.

Ấy chẳng ngày nào là cô Bạch Nhạn không diện tân thời một mình, một lúc như vậy. Có thể cô mới đồ thêm, đồ hạm hực.

Nhưng những hôm mưa lướt suốt cả ngày, thì cô nóng ruột quá. Mà cứ đến cái giờ ấy, quái lạ, cô nằm bẹp gí, chẳng thiết làm cái phải gió gì cả.

MẤT CÁI VÍ

Ông Tham nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá! Dữ đến nỗi không có ông cậu ruột ngài, là người có thể lực can thiệp vào mà phát gát lên, thì việc này quyết ra đến tận xằng-tan chứ chẳng chơi! Thằng xe, thằng bếp, con vú sợ xanh mặt, suýt phải trận đòn sống cũng thành tật. Mà khốn nạn, ở trong bếp, đứa nọ đổ cho đứa kia, đứa thì xin đi thể, đứa thì quyết đi trình mật thám. Đứa nào cũng không muốn để chủ ngờ oan mình.

Ông Tham, bà Tham thấy chúng nó quả quyết, cũng không biết xử trí ra sao. Nhưng vẫn không sao bỏ được lòng ngờ.

- Rồi tao không để yên cho chúng bay!
- Vâng, nếu việc này không ra, thì chúng con tức lắm.
- Chúng bay làm gì mà to mồm thế, nói khê cho cụ ngủ.

Hôm qua cụ thức khuya.

Cụ đây, tức là ông cụ cậu ruột ông Tham, ngủ ngay ở giường kê cạnh đấy. Thằng xe muốn đồ riệt cho con vú, bèn nói:

- Thật chúng con từ sáng đến giờ chưa đứa nào bước chân ra khỏi cửa. Mà một mất mười ngờ, chúng con lấy làm bực lắm. Xin ông bà cho phép chúng con khám lẫn nhau. Chắc của vẫn còn ở trong nhà, thì còn tìm thấy được.

Bà Tham nói:

- Ủ, rồi đến lúc ra trước cửa quan mới hối. Chúng sắp mất thật!

- Ấy, mợ khê để ông ngủ, đêm qua ông lũng cùng mãi, mới chợp mắt đấy.

Nhưng họ làm diếc cả tai. Ông cụ cố ngủ được đây!

Ông cụ vẫn để ý những lời nói của vợ chồng ông Tham, thì lấy làm giận lắm.

“Minh chẳng ra gì cũng là cậu ruột nó, em mẹ nó, mà sao nó không biết nể mặt. Chẳng biết nó có dám ngờ mình hay không, mà sao nó nói lảm câu nghe trái tai quá”.

Rồi ông cụ nghĩ lại cái địa đồ nhà ông cháu để tự xét đoán việc mất bạc này thế nào.

“Ngoài nhà ngoài có cái giường mình nằm, thông với buồng trong của vợ chồng nó. Nhưng hôm qua nó ngủ ở ngoài này với mình. Thế rồi đến cửa ra sân, chính tay mình đóng và gài then. Mà trước khi đi ngủ, nhà Tham nó còn soi các then cửa cẩn thận. Thế thì chỉ có thể nghi con vú em ăn cắp được, vì thằng bếp, thằng xe ngủ cả nhà dưới, cạnh bếp. Vậy chỉ truy con vú này là ra ngay”.

Đương nghĩ thế, bỗng ông cụ nghe thấy ông Tham nói:

- Tao thì tao không ngờ con vú em đâu. Nếu nó có tính tăt măt, thì tao măt nhiều lần rồi. Mọi khi tao ngủ, để bữa bải cả tiền nong ra bàn, nhưng sáng dậy vẫn còn nguyên, một trinh cũng không suy suyễn. Hai chúng bay liệu hồn!

Ông cụ vừa nghỉ cho vú em, nghe thấy ông Tham nói thế, nên càng phân vân:

“Ừ, hay nó ngờ cho mình thật, mà không dám nói ra? Trên nhà trên chỉ có vợ chồng nó, con vú em và con nó. Ngoài ra khách lạ, chỉ có mình mà thôi. Nhưng chẳng có lẽ. Hay là nó ngờ thằng bếp, thằng xe sáng sớm dậy, có đưa nào lên nhà trên, rồi thấy cái ví ấy để chỗ nào, mà lấy chẳng?”

- Bẩm lay ông bà, hai anh em con ngủ dưới nhà mà trên thì khóa cửa. Sáng ngày chúng con mới dậy. Cửa trên này chưa mở, con đã thấy ông bà kêu mất tiền. Lúc ấy, ông mới gọi chúng con lên. Xin ông bà xét cho chúng con chỗ ấy. Hay ông bà đi chơi tối qua, mà đánh rơi đâu chẳng?

- Tao nhớ rằng khi tao đi nằm, tao còn mở ví ra để đếm lại giấy bạc, rồi tao gối ở đầu giường, chỗ này. Tao nằm bên cạnh cụ. Vì thức khuya nói chuyện, nên tao mệt, tao ngủ say lúc nào không biết. Tao chắc lúc tao đếm tiền, có đưa nào trông thấy.

Ông cụ nghe cháu nói câu ấy, thì thở dài, cự mình một cái.

- Lay ông bà, chúng con có biết cái ví tiền của ông mặt ngang mũi dọc thế nào, thì chúng con cứ chết một đời cha, ba đời con!

“À, nếu nó đồ riết cho thằng bếp, thằng xe, sao nó không đánh, không tra, không trình báo gì cả? Quyết là nó nói xa xôi cho mình hiểu đây. Hay là nó nghi mình đồng tình với lũ kia, vì thấy mình lạ nhà không ngủ được, phải xì xục suốt đêm, hết hút thuốc lại uống nước, rồi mở cửa ra sau đi tiểu. Nếu thế thì thực nó chó đẻ quá!”

Nghĩ thế, ông cụ thấy khó chịu, lại quay mình nằm lại.

Cụ muốn ngồi hẳn dậy mà bộc bạch tâm sự, rồi “đông đủ cả nhà, mình thể đọc mấy câu cho nó đỡ nghỉ. Nhưng chắc đâu? Lỡ mình đoán lầm thì oan vợ chồng nó”.

- Lạy ông bà xét lại, chỉ có người trên nhà, chứ thực chúng con không biết đấy là đâu.

Ông Tham quát:

- Chúng bay bảo tao ngờ cho ai? Ngờ cho bà à?

Ông cụ nằm yên, hơi tức đầy đến ngực, không chịu được, lại trở mình lượt nữa.

“Thôi, đích lắm rồi. Chỉ là chúng không dám nói đến nơi mà thôi”.

- Lạy ông bà, chúng con đâu dám nghĩ thế.

- Thế thì chúng bay bảo tao ngờ cho cụ à? À, quân này lão thật!

- Chết, sao cậu ấy nói càn làm vậy!

Câu bà Tham vừa nói dứt, thì tự nhiên như có cái gì nó giật nhồm ông cụ ngồi dậy. Cụ hỏi dồn:

- Cái gì? Cái gì? Thế nào? Thế?

Ông Tham dịu ngay nét mặt lại, nói:

- Không ạ.

Rồi ông bảo bọn người nhà:

- Cho chúng mày xuống nhà.

Mục đích ông cụ là muốn giải tỏ khúc lòng, rồi mắng thẳng cháu mấy câu cho hả dạ. Chứ nó ăn nói cục súc, vô ý thế, mà mình cứ giả điếc, thì nó cho mình là không biết gì. Nhưng thấy vợ chồng ông Tham muốn dập chuyện đi, thì con tức lại đề lên đến cổ. Nên cụ cố gắng hỏi:

- Không. Tôi xem trong nhà như mất cái gì kia mà?

Bà Tham nói:

- Không ạ. Cháu mất đồng xu, nhưng đã tìm thấy rồi ạ.
- Không phải. To hơn kia.
- Thế thì ông chiêm bao đấy ạ.
- Rõ ràng tôi vừa tỉnh dậy, thấy anh Tham gắt gò to lắm kia mà.

Ông Tham nói:

- Không ạ. Đó là cháu mắng chúng nó từ nay thấy tiền nong, không cứ là của ai, cũng không được tơ hào.

Ông cụ càng ngờ là cháu nói cạnh, bèn hỏi:

- Anh mắng ai?
- Những đứa kia đấy ạ.
- Những đứa kia là đứa nào? Anh đừng láo!

Bà Tham thấy ông cụ gắt gỏng to tiếng, bèn can chống:

- Tôi đã bảo cậu mà!
- Thì tôi đã muốn im đi, sao mợ còn cứ xui tra xui tấn!
- Lạy ông, chúng cháu có dám nói gì đâu!
- Tôi không dám, cậu mợ dạy quá lời, tôi đã hiểu cả rồi.
- Cháu lạy ông, vợ chồng cháu có thất thố điều gì, xin ông bỏ quá đi, ông đừng để bụng. Thôi, không nói đến chuyện ấy nữa. Hôm nay phiên chợ Đồng Xuân, mời ông lên chơi chợ.

Ông cụ càng muốn làm lớn, thì cứ bị cháu dập đi, cho nên càng không chịu được.

"Bây giờ nó bảo mình đi chợ Đồng Xuân, thì rõ ràng nói cạnh mình là kẻ cắp! À, quân này thâm thật. Mới dính tí Hà Nội, đã học lối ăn nói ba que!"

- Anh nghĩ cho ai lấy tiền của anh?

- Kìa! Tiền nong gì, thưa ông?

- Tôi nằm đây, tôi thức, tôi nghe hết từ đầu đến cuối.

Anh nghĩ cho ai, anh cứ nói.

- Kìa, cậu nói đầu đuôi cho ông nghe, kéo chả mấy khi ông ra chơi, ông thấy thế này, ông lại giận.

- Bẩm ông nguyên thế này: Cháu có bốn mươi đồng bạc để vào trong cái ví. Mọi khi bao giờ trước khi đi ngủ, cháu cũng bỏ ví vào tủ có khóa. Vì hôm qua đi xem hát với ông về khuya, nên cháu không muốn vào buồng lấy chìa khóa tủ, cháu để ví trong túi. Nhưng sau, thấy nằm cứ cộm lên, cháu mới lấy ví ra, kiểm lại số tiền, rồi để gộp đầu giường. Lúc ấy ông cũng biết.

- Phải, rồi sao nữa.

- Rồi sáng hôm nay, cháu thấy mất.

- Phải, sao nữa?

- Bẩm, có thể thôi.

- Thế anh nghĩ cho ai?

- Cháu nghĩ cho thằng bếp, thằng xe?

- Sao anh không nghĩ cho con vú?

- Tại nó thực thà xưa nay cháu biết nó.

- Anh nghĩ thế là vô lý lắm. Tôi hiểu, chính anh nghĩ cho tôi!

Bà Tham vội nói:

- Chết! Lạy ông, con cháu nào dám nghĩ thế! Sao ông nghĩ vắn vợ làm vậy?

- Thôi, xin bà đừng nói khéo. Tôi biết ông ấy, từ thuở để cái chòm chòe bằng ngân này, nên tôi hiểu cả giọng nó. Nay, tôi bảo cho anh biết, tôi tuy nghèo thật, nhưng tôi lấy của anh để tôi phải tội lỗi mất ra à?

- Khổ quá! Cháu không biết nói thế nào bây giờ được. Tự ông đổ cho ông đấy.

- Không phải tôi đổ cho tôi. Vì những câu anh nói cạnh nói khoe từ nãy đến giờ, nên chẳng phải bảo đến nơi tôi cũng hiểu ý cả. Đây tôi cũng dần lòng cho anh khám.

- Chết! Sao ông lại làm thế?

- Nhưng tức lắm!

Nói đoạn, công cụ chạy đến mặc áo, giật cái áo trắng dài và cái áo the xuống, rồi giũ rõ kỹ. Rồi cởi tuột cái áo cộc ra, lộn cái túi. Xong rồi, lại tháo cả thắt lưng, đưa cho ông Tham xem. Giá có tiện, có lẽ ông cụ tụt phăng cả cái quần ra nốt, cho cháu tin rằng tất cả trong mình, không giấu giếm cái ví vào chỗ nào cả. Nhưng cụ cũng cứ lấy hai bàn tay, nắn bóp cả hai đùi thật kỹ, từ trên đến dưới.

Ông Tham thấy cậu làm dưng dưng sôi nổi, biết là cậu giận lắm, nên cứ ngồi yên như phỗng. Bà Tham thì lạy van hoài. Nhưng vẫn không ăn thua gì. Tự khám mình xong, ông cụ phân bua:

- Đấy nhé, anh chị đã tin chưa? Tôi không ngờ đâu bây giờ anh chị lại khinh người làm vậy. Cậu cũng như cha mẹ, mà anh nghi cho tôi ăn cắp, anh nghĩ đã phải chưa? Từ ngày anh đi làm, đã hơn hai năm nay, bất quá tôi đến chơi nhà này là lần thứ bốn! Tôi thấy anh ở xa thì tôi nhớ, nên đến thăm. Chứ nào tôi có xin xỏ bòn dãi cái gì? Chẳng qua anh mất mấy bữa cơm và suất tàu là cùng.

Nói xong, cụ súc miệng, và rửa quàng cái mặt, rồi đội khăn, mặc áo. Ông Tham thấy vậy, hỏi:

- Thưa ông, cháu có lòng nào như thế! Ông đừng tưởng vậy mà oan cháu. Bây giờ ông đi đâu?

- Tôi đi về. Ông bà xử với tôi như thế này thì tôi còn mặt mũi nào mà ở nữa!

- Khổ lắm! Vợ chồng cháu có điều gì không phải, thì ông là người trên, ông cứ mắng chửi, sao ông lại để tâm làm vậy?

- Thôi tôi xin quan ông quan bà đừng nói khéo. Đồ đều! Tao thề rằng từ nay tao không họ hàng gì với vợ chồng mày nữa!

Nói đoạn, ông cụ hăm hăm, cấp ô đi.

Vợ chồng ông Tham nhất định nằn nèo cho ông cụ ở lại. Nhưng ông cụ dần dỗi:

- Thôi kẻ cấp chả dám ở chung với người! Để tôi lên chợ Đồng Xuân tôi ở.

Nói xong, cút thẳng.

Vợ chồng ông Tham rầu rầu nét mặt, trở vào, im lặng nhìn nhau mà thở dài. Một lát, bà Tham ra dáng ân hận lắm, gắt với chồng:

- Chị tại cậu lơ đễnh, đánh mất ví tiền, nên mới sinh ra lắm cái rắc rối.

Ông Tham ung dung, tủm tỉm cười, đáp:

- Thế thì đã làm sao?

- Thế sao cậu lại ngờ cho ông làm vậy?

- Tôi vờ thế, chứ ví đây này, có mất đêch đâu!

Vừa nói, ông vừa móc trong túi quần, quảng cái ví đánh bẹt xuống mặt phản.

Bà Tham trố mắt nhìn chồng:

- Rõ khéo nhỉ, thế có phải làm ông giận không.

- Mợ không hiểu. Tôi chỉ cốt làm để bạn sau ông đừng ra chơi nữa. Tốn kém lắm!...

21-7-1933

KÉP TƯ BÊN

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên kép Tư Bên. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lăm lức ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cón con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp.

Anh ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà Thành đọc chương trình hay xem báo, thấy kép Tư Bên đóng vai giễu, là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn về rạp chật quá.

Cho nên những tối có anh hát giúp, thì các hý viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rên rĩ của ông cụ cũng hòa lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bên phải rầu gan nát ruột,

chẳng biết đến sự làm ăn. Bệnh cha ngày càng nặng, thuốc thang chạy chữa, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép, dần dần nó cũng đi bài tấu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch trường đến nhà anh chơi. Sau một vài câu thăm hỏi chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ:

- Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?

- Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm nộp sau.

Ông chủ bĩu môi, nói:

- Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bên cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dõ:

- Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

- Vâng, tôi vẫn định thế...

- Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

- Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

- Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

- Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bên nhắc lại ba tiếng đó, trong óc anh lẩn vẩn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều. Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha anh mấy tiếng

đồng hồ đi học diễn. Cha anh ốm. Trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy anh đáp phắt:

- Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi ông trở vào màn và nói tiếp:

- Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho xù xụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê ở cạnh, để với lấy cái ống nhổ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm dãi nổi lênh bênh.

Anh Tư Bên giật mình, chạy lại đỡ cha:

- Sao ông không gọi con?

Rồi anh lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói:

- Đó, ông coi, vắng tôi sao dặng?

- Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

- Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng keng keng của chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bên lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của công cụ sai anh rót chén nước.

Nhân muốn gây cảm tình, ông chủ rạp Kịch trường lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

- Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giương hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết, bèn nhe bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lấy bấy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen chào lối tây nên

mới bắt tay dẫu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, là vì phải tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

- Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

- Tôi sắp cho tập võ mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật. Nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha:

- Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dõ đành nói:

- Cậu cứ cố giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy, cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hoa hồng khi diễn tấu "Ông huyện ba phải" này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà mở mang cả lồng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh cho khoan khoái trong lòng.

- Cậu nghĩ sao?

- Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

- À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học võ. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người

khác. Tội chi, có dịp trở tài, vả lại để cho thiên hạ mong lâu cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cổ cất lên tiếng khàn khàn để gắt:

- Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho xù xụ.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch trường và trả lời:

- Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mà mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỗ toét. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

*

* *

Bà con sính xem hát, hôm đó thấy ô-tô quảng cáo chạy rông khắp phố để thả chương trình, và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lô nhô như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chồn vờn. Trên thêm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng,

chứa chan biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta quên hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dần tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lơn của kép Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kép Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kép Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta đâu biết rằng hiện giờ này, ở nhà cha anh đương giở chứng khô khè, chỉ chờ từng phút để thở một hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nấu ruột nhầu gan.

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quẹt vào đĩa mực để bôi nhọ cái mũi. Rồi anh lại phải mặc trái cái áo thụng thêu, lộn đôi hia xanh và đội cái mũ cánh chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà gắng sức, các khán quan được một phen cười vỗ bụng, vỗ rất tay kia mà!

Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy, lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nỗi phải lăn cả ra đất chứ?

*

* *

Một hồi chuông vừa dứt. Màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thẩn người ra như phỗng đến một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước! Mà khán quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh: cái mồm bôi nhọ nhem, thì ai mà nhịn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười giã!

Ác thật! Vai anh Tư Bền đóng hôm ấy cứ luôn luôn phải ở sân khấu. Nhất là anh phải làm điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về thăm xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét, phải dần từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những điệu bộ, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất, người xem hát thì cứ trông thấy anh là họ đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở trước mắt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

- Nguy hơn ban nãy. Đã cấm khẩu rồi.

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đương ngồi thừ trong buồng trò, thì anh lại nhận được tin báo nữa. là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bên bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức khóc nở:

- Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không cho ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sâu khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tí phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa thất dãi áo, vừa sụt sịt mếu máo, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy, để mua giọng lấy những tràng vỗ tay.

Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bên, đi đôi với cái bông lòn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối!

Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết sợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn thấy mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu ầm:

- Bis! Bis!⁽¹⁾

(1) - Diễn lần nữa.

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích - vì nó hợp với tâm lý anh hơn - để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối một lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa. Người thì bắt tay. Người thì véo mũi. Người thì khen. Làm cho anh ruột căng như thiêu như đốt.

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật dật chạy vào buồng trò, cởi vội mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đương rồi beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh đến đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vội vã ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

- Mau mà về. Anh Tư! Hồng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

27-7-1933

ÁI TÌNH TIỂU THUYẾT

(Thuật theo lời của B.)

Sợ các ngài tẩy chay tôi, hôm nay tôi xin hiến các ngài một thiên ái tình tiểu thuyết. Nhưng ái tình tiểu thuyết tôi vốn không quen viết, nên tôi chỉ dám coi nó như câu chuyện chó chết mà thôi.

Ông hàng xóm tôi mới đem ở Hà Nội về một con chó trắng. Ông đặt tên cho nó là Tóp. Con Tóp, tôi chẳng biết có cái gì đáng quý, nhưng mà, trời ơi, gớm, ông ấy làm bộ như một bà mẹ có con gái đến thì! Ông ấy khoe, khoe những đức tính nó thế nọ thế kia, nghĩa là con chó ấy chẳng may chó đến nỗi phải làm kiếp chó, chứ giá được làm người, thì tất cũng phải làm đến gì gì chứ chẳng vừa!

Thế nhưng tôi tưởng làm cái giống chó An-nam mình, thì dù có tài xuất chúng đến đâu cũng vậy, sự nghiệp bất quá cũng chỉ đến giữ nhà cho chủ là hết; mà có hơn chó thiên hạ về cái thỉnh thoảng được phát tài vì có bóng ngoại, nhưng dăm ba bữa tiệc ấy, bất quá cũng chỉ là cái bả giả của người ta mà thôi, ngon gì!

Ấy là nói những giống chó khôn, biết thân phận làm kiếp chó, chứ nếu lại có tính ngông nghênh mà cắn trộm, bặng nặng mà ăng sằng, hoặc đại dột mà vục đầu vào chính tương hay niêu cá chẳng hạn, thì đeo riềng vào cổ lúc nào không biết đấy.

Vậy mà chó nhà quê thì mới thế, chứ nếu chẳng may ở các thành phố lớn, luật pháp nghiêm ngặt, mà quá giờ, tiên sinh cứ tự do ngôn luận oang oang lên, hoặc ban ngày, tở-lo-mơ đi ra đường chơi phiếm, thì có mà tù sớm!

Chính con Tóp của ông hàng xóm tôi, sở dĩ bị trục xuất cảnh ngoại, cũng chỉ vì tội nhiều khi đang đêm, không biết cao hứng cái gì, cứ diễn thuyết rầm lên, hô hào dữ đến nỗi cả nhà mất ngủ; lại mới đây, giữa ban ngày ban mặt, nó dám công nhiên, - nói vô phép các ngài, - nó dám công nhiên hiếp dâm ngay con chó mới mua buổi sáng! Vô đạo thật! Chẳng biết rằng nó đoán là chủ nó định tống cổ nó, nên nó mới giở thói cầu-trệ định làm hại cho mà làm ăn xúi quẩy, hay nó cố tình làm mất trình chị đồng nghiệp sắp hót căng nó. Nhưng cứ xem cái đời tư của nó như thế, thì dù ông hàng xóm tôi có làm trạng sư bênh vực nó kỳ cùng, tôi cũng kết luận rằng ở nhà quê này mà con Tóp cứ giở cái thủ đoạn ấy ra, thì có ngày chết mất mạng!

Con Tóp được về nơi rộng vắng, lấy làm khoái lắm. Ngay lúc mới được thả xích ra, nó loăng quăng chạy hết đường sau ra đằng trước, nhà dưới lên nhà trên, hễ động có ai qua ngõ, là anh chàng chạy ngay ra chát vắn. Chẳng bù với khi còn ở ngoài tỉnh, cả ngày phải khóa miệng, có cất lên một vài tiếng để làm châu chạy cho đỡ buồn, thì đã bị mắng chửi rầm rĩ.

Ở nhà quê, được hít không khí trong sạch, được vận động luôn chân, lại được ông chủ cho ăn uống tử tế, nên Tốp ta mập mạp, trắng nõn, trông ra phết anh chị!

Ngày mới ở tỉnh về, nó hay hổng hách, thấy ai lạ cũng định gây sự. Nhưng từ hôm bị cái gậy đầu tiên của thằng Mỗ giáng vào lưng thì nó cũng lịch duyệt hơn một chút, không chơi đại nữa, bớt sự băng nháng. Thấy ai qua ngõ, nó chỉ gâu một tiếng xoàng gọi là tác oai, rồi cúp đuôi nhanh nhẩu chui lọt vào hàng rào, giữ thế thủ cẩn thận, mới dám thò đầu ra, trợn mắt, giọng nanh, găm gừ cho đến khi người ta đi khuất.

Nhưng ở nơi thôn dã này, thì sự canh gác của nó chỉ cần có trong khi đêm tối, nên rồi nó cũng bắt chước ngay các đồng nghiệp nó, cả ngày nằm cuộn tròn ở cổng, gọi là chiếu lệ, rồi đánh một giấc dài cho tiêu thì giờ.

Nghề thế, nhân cư vì bất thiện, nếu cứ ngày đánh hai bữa no phình bụng rồi “la siết” suốt cả buổi trưa, thì cuộc đời tẻ ngắt, mà cái thanh niên cũng đến mòn mỏi đi mà thôi. Cho nên được độ nửa tháng, người ta đã thấy con Tốp đứng tụ họp ở ngã ba, với dăm bảy con chó quanh đấy.

Cái tính chơi bời của nó nẩy nòi ra từ khi nó còn ở chốn ngàn năm văn vật, nay nó thấy một nơi mà bất cứ đục hay cái, tụ bạ để làm chỗ hẹn hò, như bờ hồ Hoàn Kiếm, như trong cuộc chợ phiên của chúng ta, thì muốn chừng nó cũng chệnh nông nổi riêng nên cứ đứng giờ giấc là nó lũng thũng ra đó, để gạ gẫm giở trò trai gái!

Mà trong cánh ấy, trông nó bột nhất! Ngày nào cũng vậy bộ lông trắng nuốt như quần áo mới giặt là! Rành là nó ăn đứt tụi con cộc, con xồm, con vằn, con vện, trông nhà quê

quá. Khoa tán gái chẳng hay nó học ai, mà nghe chừng mả lắm, chẳng thể những tiểu thư mực khoác bộ áo nhung, tiểu thư đốm mặc hàng bom bay, nó điều nước non được cả. Thì ra có bộ mã tốt bao giờ cũng vẫn dễ làm ái tình, cho nên cái số đào hoa của anh công tử Tốp đã làm cho trong làng eu, nhiều tay phát tức!

Rồi chẳng bao lâu, con Tốp một tay chôn biết bao cành phù dung. Nhà nào có những chị mới nứt mắt ra là nó cũng đâm vào cho kỳ được. Dù cho lần đầu có cự tuyệt, nhưng đến lần thứ hai, hay lần thứ ba là cùng, chị ả phải cảm ngay chàng có duyên ấy. Thế rồi nó rủ rê ngay ý trung nhân ra lũy tre để chỉ non thể biển! Nhiều người bắt gặp nó giở cái mặt chó, ở ngoài đường lấy làm chướng mắt, đã giột cho nó bao nhiêu phen, nhưng chó đen giữ mực, nào nó có chừa. Đến nỗi chỉ một mình nó, mà trong ngót một tháng trời, bao nhiêu bạn gái trong xã hội mồm nhọn, nhất là bọn cấp tiến, đều bị hư, hoặc chữa hoang với nó cả! Bọn thế đấy!

Cậu phong lưu công tử nổi tiếng trong áng nguyệt hoa hồi ấy, trác táng mà không có sâm nhưng quế phụ để tắm bổ, cho nên đâm ra yếu ớt gầy gò.

Đã nhiều bận, vì sự ghen tuông, nó bị những tình địch trong eu giới đồng minh nhau cắn nó kịch liệt, có khi toạc đầu xẻ tai xuýt thành án mạng to. Nhưng giá như độ trước, hẳn nó lăn lưng vào một phen sống mái để giữ thể diện với gái. Nhưng thì độ này người anh em đành chịu tho, dần lòng tạm ly biệt mấy cô nhân ngãi mà cúp đuôi cắm cổ chạy một mạch về nhà, chui tọt vào gầm phản!

Nhưng mà có thói đa tình, thì dù có mắc bệnh gần chết cũng vẫn ngựa, cái đó chó cũng như người. Kia, vết thương hồ lạnh, người ta đã bắt gặp nó đi mò gái; mà lần này quái làm sao, nó đánh hơi biết ngay là trong nhà kia, mới có chó chó tây rất sộp!

Con Tóp vừa thoát trộm liếc dung nhan của cô bạn mẩu quốc đã đâm ra mê đặc, chồn vờn ngay đến gần. Muốn chừng nó cũng như ta, thấy món lạ thì thích nếm cho rộng kiến văn, nên ngày nào nó cũng đến tán tỉnh hai ba dạo! Chẳng biết mắt xanh nàng có lọt chàng anh-đi-dên hay không, nhưng dù có chim được mà cứ phải phỏ mát hão huyền như thế thì thá gì, cho nên xin, chàng trước hết nghĩ đến vấn đề phụ nữ giải phóng.

Cô ả chó tây đây thật đáng gọi là một trang thiếu nữ tân thời, đủ làm chim sa cá lặn. Này, hươu cốt cách, vượn tình, thần, mà gấu ghen thua mỗn, cọp hờn kém nanh, mỗi khi hoa gấu ngọc ửng, tiếng oanh như rung động, dây đàn tim của Tóp như oán như than! Không những thế, chiếc vòng da đeo quanh cổ, bộ lông nhẫy chết vào mình trông đặc Lemur, lại như tăng cái nét yêu kiều của tám thân mơn mớn. Nói tóm lại, con chó tây đáng gọi là một đóa hoa khô, một ngôi sao sáng, khiến cho mỗi khi chàng Tóp loanh quanh ngửi ngửi bên chõn khuê cũi, cũng không muốn về nhà nữa! Rồi thế quái nào, chẳng biết ngôn ngữ của hai giống chó ấy có đồng hay không, nhưng chắc Tóp ta sinh trưởng ở đất Hà Nội, thì cũng nói được dăm ba tiếng bồi, nên đông tây gặp nhau ngay.

Có một hôm con Tóp cũng diện bộ cánh mọi khi, đương

bắt chước hệt như cái mốt ngoáy ba toong công tử bột mà ngoe nguẩy cái đuôi, lượn xung quanh cũi nàng, thì có một đứa bé con ra phang một que củi vào lưng. Sợ xấu hổ với nhân ngãi, vả tức vì bị ngăn trở trong cuộc vui vẻ trẻ trung, Tóp ngoạm ngay cho một miếng vào đùi thẳng bé, rồi đi bài tấu mã.

Đứa bé kêu râm, cả nhà xô ra đuổi Tóp, nhưng không kịp. Thế là con Tóp có một bọn thù nhân. Họ bàn với nhau, rồi sẽ đánh Tóp chết, mà người anh em thì kệt, ba bốn hôm không dám thò mồm ra ngoài.

Nhưng ngọn lửa dục bao giờ cũng cướp hết ánh sáng của sự suy xét; người cũng vậy mà chó cũng vậy. Rồi chắc rằng Tóp ta nhớ người yêu ở nơi cao tường kín cổng, suốt ngày bị cấm cung trong cửa buồng khuê. Ừ, tội gì, không lẽ cá đã cắn câu lại chịu vút cần đó để phí hoài mất cái bờ lạc, rồi đưa khác nó nước trước bể hoa thì đại hơn cây, cho nên anh ta lại mon men đến đứng ở bờ giậu nhìn vào để thăm tin tức. Khi tịt mù nào thấy bóng hồng vào ra, anh ta mới lách qua hàng rào, có lẽ định bàn với cô em cái chước xỏ lồng tháo cũi.

Nhưng mà khốn nạn cho con Tóp. Người ta biết tính quan viên mê gái hay liễu, nên đã quyết với nhau rằng thế nào rồi Tóp cũng còn đến nữa. Vì vậy họ không thả con chó cái ra vọi, để dùng kế mỹ nhân, thì mới được con Tóp vào tròng để đánh chết.

Cái số con Tóp đến ngày hôm nay là hết, hẳn các ngài cũng đoán như vậy chứ gì! Phải, nhưng nó chết một cách thảm thiết, một cách đau đớn, khiến cho ai được mắt trông

thấy cái phút sau cùng của đời nó, cũng phải rùng mình ghê sợ cái bả tình, cũng phải thương xót những con người đương đắm trong bể ái.

Con Tóp nhìn trước nhìn sau, lững thững đứng bên cạnh cũi. Khi nó tưởng rằng được bình yên như mọi ngày, nó bèn ngoe nguẩy đuôi như phất cờ thắng trận, chạy xung quanh cũi như điên như cuồng, rít ầm lên, rồi thò mõm vào hít lấy hít để. Nó hôn chán như thế rồi nó thè lưỡi ra liếm. Con chó cái thấy tình lang ân ái, hình như sóng tình cũng xiêu xiêu nên nằm yên. Con Tóp thừa cơ, tiến đến gần, cố chui lách cái đầu vào khe cũi. Giữa lúc ấy, người ta thò dây thùng thọng lọng vào cổ nó và dòng buộc vào cột.

Nó không biết rằng đã mắc vào tròng, nó cứ tuân theo mệnh lệnh của nữ thần Venus. Lách đầu vào khe không ăn thua, nó mới nhẩy hai chân trước lên mặt cũi, như lối mọi khi của nó. Nhưng cũng không thấy công hiệu gì, nó lại đành nằm ẹp xuống đất, liếm lấy liếm để, rồi lại cố lấy đầu, muốn hẩy cho đổ cái cũi. Rành là nó muốn đập tiêu phòng để vớt người trăm luân. Nhưng sức nó không sao làm chuyển được cả cái cũi nặng trong nhốt một con chó phốp pháp, nó đành chịu phép. Lúc này người ta thò dây vào hai chân trước nó, thiết chặt lại, và trói ghì ra đằng lưng. Lạ cho con Tóp chẳng thấy cái tình thế nghiêm trọng, hình như nó chỉ nghĩ làm sao cho đạt mục đích là được cọ xát vào người yêu, còn ngoài ra, nó chẳng trông thấy, chẳng để ý cái gì cả.

Con chó cái ở trong cũi, thấy sự nguy hiểm, cần rống lên mấy tiếng để ra hiệu cho bạn biết vụ bất bố quan trọng, nhưng con Tóp thì như bị mù mắt, cứ rít, cứ liếm, cứ cố

nhắc đầu lên cho vừa tầm. Thỉnh thoảng nó thấy vương vịu khó chịu, thì cũng hực hực cựa cạy, nhưng hễ cái lưỡi nó còn được gần bên mõng con chó cái, thì nó lại yên ngay. Ấy thế rồi người ta cột nốt hai chân sau nó lại.

Bây giờ thì nó chỉ còn cựa cạy được cái đuôi và cái lưỡi mà thôi, mà thật là nó mê gãi đến nỗi chết đến đít mà không biết! Chẳng thế, bị trói mất cựa mà đầu nó còn hực vào bẹn con kia, đuôi còn ve vẩy ra đáng khoái trí lắm!

Con chó cái thấy tấn bị kích bên cạnh, lồng lên và cắn rầm rầm, rồi cựa mình sang chỗ khác. Con Tóp cũng lăn lộn theo đến gần, nhưng chân bị trói không đi được, vậy mà nó mặc kệ, nó cố lê bằng bụng để được đến gần chỗ la liếm cho thỏa dục tình, rồi nó rít lên mấy tiếng đặc thảng!

Nếu ai chú ý nhìn cái chết của con Tóp mới thấy động tâm! Trói xong, người ta dốc ngược nó lên **xà** nhà, nhưng ác quá, họ tình nghịch để cho cái mõm nó vừa **đúng** với bạn gái nó.

Bị đau đớn, nó cũng cựa cạy, cũng giẫy giụa. Nhưng khi mắt nó trông thấy con chó cái, thì như nó lại quên hết mọi sự để cố chịu đựng nỗi thống khổ về vật chất, mà ngoe nguẩy đuôi và thè dài lưỡi ra, làm cái việc sung sướng về tinh thần.

Lúc ấy, người ta bắt đầu xử tội nó. Người ta chằng hai đầu dây buộc cổ nó, thiết thật chặt lại cho nó mất cựa, rồi thò dao nhọn vào cổ họng nó, cứa mấy nhát. Con Tóp ặc ặc kêu rú lên vài tiếng, tia máu vọt ra. Không hiểu nó có biết là sắp chết hay không, nhưng sau khi không còn hơi sức mà giẫy nữa, mà mắt nó vẫn chăm chăm vào con chó tây, lưỡi

nó vẫn thè lè ra để liếm la liếm liệt, đuôi nó vẫn vẫy nhanh nhẩu như thường.

Nhưng chỉ được vài phút như thế, rồi mắt nó dờ đi, đuôi nó yếu đi, lưỡi nó cố thò dài ra mà liếm cả vào thanh củi. Rồi dần dần, như chiếc đồng hồ hết giây, đuôi nó không vẫy được nữa, oặt lả xuống, mắt nó hết tinh thần, nhưng chỉ còn cái lưỡi là vẫn còn ít tinh lực sau cùng, thấy đưa đi đưa lại được đến năm sáu cái nữa mới im hẳn...

Thế là con Tóp hy sinh tính mệnh để thờ phụng ái tình, vậy mà đã chắc gì nó biết là nó đã chết!

Nhưng chó chết là hết chuyện...

17 Aout 1933

CÁI VÍ ẤY CỦA AI

Bây giờ đến cuộc nháy đăm. Ông Nghè Luật, ông Bác sĩ Thuốc, ông Kỹ sư Hóa học, ông Tú Văn chương, ông Bác vật Canh nông, ông Giáo sư Toán pháp, ông Tham Lục lộ, ông nào ông nấy quyết phen này trở tài, cho khỏi bị cười rằng đã uống công bao năm du học.

Tiếng đàn nổi lên, du dương thánh thót như rót vào tai. Các bà, các cô, ngồi một lượt ở dãy ghế kê sát bên tường, nói cười, nghiêng ngả, tươi tỉnh như luống hoa trăm hồng ngàn tia đủ đởn trước ngọn gió hiu hiu.

*

* *

- Ô! Nhà quê! Fox-trot không phải một bài, Tango cũng không phải là một bài. Đó là một lối nháy, mỗi lối có tới hàng nghìn bài, mỗi ngày lại có bài mới thêm vào.

Ông Bác sĩ Thuốc ghé vào tai ông Tham Lục lộ nói như thế, nhưng ông Giáo sư Toán pháp nháy một mắt lại, dỉ tai bạn mà rằng:

- Chớ khinh *lui* ⁽⁰⁾, *lui* nhảy không sai nhịp, mà lại đưa *cavalière* ⁽¹⁾ nhẹ nhàng và xinh lắm. *Moi* ⁽²⁾ vẫn chịu *lui* cái lối vừa nhảy vừa chuyện trò tự nhiên. Rồi *toi* ⁽³⁾ nhận mà xem, vai *lui* rất thẳng, không đụng đây, tay cũng vậy, chân đi khép, êm ái, mà không bao giờ đụng chân vào *cavalière*.

Rồi ba người bật mồm cười, trò vào ông Huyện Tư pháp:

- Thằng kia quan dạng, thế nào cũng xéo vào giày *cavalière* được độ mười lượt.

- Cứ mặc để chúng nó chửi cho.

- Mỗi cuộc khiêu vũ, ít ra nó phải "*Pardon Mademoiselle*" ⁽⁴⁾ đến hai mươi lượt là ít! La Bạch Nhạn vẫn chế nó là lái đồ, vì tay trái nó lên xuống như bơi chèo! Ừ, mà đến nó nhảy thì ai cũng phải bịt mũi; lưng thì cong, nhiều khi bụng lại uốn, chân thì soạc ra như thế này, đầu gối thì cong như thằng tiêm la. Lắm lúc anh chàng mệt, thở hổn hển, gót giày nện cồm cộp...

- Phải, thế là không có *tenue* ⁽⁵⁾. Nhưng không tởm bằng thằng cu Tú, tao tưởng nhảy với nó thì nhảy làm gì. Ôm vào người ta mà mắt cứ trợn ngược lên để nghe nhịp nhạc! Ông cũng đến chết với chúng nó thôi.

- Này! Bắt đầu đi chứ? Chờ gì nữa?

- Còn vài mẹ đương trang điểm ở trong buồng chưa xong!

- Làm gì mà nóng thế? Háo quá!

(0) Lui, đọc là luy (tiếng Pháp): ông ta, hấn, nó

(1) Cavalière: Gái nhảy

(2) Moi, đọc là moa: Tôi, tao

(3) Toi, đọc là toa: Anh, mày

(4) Pardon Mademoiselle: Xin lỗi cô

(5) Tenue: Tư thế

- Khốn nhưng tiếng pianô như xói vào tai, thì ai lạnh lùng được. Sao họ bắt nhả thế nhỉ! Nhảy đã tàng bỏ bu còn bắt người ta đợi.

- *Toi* lỗ măng nóng nảy thế thì nước mẹ gì! *Toi* phải kiên tâm không thì hại cả chúng *moi* đấy! Rồi chốc nữa *toi* nhảy với con Kim Thanh mà xem, nó không quay cho choái người ra ấy à! Lần trước *moi* chóng mặt vì nhảy *valse* với nó.

- Nó có biết *valse lente* ⁽¹⁾ không?

Ông Kỹ sư nói xong, bấu môi, giún vai ra dáng khinh người. Ông giở điệu thuốc lá vào gót giày, quẳng đi, chậm điệu khác, rồi tiếp:

- Để rồi *moi* lật tẩy *elle* ⁽²⁾ cho mà xem. Chắc thế nào nó cũng sai *cadence* ⁽³⁾. Rồi nó sẽ hết vía về lối *valse croisée* ⁽⁴⁾ của *moi*.

- Thôi đừng làm họ ngượng. Đến đàn ông chúng mình còn chẳng hiểu *valse croisée* là cái quái gì nữa là họ!

- Đã vác cái mặt đi nhảy đầm lại còn ngượng thì thà ở nhà đâm đầu vào nồi cá kho mà tự tử cho xong! Thế thì cứ *fox-trot*, *marche*, *one-step* ⁽⁵⁾ có được không? Giở *valse* ra làm gì?

- Thế mà *moi* thích *tango* ⁽⁶⁾ nhất. Không Tử viết: *Un tango dans tes bras, et mon coeur chavire!*... ⁽⁷⁾

(1) *Valse lente*: Điệu "van" chậm

(2) *Elle*: Nàng, nó

(3) *Cadence*: Nhịp

(4) *Valse croisée*, *fox-trot*, *marche*, *one-step*, *fox-trot lent*, *slow-fox*...:
Tên các điệu nhảy.

(5) (6) *fox-trot*, *marche*, *one-step*, *fox-trot*, *marche*, *one-step*
Charleston: Tên các điệu nhảy

(7) *Untago dans tes bras*...: Một điệu tango trong những cánh tay em, và trái tim tôi thốn thụt!

- Nhưng ở đây không có đèn điện đỏ như các *dancing* ⁽¹⁾.
- Cẩn gì! Đèn điện đỏ để cho khỏi lẫn vàng với thau mà thôi, cho bọn nhảy tâng khỏi lẫn với *fox-trot lent* ⁽²⁾ đấy chứ!
- Thế *slow-fox* là cái gì?

Thấy câu hỏi ngỡ ngẩn, mọi người giậm chân xuống mà cười, họ bóp mũi ông Tham Lục Lộ mà rằng:

- Mà cứ mang xôi gà đến đây, tao dạy cho. Nó là *fox-trot lent*, tiếng Anh-lê gọi là *slow-fox* chứ gì! Mà hãy đi khắp thế giới xem nước nào còn nhảy *charleston* ⁽³⁾ thì ở đấy mà nhảy. Coi không chốc nữa lại va cả vai vào người ta nhé!

- *Tôi phải biết moi tấn tới lắm rồi đây! Giá không có ta femme* ⁽⁴⁾ đến làm *entrainment* ⁽⁵⁾ cho moi mỗi ngày hai giờ, thì moi có dám liều mạng ngày hôm nay đây! *Moi* học chóng vì moi biết *batrre mesure* ⁽⁶⁾.

- Ừ, như *ma soeur* ⁽⁷⁾, không học *mesure*, thành ra nó cứ *tâtonner* ⁽⁸⁾, dạy lâu quá!

- Ừ, các cô ấy khỉ bỏ đời, người ta dạy cho cách chơi phong nhả, thì mãi mới nghe đấy. Còn thẹn thò e lệ, lúc mới tập thấy tay người ta ôm ngang lưng, cứ cười rú lên! Thế mới biết nước mình, cái gì cũng hèn kém!

- Thôi, chuyện hão mãi, phải giục họ đi chứ?

(1) Dancing: Tiệc nhảy

(2) (3): Tên các điệu nhảy

(4) Ta femme: Vợ anh

(5) Entrainement: Hướng dẫn

(6) Battre mesure: Đập nhịp.

(7) Ma soeur: em gái tôi

(8) Tâtonner: Dò dẫm

Nhưng chẳng bao lâu, lũ ghế bầy cạnh tường đã được thanh thời ngồi yên xem bọn tân nhân vật họ dính sát sạt vào nhau họ nhảy. Loan vờn phượng múa, loan ôm phượng, phượng bồng loan. Tiếng đàn trầm bổng, như đưa nhẹ linh hồn lên cõi Bồng Lai; cuộn giấy đăng xe ném tung lại, kéo dài ra, cuộn cặp nọ dính cặp kia, như sợi tơ hồng giàng chặt cho thêm chặt tấm tình ân ái.

Rồi một cái cúi chào cảm ơn, một cái gật nghiêng tạ lại, một nụ cười xinh xắn, hồi vỗ tay gọn gàng. Rồi cuộc vui càng vui, nhảy xong lại nghỉ, nghỉ chán lại nhảy. Máy anh bồi, anh bếp, anh xe, nhìn chị vú thập thò ngoài cửa sổ, thì lại đưa một câu trêu ghẹo:

- Mẹ kiếp! Khoái lắm nhỉ!

*

* *

Đêm khuya. Đêm càng khuya, cuộc vui càng nồng, vẻ tình càng thắm. Nhảy hết điệu này sang điệu khác, nên nhiều bà, nhiều cô, đến cả nhiều ông nữa, thoái thác rằng sức yếu, phải rủ nhau chuồn vào những nơi kín đáo nói rằng để trốn! Nhưng chỗ đêm khuya ấy mới lắm ngón tài tình...

Bỗng ông Kỹ sư Hóa học nhón nhơ nhón nhác. Ông đập hết túi nọ đến túi kia, dòm chỗ này sang chỗ khác, nhưng không thấy.

- Tôi tìm gì?

- Quái! Cái ví của *mọi* đâu mất rồi!

Các ông bà thấy cái tin dữ dội, phải hoãn cả cuộc vui, và tranh nhau hỏi:

- Trong ví có gì không?
 - Có nhiều giấy má quan trọng, có cả bốn trăm bạc tôi vừa mới lĩnh buổi chiều.
 - Bốn trăm bạc! Trời ơi! Giắt trong mình làm gì cho thêm tội?
 - Tôi vẫn có tính hay quen giắt nhiều tiền trong ví.
 - Cái ví ấy thế nào?
 - Nó không to lắm, màu tím, tôi mua ở *Singapour*.
 - À, tôi trông thấy nó rồi.
 - Ở đâu?
 - Không! Hôm qua tôi thấy *lui* để trên bàn nhà *lui*.
 - Phải đó. Nó chỉ bằng ngón này thôi.
 - Ô! Thế mà mất thì tức thực! Ta nên hết sức tìm cho ra.
 - Nên khám bọn đầy tớ đã.
 - Bôi! Xe! Bếp! Vú! Chúng bay gọi nhau lên cả đây.
 - Anh em ta mỗi người đi một ngả. Nhà trong, nhà ngoài, ngoài vườn, dưới bếp, đằng sau, chỗ nào cũng nên soi thật kỹ. Phải tìm ngay mới thấy.
- Rồi một mặt vài ông khám lũ đầy tớ, một mặt vài ông đi soi khắp mọi nơi. Các bà, các cô thở dài, bàn tán, ai cũng bảo ông ấy không là Kỹ sư Hóa học, mà là Kỹ sư Hóa đại, làm gì lúc nào cũng phải khênh cả gia tài vào mình!
- Không tìm thấy thì tức lắm nhỉ!
 - Rồi cũng thấy. Chỉ quanh nhà này thôi chứ đi đâu mà mất.
 - Nhưng mất cuộc đang vui.
 - Hôm nay nhẩy mệt lắm rồi.

- Ừ, mà tôi cũng buồn ngủ.

- Ngủ thì không phải nhà *thức giả*. Hãy *danser* một lúc nữa đã.

- Không thấy đâu cả, các bà ạ.

Các bà quay lại nhìn ông Kỹ sư Hóa học. Nét mặt nhăn nhó, ông lắc đầu, nói tiếp:

- Đành mất!

- Thế ví ông để ở đâu?

- Tôi để ở túi áo trong. Nhưng lúc ăn cơm nực quá, tôi có cởi ra và treo ở mắc áo trong buồng này. Lúc đang khiêu vũ, tôi cũng vài lần vào đây nghỉ, cởi ra và treo ở đây, rồi ra sân đi bách bộ cho mát.

- Thế thì anh mất vào lúc nào?

- Cô hỏi dở quá! Nếu biết thế thì còn nói chuyện gì!

- Vậy ai vào buồng này mà lấy được của anh?

- Nhiều lúc buồng này không có người, cô ạ. Mà cô xem, cửa ra sân mở thế này làm gì mà chẳng mất.

- Trong ví anh có những bốn trăm đồng?

- Thưa cô, vâng. Bốn cái giấy, mỗi cái một trăm.

- Hay để chúng em góp sức với các anh để tìm cho chóng?

- Cảm ơn các cô. Chúng tôi đã khám lũ người nhà. Các anh ấy lại đang tìm lượt thứ hai nữa. May thì thấy, chẳng may thì chịu mất, chứ biết làm thế nào bây giờ! Để rồi sáng mai tôi lên trình Cẩm, vì cũng may là tôi nhớ cả số giấy bạc, chắc kẻ gian có lấy cũng không nuốt trôi.

- Nếu nhớ số rồi tìm cũng ra. Đứa nào dám tiêu nữa!

- Khuya lắm rồi. Máy giờ rồi, anh?

- Hai giờ rưỡi. Chị buồn ngủ à? Tìm thấy ví rồi lại nhẩy cho đến sáng, cần gì?

- Để mai ngủ như chó chết, me em mắng cho ấy à!

- Ai? Me Ngọc Diệp ấy à? Bà cụ chiều cậu như chiều vong, việc gì mà sợ!

Tiếng giầy lộp cộp ở nhà dưới dồn lên. Các bà, các cô, cùng ông Kỹ sư hồi hộp, xô cả nhau ra hỏi:

- Thế nào? Có tìm thấy không?

Mọi người nét mặt râu rầu, lắc đầu, nói:

- Ngươi!

Ông Giáo sư thì thào:

- Tôi trông thấy thằng xe khác sắc mặt.

Ông Bác sĩ cũng bảo:

- Chính tôi ngờ nó ngay từ đầu.

Ông Huyện Tư pháp rằng:

- Tôi đã hỏi vặn nó nhiều điều, xem chừng nó lúng túng lắm.

Ông Nghè Luật nói:

- Chẳng luật pháp gì bằng cứ giã cho một trận là lời ví ra ngay. Nó không xưng, ta hãy trình lên Cẩm.

Mọi người bàn tán hồi lâu, rồi quyết rằng thằng xe ăn cắp. Người thì tiếc mất của, người thì tiếc mất vui, rồi dăm ba câu chuyện tào lao, ai nấy thấy khuya, bảo nhau về nhà đi ngủ.

*

* *

Sáng hôm sau, thằng xe phải một trận đòn thừa sống

thiếu chết, nhưng nhất định nó không nhận. Gan thì cho chết! Hẳn nó cũng đã biết rằng giấy bạc nhớ số thì khó lòng tiêu nổi, vậy mà nó cứ khăng khăng một mực chối hoài. Có lẽ nó muốn giữ tiếng là người ngay, nên sau khi bị trận đánh ở nhà, nó còn phải điệu lên Cẩm để xét hỏi.

Thằng bồi phải quét nhà thay cho thằng xe. Trong khi đưa đi đưa lại cái ngọn chổi, nó nghĩ đến cái roi đòn bạn đồng nghiệp mới được ném chột dạ. Nó thương hại. Nhưng chột dạ bao nhiêu, thương hại bấy nhiêu, nó phải nghĩ đến phần cơm của nó bấy nhiêu. Nó quét thật sạch, lau đồ đạc bóng, xếp các đệm ghế, khăn bàn cho thật ngay, nó ngắm xung quanh, nó thở dài, rồi xếp lại các tượng đồng, cốc bạc. Nó thu gọn các gối trên mặt ghế đi vắng, nó lấy ra từng cái để đập cho hết bụi. Nhưng nó ngạc nhiên quá, dưới lũ gối con ấy, lại còn một cái ví dầm đen của bà nào bỏ quên. Nó sợ, nhưng mừng thầm rằng cũng may bà ấy chưa kêu mất, vì đáng lẽ bọn nó thế nào, cũng có đứa phải đòn oan về cái ví này. Nhưng tò mò, nó nhìn, nó nắn, nó đoán. Nó chẳng có thể nhận cái ví ấy của ai, vì hôm qua bà nào cũng có ví kiểu này và mẫu ấy. Nó lật đi, lật lại, rồi không biết nó nghĩ thế nào, nó tặc lưỡi, đánh bạo mở ra xem trộm.

Nó nhìn vào trong ví. Nó giật mình đánh thót. Nó run lên, nó sợ quá. Nó rối trí, nó vội dặt ngay ví lại và để trả vào chỗ cũ. Trống ngực nó thình thình.

Trời ơi! Lạ thật! Trong cái ví dầm ấy, nó chẳng thấy vật gì khác, chỉ thấy cái ví tím mà cái nhà ông gì kêu rối lên rằng mất dầm qua!

Vậy thì cái ví ấy của ai? Bà nào, cô nào xấu chơi thế?

19 Septembre 1933

CÁI VỐN ĐỂ SINH NHAI

Rồi sau, nó tìm đến phố Nối là chỗ có thể dễ kiếm ăn. Thực vậy, suốt ngày, ô-tô Hà Nội - Hải Phòng hay Hưng Yên, mấy chục chuyến đi chuyến về, cái nào cũng om ở đấy ít ra là mười phút. Như thế, nó có đủ thì giờ để làm công việc sinh nhai.

- Lạy cụ, lạy ông, lạy bà, thí cho con lưng cơm bát cháo.

Tay chống cái gậy, tay bưng cái rá, nó đi xung quanh thành xe mấy vòng, ngửa mặt lên, miệng nhai mãi câu ấy. Nhưng chẳng kiếm được cái chi để nhai vào miệng!

- Mày lạnh lặn thế này, sao không đi làm đi ăn, chỉ lười biếng quen xác thôi!

- Thừa tiền cũng không cho đến thứ mày!

Người ta mắng nó. Người ta không cho nó. Vì bộ mã của nó làm hại nó. Người ta chỉ trông thấy nó là ăn mày, mà bề ngoài không đui, què, mẻ, sứt, chứ người ta biết đâu là nó không thể làm gì được. Nó cũng là người, nó biết đi xin thế này là nhục. Nhưng làm thế nào được? Khốn nạn! Nào nó có lười biếng gì cho cam? Nó có máu động kinh, lắm lúc đương yên lành tử tế, thì lăn đùng ra đất, mắt trợn lên, bọt mép sùi ngầu. Như thế một lúc, rồi, dù không có ai gọi, nó

cũng tỉnh, lóp ngóp dậy. Lại khoẻ khoắn như thường. Trước đó đã đi ở. Nhưng thấy thế, người ta khiếp nó, đuổi đi, chẳng nuôi nó nữa. Cho nên cả vùng ấy biết nó hay động kinh, chẳng ai dám chứa. Vì lỡ ra nó chết quay ra đây thì tội vạ ai mang cho?

Bởi vậy, nó phải đi ăn mày. Nhưng ai biết bề trong nó bệnh tật như thế? Người ta nhiech nó. Trước mặt nó, người ta cho bà lão lừa một trịnh. Người ta cho thằng bé cụt một xu. Mà nó thì kêu rã bọt mép, chẳng được tý gì cả. Nào có phải người ta bụng chẳng tốt. Chỉ vì số nó chẳng tốt như thằng bé cụt, như bà lão lừa.

Mỗi chuyến xe quay máy, nó nhìn cái rá nhẹ như lúc xe chưa đến, thì nó thở dài. Nó thấy các bạn nó, đứa nào cũng khoe nhau được cái nọ cái kia, thì nó thèm. Thèm bao nhiêu, nó buồn cho nó bấy nhiêu. Nó thua kém đủ bề. Chẳng may trời đầy nó làm kiếp ăn mày, mà lại bắt nó phải lạnh lặn. Gia dĩ đến cái gầy gò xấu xí cũng không được bằng ai! Rõ khổ!

Toe! Toe!

Lại một cái ô-tô nữa sinh sịch đến.

Cũng như mọi bận, nó ra đứng đón trước tiên.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông béo phì thấy nó giúi cái rá vào lưng, mở choàng mắt dậy nhăn nhó mặt.

Muốn nó đừng làm mất giấc ngủ, ông ấy móc túi.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Nó lại nhắc cái lòng từ thiện của ông "quan lớn", chứa chan hy vọng. Nhưng ông ấy nhìn nó, ngấm nó từ đầu đến chân, rồi lắc đầu, bĩu môi, rồi kê cái đầu vào thành xe, lim dim hai mắt. Kệ nó.

- Lạy quan lớn, xin quan lớn một xu!

Ông “quan lớn” nói giọng ngái ngủ:

- Đi mà làm ăn! Đừng lười thế.

Chỉ được có một câu luân lý làm phúc mà nó đã nghe nhẵn cả tai. Biết ông ấy đã lẩm, nó gí cái rá vào lưng người bên cạnh:

- Con lạy thầy khóa, con xin thầy khóa kiểm bữa ăn!

Lúc ấy, xung quanh chiếc xe, một lũ ăn mày cũng đương làm việc. Tiếng xin nheo nheo, ai cũng cố quảng cáo cái bệnh, cái tật của mình:

- Thân con mắt mù chân chậm, làm ăn chả được, con xin ông bà thí cho con đồng trinh!

- Mùa hè bà đóng bè làm phúc, bà ơi!

- Giấu hai con mắt, đôi khó hai bàn tay, con kêu van của ông của bà, thí bỏ cho con bát cháo lưng hồ!

- Ồi đôi ơi là đôi ơi! Giời bắt tội tôi thế này! Lạy quan lớn.

Ai cũng nỉ non. Ai cũng khóc lóc. Cho nên ai cũng được ít ra một trinh Bảo Đại. Nhưng đến nó, thì người ta bảo:

- Cho ông cụ còng kia còn được phúc hơn!

- Mà què đi thì lần sau tao cho!

- Mặc kệ mà, cho mà chết đôi!

Rồi chiếc ô-tô chạy đi. Cái rá của nó cũng như nó, vẫn ngoác miệng ra, không nặng gì hơn trước.

Nó ngồi ở bờ đường, nhìn bọn ăn xin tản mát mỗi người một nơi. Thằng cún tập tễnh với cái gậy, mồm ngòm ngoàm mẩu bánh tây bố thí. Ông lão Cóc nhẩy bằng tay đến gốc cây, móc túi đếm tiền. Bà cụ lò lẩn dải yếm, để cất mấy đồng xu mới xin được.

Nó vợ vắn. Nó nghĩ. Thì dễ nó chịu chết đói chắt?

- Mặt kệ mày, cho mày chết đói!

Nếu nó chết đói, là chỉ vì tội nó lạnh lặn.

- Mày què đi thì bận sau tao cho!

Sao nó không được què? Vả què thì có khó quái gì?

Nghĩ đến thế, nó dậm chân, ghét, thù hai chân tay nó. Nếu nó còn hai chân tay, thì nó sẽ chết đói thực, chứ không phải cầu đâu!

Rồi nó chống gậy đi. Nó đi, đi mãi. Đến các cây bên cạnh đường, nó đứng lại, nó ngẩng. Nó nhìn lên, nhìn xuống. Rồi nó lại đi. Sau, nó đến một cây đa to và cao đảo đổ. Nó lại đứng im. Lại ngẩng, lại nhìn lên, nhìn xuống. Nó bỏ cái gậy, cái rá với cái nón ở dưới gốc. Nó trèo lên. Khó nhọc quá! Nó ôm, nó đập, cố mãi mới lên tới một cành cao. Nó bám chặt, nghỉ một chốc, nhìn trên nhìn dưới. Rồi nó cố leo lên được đến một cành cao hơn.

Đến đây, nó ngồi, buông thông hai chân, vắt vẻo, cúi đầu ngẩng xuống đất. Nó thấy ở đằng xa, những chuyến ô-tô dún dẩy trên đường, thẳng về phố Nối. Hành khách thì đông chật như nê. Nghĩ đến cách kiếm ăn, nó phải quả quyết.

Ở đời, làm nghề gì chẳng phải có vốn? Chẳng phải cạnh tranh? Đi ăn mày, tưởng dễ lắm đấy hử?

Nó thở dài, nó liêu. Nó nhắm nghiền mắt lại, buông phắt hai tay, ngã người ra. Vụt một cái:

- Ối!

Nó rơi đánh bộp xuống đất, nằm còng queo trên cỏ, chỉ kêu được một tiếng ấy. Nó nhăn nhó, rên. Máu chảy thấm cả ra ngoài áo.

Người ta kéo nhau ra mà xem, rồi khênh nó đi. Nó mềm

nhũn, cánh tay lủng lẳng như chỉ còn bám xoàng vào vai nó một tý lấy lệ. Nó chẳng biết gì nữa.

*

* *

Nửa tháng sau, nó lại đội nón rách cũ, lại khoác cái khố tãi xơ xác như tổ đĩa, lại ra phố Nổi để ăn xin.

Trông nó hơn trước thực! Vì vết đau chưa khỏi, nên khi nó bám vào ô-tô, lũ ruồi nhặng cũng bám theo sau nó. Tay phải nó què hẳn, không giơ rá lên cao được. Hai chân nó cũng không mang nổi cái mình nó như trước. Nó phải tập tễnh mới đi được. Mặt mũi, mình mẩy nó hom hem xanh rớt. Đố ai không bảo nó là thằng ăn mày.

- Lạy các ông các bà, thân con què quặt, con xin các ông các bà đồng cơm đồng cháo.

Người ta quẳng vào rá nó đồng xu, người ta chộp miệng, cho nó cái bánh giò ăn dở. Nó vui đời lắm.

Từ ngày kiếm được cái vốn để sinh nhai, nó được mát mặt hơn nhiều, không lo chết đói nữa.

Nhưng mỗi khi trở trời, thì khốn nạn thân nó, nó thấy đau như dấn ở cái khớp xương bả vai và đầu gối. Nhiều hôm, không thể gượng chống gậy mà đi được, nó phải bắt chước ông lão Cóc. Nó ngồi xổm, chống tay trái xuống đất mà lằng vẹo người đi dần dần. Nhưng đau quá, nó nhăn nhó, nó kêu rên, không thể chịu được, đến nỗi ai trông thấy cũng phải động lòng thương.

Nhưng cũng may, ngày nào như thế, nó cũng kiếm được bỏ hơn ngày thường.

24-11-1933

CÁI NẠN Ô TÔ

Về việc mở số cái xe ô-tô của quan Huyện mà bác phó lý sở tại được trúng, thì ai cũng phải buồn cười:

- Thật làm xâm vớ miếng gan!

Ồ! Quái thật! Hai mươi người đánh số, nào ông thừa, nào cụ lục, nào quan nghị viên, nào các thầy chánh phó tổng, chánh phó lý, biết bao người ước mong, thấp thỏm, mà rút cục, cái xe ấy lại vào tay bác phó lý là người không đáng có! Thế mà bác ta chỉ vì sợ quan mà bỏ ra mười lăm đồng để mua một số, chứ nào bác có hám gì đến ô-tô?

Cái xe ấy hãy còn tốt lắm, quan bảo thế. Đáng lẽ ngài đưa lên Hà Nội bán, thì rẻ ra cũng được bốn trăm. Nhưng ngài muốn bày ra cuộc đánh số ở trong hạt cho vui, để mọi người cùng hy vọng có ô-tô bằng một món tiền rẻ đặc biệt.

Cho nên, mười lăm đồng được cái xe, giá vào địa vị chúng mình, thì hẳn mừng quýnh lên mà mua phẳng dầu xăng, rồi vận máy đi diện phố. Nhưng bác phó lý tôi thì cứ băn khoăn từ hôm trúng số đến nay.

Bác đâm lo. Mà lo nhất là món tiền khao xe. Bởi vì những

người thua, ai cũng cho là bác may, ép bác sửa một bữa chén mừng. Bác nể, nên phải méo mặt mà mừng vậy!

Tiệc xong, họ quây quanh bàn đèn. Ông Thừa đang náo nải, gọi bác và bảo nhỏ:

- À, này, bác Phó, bác cũng nên mua cái gì vào tạ quan, mới nghe được. Nhờ ơn ngài, nên bác mới mất ít tiền mà được cái sang trọng như thế này. Nay bác đã thết chúng tôi linh đình, mà bác lờ ngài đi, coi không tiện.

Rồi người xui mua cái nọ, kẻ bàn nên lễ thứ kia. Kết cục bác Phó lý lại phải tạ quan. Vì ngài đã cho bác cái ơn trời biển ấy.

Nhưng mỗi bận bác ra vào huyện, mà trông thấy cái xe của bác để ở sân trại lệ, thì bác lại phát phiền! Nhất là cái mùi xe, trông đằng trước, có đủ cả mắt, mũi, miệng, sao mà nó giống cái mặt người thế! Thôi thì chắc nó còn ngoạm của bác không biết bao nhiêu tiền đây. Nào tiền sộp-phơ, nào tiền dẫu, tiền chữa lại máy, mới đi được. Vì quan bảo:

- Xe này còn tốt. Nếu cứ thay cái bộ máy, thì lại như mới ngay.

Nhưng bác rước nó về làm gì? Ai lại phó lý mà dám chơi nông thế bao giờ?

Dùng nó thì bác chẳng đáng, cái đó đã hẵn đi rồi. Song, bán thì biết bán cho ai được?

Thành ra bác cứ vớ vẩn mãi. Thế mà chưa chỉ người nọ đã gạ mượn, người kia đã tán xin cho đi nhờ. Gớm, khó chịu quá!

Bây giờ bác đã có tiền nào đâu? Vụ gặt vừa rồi, được bao nhiêu thóc bác đem bán rẻ để nộp quan, tạ quan, và chi tiêu về bữa khao xe hết cả rồi, còn gì?

Thôi cũng đành. Bác cứ để xe trong huyện, chứ đem về làm gì? Mà đem về bằng cách nào? Không có tiền mua xăng, không thuê ai vận máy, chẳng lẽ lại sai lũ tuần nó trôi lại mà gánh đi hay sao?

Phiền quá thực! Vợ bác thấy tốn kém, cứ giày vò bác mãi. Rõ đàn bà hay lời thôi. Nó có biết đâu rằng vì cái số bác chẳng may - thôi cũng là thất tài - nên bác mới trúng số cái ô-tô như thế. Thì thà cứ chịu đi, để được lòng quan, được lòng các ngài tai mắt trong hàng huyện. Chứ nay nó nhiech móc, mai nó day nghiền - mà việc đã lỡ ra như thế mất rồi - thì thật oan bác quá.

Chán thật! Ô-tô ô tiếc làm gì cho rầy rà! Bác có vào địa vị dùng được nó đâu, mà sao ông trời khéo oái oăm quá thế?

Ài thấy bác bỏ lặn bỏ lóc cái xe, cũng bảo bác đại, bác phí của. Nhưng có biết đâu là bác dám ra khốn quẫn vì nó mất rồi?

Thỉnh thoảng, gặp ở đường cái chiếc ô tô nào đương chạy, bác nhác trông lên, thấy anh tài xế, thì bác phải xấu hổ. Anh ấy mặc quần tây, áo tây, đội mũ tây, trông oai vệ cứ như ông Tây. Trái lại, bác đi đất, quần áo thì lượt lợt.

Chẳng phải bác không có giấy và áo xống đẹp để mặc đâu. Nhưng ăn mặc làm quái gì? Công việc của bác có cho bác được sắm những thứ sang trọng đâu? Đèn ngay như lý trưởng, lên quan, còn phải tụt giấy bỏ bố đi nữa là phó lý! Thì chẳng lẽ ông chủ thế này, mà người làm công lại thế kia hay sao?

Thôi thì đành liêu. Cứ để cái xe ở trong huyện. Dù quan có giục, có quở, cũng cứ khát lần. Chẳng lẽ ngài chôn chân, bỏ tù hoặc dọa cách cổ để bắt mang xe về hay sao? Làm gì

ngài chẳng hiểu? Thật ra bác đã bị quan huyện đòi lên hai ba lượt để ngài hỏi về việc xe ô-tô. Nhưng lần nào bác cũng bầm:

- Bẩm quan lớn, cho phép con thư thư vài ngày nữa, con xin mang về.

Ấy là nói đồ đòn, chứ bác đã định ngày nào mang về đâu? Không biết quan huyện có ái ngại cho tình cảnh nhà bác hay không, mà bác vẫn thấy ngài bảo:

- Anh có của mà không biết dùng! Mấy trăm đồng bạc mà cứ để phí để hoài như thế!

Bác cũng tiếc của lắm, chứ có phải không đâu? Nhưng biết làm thế nào? Giá ngài ban cho ít dầu xăng, và cho mượn cậu tài xế, thì chả phải bảo, bác quyết chẳng từ mà ngồi phất lên cái đệm lò xo êm êm, và cho cả vợ, cả con đi quần một vài vòng cho hả cái vong linh. Nhưng mà túi nhẹ thì chó hòng cảnh sung sướng!

Thế là bác cứ kệ cái ô-tô của bác cầu vợ cầu vất ở sân trại. Ai trông thấy cũng phải tiếc hộ bác. Quan huyện lại giục, thì bác lại khất lần.

Nhưng ngài thấy bác lúng túng mãi, thì hẳn ngài cũng thương. Một hôm, ngài truyền bác vào nhà tư, và hỏi khê, giọng thân mật:

- Tôi hỏi thực anh, thế anh có muốn dùng cái xe này không?

Bác phó gãi tai, không dám giấu:

- Bẩm lay quan lớn, cảnh nhà con thực bần cách, con không thể dùng được ạ.

- Thế thì sao anh mua số làm gì?

Bác phó thấy quan phân nản hộ mình thế, biết là vì bận nhiều việc, nên ngài quên bẵng ngay câu ngài đã bảo bác độ nọ: “Anh nhà khá, phải lấy một số”.

Nhưng nhắc lại câu đó làm gì? Bác thưa:

- Dạ!

Ngài dịu dàng nói:

- Thế thì anh để xe không cũng vậy, mà nó đến hạn đến giờ, rồi hỏng đi, thì tôi cũng tiếc. Vậy tôi cho lại anh năm đồng. Chứ chẳng lẽ mất tiền khoảng không, mà không được dùng xe, thì tôi không đang tâm, hiểu chưa?

Câu nói nhân từ ấy có gì là khó hiểu. Bác phó mừng như nở nang khúc ruột, đáp:

- Dạ.

Quan nói:

- Nhưng mà anh để cái xe này tôi dùng, hiểu chưa?

Câu nói ấy cũng rõ ràng như câu trên, nên bác phó hiểu ngay, bèn gãi tai đáp:

- Dạ.

Bác mừng quá. Rũ được cái nợ ra, bác thấy nhẹ cả mình!

Muốn tạ lòng thương người của quan phụ mẫu, bác cảm động, vái dài một cái, rồi hôn hờ ra về.

Đi đường, gặp người quen, bác khoe cái việc may mắn này, và nói:

- Nếu quan không thương tình, thì tôi bị cái nạn ấy những hơn sáu chục bạc!

BÀ CHỦ MẤT TRỘM

Bà chủ là một me tây đủ cung cách. Nghĩa là bà cũng có một đôi má chầy, một cái mồm đỏ, một hòm khăn châu áo ngực, và một thằng bếp đẹp trai. Bà lại còn có cái kèn hát chạy điện, cả ngày vô tình làm phúc cho hàng xóm được nghe nhờ, từ điệu nhảy đầm đến bài niệm Phật.

Bà đã ngoại tứ tuần, mà xuân sắc chưa hề giảm bớt. Vì nhờ có đôi giấy cao gót, bà hầy còn đủ cả đằng trước lẫn đằng sau.

Tuy vậy, từ ngày quan chủ về quý quốc, không sang nữa, thì bà nhất định cấm cung, “mét-xì” cả đánh chần và đi xem chiếu bóng. Bà thay hai thứ tiêu khiển ấy bằng quyển truyện và cái kèn hát. Vậy nên bà bảo:

- Thế mới biết Tây người ta nói “phú quý sinh chữ nghĩa” là phải. Chẳng giấu gì ông, từ ngày đánh bạn với quan nhà tôi, tôi mới được học. Thành ra bây giờ, sách tây, sách tàu, tôi đã được xem qua. Nhưng tôi suy nghĩ, không quyển nào có giá trị bằng bộ La Thông Tảo Bắc.

Rồi bà móc trong tủ chè, lấy ra một chồng sách. Hay nói

cho đúng, một vật làm bằng giấy, có trộn lẫn mùi mồ hôi và phấn hồng.

Bà đóng kín những năm còn lại vào một gian nhà có chấn song sắt, có chuông bấm và có cổng hậu.

• Cả phố, ai cũng phục bà là người chân tu. Vì ngoài ngày Rằm, mồng Một, bà đi lễ, đổ ai còn gặp mặt bà ở đường.

Những người biết rõ bà, thì lại khen cách khác:

- Thực là đàn bà hiếm có, quảng giao mà tháo vát đủ việc.

Bà đã bảo lập cái điện ngay trên gác nhà bà. Nhất là thời thường, dăm bảy ông Tây, bà đầm đến dự tiệc, khi về, ai cũng tươi cười, bắt tay, cảm ơn bà rất vui vẻ.

Một người như thế, ai chẳng kính nể?

Thế mà một buổi sáng mùa đông, người ta thấy hàng phố xúm đông đở trước nhà bà, kiếng chân, há mồm, cố dòm vào. Ông đội sếp vút lia lịa.

• Thì ra bà bị mẻ trộm to, mới hồi năm giờ rưỡi.

Cảnh sát, mật thám tức tốc tới nơi. Nhưng quân gian chỉ để lại có sự mất tiền.

Các nhà chuyên trách khám xong, bước một chân lên ô tô, còn quay lại, an ủi:

- Bà cứ yên tâm. Việc ai, chứ việc bà, thì chúng tôi xin cam đoan trong một tuần lễ sẽ bắt được thủ phạm. Rồi bà muốn trị tội nó bao nhiêu năm, quan tòa cũng chiều ý.

Bà cảm ơn bằng một nụ cười héo hắt, xanh nhợt, hàm tiếu trên môi chưa kịp bôi sáp.

Ai thấy bà lúc ấy mà chẳng ái ngại. Nhất là bao nhiêu sự

lo lắng, sự sợ hãi, lộ cả trên bộ mặt trần truồng, thì đến những quả tim sắt đá cũng phải rung chuyển.

Bà đã tưởng mang những đức tính hiền hòa, thờ chồng trong khi xa vắng để mà mua chuộc lòng người, cho số bạc trong tủ kết được yên nghỉ. Ai ngờ nghĩ một đằng, đi một nẻo. Bà mới biết lời quan ông thường nói khi trước là chí lý.

- Giống An nam là giống nói dối và ăn cắp. Mày không nên tin ai, nhất là đối với những kẻ đầy tớ, càng nên cẩn thận.

Vì thế, đến buổi trưa, mấy chức vụ đến xích tay một xóc người An nam: thằng ở, con đòi. Tuốt, tuốt.

Một chuỗi phóng viên chực sẵn ở cửa, nhìn bọn kia bị bắt bằng con mắt khinh thường, tí hí trong cặp kính trắng có lẽ là cận thị. Vì không được phỏng vấn bà, bọn ấy đành chịu điều tra, cốp nhặt đó đây một vài tin tức. Rồi lên mặt ông quan tòa cao đoán, và nhà từ thiện cao tay, theo thói quen, họ viết một bài bốn cột, mà văn chương có giá trị hơn sự thực. Cuối bài, độc giả còn được tráng miệng bằng đoạn buộc tội, và đoạn luân lý thết không:

... Một người đàn bà phúc hậu, hiền từ như cụ chủ, mà bị mất trộm, thì ai không ái ngại, và tức cho bọn đầy tớ bất lương, đồng đảng với kẻ gian phi.

Một lẽ các cửa ngõ nhà đều đóng kín nguyên, duy có số bạc hơn một nghìn và chiếc nhẫn kim cương trong nhà không cánh mà bay, cũng đủ để khép lư ông sống trong tay áo vào tội nặng được.

Ôi! Tiện đây xin nhắc nhủ bà con thành phố ta, từ nay có nuôi người nhà đầy tớ thì nên xem xét tông tích cho cẩn thận.

Nhưng chẳng bao lâu thủ phạm và đồng phạm sẽ cùng nhau đọc kinh sám hối trong nhà pha. Lưới pháp luật chẳng để ai thoát bao giờ.

Chính thế. Lưới pháp luật có hở mắt đâu, nên bọn phạm tội biết lách chỗ nào mà ra khỏi? Cho đến người lương thiện lỡ sa phải cũng khó lòng lọt được nữa là!

Bọn đây tố cố nghềnh cổ, dài môi, để kêu oan. Song, ai đại gì mà tin chúng. Hễ chính thủ phạm bị bắt, thì sẽ biết trắng đen. Trong khi đợi thuyền chài chằng lưới, kéo lưới, thì chúng cứ việc chịu khó nằm yên trong buồng rệp.

Ba tháng đã qua.

Màn bí mật vẫn đóng kín, lấp những việc tà khuất bên trong. Con mắt những nhà trinh thám vẫn mãi mãi trên cổ tổ tôm hoặc trên các mặt phăn, nhưng cũng không đủ sức để nom thấu.

Vì rằng muốn mở chiếc màn đó, chẳng nên hấp tấp, cứ từ từ kiểm lấy cái chìa khóa, khe khe cho vào ổ, rồi vặn. Chỉ một chốc, là trong bóng tối, trên thảm nhung, ta im lặng mà xem sự thực bày ra trước mắt.

Nhưng cái chìa khóa quý hóa kia, kiểm đâu ra?

Có người thì thảo:

- Nó ở trong túi bà ấy. Bà có quyền dùng nó, như dùng cái chìa khóa kết của bà.

Nhưng nào bà có hớ hênh mà dùng đến nó?

Vì trước cái buổi sáng nặng nề mùa đông kia, bà có khách. Một ông khách người làng, bà bảo thế, trẻ tuổi, vạm vỡ, mặc quần áo tây, được bà tiếp đón rất long trọng.

Trong nhà, đèn lửa sáng choang, kẻ hầu người hạ tha

hồ mà bận rộn, mà lập công, mà ăn bớt, mà ăn vụng và phải mắng.

Chả mấy khi, tủ “ích-phê” mở cửa, bao tiền mở miệng, tội gì chẳng thừa hưởng chút thừa thãi của bữa tiệc vui mừng.

Chủ khách trò chuyện, nói cười ở nhà trên, thì ở nhà dưới, câu trao đi, lời đáp lại, cũng chẳng kém.

Chín giờ: Hơi men đã nồng. Tình “thiên lý tha hương ngộ cố tri” như một cái dây kéo hai chiếc ghế đối diện sang một phía. Tiếng nói khê dần, hai đầu phải châu vào nhau mới đủ nghe thấu.

Mười giờ: Cuộc rượu đã tàn. Dây thân ái thắt chặt thêm một vòng, kéo cả một chân khách lên đùi già nẫu của chủ. Tiếng nói không thấy nữa, nhưng bốn mắt nhìn nhau: Sự im lặng còn nói nhiều gấy mảy.

Mười một giờ: Ngọn đèn mờ tỏ, gió động bức màn tuyn.

Chủ khách bấy lâu khao khát gặp mặt, chẳng lẽ bỏ phí thì giờ. Mà cái dây kia cứ thít mãi, cứ thít mãi. Thì chẳng mấy chốc, giữa cái lặng lẽ thiêng liêng của ban đêm, hai tấm thân một già một trẻ, lẫn lộn với nhau như một...

Con chuột rúc. Con mối chếp môi. Chúng cũng muốn hưởng cái thú vị của bóng tối.

Nhà dưới, vú già, anh bếp, thằng xe, con sen, hồn thơ lai lán, to nhỏ câu chuyện mùi soa lựa, thất lụng sôi.

Rồi, khoảng đêm trường như miếng vải đen, dày kín lấy từng ấy phiến thịt...

Nghề đời, tức nước thường vỡ bờ, hay nói nôm, cái dây bền đến đâu, bị co lăm cũng phải đứt.

Cho đến cái dây mạnh mẽ, vô hình, buộc những người trong nhà bà chủ, đôi một vào nhau, đến năm giờ sáng cũng phải đứt phụt!

Thằng xe mở mắt. Con sen đã biến đâu rồi.

Anh bếp choàng tỉnh. Vú già chẳng thấy đấy nữa.

Bà chủ tỉnh giấc mơ màng, chỉ thấy mình trên đệm, mà cạnh mình, họa chăng còn lại vết trũng, ghi tích của một xác thịt nằm bên.

Như ngày thường, bà đưa mắt nhìn ra tử kết. Thi, chao ôi! Bà thấy nó há hốc mồm ra, hãy còn tỏ vẻ ngạc nhiên, vì không phải bàn tay quen mở nó.

Tính bà điềm đậm, chẳng la ó om sòm, chỉ lẳng lặng lên sờ mật thám, xin người đến làm biên bản một vụ trộm quan trọng.

2-1934

ĐÀN BÀ LÀ GIỐNG YẾU

Sau năm năm chuyên môn khảo cứu các thờ thị đàn ông, cái Bống đã biết đặt cái sắc đẹp của mình vào những cuộc khai mở.

Quả tim nó chẳng là cái bắp thịt đỏ hồng, thoi thóp, cảm động nữa. Quả tim nó đã biến thành một gian buồng nhỏ, bọc sắt, có ống thu lôi, trong đó chứa chất biết bao nhiêu hy vọng của những anh chàng đại đột, nhìn đời qua cửa sổ nhà trường, tay cắp sách, miệng lẩm nhẩm, nhắc lại câu: *Đàn bà là giống yếu*.

Một hôm, trong rạp hát, giữa chốn tối tăm, nó đã mỉm cười, đem quả tim quý hóa đó, nũng nịu đặt vào lòng một quan phủ góa vợ, mà một bước lên chức bà lớn nghênh ngang.

Hình như trời đã đặt một cái khuôn riêng để đúc nặn các người làm bà lớn. Nên chẳng mấy chốc, bà chủ đã được đúng kiểu mẫu. Chỉ riêng bộ mặt cũng đã long trọng. Người ta tưởng chiếc bánh dày đám cưới, ở giữa đặt một quả chuối ngự, và ngay đầu quả chuối, nằm dài hai múi cà chua. Rồi khi hai múi cà chua tách ra để theo nhịp với cặp mắt híp,

đưa quan ông vào chôn nát bàn, thì ai cũng phải thấy một cái hố sâu thăm thẳm, sâu như bụng dạ đàn bà!

Song, quan ông lại có cái hình thể khác hẳn. Vì ở người ngài cái gì cũng cong, từ cái sống mũi đến cái lưng tâm, từ cái lưng đến cái xử kiện. Tuổi đã già mà ái tình còn trẻ. Ngài mua được người ngọc ở chốn thành thị về để hầu hạ sớm khuya, thì thỏa chí lắm. Ngài quyết từ nay không chê bai những món lễ nhỏ quá, để làm sao có đủ tiền cho người yêu tiêu xài phung phí.

Thường, những buổi chiều tà, khi bức màn đen lóng lánh kim cương rủ xuống để che kín vũ trụ, trong vườn hoa, trước tư thất, quan ông quan bà nhỏ to trò chuyện như một cặp nhân tình.

- Thế nào? Mai là rằm rồi, bà đã sửa soạn ra đèn chưa?

- Đã đem dầu vào làm tôi con Thánh, thì tôi quên làm sao được. À, ông này, thằng hai Chinh, tôi tổng cổ nó đi rồi. Ai lại cung văn mà toét mắt, bản như ma. Lắm khi nửa giá châu, chán quá, tôi phải thẳng ngay lập tức.

- Đuổi nó đi, đến mai, lấy ai hát cho bà?

- Đã hơn nửa tháng nay, vợ lý trưởng sở tại đã cho gọi nhà phó Bái thay rồi. Thế mới gọi là cung văn chứ. Đàn ngọt, hát hay, lại nhanh nhẩu, sáng sửa. Thằng này khỏe mạnh, vạm vỡ, ăn nói có duyên, chứ chẳng hom hem như thằng chết giấm trước đâu.

- Dễ thường tôi hom hem thế này, cũng là tuồng chết giấm nhỉ!

- Chết nổi! Ví mình với thằng cung văn! Sao ông đại thế? Thật từ ngày hầu hạ ông, tôi như người đi xa về tới

nhà. Chẳng cần phải lâu son, gác tía, tôi mới được mãn nguyện. Đời tôi chỉ mong có hai điều: Một quả tim và một túp lều tranh.

- Còn thiếu một cuộn giấy bạc nữa là ba mới đủ!

Quan ông vừa nói tiếp, vừa lả lơi cười, rồi ôm chầm lấy quan bà: Một con nhái bén bám vào một quả dưa chuột!

- Đừng giận nhé. Thế bà có yêu tôi không?

- Gớm nữa! Lẩn thần lắm! Đàn ông chỉ hay bịa ra những câu hỏi để đàn bà chúng tôi phải bịa ra những câu trả lời! Có! Rồi sao nữa?

Quan ông đứng dậy, cầm tay quan bà, dắt vào nhà, đóng cửa lại, qua bậc cửa buồng, gài then kỹ lưỡng. Rồi, dưới bộ ria mép như một cái mũ nổi úp chụp lấy cái miệng chúm chim, quan để nở ra một nụ cười... móm.

- Rồi thì.. Bà còn đợi gì nữa.

Quan bà ổng ẹo, đưa cặp mắt lờm yêu chồng, thở thê:

- Nhưng mà thế thì rét lắm.

Năm phút sau, dưới ánh đèn treo trong phòng, hiện nguyên hình bộ phận một người như hồi sơ sinh các bà mẹ nặn.

Cứ thế, những cảnh nồng nàn yêu dấu của hai linh hồn sắp nguội, mỗi buổi chiều lại diễn ra, đến nỗi mấy con thạch sùng cũng phải đánh ghen mà tặc lưỡi.

Cứ thế, ngày giờ trôi qua, quan phủ say tí, không còn nghĩ lại quang đời dĩ vãng vấy bùn của vợ nữa.

Thời gian cùng một tay vẽ những vết nhăn trên trán người đời, lại đem khăn lau xóa hết những sự xấu xa ô uế

trên mặt họ, để cho ai, tới lúc chết, cũng được anh em đọc điều vãn kẻ công trạng và đức tính lúc còn sống.

Đến một hôm đông tố.

Mưa đổ. Gió gào. Trời lạnh buốt. Quan lớn đi bắt xóc đĩa, mãi khuya bì bõm với về tới dinh. Bước chân vào hiên nhà tư, quan sung sướng nghĩ tới cái giường đệm bông, cái lông ấp thịt, thì lại quên hết cái nổi khó nhọc xông pha. Mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào. Cơn đông mỗi lúc một dữ.

Bỗng một luồng gió đánh bật cánh cửa, tung ra ngoài một cái bóng đen, xô cái bóng nhanh tí ra phía vườn, bắn nó vào quãng tối tăm mờ mịt.

Hồn vía chưa đến nổi lên mây, nên quan lớn còn có can đảm chạy ngay vào trong nhà.

Buồng bà lớn còn hé mở, có ánh sáng chiếu ra. Quan vội vớ đáy cửa vào, thì chao ôi! Cơn gió bên ngoài không ngờ mạnh đến thế. Nó chui khe cửa, làm tung cả chăn đệm trên giường, làm xô cả tóc bà lớn, làm tốc cả áo quần bà lớn, để lại trên tấm thân ngà ngọc có một chiếc áo sơ mi.

Bên ngoài, mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Dẫu người đàn độn đến đâu cũng đoán được tấn kịch vừa xảy ra trong buồng ấm cúng này, nữa là quan lớn “đèn trời soi sét”.

Quan chẳng còn nghĩ nổi quần áo ướt, khuynh hai tay vào háng, trừng mắt nhìn vợ.

Khác hẳn những kẻ có tội, bà điềm nhiên, lên giường, quần chăn nằm ngủ.

Quan không sao ghìm được cơn thịnh nộ, áp lại gần, chỉ ngón tay dẫn deo, rít lên:

- À, con này giỏi thực. Mày không coi ông ra gì. Vắng mặt ông một tý, mày đã rước trai vào...

Bà đưa mắt nhìn ông một cách ngạo ngược, ngất lời:

- Tiếc thay, ông biết chậm quá rồi, ông ạ. Bây giờ ông mới bắt được thì ông ngu quá. Đã hơn nửa tháng rồi cơ mà!

- Mày trêu gan ông! Ông thì cho mày vào tù!

Bà ngồi nhồm dậy, nhìn chính giữa mặt ông, cười rũ rượi:

- Úi chà! Dễ nhỉ! Xin quan lớn đừng lôi đình. Khỉ lắm!

- Ông thì bắt cả nhà mày cho mà xem. Nuôi ăn cho béo để giờ quê.

- Ông nuôi tôi béo? Thế tôi có trả công ông không? Bên mua, bên bán, ông có quyền gì mà hạch? Ông nên biết, cái quyền tự do của tôi, ông đã cướp mất...

- Quyền tự do của mày? To nhỉ! Ông có nhốt mày không cho mày ra ngoài đâu mà mày bảo mất tự do?

- Phải, ông chẳng đóng cửa cấm tôi đi lại, song cái thân tôi, ông đã nhét vào bốn bức tường trát bằng giấy bạc trộn với cơm, ông có biết không?

- Ai bảo mày đâm đầu vào?

- Thế ra ông không cảm ơn tôi đã cho ông biết những khoái lạc mãn kiếp ông cũng không biết à? Tôi đã mở đường mở lối cho ông đi, ông không biết mà còn toan giở mặt. Đồ vô ơn!

- Con bé này thực không coi ai ra gì nữa?

- Tôi đã bảo ông rằng, tôi cho ông lợi dụng tôi để chóng được thăng, ông không hiểu, thế thì tôi cũng phải lợi dụng ông. Ở đời này, ai không thừa cơ lợi dụng là khờ.

- Gớm thật! Mày dạy ông luân lý thế phải không?

- Tôi còn dạy ông hơn nữa. Ông đừng có lòi thoi vào tôi. Đây, bây giờ, tôi chạy ra trại cơ, trại lệ, ngoài phố, gõ cửa nhà từng đứa mà bảo: “Dậy mà xem. Bà phủ ngủ với trai ngay bên cạnh mũi quan phủ”.

- Ông cấm mày nói!

- Cấm thế nào được? Tôi chỉ bán cho ông cái phiên thịt của tôi, chứ có bán đâu cái tự do?

Câu nói buống bình làm tắc cơn thịnh nộ của quan ông. Cái búi tóc bí mật sau gáy, giá biết cử động, chắc cũng phải xổ ra mà ngổng lên trời, làm thành cái dấu ngạc nhiên.

Bà lớn được thế nói tiếp:

- Cái sung sướng của tôi chỉ là cái vỏ, cũng như chiếc áo lụa mầu này, ai biết đâu gói chặt một tấm thân nát bét. Chữ “tử tế” của ông bêu lên cho mọi người, giá viết nó là “bất bĩ”, mà đọc là “bóp nặn” thì đúng hơn. Tôi cứ nói. Rồi tôi đi khắp chỗ quen thuộc, bạn bè bởi ông, báo với họ rằng: “Mười mấy lần, bà phủ ngủ với trai, ngay trong buồng quan phủ”.

Câu sau cùng, bà thông thả dần từng tiếng, nghe chừng đã có công hiệu. Ông thì như bị từng ấy nhát búa nện vào chỗ yếu, vội vã sấn lại, lấy tay bịt miệng bà:

- Có khê chứ không?

- Việc gì phải nói khê! Người ta chỉ nói khê những điều nói dối, những câu ân ái thối. Chứ những lời nói thực, phũ phàng, thì việc gì phải nói khê.

- Nhưng bọn người nhà nó biết thì sao?

- Thì nó sẽ bảo ông là thằng mù, thằng ngốc.

- Nỡ nào bà để chúng nó chửi tôi?

- Tại ai? Ai giở mặt trước?

Quan ông đầu dụ:

- Trong lúc nóng nảy, nghĩ càn, bà chấp làm gì!

- Ông đã biết lỗi rồi chứ?

- Vâng, thì biết lỗi.

- Chưa xong! Ông phải chuộc lỗi mới được. Lấp mồm tôi, ông phải kiểm cái nút.

- Bằng gì nào! Bằng giấy “đỉnh” nhé?

- Không thêm!

- Bằng kim cương nhé!

- Thừa rồi.

- Bằng ngọc thạch nhé?

- Tôi chẳng thiếu!

- Thế biết bằng gì bây giờ?

- Ông không đoán ra à? Ông không nhớ chủ nhật trước, đi chơi Hà Nội, tôi trở cho ông cái ô-tô “Fo” mà chê: “Vợ chồng lão phủ xoàng lắm” đấy à? Ấy, nút mồm đấy.

- Chết chữa? Bà điên rồi sao? Mong chừng cái ấy, đào đâu ra?

- Đào trong ruột những thằng dân của ông, chứ còn ở đâu nữa! Ông quên rằng ô-tô của bọn các ông chẳng phải chạy bằng ét-xăng, mà chạy bằng mồ hôi nước mắt của dân đen à? Ông ngu lắm, hèn lắm!

- Chả hèn lại thua!

Nói xong, ông ôm lấy bà, nhưng lại bị hất ra:

- Gớm chết! Ướt như chuột thế này. Ông có ừ không đã?

- Thì ừ chứ sao?

- Được rồi. Nhưng hôm nay tôi hãy phạt ông đã. Ông để tôi một mình đêm nay. Thằng ranh ban nãy làm mình mệt lử ra... Chứ như ông ấy...

Nói xong, bà cầm tay quan ông dắt ra ngoài, đóng sập cửa lại. Bà còn văng vẳng nghe quan ông hỏi câu sau cùng:

- Gượng đã. Ban nãy bà bảo mười mấy lần?

- Mười bảy lần.

Bà trả lời liều vậy. Chứ bà còn đương tưởng tượng đến cái xe hòem nó nhẹ bộ răng kèn sáng nhoáng ở đằng mũi, để cười, cười ông sẽ đưa bà đến chỗ phú quý vinh hoa hơn...

2-1934

TÔI CHỦ BÁO, ANH CHỦ BÁO, NÓ CHỦ BÁO

Thưa các ngài, tôi xin giới thiệu với các ngài là đã một phen tôi làm chủ báo! Cái vinh dự ấy tôi không ngờ ngẫu nhiên lại có, bởi vì tôi tự biết sức học như tôi, còn xách dép cho những hạng viết báo mà các ngài cho là “tàng” bây giờ.

Nguyên khi tôi mới được hưởng cái gia tài năm ngàn đồng của cha tôi để lại, thì tôi ly dị ngay cái ghế lớp năm thứ nhất của một trường tư tại Hà thành.

Tôi về nhà quê ở, cũng rắp xếp bút nghiên theo thú điền viên, mơ mộng muốn như các cụ ta ngày xưa, hưởng sự thanh nhàn mà ngâm hoa vịnh nguyệt. Song vì mình mới tuổi vào hạng cậu, nên những thơ văn tôi làm... nói vô phép các ngài - nó “khẩn” lắm! Nhưng khốn nỗi ở đời giá mình “khẩn” mà tự biết mình “khẩn” thì còn làm gì có những hạng “bò sữa” như tôi! Ngày ấy tôi tự đắc làm thơ văn mới tập mà đã nẩy tài, nên rất sính làm, mà động làm xong bài tuyệt tác nào - bởi vì bài nào tôi cũng cho là tuyệt tác - thì gửi ngay lên báo “Đời Nay”, là báo tôi mua năm, khẩn khoản

nhờ ông chủ báo đăng cho. Được báo đăng, tôi càng tưởng tôi là thi sĩ đến nơi rồi, không ngày nào không để ra được một bài tuyệt tác!

Tôi đang tưởng tượng tôi là một tay tai mắt trong làng thơ, mà cả nước không lạ gì tên và biệt hiệu, thì tình cờ một hôm tôi tiếp được một bức thư, mà vì bức thư ấy, tôi càng phóng đại cái giá trị của tôi già! Cái phong bì ấy đề tên tôi, trên có in hiệu tòa báo "Đời Nay". Tôi tuy ngạc nhiên nhưng mừng quỳnh, vội bóc ra coi.

Nội, ngày 18 Avril 1928

"Thưa tiên sinh,

"Lâu nay, tiên sinh quá yên bản báo mà thường có cho đăng những bài nhả ngọc phun châu, bản báo lấy làm thâm tạ cái thịnh tình ấy lắm.

Vậy muốn đáp lại tấm lòng quý báu, bản báo chủ nhiệm định đến chủ nhật này thì thân hành đến quý thự, để được hội kiến và hầu chuyện tiên sinh.

Nếu tiên sinh có bận gì, xin cho bản báo biết trước.

Kính chúc tiên sinh cùng quý quyến vạn an"

Ký tên.

Ra tôi danh giá thế kia đấy! Thì ra ba chữ tên LÊ HÙNG DŨNG của tôi cũng to lắm chứ, nào có vừa đâu! Tiên sinh ư! Nhả ngọc phun châu ư! Thâm tạ ư! Thịnh tình ư! Tấm lòng quý hóa ư! Bản báo chủ nhiệm thân hành đến quý thự để hầu chuyện tiên sinh ư! Trời ơi! Tôi đến chết ngạt về sung sướng mất! Hãy hỏi ngay các ngài đây, các ngài thỉnh

thoảng có đăng một vài bài lên báo, các ngài đã được hưởng cái hạnh phúc như tôi chưa?

Tôi gọi là hạnh phúc là đáng lắm, vì ngờ đâu một cậu học trò mới bỏ học, đã được một ông chủ nhiệm một tờ báo lớn quá yêu tìm đến tận nhà mà "hầu chuyện". Hẳn là chưa. Vậy tất tôi có cái gì đặc biệt hơn các ngài, các ngài phải chịu câu nói ấy trước đã mới được. Không chịu nhau, nghe sao được chuyện của nhau.

Cho nên tôi bắt dọn dẹp nhà cửa, đường đi ra vườn ao thật sạch sẽ ngay từ mấy hôm trước, để khỏi phụ lòng hạ cố của vị quý nhân. Đến hôm chủ nhật ấy, giá ai các ngay một cái gia tài năm ngàn nữa để nhờ tôi đi vắng, thì tôi cũng lác dẫu từ chối, bởi vì con người ta, chắc các ngài cũng hiểu thế, dù lợi rồi thì phải thêm danh. Ấy, ông Hàn, ông Nghị cũng chui ở lỗ ấy mà ra cả.

Ông chủ nhiệm tử tế lắm. Tuy tôi ít tuổi hơn ông, nhưng không câu nào ông không dùng chữ tiên sinh mà gọi tôi. Khoa ngôn ngữ của ông thật là giỏi, giỏi đến nỗi lúc ông về, tôi đắm mê ông và nhớ ông.

Ông khen tôi thơ văn được công chúng rất hoan nghênh, đến nỗi nhiều độc giả phải viết thư về tòa báo hết lời ca tụng. Ừ, mà ông ấy nói có lý lắm. Chính tôi cũng tự biết là thơ văn của tôi bài nào cũng tuyệt tác, một đôi khi, tôi thấy nhiều câu còn đặc sắc bằng mấy thơ các cụ Yên Đỗ, Tú Xương.

- Tiên sinh phải làm ra báo mới được. - Ông chủ nhiệm nói thế - Nếu cứ ở nhà quê mãi, thì cái đại tài đến mai một đi mất!

Tôi cảm động thở dài, ông lại nói tiếp:

- Tiên sinh phải để cái sự nghiệp về sau! Ở đời không nên tự túc. Ngay như tôi, nếu tự túc, thì cứ việc ăn no ngủ kỹ như tiên sinh, còn ra làm báo làm gì cho nhọc xác. Khốn nỗi quốc dân mình ngu lăm, nếu bọn mình là hạng thương lưu trí thức, mà không xuất đầu lộ diện để đưa đường chỉ lối cho họ, thì không đành lòng. Tiên sinh nghĩ sao?

- Ngài nói chí phải!

- Tôi mà được tiên sinh cộng tác, thì tôi thật là toại nguyện!

Tôi sung sướng hỏi:

- Ngài muốn dùng tôi?

- Không, tiên sinh cộng tác cùng tôi, nghĩa là anh em ta cùng đem hết sức tài lực vào để khuyếch trương tờ báo cho ngày được hoàn toàn. Tôi vẫn bàn với anh em trên Hà Nội, mà chính ra họ cũng đồng ý với tôi cả, là giá mời được tiên sinh ra chuyển này, thì chỉ trong nửa tháng, các báo khác đến đổ hết!

Ồ! Quái! Ra không những tôi giỏi văn, lại kiêm cả giỏi võ! Không trách họ bảo một bài thơ có thể hàng được quân giặc, thì hay đâu, thơ văn tôi cũng có sức khỏe lạ thường đến như thế?

- Một mình tôi chủ trương một tờ báo lớn mỗi ngày xuất bản ngót vạn số, tôi thấy bất lực tiên sinh ạ. Cho nên mục đích tối hôm nay tôi về đây, là để mời tiên sinh ra làm báo với tôi. Tiên sinh nghĩ sao?

- Ngài nói vậy, chúng tôi cảm tạ, còn như có làm hay

không, tôi không dám nói trước, bởi vì trên còn cụ tôi, tôi còn phải hỏi ý kiến.

Ông chủ nhiệm bữu môi, cười và vỗ vai tôi:

- Ô! Tiên sinh cẩn thận quá! Tiên sinh đã có địa vị, thì công việc của tiên sinh, các cụ làm gì mà can thiệp vào nữa. Nghĩa là tiên sinh chỉ cần nói cho các cụ biết rằng bây giờ tiên sinh định thế ấy, thế nọ, chứ các cụ có phép nào cấm! Tiên sinh nghĩ tôi nói có phải không?

- Vâng, ngài nói chí phải!

- Ô đời không nên để lỡ cơ hội. Mà tôi thấy nhiều tờ báo, họ viết không sao ngửi được thế mà bán chạy, có tức không! Thực họ làm học trò mình không đáng, thế mà thỉnh thoảng họ lại dám nói hỗn cả với mình. Rồi biết đâu, những bài thơ văn tuyệt tác của tiên sinh mà cả quốc dân hoan nghênh, họ không vì dốt hoặc không hiểu, đem ra bẻ một cách vô lý.

Bẻ thơ tôi! À, liệu hồn tờ báo nào đấy nhé! Phen này mà tôi ra thật, thì lại không đóng cửa sớm à!

- Thế thì tức lắm nhỉ!

- Vâng, tiên sinh phải biết quốc dân không có định kiến, thật đúng như đàn cừu. Báo khen ai, là họ phục người ấy, báo chê ai công kích, thì giá trị to đến đâu cũng phải tiêu!

Tôi lại hiểu thêm một tí về tâm lý quần chúng.

- Vâng ngài nói chí phải!

- Cho nên tiên sinh không ra chuyến này thì không xong. Tiên sinh đừng để độc giả phải thất vọng, làm báo bây giờ, những hạng có học, có tài như tiên sinh thực là hiếm có lắm. Cho nên tôi dám đoán trước với tiên sinh, rằng tiên

sinh chỉ làm trong ít lâu thì báo “Đời Nay” hẳn mỗi ngày phải in đến vạn số! Chúng tôi mong tiên sinh lắm.

*

* * *

Muốn cho các ông ấy khỏi mong, và độc giả khỏi thất vọng, tôi bèn ton ton xách va ly lên ngay Hà Nội để làm báo “Đời Nay”. Ngay hôm tôi nhận việc, trên lá nhân tờ báo ấy, đã thấy in ba chữ tên tôi, với các chức “Phó chủ nhiệm”, là cái chức giá trị thứ hai trong tòa báo rất xứng với món tiền bốn ngàn tôi vừa bỏ vào kết ông Chánh chủ nhiệm.

Làm phó chủ nhiệm, thực dễ như ăn gỏi. Ngày diện quần áo tây rõ ngất, đeo cặp kính trắng không cận thị mà cũng không viễn thị, hai buổi cấp cái cặp da, trong đựng ít giấy má từ đời nào, không can hệ lắm đến việc báo, mở cửa vào nhà, qua tòa soạn bắt tay hết ông chủ bút đến các ông trợ bút, rồi sang buồng ông chủ nhiệm, hút thuốc lá, chán chê rồi mới về bàn giấy, mở cửa sổ toang ra, ngồi tếu huyết còi nhìn phong cảnh, thì còn gì khoái bằng!

Mà nói chuyện với những tay làm báo, cũng sướng thật. Không bao giờ họ làm mình thất vọng về cái tài cái đức của mình, đến nỗi suyt nữa, giá đủ tuổi rồi thì tôi đã ra ứng cử cả nghị viện! Tôi thấy tôi lịch duyệt hơn trước nhiều lắm. Này nhé, buổi tối thì đi học khôn ở dưới xóm cô đầu, ban ngày được xem hết tất cả các nhật trình, mà tờ báo nào ít ra là một cái tiểu thuyết, dăm ba cái vẽ buồn cười, hoặc bài hài đàm giải trí. Những bài khác tôi không thích xem, vì nó lạt như nước ốc. Thỉnh thoảng ngồi rồi, thì sang tòa soạn, được nghe chuyện Hitler, Mutsolini, nghe chuyện Nhật Nga

sùng sộ, nghe chuyện cô đầu Huệ sắp bỏ nhân tình đi lấy chồng. Khi nào cao hứng thì tôi phải xùy ra dăm ba bài thơ, nhưng những bài thơ ấy tuy tòa soạn bắt buộc phải đăng, song chỉ để dành những lúc tờ báo bị trống chỗ.

Được ba tháng an nhàn như thế, một hôm ông Chánh chủ nhiệm, bạn thân tôi, đến bàn giấy hỏi tôi rằng:

- Này bác, bác còn tiền không?

- Còn để làm gì?

Ông lắc đầu buồn bã nói:

- Nguy lắm, tình hình báo nguy lắm bác ạ?

- Thế là tại làm sao?

- Khỉ quá, mình viết văn hay, nhưng báo “đếch” chạy!

Tôi an ủi:

- Thôi, ngót vạn số báo còn muốn gì hơn?

- Nhưng không đủ chi tiêu. Bây giờ tôi nói thực. Tôi hết tiền rồi, có lẽ đến tháng này báo phải đình bản!

Tôi kinh hãi, hỏi:

- Sao đến nỗi thế?

- Độ này báo không bán được! Tôi định nhường hẳn tờ báo này cho bác, vì tôi có việc phải đi Nam-kỳ.

Tôi ngậm ngùi, vợ vẫn nghĩ. Bạn tôi nói:

- Bác đừng chủ trương một mình xem sao, báo “Đời Nay” vẫn có cơ tiến lắm, nhưng không rõ lâu nay vì cái gì dương chạy ngót vạn số mà tự nhiên sụt hẳn đi mất bảy nghìn. Mới biết quốc dân mình là ngu!

- Bác đừng giấu tôi. Bây giờ báo mỗi ngày in ra là bao nhiêu?

- Hai nghìn tờ: nhưng ế đến mất năm trăm!

Tôi trợn mắt hỏi:

- Nếu bác thôi, thì tôi làm một mình sao được. Tôi chưa quen việc, vì từ ngày làm báo, tôi tin ở bác, tôi có biết tí nào đâu?

- Không, bác cứ làm, tự khắc quen, bác phải mạnh bạo hết sức đi, mới có thể lấy được món tiền bác bỏ vào cho tòa báo.

- Thế hiện trong két còn bao nhiêu?

- Tháng này còn nợ lại nhà in mất gần nghìn bạc.

- Vậy bốn nghìn của tôi hết cả?

- Phải, nguyên trước đã nợ về tiền in ít nhiều, nhưng bác đừng thất vọng vội. Ta phải làm, ta phải theo đuổi mục đích ta đến kì cùng.

Tôi thở dài, động lòng thương đến gia tài của cha.

- Bác không nên buồn. Chính tôi đã bỏ vào đây ngót một vạn, nhưng tôi cũng không tiếc, vì đã làm được việc công ích. Bác cứ thu xếp độ hai ngàn nữa, thì công việc lại êm thấm như cũ ngay.

- Tôi không còn tiền nữa, bác ạ! Tôi chỉ có năm ngàn, bỏ vào tòa soạn bốn ngàn, còn ngót ngàn ăn tiêu xa xỉ từ ngày lên Hà Nội đến nay, cũng chả còn mấy...

- Bác về xin bà cụ thiếu gì!

- Cụ tôi không có đâu.

- Thế thì đi vay vậy, đã đâm lao thì phải theo lao, chứ chịu để giữa chừng à! Bác thì hỏi đâu chả được dăm ngàn, chả có thì về mượn văn tự nhà, văn tự ruộng của ông Ấm cũng được.

Tôi ngẫm nghĩ, đêm hôm ấy về ướt nước mắt.

Từ đầu tháng sang, chức phó chủ nhiệm bãi đi, vì ông Chánh chủ nhiệm cũ từ chức, mà tôi thì thăng lên làm chủ nhiệm. Tôi được thăng chức là tự tôi đảm nhận cái đáng lấy tờ báo, tức là tôi đến công tôi vừa thò tay vào ký các văn tự vay hai ngàn.

Bỏ tiền ta thì xót ruột, nhưng cái lá nhân tờ báo ngày nào cũng an ủi tôi.

Ngẫm cái chỗ đề tên chủ nhiệm, nó hay hay, nó thỉnh thích. Thôi thì cũng hả lòng, mấy ai đã đủ tư cách đứng đầu một cơ quan ngôn luận!

Tôi xem xét sổ sách, và coi sóc các việc trong tờ báo. Nửa tháng đầu, tôi thấy thất vọng quá. Báo ế đã làm cho tôi nản lòng, mà bạn hữu ở ngoài họ càng kêu tệ. Các bố chủ bút và trợ bút thì cứ ngồi ăn hại để đánh cắp bài, hoặc phóng tin ở các báo khác, vậy mà các bố vẫn tự đắc, mà tán dương những tác phẩm “bã mía” ấy, hình như họ có ý bịp hết, cho tôi là ngu xuẩn dễ lừa, hoặc cho tôi là thằng ưa nịnh. Có một giọng nói mà cứ nói mãi, thì đến người ngốc còn hiểu tâm ý họ, huống là tôi, dù có dễ lừa, dù có ưa nịnh thì trước kia, chứ nay đã gần gũi họ ngót nửa năm trời thì làm gì mà không “lật tẩy” được họ! Tôi chán quá!

Nhưng một hôm, tôi thấy tình hình báo nguy ngập quá không thể đứng vững trong vòng nửa tháng nữa, tôi định cho tờ báo chết quách đi để đỡ bận thân. Tôi nghĩ lại cái thân thế chủ báo của tôi, tôi nhớ đến bạn cũ, là ông chủ nhiệm cũ tờ “Đời Nay”, tôi oán ông ta, tự nhiên làm cho tôi theo công mắc nợ.

Nhưng mà lỗi xoay người trước đã vạch sẵn, tôi tội gì không theo? Nguyên ít lâu nay, báo “Đời Nay” mới có một ông bạn lai cảo, là chủ đồn điền trên Phú Thọ. Tôi nhớ lại những thư ông ta viết lên tòa báo khẩn khoản xin đăng bài, tôi mừng thầm đã có một chàng Lê Hùng Dũng mới! Thi đây, tôi lại phải diễn lại tấn kịch trước, là viết một bức thư cảm tình với người bạn thân của tòa báo ấy, hẹn ngày tôi đến chơi.

Tôi đến chơi, hẳn ông ta cũng lấy làm hân hạnh như tôi, sáu tháng về trước, thấy cách tiếp đãi ân cần tử tế, mà tôi xấu hổ về cái ngốc trước của tôi, bởi vì trong khi trò chuyện tâng bốc ông ta, tôi thấy ông ta cũng thấy sung sướng, y như tôi ngày nọ.

Tôi cũng dùng những lời đường mật mà tán tỉnh, mà nói khích, thì ông ấy cũng hăm hở hăng hái muốn bóp chết các báo khác.

Kết cục, ông ta lại hài lòng bỏ ra năm ngàn bạc để mua lấy chức phó chủ nhiệm hão huyền.

Cái hình ảnh ngu dại của tôi ngày trước, hôm nào tôi cũng được trông thấy ở trong tòa nhà hai buổi. Ông phó chủ nhiệm chỉ ngồi ngắm cảnh, hút thuốc lá và nói nhảm, chứ công việc, tôi không những không cho biết còn nói khoác thêm như trời. Tôi cười thầm bao nhiêu, tôi lại thương ông ta bấy nhiêu, giá bây giờ ông chủ nhiệm cũ có đến tờ báo “Đời Nay” mà mới nẩy ra chức phó chủ nhiệm mới, có lẽ cũng phải buồn cười mà nghĩ rằng:

“À, thằng này đã khôn rồi, đã “chài” được một thằng cha khác vào cạm”.

Năm ngàn bạc mới cũng chỉ có sự nghiệp như năm ngàn bạc cũ, là nuôi báo có được các nhân mạng trong tòa báo một cách “đế vương” trong vài tháng. Rồi xét ra, không thể làm cho tờ “Đời Nay” tiến lên được một bước nào, tôi bèn đến bàn giấy ông phó chủ nhiệm nói thực tình hình, và phủ tay lộn túi, thoái vị, lìa báo giới về cái “nhà bò”.

Tờ báo “Đời Nay” lại bãi chức phó chủ nhiệm nhưng biết đâu sáu tháng nữa, cái chức ấy lại lòi ra, vì ở xã hội này, chém bầy ngày không chết hết những thằng có tiền mà ngốc.

16 Avril 1934

THẦY CẦU

Dạy học là một nghề khó nhọc. Dạy lớp Đồng-ấu lại khó nhọc gấp mười. Trẻ con phần nhiều đãng trí hay quên, có khi tay cầm quần bút, nhưng lại mách thầy là anh nào ăn cắp. Có khi lọ mực móc dây vào ngón tay, nhưng lúc hứng, cứ như thế, đưa cả lên đầu mà gãi! Lại có đứa thò lò mũi xanh. Có đứa mãi chơi, đi “mô-tô” ra quần lúc nào không biết. Quần áo thì bẩn thỉu, hôi thối, đất cát, mồ hôi bết nhễ nhại cầu ghét hàng tầng. Trong lớp thì hơi người tanh nồng lên. Không trách Tây người ta gọi lớp ấy là Ấng-phăng-tanh cũng phải.

Trường kiêm bị phủ Nam ngày trước, hồi mới mở rộng, thì không như bây giờ có sáu lớp thông thống đẹp đẽ như thế này đâu. Lớp Đồng-ấu hầy còn dọn tạm ra Văn Miếu hàng huyện.

Văn Miếu ở ngay giữa đồng, xa nơi dân ở. Đường đi không có cây cối râm mát. Ngày mưa, ngày nắng, trẻ con bỏ ra được đến lớp, thật là vất vả. Đi đến lớp ấy, còn ngại một điều nữa, là phải qua một bãi cỏ lớn. Bãi cỏ ấy, lũ chó trong làng vẫn quen mui rử nhau ra phóng uế. Mà cả đến người

lớn cũng vậy, nhiều anh lười, cũng bắt chước chó, ngồi xù xù ngay bên cạnh lối đi.

Cho nên học trò bé, đi vô ý, trời tạnh nắng hắt hoi, cứ đưa bị giẫm phải chỗ cỏ bị ướt ấy, trượt ngã oanh oách.

Mỗi khi có việc ngã như thế xảy ra, thì y như lại rầy rà đến ông giáo. Vì tất thằng bé ấy mếu máo, vào lớp, giờ chỗ vàng vàng ở quần mà nó không là thủ phạm lên, mách thầy. Ông giáo cứ phải khổ vì thỉnh thoảng lại xử những vụ kiện mà bên bị là người vô danh như thế.

Nhưng những đứa biết mách thầy, còn là hạng khá. Vì tất ông giáo cho phép về nhà tắm giặt. Lắm đứa sợ thầy đánh, hoặc vô ý không biết, cứ đưa cả vào lớp cho thầy và bạn hưởng chung cái tác phẩm của nhà soạn giả ẩn danh. Lúc ấy thì ông giáo lại càng khổ. Ông lại phải ra công điều tra, để tìm đứa nào đã tãi vào lớp cái thứ “tác phẩm không được duyệt” ấy.

Một độ, ông giáo cứ phải mất thì giờ như thế luôn. Cho nên ông ra lệnh, bắt học trò đi qua lại bãi cỏ thì phải có ý tứ. Đứa nào mất nghênh lên trời, thì phải chết đòn.

Bởi vậy, độ này, cái không khí lớp Đồng-ấu trường phủ Nam đã thấy êm đềm, dễ chịu hơn.

*

* *

Nhưng một hôm, lúc ấy đã xẩm tối, thằng bé Xưng xin tiền thầy u nó tiền mua xà phòng để gội đầu. U nó mắng:

- Sao ban ngày ban mặt mày không gội? Bây giờ tối rồi. Đừng vẽ!

Nó khóc, nói:

- Thầy giáo bắt con gọi. Nếu không, mai thầy đánh chết.
- Sao lúc này mày không nói?

Nó lại càng khóc già:

- Con quên.
- Làm gì mà thầy giáo bắt gọi đầu?

Nó lại hu hu:

- Thầy bắt cả lớp phải gọi.

U nó cho là nói dối, quát:

- Mày nói láo.

Nó trợn mắt, đáp:

- Thật đấy, tại ban này thầy nguỉ đầu.

Rồi nó lại khóc to hơn, và kể lại đầu đuôi cho thầy u nó nghe.

*

* *

Buổi học chiều hôm ấy vừa đánh trống dứt hồi, học trò mới vào lớp, còn đang chí chöhe, đưa tìm quần bút, đưa mách sách, ông giáo cũng đang mài xử một vài cái kiện con con, thì bỗng có uế khí đưa thoang thoảng lên mũi. Ông lấy làm khó chịu quá. Ông bèn đứng dậy, đóng cái cửa sổ đằng sau lưng, để ngăn cho khỏi gió đưa hơi ở bãi cỏ vào.

Ông tưởng được yên mũi để làm việc. Nhưng ngờ đâu, cái mùi ấy vẫn lẫn quất ở trong lớp. Ông biết ngay rằng lại đưa nào đem nó vào đây.

Ông giận lắm, lảng lạng đứng dậy. Ông đi từng bàn, giả vờ khám sách, để rình bắt đích danh thằng vô ý, rồi cho một trận để làm gương. Nhưng ông không thể dò ra. Vì chẳng có chỗ nào là tổ của cái hơi nặng nề ấy cả.

Bỗng dăm ba đứa khạc nhổ, nhìn nhau:

- Gớm. Anh nào...

Rồi một đứa đứng dậy, khoanh tay, mách:

- Bẩm thầy, anh nào...

Sợ học trò trẻ con không biết nói bóng, ông giáo gật đầu, vẫy tay cho nó ngồi xuống, và nói:

- Tao biết rồi.

Rồi học trò đứa nọ thì thảo với đứa kia, để loan báo cái tin dữ dội của người đã làm rối cuộc trị an lớp.

Ông giáo tìm không ra mối, tức lắm. Nhất là mũi ông không thể lúc nào tránh được mà không giao thiệp với cái không khí không được êm dẽm. Ông liền công nhiên mở cuộc phỏng vấn. Rồi xong cuộc phỏng vấn không công hiệu, ông định mở cuộc điều tra gắt gao.

Trước hết, ông hỏi:

- Chúng mày có ngửi thấy mùi gì không?

Một vài đứa nhanh nhẩu, giơ tay đáp.

- Bẩm thầy mùi thối ạ.

Những đứa hiền lành chậm chạp, thưa:

- Bẩm thầy không ạ.

- Ừ, được. Bây giờ chúng mày xem kỹ lại, nếu chân đứa nào dính bẩn thì tao cho về mà rửa.

Lũ học trò lau nhau cúi đầu, giơ chân, tự khám một lúc. Nhưng chưa thấy đứa nào đứng lên thú tội. Thầy hơi cáu, nói xẵng:

- Thế thì không có đứa nào à? Chúng bay vô ý quá. Bây giờ tao cho phép chúng bay khám lẫn nhau, tao cho “dix”, đứa nào dẫm phải tao cho “zéro”!

Thấy cách trọng thưởng kẻ có công, đứa nào cũng hết sức mong được tổ giắc bạn. Nhưng không có kết quả. Ông giáo thì chẳng phút nào được hô hấp cái không khí trong lành. Ông càng cáu.

Mặt ông đỏ bao nhiêu, mặt học trò xanh bấy nhiêu. Chúng nó biết rằng vào cái tỉnh thế nghiêm trọng, nên len lét, ngồi khoanh tay trên bàn, im phăng phắc.

Rồi ông giáo đứng phát dậy, mắng:

- Chúng mày như lũ gà mờ. Để tao thân hành đi khám từng đứa. Tao mà bắt được đứa nào thì tao đuổi.

Học trò càng sợ.

Cuộc điều tra của ông rất cẩn thận. Ông đi từng bàn, bắt từng đứa đứng dậy. Ông nhìn chân, nhìn tay, ngửi quần, ngửi áo, ngửi đầu thật kỹ lưỡng. Trong khi khám như thế, ông vẫn dò học trò:

- Chúng mày có thấy gì không?

Chúng đều thưa:

- Bẩm thầy có ạ.

Nhưng vài đứa, ở bàn dưới, vẻ mặt sợ cuống, ý chừng muốn đẩy lỗi cho anh em bàn trên, nên trả lời:

- Bẩm không ạ.

Ông giáo nghiêm mặt, nhìn xuống cuối lớp, dọa:

- Rồi chốc nữa đến lượt chúng mày.

Khám xong bàn đầu, ông xuống bàn nhì, lại hỏi thử:

- Chúng mày có ngửi thấy gì không?

Ba bàn trên đáp:

- Bẩm có ạ.

Bàn cuối vẫn bướng bỉnh thua:

- Bẩm không ạ.

Rồi ông khám đến bàn thứ ba, thứ tư, vân vân. Hỏi thì đứa nào cũng kêu là có, tiếng có mỗi lúc một nhiều. Ông mới nghi đích là bàn cuối. Ông nhìn xuống, đe trước:

- Không những tao đuổi, tao còn đánh một trận cho chữa vô ý hoặc nói dối dã.

Ông đến bàn cuối cùng. Cả lớp sợ run. Ông thì mừng thăm công việc sắp kết liễu. Ông hỏi một cách chế nhạo:

- Thế nào, chúng mày đã ngủi thấy chưa?

Đứa nào đứa ấy mặt tái mét như gà cắt tiết, cố đánh hơi, và đáp:

- Bẩm thầy, có ạ.

- À, bây giờ chúng mày mới chịu nói thực. Liệu hồn! Chúng mày chớ oán tao là ác!

Rồi ông bắt năm đứa tình nghi đứng ra ngoài bàn để khám xét từng ly từng tí. Nhưng tức quá, khám đến mười phút mà vẫn vô công hiệu. Sắc mặt của ông vẫn ngầu ngầu trên mặt. Ông lên ngồi trên ghế, chống tay vào bàn, hăm hăm, diễn thuyết:

- Chúng bay tệ quá! Tao đã dặn đi dặn lại bao nhiêu lần rằng đi qua chỗ bãi cỏ thì phải có ý tứ, mà chúng bay không nghe. Để chốc, tao còn khám một lượt nữa.

Một đứa trò lớn đứng dậy, nói:

- Hay là thầy cho phép chúng con đi tìm xung quanh lớp xem ạ.

Cho là ý kiến hay, ông gật đầu, phái mấy đứa đi tìm

mọi chỗ. Trong khi ông vẫn ngửi thấy mùi khó chịu, thì ở bàn thứ sáu, có đứa nói lớn lên:

- Tôi chẳng thấy mùi gì.

Ông cho là nó vô phép, dám có tư tưởng phản đối. Ông gọi nó lên, bắt quỳ ở cạnh bảng.

Phái bộ điều tra đã trở về. Vẫn không có kết quả. Ông giáo càng cáu. Nhưng không lẽ vì một chuyện bẩn thỉu mà cứ phải mất thì giờ mãi, ông bèn cho học trò mở sách để bắt đầu làm việc.

Vì đang lúc tức, nên giảng bài, ông gắt như mấm tôm.

Thỉnh thoảng, ông lại nhăn mặt, ghé ra cửa sổ để nhổ.

Giảng xong, ông nhìn thẳng học trò phải phạt:

- Mày còn quỳ suốt buổi. Mày láo lăm, nghe chưa?

Thằng bé cúi đầu, sợ sệt. Ông nhìn nó một lúc, rồi hỏi cả lớp:

- Chúng mày có dám vô phép như nó không?

Cả lớp đồng thanh:

- Bẩm không ạ.

- Ừ, chúng mày phải...

Học trò tiếp:

- ... nghe lời, kính trọng, yêu mến thầy như cha ạ.

Ông giáo gật đầu:

- Hể hỗn láo thì phải...

- ...phạt ạ.

Rồi ông nghiêm khắc nhìn thẳng học trò khốn nạn.

Cả lớp im phăng phắc. Bỗng thằng ấy sụt sịt, cúi xuống đất, nhổ ra góc lớp.

Ông giáo thấy nó xác, quắc mắt hỏi:

- Mày làm gì?

Nó khoanh chặt tay vào ngực, nức nở, thưa:

- Bầm thầy, con ngủi thấy rồi ạ.

Cả lớp cười ầm. Ông giáo cũng tòm tòm về cách nịnh dỗi của thằng bé mới nứt mắt. Ông bảo:

- Bây giờ mày mới ngủi thấy. Mày đã mới gôi rồi phải không?

- Bầm thật ạ.

Rồi nó lại nhỏ.

Ông giáo quát hỏi:

- Mày còn phải qùy đến tan học.

Nó quệt nước mắt, nói:

- Bầm thầy, thầy tha cho con, con ngủi thấy rồi ạ.

- À, làm sao bây giờ mày mới ngủi thấy?

Nó vẫn khoanh tay chặt vào ngực, nhưng lấy khuỷu để trở:

- Bầm thầy, con thấy nó bèn bẹt kia ạ.

Nói xong, nó trở ngay vào giày ông giáo.

Cả lớp nghển cổ lên để nhìn. Ông giáo liếc mắt xuống gầm bàn, rồi tự nhiên, giúi hai chân lại sau ghế, và ôn tồn nói:

- Thôi, nhưng mà chốc nữa chúng mày phải gọi đầu bằng xà phòng nhé! Thằng Xúng, lên đọc bài...

3-7-1934

MỘT TÂM GƯƠNG SÁNG

Điều tôi lấy làm bức mình nhất, là thế nào cũng có một độc giả đa nghi, xem xong câu chuyện này, bảo một bạn rằng:

- Hấn bịa.

Tôi hãy cãi trước rằng:

- Thưa không bịa tí nào.

Rồi không để ông độc giả ấy nói thêm, tôi phải tiếp luôn:

• - Ngài cho là vô lý? Ngài nên hiểu, nghe chuyện gì mà ngài cứ lấy cái óc “cổ điển” ra mà xét, thì cũng cho là vô lý cả. Vì “thế sự” đã xoay thành ngược, mà “đời” ngày nay chẳng phải là một bà hiền mẫu biết thưởng phạt công minh. “Đời” đã hóa ra một con mực chữa hoang để bậy, sinh non ra toàn những hạng hoặc mất dạy, hoặc dối cơm.

Không. Ngài cho phép tôi nói nốt đã. Hạng dối cơm thì ngài thấy nhan nhản khắp mọi nơi. Thường họ gõ cửa nhà ngài xưng là “thất nghiệp”. Họ bị ngài đuổi đi, sau khi đã bố thí cho một bài học siêng năng không hợp thời. Còn hạng mất dạy, cũng chẳng ít. Họ rất no đủ, sang trọng, song, chuyên môn đeo mặt nạ để lừa dối, bóc lột lẫn nhau.

Nghe đến đây, chắc độc giả đã hơi bình tâm. Tôi liền đứng dậy, lên giọng nhà diễn thuyết, hùng hồn mà quả quyết rằng:

- Đời là thế, thì những chuyện tôi kể ra không có gì là vô lý cả. Và tôi hãy kể cho ngài những chuyện lạ lùng, có khi ở ngoài trí tưởng tượng.

Vậy thì chuyện là chuyện thật, xảy ra trong một xứ kia, chừng mười mấy năm nay.

Hồi đó, quan ông được thăng tuần phủ tỉnh N.S. Song, vinh hoa phú quý thường đi ngược với quãng năm giới ban cho mình, nên được ba tháng, ngài về châu Phật.

Quan bà, sau khi ma chay chu tất, lấy quân "ông cụ" vạch ngang vào phần bài cấm trên tay, thề rằng sẽ thủ tiết thờ chồng.

Hội bài đó, bà bỏ ù mất mấy ván. Vì trí bà còn bận hồi tưởng đến cái buổi tối nhá nhem trong rạp hát, bà bước một bước dài, từ chỗ "cái Bống" lên chúc "bà phủ". Bà lại hồi tưởng đến cái đêm phong ba bão táp, bà bắt quan ông mua cho được chiếc ô-tô kiểu mới, nó đưa bà đi nước đại, từ chúc "bà phủ" đến chúc "cụ tuần".

Đến nay, đường con cái bà chả có, một thân góa bụa, bà đành gở mối buồn bằng sự ồn ào nơi thành thị, và tìm sự quên trong những cuộc xếp quân bài thành phụ.

Bà ở Hà Nội, nên bà cũng được gặp nhiều thứ người, đủ mặt như ở những thành phố khác: một con Bọm, một thằng Ngốc, và một ông Phán già.

Ông Phán già đây là một người chẳng hề đi làm tòa sứ nào. Nhưng được người ta gọi như vậy, nên ông cũng nhận

một cách không bất đắc dĩ, để tránh những tiếng xưng hô xoàng như “ông trưởng”, “ông cả”, nó mất cả vẻ... mỹ thuật của bộ ria lưỡng long châu... huyết mũi, nó xòe đuôi lên hai má chảy sệ của ông.

Ông trạc độ tứ tuần, có lẽ sinh cùng năm với quan bà.

Cả về cách ăn mặc cũng đẳng đối: Này nhé, cái kính không cận, cũng không viễn thì sánh với cặp môi đỏ nắn; hai cái khuyết con đính trên ngực áo sa, ăn ý với cái ngực đầy lù lù, nóng hôi hổi; còn cái quần thì cũng hộp, cũng trắng, chỉ khác là một chiếc lại bằng xa tanh mà xỏ gấu, cái dấu hiệu ngàn năm của tấm lòng bi thương của người sương phụ đáng thương.

Nhà ông Phán thường tập nập quý khách. Nào là quan huyện tỉnh Tuyên, người yếu muốn lo về Nam cho lại sức, nào là cụ bố tỉnh Thái, sợ xa quá, mong được đổi về vùng Bắc cho được gần nhà.

Ông thường gọi vắng mặt những người có giá trị đó bằng thẳng, nhất là trong những cuộc tổ tôm, ông ngồi tay trên quan bà, vì ông muốn lên giọng kẻ cả làm thầy cho người.

Ông vừa đánh quân thất vạn đi, vừa nói:

- Cụ lớn không rõ. Nhà nước mấy lần gọi tôi ra tri phủ, nhưng tôi nghĩ chẳng vạ gì mà ra, lại phải ở dưới quyền bọn kém mình. Nhưng giá tôi được biết cụ lớn trước, thì có lẽ cũng ra, để được làm chỗ thân tình ngay từ dạo đó.

Ông nói xong, cười giòn tan, mở bộ màn hình mồm cong lên, để hở hàm răng màu không tên, là kết quả của những phen vừa ăn trầu, vừa hút thuốc lá, vừa nói khoác.

Quan bà thò tay ra đĩa bốc, vật quân tam vạn đánh đét

xuống chiếu, nom lướt qua bài mình. gạt nó sang bên phải, rồi trả lời:

- Nếu thế thì chúng tôi còn hân hạnh nào bằng. Nhưng dù biết trước hay biết sau, chúng tôi cũng phải nhờ đến ngài một việc.

- Dạ, không ạ, mời bà xơi cho. Hôm nay cụ Phán đánh thế nào ấy, tôi chịu không sao ù được nữa.

Quan bà nói giọng dịu dàng, nhưng cặp mắt đưa ngược nhìn ông Phán, cái nhìn trách móc, trộn lẫn với nũng nịu.

- Tôi hôm nay còn băn khoăn về chuyện thằng phủ Thọ, cứ nằng nặc lo sinh phong cho bố, mà nó mới có hàm chánh ngũ mới khó chứ. Ấy, đánh tổ tôm mà nghĩ ra chuyện khác, thường hay đánh liều. Cụ lớn thứ lỗi. Cụ lớn dạy thế, chứ cụ lớn muốn sai bảo việc gì, xin cụ lớn cứ truyền cho.

- Dạ, chuyện muốn nhờ ngài cũng là còn lâu, và phải đến tận nhà, vì nói ra dài lắm, vả lại phải kín lắm mới được.

Mà có lẽ nó dài và kín lắm. Câu chuyện ấy, quan bà nói ban ngày chẳng hết, có khi lại cần cả đến khoảng trăng tà, sao lặn, một căn phòng kín đáo, một nếp giường xinh xinh...

Hai bạn già trở nên thân thiết, thân đến nỗi người ngoài phải ghen ghét, phao lên nhiều tiếng thị phi.

Quan bà cũng chẳng lạ gì miệng lưỡi người đời, có khi ngài không thèm để ý đến nữa. Song, ngài thấy ông Phán dường như không biết, nên một đêm kia bốn bề tĩnh mịch, tiếng đế nỉ non, bà kéo sát bộ xương xộc xệch của bạn lại gần, để hỏi:

- Mình có nghe thấy người ngoài đồn rằng tôi sắp lấy mình không?

- Sao mình quá lo lạ thế? Chả trách người ta chê đàn bà non gan. Mình với tôi, còn ai kiếm chế được nữa. Tôi góa mà không có con, mình cũng vậy. Dù có đoàn tụ với nhau, cũng không sao kia mà!

- Nhưng tôi không muốn thế, mình ạ. Cái hy vọng tôi ôm ấp từ ngày lão tuần chết, là kiếm chút danh thơm với hậu thế. Bây giờ nổi lại mối duyên, thì hy vọng của tôi tan tành mất.

- Tôi đã bảo mình bao nhiêu lần rằng khó khăn lắm. Mình mãi đến bốn mươi mới góa chồng, con cái lại chả có, thì dựa vào đâu kia chứ?

- Thế thì mình hoặc không quan tâm đến tôi, hoặc còn hẹp ý nghĩ... Cán cân công bằng chỉ như cán cân anh hàng thịt; thế nào chả ngang được? Tôi thấy chán vạn đứa chẳng đáng chút nào, mà cũng được chức tước, chẳng qua ăn thua ở mồm mép bịa đặt của người môi giới. Ngay như tôi với mình, nếu trời có mắt và người có chút công bình, thì đâu được như ngày nay?

Ông Phán vỗ vào lưng quan bà:

- Đời này, ăn nhau về chỗ ranh mãnh, mình nhỉ?

- Phải, ranh mãnh, hay nói cho đúng là mất dạy. Chúng ta và bọn có chút địa vị, đổ ai làm nên mà còn nghĩ tới lương tâm.

- Lương tâm là gì? Là cái bụng xung của hạng hèn kém nêu lên để gỡ tiếng xấu hổ. Nó chỉ là anh chàng quấy rối sự làm việc của mình, làm cản trở biết bao nhiêu thủ đoạn kinh thiên động địa của những đáng hào kiệt.

- Chỉ những hạng miệng còn hơi sữa, mới nói đến “lương tâm” thôi nhỉ?

- Phải, mình cũng lỗi đời đấy.

- Thế sao mình còn sợ, không dám lo cho tôi?

- Không phải sợ, chỉ vì khó. Vả tôi cũng không đủ thế lực. Hay là tôi dẫn mình đến nói với ông quan thầy tôi vậy nhé.

- Ai thì ai cũng được. Miễn sao được là hả rồi.

Thế là Quan bà lại đem tâm sự mình giải bày cùng người có thế lực hơn.

Bà bỏ dần từng bậc thang, cứ lên mãi, hay muốn cho sát sự thực hơn, bà bỏ dần vào từng bộ giường, cứ sang hơn mãi, cho đến một buổi chiều, trong một gia đình kia xum họp, ông bố đưa tờ báo cho cô con gái đầu lòng, bảo đọc cho bà mẹ nghe.

MỘT TẤM GUƠNG SÁNG

“Bà Nguyễn Thị Bổng, quán làng Hữu Bằng, huyện Kim Ốc, tỉnh Sơn Đông, năm nay gần 60 tuổi, vừa được bốn chữ TIẾT HẠNH KHÁ PHONG.

Cái lịch sử gấm hoa của bà tưởng cũng nên đăng ra đây để làm gương sáng cho chị em phụ nữ.

Góa chồng từ năm 23 tuổi, bà bị giam hãm trong cảnh cơ hàn, cực nhọc. Nào cha mẹ chồng già, nào bốn người con dại, bà tưởng trời xanh chẳng còn chi đoái tưởng chi đến phận liễu bồ. Cái nhan sắc của bà đã đôi phen làm xiêu lòng vương tôn quý khách, song, bà nhất định ở vậy thủ tiết thờ chồng.

Buôn tần, bán tảo, bà cứ bên gan noi theo đạo thánh hiền, nên chả mấy chốc bà đã được phần thưởng đích đáng: sự phú quý.

Chẳng may trong mấy năm gần đây, binh đao bệnh hoạn lại xô nhau vào bắt hết cả bốn người con của bà, để bà lại trơ trọi trên trần cùng mối hận ngàn thu.

Giá bà không được minh xét đến nông nổi ấy, thì cũng không còn gì bù lại công bà bằng cái vinh dự ngày nay.

Số báo ngày mai sẽ xin đăng ảnh bà để độc giả được thấy cái biểu hiện sự sống của các đức tốt và sự nhịn nhục”.

7-1934

CÁI THỨ TỔ TÔM

Nhiều người lấy làm lạ, cứ hỏi nhau tại làm sao ông nghị Đào độ này thích tổ tôm thế.

Kể cũng là việc quái gở thực! Vì xưa nay ông ấy chúa ghét đánh bạc. Đến ngay như lũ trẻ nhà ông ấy, ngày tết, túm tụm lại, đánh tam cúc một xu một cây với nhau, mà ông cũng cấm nữa là!

Còn ông, thì đổ ai thấy ông châu rìa một đám bạc nào. Ông thường nói:

- Đánh bạc, vừa hại tiền, vừa hại thì giờ, vừa hại sức khỏe. Nhà nào mà bố mẹ hay mê man cờ bạc, thì con trai hư đàng con trai, con gái hư đàng con gái. Chẳng thế, cứ bác kiềng lên lưng tôi mà đùn!

Thế mà sau khi ông góa vợ được vài tháng, thì ông mê tổ tôm như điên đảo.

Có người bảo ông mới được làm nghị viên, nên học cách giao thiệp. Nhưng đánh tổ tôm nào phải cách giao thiệp? Và ngày hội đồng dân biểu họp nào có phải các ông nghị đến hội quán Khai Trí Tiến Đức để đánh tổ tôm đâu?

Vậy thì chắc bà Nghị mất, ông đâm buồn. Buồn thì phải tìm cách tiêu khiển. Rượu không biết uống, phiến không biết hút, gái không biết chơi, thì ông thỉnh thoảng có đánh canh tổ tôm, có hại gì? Không hại nhất, là ông chưa có con trai hay con gái lớn.

Tổ tôm, ông mới học hơn một tháng. Nhưng ngay từ lúc mới học, ông đã dám ngồi một chân. Ông chỉ đánh ở nhà cụ chánh Bá. Ở chỗ khác, dù có lập cuộc tổ tôm mà thiếu một chân, thì giá họ có mời rã bợt mép, cũng không khi nào ông ngồi đánh. Có lẽ ông không chịu tiếng bê tha chăng?

Nhiều lúc, ông sang nhà cụ chánh Bá, rồi cho người đi mời con bạc đến. Có khi cụ chánh Bá không tiền, ông cũng cố ép cho vay để cụ đánh. Nhưng không mấy khi ông nhớ nợ. Cụ chánh Bá muốn để đến bao giờ, ông cũng không nhắc đòi.

Vậy mà ông chỉ đánh bạc để cầu vui thôi, chứ không mấy khi ông ngồi nóng chỗ. Ông cầm bài độ dăm bảy ván, khi đã góp tiền đâu vào đấy, là ông mượn người đánh hộ. Rồi hoặc về nhà, hoặc đi có việc đâu một lúc lâu mới lại đến. Làng để ý vào cây bài quá, nên không ai hỏi nhau xem ông đi đâu.

Người ta, mà nhất là những người được ông nghị Đào nhờ cầm bài hộ, đều tỏ ý khen ông về lối chơi nhả nhận, quán tử như thế. Họ khen. Vì họ muốn ông giữ mãi cái thói quen dễ chịu ấy. Người thì được đánh bạc không phải góp tiền, mà vì ông không hỏi căn vận được thua bao nhiêu, nên họ ăn bợt. Người thì được thông lưng nhau, để một mình ông bị thiệt, vì họ coi ông như con bò!

Thực ra, chơi cái lối đánh tổ tôm cung phụng ấy, ông nghị Đào còn là mất chán tiên! Mà không chịu học đánh luôn luôn, thì còn xơi ông mới cao được. Ai lại ngay bây giờ, ông còn phải hỏi thế nào là lèo, cửu vạn, cửu sách và chi chi có là lưng không. Mà nào ông đã thuộc chữ quân bài đâu? Cứ đưa ông một quân, bịt kín chỗ vẽ đi, hỏi là quân gì, đồ ông có biết!

Cho nên, tuy ông lên bài rất chậm, ăn hoặc phỗng nhiều lúc rất lắm cảm, nhưng ai cũng cố kiên gan mà khen. Họ khen ông rằng:

- Đánh với ông Nghị bao giờ cũng vui quá.

Họ vui, vì họ chắc mẩm phần được. Dù không ù cũng được mười mười.

*

* *

Cũng như mọi bận, những anh con bạc tưng tiền đã tề tựu cả ở nhà cụ chánh Bá để chờ ông nghị Đào đến nữa là vừa đủ chân.

Anh người nhà đã chia sẵn bài, và bày cả vào hai cái khay. Anh ta chẻ ít dóm, và làm đèn cẩn thận.

Xuyến, con cụ chánh Bá đã xếp đầy một coi trầu để chờ khách. Xong việc, cô đương ngồi ngoài hiên, ghé vào ánh sáng ngọn đèn, mà xâu những hào trình.

Mới mười chín tuổi đầu, nhưng cô Xuyến giỏi lắm. Thường cô đi chợ đi búa các nơi, buôn bán rất đảm đang, ai cũng cũng khen. Nhiều anh con trai làng, thấy cô có sắc lại có vốn, muốn hỏi cô làm vợ để được cưới cả cô lẫn cái vốn của cô. Nhưng cụ chánh Bá còn kén kỹ lắm. Cụ không thích

gả cho người làng, vì cụ xem chả cậu nào đáng mặt vác áo thụng đến làm rể cụ. Họ đều nghèo, và con nhà tầm thường cả. Cô Xuyên nhà cụ, tiếng rằng ngày thường vẫn áo nâu, quần lụa, đi đất, trông có vẻ nhà quê, nhưng ngày Tết, thì cô ăn mặc sang nhất tổng. Cái khăn gấm tây, cái áo cát-sơ-mi hoa, cái quần lĩnh bóng, đôi dép Nhật Bản, và bộ dây xà tích dài đến tận đầu gối. Cứ cách ăn mặc thế, thì cô Xuyên phải lấy một anh chồng ít ra là có bằng Sết-ti-vi-ca. Huống hồ cô còn có vốn riêng, lại là con gái lớn của một ông Chánh tổng cụ, có hàm cửu phẩm bá hộ, thì ít ra ông bố cũng phải thách đến dăm trăm là ít.

*

* *

Thêm một ván cung Tổ nữa là sáu, mọi người bỏ tiền ra góp. Ông nghị Đào tuy không ù được ván nào, nhưng rất vui vẻ. Xưa nay, chưa ai hề thấy ông thua bạc mà phát bần bao giờ. Ông quăng hai tờ bạc giấy vào giữa, rồi hỏi cụ Chánh:

- Thế nào? Cụ có tiền chưa?

- Có, ông để tôi bảo cháu lấy.

Rồi cụ Chánh gọi cô Xuyên:

- Cho thấy vay hai đồng, mày!

Xuyên tươi như cái hoa, đứng đèn, đếm tiền. Nhưng tiếc thay, cái hoa đẹp ấp lại không có ai thưởng thức. Vì ai cũng hai mắt đổ dồn cả vào hai quân bài bất cái.

Bỗng ông Nghị nghiêm chỉnh, gác đầu lên, hỏi:

- Có đủ không, cô?

- Dạ, bầm đủ ạ. May, con vừa đòi được món nợ.

Đoạn cô đưa cụ Chánh món tiền, rồi đi vào. Mọi người giao hẹn phần của mình góp xong xuôi, quân bài bắt đầu đen đét xuống chiếu, tiến, rồi lui, rồi lại nhảy, rải rác khắp chỗ nọ, chỗ kia.

Rồi ù, rồi lấy tiền. Rồi ván này. Rồi ván khác. Ông nghị Đào đã thấy chán, ông ngáp. Rồi ông gọi:

- Anh nào cầm bài hộ tôi tý này.

Họ đã thuộc tính, nên bao giờ cũng có vài anh dự khuyết, chực sẵn cả ở sau lưng ông. Ông đứng dậy, nhìn bài một lúc, bàn quân ăn quân đánh, hỏi nước thấp nước cao. Rồi một lát, ông không nói, đứng im. Rồi ông sang gian bên, hút thuốc, uống nước. Rồi ông ra hè, thỉnh thoảng nói vào một câu để đánh tiếng. Rồi im hẳn.

Trong khi ấy, cả làng không ai chú ý đến ông nữa. Ai cũng để tâm trí mãi vào cây lục vạn, tam sách, ăn năm binh, hay bốc tốt cho cao.

*

* *

- Cụ chịu à?

- Vâng, đen quá. Hết hội này, tôi phải đổi chỗ mới được. Đánh tổ tôm mà không được ù, bài xấu, thì chán chết. Không trách ông nghị hay đứng dậy cũng phải.

- Vâng, cụ đổi chỗ cho cháu.

- À! Để tôi bảo nó pha ấm nước chè tàu, uống cho tỉnh ngủ nhé.

Dứt lời cụ chánh Bá, anh người nhà thưa:

- Bẩm đương đun dưới bếp ạ.

- Càng hay, anh sắp ấm chén để tôi pha cho.

Nói xong cụ Chánh đứng dậy, vươn vai, gân tay chân kêu răng rắc.

- Chà! Giãn thịt giãn xương! Dem khay chè ra đây, tôi xuống bếp mang nước sôi lên hộ. Hoài của, giá đừng chịu thì vừa rồi được cái phỗng!

Rồi không tiếc nữa, cụ chánh Bá mở cửa ra ngoài, cầm đèn xuống bếp:

- Ừ, ra lúc mồi mà được đi đi lại lại thì nó khoan khoái lắm nhỉ.

Nhưng thấy trong bếp lửa tắt ngấm tắt ngấm, cụ hỏi to:

- Đun thế kia thì đời nào nước sôi? Con Xuyên đâu rồi!

- Dạ!

- Mà ở đâu?

- Thưa thầy, còn ở trong bếp này.

- Sao không đun quàng nước lên. Lại để tắt lửa thế?

- Nó vừa mới tắt, con thối mãi không được.

Cụ chánh Bá bước vào cạnh ông đồ rau, gắt:

- Rơm không có thì mà đun bằng gì?

Xuyên cuống cuống, chống mông lên, cố thổi động tro tắt ngấm tắt ngấm.

Cụ Chánh đặt đèn xuống, mắng con:

- Mà lười, có khi nào được. Chỉ tổ hết hơi mà thôi. Để tao rút rơm cho vậy.

Nói đoạn, cụ đi ra mé đồng rơm gần đó.

Bỗng trong chỗ tối cụ thấy lù lù có cái bóng đen đen. Vừa ngạc nhiên, vừa sợ, cụ giật mình, hỏi:

- Ai?

- Tôi đây, cụ Chánh đây à?

- À, ông nghị đây à? Ông đứng đây làm gì thế?

Rồi chẳng hay cụ Chánh thương ông Nghị đã phải đứng chơi ngoài sương tối tăm không biết tự bao giờ hay sao, cụ đứng đĩnh nói:

- Mời ông lên nhà xơi nước chứ?

*

* *

Vậy độc giả đoán nét mặt ông nghị Đào tôi lúc bấy giờ thế nào. Và ông có lên nhà xơi nước hay không?

19-9-1934

BỮA NO... ĐÒN

... Và bụi. Và tanh... Và ồn ào. Và hơi người. Và chen chúc.

Chợ họp mỗi lúc một đông.

Thế mà thằng Canh đến bây giờ chưa được một cơ hội tốt nào để thi hành cách kiếm ăn của nó. Người khôn của nó có khác! Được một miếng ăn, thật là vất vả.

Bỏ vốn ra buôn, được ít lợi quá, người ta ca kiết đã đành. Không mất đồng vốn nào, chỉ hòng thu lợi không, thằng Canh cũng nhăn nhó: nó làm nghề ăn cắp.

Nghề ấy mới xấu.

Mặt trời lừng lững lên cao chói lọi. Ánh nắng tung tóe mạnh mẽ, đã làm khô những bãi quét trâu. Bóng râm rụt ngắn dần.

Người ta chen nhau, đẩy nhau, cản nhau. Một tốp người đi. Một tốp người lại. Tranh nhau đi lại, rồi mắc ngắc ở lối hẹp. Ùn lại. Người ta đẩy nhau. Một bà đương chống hông, mặc cả bìa đậu, bị giúi ngã sấp xuống mặt hàng. Một chuỗi của chẳng ngon bày ngay ra để hiển các ông bà ông vải. Nheo nhéo.

Những người khôn ngoan, làm lơ, tay giữ túi, chân bước đi. Cho được việc. Người tò mò, hiếu sự, đứng lại, tòm tòm cười, hùn cho đám chửi nhau vui hơn. Vòng trong, vòng ngoài, người ta kéo đến xem và nghe. Đông như đám hội.

Thằng Canh vội thất thểu tới. Thế là khán giả không ai bảo ai, giải tán dần.

Ung dung, nó đứng nhìn người bị nạn, nhón nhờ chế giễu. Kỳ thực, trong bụng nó tiếc, vì nỗi nó đến quá muộn màng.

Rồi nó giả vờ làm người điên hoặc người say. Nó thất tha thất thểu, đi loạng choạng, chân nam đá chân chiêu, đụng người nọ, va người kia. Vô phúc, nó dính vào ai, là luôn thể nó dính cả sự giàu có của người ấy đương bình tĩnh ẩn dật tạt dưới đáy túi.

Nhưng người ta ai còn lạ gì nó. Chẳng ai để nó đến gần. Mặt nó, người ta nhăn lăm rồi. Cả đời, nó mặc chỉ có thế. Cái quần cháo lòng xắn lá tọa, ống cao ống thấp, thì bỏ tới, nhưng dây côm cộp những đất, bùn và ghét. Cái áo dài vải tây đen, nay chỉ còn giữ được mầu nước dưa, thì ở lưng, vai, tay, ngực, tước ra, mà năm khuy thì về hưu trí bốn. Mỗi chỗ rách là kỷ niệm một trận đòn mê tới, kết quả của một kỳ công về sự nghiệp trong đời sinh sống của nó.

Cái áo ấy có hai công dụng. Vừa để che cái thân khẳng khiu, khô đét, cho khỏi rõ những mạch máu và bộ xương sườn, vừa để giấu tạm thời các thứ lầy cạp.

Nhưng nó chẳng bụng kín được khí cục của nó hiện cả ở trên đầu, không có gì che đậy. Đầu nó chỉ còn hình cái sọ cắm trên cái cổ dai ngoách, mà luồng gân kheo khu kéo nổi lên mấp mô như thớ chiếc kẹo kéo. Da mặt bọc ít thịt quá,

thành ra thừa nhiều, nó nhăn nheo lại, mà những đường nhăn chỉ chít như vết rạn của men cái lọ cổ. Tóc nó chịu nằm ẹp trên đầu, không dậy được, như những ngọn lúa bị bão, mà chảy cả xuống, quắp vào trán, vào gáy, vào mang tai.

Nhưng cái tướng ăn cắp của nó tốt ở đôi mắt, nhỏ mà dài, có hai con người rất mẫn cán trong việc đi tuần, lúc nào cũng lăm la lăm lét.

Nó là một con ma đói, con quỷ gian, người ta ghét nó, người ta sợ nó, người ta tởm nó. Người ta lại giới thiệu nó với cả người lạ mặt, mới đến chợ lần đầu. Tên nó, cũng có tiếng như hai bậc vĩ nhân Hít Mút.

Chẳng ai thương nó cả. Nó cũng là người như mọi người. Duy chỉ khác mọi người là chẳng may nó bị tạo hóa ruồng bỏ, cho nên đói khát, phải ăn cắp giấm giúi để nuôi thân. Cái ấy cũng khác hẳn với người thường. Họ thừa, họ cũng cứ đường hoàng ăn cắp.

Nó cần sống ngày hôm nay, về buổi chợ này. Mà chưa ăn cắp được thứ gì cả.

Mặt trời lên đến đỉnh đầu. Chẳng thừa một mẩu bóng râm nào ra ngoài.

Chợ đã vãn dần.

Đã bớt bụi. Đã bớt tanh. Đã bớt ồn ào. Đã bớt hơi người. Đã bớt chen chúc.

Thì nó liêu. Liêu chết để sống.

Nó thu một tay vào bọc, méo mồm, nhăn mặt để gãi quai hàm, sai mất đi do thám. Hàng nổi: đất. Hàng lùi cây: sắt. Hàng thợ cạo treo cái gương tư mã trên thân cây:

lách tách, tóc. Hàng thợ may, ông phó may máy “pho”: giẻ. Toàn những thứ không tiêu được.

Kìa! Hàng khoai lang. À! Khoai lang luộc! Được lắm.

Nó chòng chọc nhìn: những củ to, béo nung núc, tròn trĩnh, trôi qua họng, xuống dạ dày. Thế là no. Nó không còn ước muốn gì nữa. Nó lại lương thiện ngay.

Chân bước đi, nó nghĩ. Nhưng chỉ nghĩ được cách ăn giản dị ấy. Nó nuốt nước bọt. Nó thèm.

Đến nơi. Nó đứng lại. Chờ. Nhưng chờ gì? Bao giờ chỗ này vắng người? Vắng người thì bà hàng khoai cũng về. Thế là hốc.

Khoai không bóc vỏ, ăn càng khỏi tốn. Cứ thế kia, tọt vào mồm, trôi qua họng, xuống dạ dày. Thế là no.

Nó liếc mắt xuống, nhằm củ khoai to nhất. Bà hàng đương cúi húi củi gục vào dải yếm, vết tí vôi ăn trầu.

Nhất định nó liêu. Nó khuyu căng. Ngã phịch. Một củ khoai ở mẹt biến mất.

Nhưng mà:

- Ối giời ơi! Nó ăn cắp khoai của tôi!

Thằng Canh vùng chạy.

Bà hàng nằm xoài ra, nắm ngay được nó.

Hồng to! Bỏ trả? Khi nào? Phải tiêu thụ ngay của ăn cắp đi. Nó đưa phắt củ khoai lên mồm, ngoạm một miếng tướng đại.

- Các ông các bà bắt thằng Canh hộ tôi! Nó ăn cắp.

Người ta chạy huỳnh huych. Tán loạn.

Mặc kệ. Nó nuốt lấy nuốt để. Miếng khoai trôi xuống cổ

nó phình ra. Nó lại vội vàng ngoạm miếng nữa, nhai ngấu nghiến.

Bà hàng ôm chặt lấy chân nó. Nó khỏe hơn, giằng ra được.

Người ta xúm lại, tóm ngang lưng nó. Nó không chạy. Nhưng nó vẫn nhai, vẫn nuốt. Rồi biết thế nguy, nó không nhai, trợn mắt lên để nuốt chửng. Rồi lại hấp tấp ngốn luôn miếng nữa.

Chửi. Kêu. Đấm. Đá. Thụi. Bịch. Căng chân. Căng tay. Như mưa vào đầu. Như mưa vào lưng. Như mưa vào chân nó.

Nó bị đánh túi bụi. Nhưng nó chẳng quan tâm. Không kêu. Mồm vẫn háng hái làm việc. Mặc cho những chỗ khác bị đến tử hình.

Người ta đến càng đông. Vẫn đánh nó. Cả đòn càn, đòn gánh nữa. Người ta phang cho sưng tay.

Rồi người ta giữ chặt lấy nó. Nhưng nó cố cúi đầu xuống, để cắn cho mau. Người ta giằng ra. Còn những một góc củ nữa.

Người ta móc mồm nó, gang họng nó, quào chảy máu cả má nó. Nó cứ cố ghì, nhất định không nhả. Nó ngã lăn ra. Máu khoai bị nắm chặt, nát bét trong tay nó.

Vẫn chửi. Vẫn kêu. Vẫn đấm. Vẫn đá. Vẫn thụi. Vẫn bịch. Vẫn căng chân. Vẫn căng tay. Vẫn đòn càn. Vẫn đòn gánh. Đáng kiếp!

• Cho nó chữa đi!

Người ta ghì chặt lấy nó. Nó oằn oại, cố cựa. Rồi gò miệng vào gân tay, co tay vào gân miệng, nó đưa bật được

miếng khoai nát bét, lẫn cả đất cát vào mồm. Phôm phém, nó nhai. Rồi nuốt xong, nó nằm yên lặng nhắm mắt để cho tiêu... trận đòn càng dữ dội.

Người ta trói nó lại. Nó không cựa được. Mồm nó không hết việc làm, mới há hốc ra ằng ặc.

À, nó đau.

Rồi nuốt xong nốt tí khoai lang dính bết ở hàm răng, nó mới ú ớ:

- Lạy các ông các bà, cháu thấy đau lắm rồi!

Thì ra trong khi lẫn vào ăn để được bữa để no bụng, nó quên rằng đang bị một trận đòn như tử. Không trách được người ta, ăn xong mà lỡ ra mới bị đòn, thì đời nào tiết được máu ăn cắp.

24-10-1934

CHO TRÒN BỐN PHẬN

Anh xe nhấc càng lên, nặng nề rập người xuống, bước vài bước thực dài để lấy đà, rồi mới đưa ngược khuỷu tay, cúi đầu mà chạy.

Trên nệm lò xo rung rinh, thấy đặt một thứ cây quý giá, tuy hơi cổ thụ, nhưng chưa có vẻ gì cần cỗi.

Ngon cây còn xanh tốt, lại có điểm một bông hoa đỏ thắm. Vỏ cây đã có chỗ nhăn nheo, song người ta khôn khéo, lấy một lần bột gạo thơm che lấp đi. Toàn thân phủ nhiều trắng, thứ nhiều tây mềm nhũn và mát rợi.

Cây đó là cây thịt.

Cây thịt đó là bà phán Tuyên.

Trên đùi bà đặt một gói hàng mới mua ở hiệu Tây về cho cô con gái yêu. Cái díp xe, mỗi khi gặp đoạn đường xấu lại rập rình làm cho những nạm thịt ở má, ở ngực bà phán theo díp, núng na, núng nính.

Bà nhìn sang hai bên hàng phố bằng con mắt của người rất tự kính trọng, và bằng lòng cái số phận tốt tươi Trời, Phật đã dành cho mình.

Thỉnh thoảng, muốn tỏ sự khinh bỉ đối với khách bộ hành nghèo kiệt và hủ bại, bà móc trong túi ra một cái gương con và chiếc bông dầm phấn, ngang nhiên hết sức làm trẻ lại cái tuổi sắp già.

Đến một chiếc nhà lộng lẫy, có hàng rào sắt, có chuông điện bấm, anh xe ngựa người ghì đà xe lại để đỗ. Rồi anh kính cẩn nâng lấy bọc hàng bà chủ trao cho.

Phía trong cổng, một con chó Tây, to như con bê, găm lên cần, song lại thôi ngay, ve vẩy đuôi mừng rỡ.

- Cô An đâu mà?

Con sen đứng dẹp sang một bên, chắp hai tay thưa:

- Cô con trong buồng, có lẽ đang sửa soạn đợi bà.

Bà phán oai vệ bước vào, cất tiếng lạnh lạnh, thử tiếng riêng của hạng giàu sang:

- Xong chưa con?

Cô An, tay còn gài dở chiếc cúc áo vai, vội vã chạy ra.

- Gớm, sao mẹ về muộn thế? Hành lý và ô tô xong đã tự bao giờ rồi. Nếu không mau lên, thì đến nơi tối mất. Đâu. Mẹ có mua được cho con không?

Bà không trả lời, điềm nhiên cởi gói giấy, giơ ra trước mắt long lanh của cô con gái chiếc áo khoác trắng tinh và chiếc "may ô" sắc sảo.

Vì bà muốn cho cô An, lần đầu tiên ra bãi bể, khoe cùng mặt trời, sự trẻ và sự đẹp của cô, nhân thể để cô có dịp phơi ra ngoài ánh sáng, bộ xương mỏng, xương quai xanh và xương sườn cụt.

*

* *

Buổi trưa, Đồ Sơn chỉ còn là một con đường nhựa nát nhèo, bên cạnh một làn nước phẳng lặng.

Cô An mặc nguyên bộ quần áo tắm, nằm trên chiếc ghế vải ngoài hiên, lim dim mong chóng ngủ để nằm mộng thấy một tấm chồng tiến sĩ mai sau.

Cô sung sướng, thỉnh thoảng hé mắt ngắm cặp chân dài và thon bắt chéo lên nhau, với cái ngực nở nang, hai bên nhô lên hai đầu vú nhọn hoắt.

Trong nhà bà Phán ngồi dưới quạt trần, đương loay hoay với nước bài tổ tôm khó đánh.

Một xã hội phong lưu.

Những con ve rí rả kéo dài tiếng không lúc nào ngừng làm nặng thêm bầu không khí oi ả mùa hè.

- Thưa bà, ời : Phán nhà vẫn có tin ra được như thường ạ?

Bà Phán ngẩng đầu lên, ngáp ngừng trong vẻ khó chịu, nhìn ông Hàn xem câu hỏi đó có châm chọc không.

Rồi bà chăm chú xoay lại phụ bài, cố tình làm như không nghe tiếng.

Ngoài hiên, cô An cũng mở mắt, nhìn vào phía ông Hàn, rồi cựa mình, xoay đi nơi khác.

Trên nét mặt đang hờ hững của hai mẹ con, thấy lộ vẻ khó chịu dường như một hình ảnh xấu xa hiện ra trong óc họ, mà họ hết sức xóa nhòa đi không được.

Từ lúc đó, bà Phán ít nói chuyện bông đùa, mà cô An thỉnh thoảng lại cọ quạu không yên trên ghế vải.

*

* *

Một năm về trước, một hôm ông phán Tuyên đi làm không thấy về nữa. Bà Phán lo sợ, vào tòa hỏi tin tức thì hay rằng hồi mười giờ sáng, ông đã nhận được cái trát bắt vì tội ăn hối lộ.

Dạo đó, bà chẳng làm gì có hai má và chiếc ngực quý phái ngày nay, và cô An còn là cái Chắt vô giá trị.

Sau ba tháng nằm ở trại “Ký giam”, ông Phán ra tòa lĩnh mười tám tháng tù.

Khi lại bị xích tay giải về Hỏa Lò, ông nom thấy vợ con đứng dưới bóng cây bên Tòa án sụt sịt khóc thảm thiết, thì ông cũng không sao ngăn nổi được nước mắt. Ông thấy cảnh tan hoang của gia đình mất chủ mà lo, vì ngoài ông ra, còn ai có thể che cho hai tấm thân yếu đuối kia nữa?

Ngoài giờ ăn cơm và lúc điểm danh, ông chỉ nằm trên sàn, hai chân ghếch lên cái cùm gỗ, cắt tay ngang mắt, nghĩ cách làm tiền nuôi bọn người vất vưởng ở ngoài.

Tuy cảnh trái ngược thực, song ông nghĩ đã là một người đàn ông, bao giờ cũng phải lo cho tròn bốn phận làm cha và làm chồng.

Lắm khi đêm khuya trần trọc, trí ông đương bồi rối, thì đằng đầu trại, một bác tù cao hững lại rống to:

*Ai đưa tôi đến chốn này,
Bên kia Tòa án, bên này Đê lao?
Từ khi mắc nạn đê lao,
Tin ra thì có, tin vào thì không.*

Giọng hát khô khan, song ông nghe ra muôn phần não nuột. Ông toan nổi điệu vài câu cho hả tấm lòng uất ức, nhưng bác Cai đã đập chiếc roi mây xuống sàn mà quát:

- Im mồm!

Trong trại, lại chỉ còn tiếng ngáy, với tiếng muỗi vo ve.

Trời không nỡ phụ kẻ có lòng tốt. Hết hạn chống án, ông nhận được một tin mừng: trong nhà pha, thiếu người làm bàn giấy, ông Sếp đã nghĩ đến ông.

Bắt đầu hôm sau, ông lại nghiêm nhiên ngồi biên chác, làm cái nghề cũ của mình.

Sự may mắn còn đưa ông xa hơn nữa: ông được giữ phận sự sắp đặt những chuyến tù phát vãng.

Đến đây, tôi hãy xin chua nghĩa hai điều:

Một là: Khi người ta có tí quyền pháp trong tay, thì người ta có thể làm cái sức mạnh vô hình đó, biến thành một sức mạnh hữu hình, thí dụ như những đồng bạc vừa xinh, vừa trắng, vừa kêu. Hai là: ngục thất âm u không khi nào lại là chỗ để cho tội nhân ngồi đọc kinh Sám hối cả, vì nếu tiếng "Sợ" có hai chữ, thì tiếng "Liều" có bốn chữ, nhiều hơn.

Ông Phán đã sinh ra làm người, linh chúc "ông Phán", thì tránh sao ra ngoài hai điều ấy?

Vậy nên, ít lâu sau khi lên bậc "tù anh chị", người ta thường bắt gặp những cuộc thì thầm dấm dúi giữa ông Phán và bọn tù nhân đã thành án, sợ cảnh Vạn Bú, Sơn La.

Người năm đồng, kẻ một chục, ông thu nhặt ngấm ngấm, chẳng mấy ngày không.

Số tiền bỗng tự nhiên, đã là một liều thuốc cho ông ăn ngon ngủ kỹ trong ngục, đợi phiên gác thầy đội Bốn để gửi về cung đốn vợ con.

Những khi giờ nghỉ buổi chiều, ông trải chiếu nằm xuống

gầm sàn cho đỡ rệp, ngó mắt ra lỗ “tu mai” khoét dưới chân tường, thì trên môi chua chua những râu, ông để nở một nụ cười bằng lòng của người đã lọ tròn bốn phận.

*

* *

Chẳng bao lâu, hạn tù hết, ông mang áo, chiếu trả lại ông Sếp, thuê xe về nhà.

Những sự thay đổi trong đời vật chất của bà Phán và cô An làm cho ông nở nang gan ruột.

Nhưng trên mặt phẩn và môi đỏ nẫu của hai người, ông thường thoáng thấy một vẻ băn khoăn khó chịu.

Cho đến một buổi tối, bà Phán buột miệng, nghĩ to lên rằng:

- Giá ông được đi tù mười năm, có phải cả nhà sung sướng không nhỉ?

Cô An vội vàng nói theo:

- Vâng, thầy cứ ở trong Hỏa Lò mà lại vui vẻ hơn đấy.

Ông Phán, như tỉnh giấc mê, sững sốt đáp:

- Ừ nhỉ!

Rồi ba người nhìn nhau thần thờ, tiếc rẻ một dịp may hiếm có.

*Viết 1934, in trong Ông chủ báo
Phổ thông bán nguyệt san số 61 (1940)*

GODAUTRE

I

DƯỚI CHẾ ĐỘ TAM HÙNG

Tôi xin được dạy học ở “Đông tây đại học đường”, một trường tư, biên trong quảng cáo là to nhất, có quy củ nhất, có danh tiếng nhất, và hơn nữa, có thầy giáo giỏi nhất thành phố. Tôi hiểu ngầm rằng tôi cũng rất giỏi; từ đây tôi rất khiếp phục tôi.

“Đông tây đại học đường” đủ cả từ lớp năm đến lớp nhất, lại thêm lớp dạy buổi tối, lớp dạy toán pháp và Pháp văn, lớp dạy nữ công, tính ra vừa một chục lớp.

Vậy mà bấy nhiêu tính chất rộng rãi, bấy nhiêu lớp học to lớn, đều núp ở dưới mái một chiếc nhà khỉ hẹp, thuê bên cạnh mấy nước cho học trò tiện chỗ té nhau, và gần chợ cho chúng tiện nơi quà bánh.

Trường có hai tầng: trên gác một buồng học, và một phòng ngủ của gia quyến ông Quản đốc; dưới nhà là một

buồng học, và một cái sân méo xệch xoạc, ý chừng người chủ nhà nhất định lập dị về phương diện làm sân!

Nhưng cái gì “trông” tồi hơn cả, là những lớp học.

Xung quanh tường đầy những gỉ mũi, và vết bút chì vẽ, thấy treo la liệt: một bức họa chùa Ngọc Sơn, một bức tranh “Mỹ nhân” của Tàu, dưới có chữ “Công ty dầu hỏa Á Tế Á”. Còn những bức con con thì nhiều lắm: con hùm, con miu, con quạ, con hến, con tôm, thằng người lòi ruột, cái mồm nhe răng, và ông Quan Công cuối ngựa.

Ông Quản đốc “Đông tây đại học đường” là tay đã hơn mười năm nghiên cứu nghề “gỗ đầu tre”. Hắn ông đã chế ra được nhiều cách mới để nhồi sọ bọn trẻ con.

*

* *

Khi người ta trông thấy ai dị tướng, thường người ta phải ngấm; ngấm xong, nhe răng ra, con mắt khủng khiếp, rồi mới “chặc chặc” hai chiếc, rồi phê bình tóm tắt bằng hai tiếng: “Ghê chưa!”.

Cái cách tả hình dáng của ông Quản đốc mẫu nhiệm nhất, là cũng “chặc chặc” hai chiếc, kêu một mình “Gớm chết! To béo chưa!”. Ông chỉ có vậy là oai hơn cả, mà tôi hơi có ý sợ ông, nguyên ở chỗ đó một phần lớn.

“Đông tây đại học đường” lại còn ông phó quản đốc, người học thức uyên bác, cựu học sinh trường Nam Định, và đậu Cao đẳng tiểu học vẫn còn tươi. Ông đã có phen thi tú tài lần thứ nhất khi ông chưa lấy vợ. Song đã lâu, tôi chưa thấy ông tuyên bố kết quả cho ai biết cả. Thực là một người nhũn nhặn, có một không hai.

Còn tôi thì linh chúc “giáo sư” chuyên dạy... tất cả các lớp, cũng như hai ông Đốc và Phó, vì chúng tôi thay đổi nhau.

Song tôi nghiệm rằng tôi thường bị đùn vào các lớp trên, để trông nom bọn quỷ sứ nhả trời, vì tôi không có “tình phụ tử”, cái tình ấy rất cần cho “giáo sư” lớp bét.

II

NGƯỜI THỢ NẶN... ĐÁ ONG

Nếu người nào giữ vẻ mặt trịnh trọng nhất thành phố ngày khai trường hơn tôi, thì tôi xin.. chết!

Tôi không phải là nhà giáo, thầy giáo, hay ông giáo, tôi là đấng giáo học. Đấng giáo học chẳng được xoàng ở cử chỉ.

Theo tục lệ, tôi đã kỳ công soạn sẵn một bài ám tả, ở nhà để khảo sức học trò. Tôi lại có sáng kiến đi tìm những sách giáo khoa nào dầy nhất để theo đó mà dạy.

Trong lòng vui vẻ, tôi đến “Đông tây đại học đường” chắc mẩm ngay rằng buổi đầu, tôi đã có thể lấy ngay được lòng yêu của trò.

Một hồi trống điểm. Tôi lên lớp - vì lớp tôi ở trên gác, nên tôi cố ý nện gót giày làm hiệu cho học trò im lặng mà đứng dậy chào thầy.

Lớp học im lặng thực. Tôi vuốt lại mái tóc, mở cửa, ngay ngắn đi vào, những rắp khoan thai ra lệnh:

- Ngồi xuống!

Cửa hờ mở. Tôi sững lại: trong buồng chẳng thấy có ma nào. Mồ mùi thuốc lá xông lên sắc súa.

Sự ngạc nhiên của tôi chẳng bao lâu có câu trả lời: Một cái đầu, hai cái đầu, ba cái đầu, dần dần nhô lên từ sau cái bàn. Thì ra những học trò quý của tôi còn nằm dài trên ghế, làm vài khối thuốc cho say sưa.

Chúng nặng nề ngồi dậy, không hề sợ hãi, bắt đầu ngắm tôi như ngắm một kỳ quan trong vũ trụ, thì thào to nhỏ với nhau. Đồng thời tôi bắt đầu ngượng nghịu, phiền nhất là có hai bàn tay không biết để đâu cho được, mà quên phứt ngay đi rằng tôi có hai chiếc túi quần.

Môn đồ tôi, đếm tất cả từ số một đến số chín, mà tuổi thì đi từ số mười bốn đến số hai mươi lăm.

Thằng lớn nhất, ra dáng một bác trưởng bạ trong làng. Nghe chừng anh chàng đã đến dăm lần trượt bằng sơ học vì bài viết tập.

Thằng bé tựa hồ như một tên côn đồ còn con. Cái đầu bóng lừ, với hai ngọn tóc mai nhọn hoắt hện cho nó một cái tương lai khốn nạn.

Còn những đứa choai choai, thì đều có hi vọng to tát sẽ trở thành những của phá gia.

Đứng trước cảnh tượng đó, tôi thấy chức trách của tôi nặng nề, địa vị của tôi quan trọng, vì tôi có từng ấy khối óc để nặn lại, từng ấy lương tâm để dẫn vào đường ngay, hay nói cho đúng, từng ấy cái đồng rác để rửa cho sạch.

III

CÔNG TƯ KHÁC NHAU Ở CHỖ ẤY

Mỗi hôm đến lớp, là tôi lẩm nhẩm đếm xem học trò còn lại bao nhiêu. Hôm nào được một vài đứa mới xin vào, thì tôi vui vẻ, mà hôm nào chúng nghỉ, thì tôi ủ rũ như chiếc khăn lau bảng đem nhúng nước. Nhưng những ngày ủ rũ thường nhiều hơn những ngày vui mừng.

Trong sổ gọi tên, tôi đã biên được đến số hai mươi một: mười tám trai, ba gái.

Con trai, đứa nào khá tính, thì dốt tiếng Tây, đứa nào khá tiếng Tây thì lại dốt tính.

Duy bọn con gái đặc biệt hơn cả, chúng dốt cả tính lẫn tiếng Tây.

Trong các bài, tôi chăm cho chúng nhất là toán pháp.

Chẳng phải tôi sợ trường gì món đó, chẳng qua giảng nó có phần dễ, và lại để học trò có dịp suy xét, chú ý, mà quên những cuộc “thể thao môi” đã nhiều phen làm cho lớp học hóa ra cái chợ.

Nhưng học trò thì lại khác. Chúng không thích, vì chúng không thể thả rộng được bộ óc của chúng. Nhất là tôi chỉ lòi các cậu lên bảng, bắt tìm tòi cái mẹo mực, bắt làm những tính nhẩm, bắt trí phán đoán của các cậu phải thức dậy làm việc.

Cũng vì thế mà khi nào có giờ toán pháp, thì học trò tôi trốn gần hết cả, hoặc nhảy qua cửa sổ xuống nhà, hoặc nhân lúc tôi quay đi chuồn thẳng ra ngoài hóng mát.

Đến nỗi một hôm, ông Quản đốc bảo tôi rằng:

- Học trò có mách tôi ông lười cắt nghĩa lắm. Một giờ họa chẳng ông nói được mười câu. Thế không được! Ông phải nói nhiều, làm sao cho kỳ chúng nó hiểu thì thôi. Như vậy chúng mới có cơ tấn tới giỏi giang, và như vậy chúng mới biết ông là dạy khéo chứ?

Tôi nghe xong, trong lòng bực dọc vô cùng.

Về nhà, tức khắc mở quyển “Sư phạm khoa” ra xem lại. Thì ngay trang đầu, tôi đã đọc thấy:

“Mục đích sự giáo dục ở nhà trường là mở mang thêm các năng lực sẵn có của trí tuệ, tâm hồn và thân thể trẻ con. Vậy người làm thầy, phải nên để cho học trò dùng luôn đến năng lực đó”.

Tôi toan đến chiều mang sách đi, đưa cho ông Quản đốc mà cãi lại. Song có một điều tôi chưa rõ là không thấy sách nói rành mạch xem đó là sự giáo dục ở trường công, hay sự giáo dục ở trường tư.

Mà tôi, tôi chỉ là anh godautre⁽¹⁾ ở một trường tư thực!...

IV

“Bản hiệu tôi” mới chế được thứ dầu “godautre”

Sáng thứ tư, bắt đầu vào, có một bài luận Pháp văn.

Sau mười phút quát tháo, giục học trò ngồi yên chỗ, tôi bắt đầu thực hành ý định đêm hôm trước.

(1) Godautre: “Gỗ dầu trẻ”, viết theo dạng Pháp. Đọc là: gô-dô-trơ,

Ngôi uy nghi trên ghế, tôi khoanh hai tay trước ngực, bắt đầu giảng.

Tôi đưa môn đệ tôi đi qua rừng văn Pháp, từ lúc khởi thủy đến ngày nay.

Tôi phân biệt cho họ biết thế nào là văn “văn chương”, thế nào là văn “khoa học”.

Tôi khuyên họ trước khi làm bài luận văn, phải đặt các đoạn chính vào một cái bàn dài, rồi mới tìm ý, rồi mới lọc lấy ý hay.

Những phương pháp nào tốt, tôi cho họ biết cả.

Cuộc diễn thuyết của tôi còn đang dở thì cửa lớp mở thình, hai tướng đến muện ập vào như luồng gió mạnh, mặt trắng tráo, chân khua guốc rầm rầm. Chúng chẳng thèm đến xin lỗi tôi đến nửa lời, hơn nữa, chúng cố tình quên bỏ mũ chào thầy.

Tôi cũng định đánh đại chữ đại xá đi. Song anh em bọn chúng nghiêm hơn, kêu vang:

- Ê, ê! Mũ, mũ mày!

Rồi thì cùng cười ồ. Trong lớp nổi lên cơn giông tố!

Tôi đợi cho môn đệ tôi chán sự nô đùa rồi, tôi lại bắt đầu giảng.

Giọng hùng hồn, tiếng nói liên thoảng của tôi có kết quả ngay.

Một vài thằng há hốc mồm nhìn tôi chòng chọc, chúng ngắm cuộc đại diễn thể thao của bộ môn tôi.

Mấy đứa khác hí hoáy biên vào sổ nốt... một bài hát Tây.

Còn bao nhiêu, mặt đục ra, thỉnh thoảng ngáp một cái vừa dài vừa rộng.

Tôi biết rằng công hùng biện của tôi chỉ có giá trị và kết quả bằng công những bác bán dầu khuất thần trên xe lửa.

Nhưng tôi vẫn phải đẩy đủ cái ách đó, để đến trông ra về, học trò thì thảo bảo nhau:

- Ông giáo dạy hết sức và giỏi ghê!

Bởi vì chúng không hiểu tí gì và không phải bận rộn đến thân!

V

NHỮNG CÂU VẤN ĐÁP

- Bọn “Tam hùng” chúng tôi đương ngồi, bàn cách “chấn chỉnh lại trường học cho thực hoàn bị”, thì một ông già đạo mạo, coi như ông phán già lương tháng trăm rưởi là ít, tiến vào.

Ông Quản đốc lễ phép đứng lên, khúm núm vái chào.

Ông Phó quản đốc, và tôi, giáo sư, cũng theo gương sáng đó.

- Thưa cụ hỏi gì?

Ông Quản đốc còn vờ vạy, chứ nom nét mặt hơn hở của ông lúc đó, là tâm lý một ông chủ hiệu gặp khách hàng.

- Chúng tôi muốn hỏi ngài thể lệ.

- Cho các cậu vào học à?

- Vâng.

- Ngài cứ cho lại.
- Vâng.
- Nếu sẵn, ngài cho mang theo giấy khai sinh...
- Vâng.
- Và quyền lý lịch.
- Vâng.

Ba quả tim đập theo một nhịp như để mừng cuộc thắng trận vì những tiếng “vâng” ngoan ngoan của ông cụ quý hóa. Song ông cụ quý hóa nói tiếp:

- Thưa ngài...
- Dạ?

Tiếng ông cụ nhỏ lại:

- Học phí ngài bắt bao nhiêu?
- Dạ, một đồng một tháng.
- Một đồng kia?
- Vâng.
- Lớp bét cũng một đồng?
- Vâng.

Ông Quản đốc cười một cái cười nhạt, nói luôn nữa:

- Vâng.
- Thế để rồi chúng tôi cho cháu lại.
- Vâng.

Câu hẹn của ông khách nghe có vẻ lỏng ra, nên tiếng “vâng” buồn bã của ông Quản đốc như đánh “dấu hết” vào nhịp trống toàn thắng của quả tim tôi.

Bọn “Tam hùng” lại tiu nghỉu ngồi xuống, bàn cách “chấn chỉnh lại trường cho thực hoàn bị”.

II

MỘT BÀI LUẬN LÝ THỰC HÀNH

Tôi vốn rất khinh bỉ đời vật chất, nhất là đời vật chất của tôi.

Cho nên hôm nay, vớ được bài luận lý đầu đề là “tiền bạc”, tôi lấy làm thích quá.

Tôi hết sức giảng, mặt sát những hạng người coi đồng tiền hơn danh dự, và hoan nghênh những người bị coi danh dự hơn đồng tiền.

Tỉ dụ như tôi và bọn cùng số phận với tôi.

Tôi biết rằng những ý tưởng cao siêu của tôi sẽ được bốn bức tường chú ý nghe nhất, vì môn đệ của tôi còn bận việc riêng cả, chưa sẵn thì giờ.

Nhưng tôi cứ nói, nói cho hả mồm.

Đó là một cách tự an ủi cho kẻ nghèo túng vậy.

Giảng đương đến chỗ thú vị, thì có tiếng cửa mở. Một thằng bé con vào, cầm mảnh giấy của ông Hiệu trưởng đưa tôi.

Mấy dòng chữ viết một cách khẩn cấp làm cho tôi ngã ngửa người:

Ông giáo,

Tôi rất lấy làm phàn nàn về học trò ông.

Hôm nay đã là hai mươi chín tây. Tiền học lớp ông mới thu được có bốn đồng, nghĩa là mới có hai đứa đóng.

Ông nên nhanh nhanh giục chúng đến chiều, hoặc sáng

mai mang học phí nộp cho tôi kéo muộn, chúng bỏ hết thì nguy.

Và ông nên nhớ rằng bao giờ thu xong, bấy giờ mới tính toán và định số tiền lương của ông.

Tái bút - Ông bảo thẳng Thuyết xuống tôi bảo, vì ban này nó đóng cho tôi một hào ván giả, không tiêu được.

Xem xong, tôi đuổi thằng bé ra, ngồi thừ như phỗng.

Hồi lâu, tôi kết luận bài luận lý một cách cảm động rằng:

- Đến chiều, các anh nhớ xin tiền học mang đi. Tôi nhắc mãi mà các anh cứ trơ ra là nghĩa gì? Tôi không muốn làm mất thì giờ học hành nỗ quý lắm. Các anh nghe thấy chưa?

Câu nói còn quan hệ hơn cả, vừa cho tôi, vừa cho môn đệ tôi.

Chúng bấy giờ mới ngừng phát đầu lên, nhìn tôi bằng cặp mắt thù oán. Chẳng biết chúng nghĩ thầm những gì, song đồng thanh trả lời:

- Vâng ạ.

Tôi sắp sửa yên tâm, thì thấy mấy thằng thì thảo rủ nhau nghỉ học. Quả tim tôi đập rối loạn, như khi được biết một tin hiểm nghèo.

VII

CÁI ĐỨC TÍNH ĐÁNG CA TỤNG

Trong môn đệ, tôi chỉ quý nhất có mỗi một đứa. Tên nó là Hùng.

Hùng học kém, nhưng tuổi nhiều, nên tôi cũng bằng lòng cho hắn ngồi lớp nhất.

Cái đó không thiệt hại gì cho tôi và cho ông Hiệu trưởng cả.

Hùng lại rất lười và rất diện.

Hắn ghét cay ghét đắng cái ông nào đã đặt ra mẹo Pháp để khi viết ám tả, lại phải chú ý đến số nhiều và số ít, giống đực và giống cái.

Nhưng hắn cực cung tận tâm với nền mỹ thuật chải đầu, làm thế nào cho mái tóc được bóng lừ, làm thế nào cho đường ngôi thẳng tắp.

Những ngày đi học, khi ngồi trong lớp, hắn nói chuyện chim gáy, rồi thì chửi nhau, nhiều khi phun những câu tục tằn gồm ghê, tôi nghe thấy mà phải giả điếc.

Tuy vậy, tôi dám chắc Hùng thế nào cũng là con ông Tham hoặc ông Phán thượng hạng, làm lương tháng hàng trăm.

Tôi lại chắc rằng gia đình hắn thuộc về dòng quý phái và có một cái giáo dục nghiêm khắc. Vì, trừ bao nhiêu những tính xấu nhỏ nhặt kể trên, hắn có một đức tính rất nên ca tụng. Đức tính ấy cần nhất cho các học trò trường tư thực. Riêng một đức tính đó cũng đủ để chuộc lại tất cả bao nhiêu lầm lỗi: hắn là một tên học trò rất sòng phẳng về đường tiền tài.

Không những thế, cứ đúng ngày mùng một đã thấy hắn mang giấy bạc đưa tôi. Có lẽ hắn cũng vội lấy biên lai cho sớm, mang về nhà, còn để mà nghỉ học, đi lu bù ngoài phố.

Ôi! Ví phỏng bao nhiêu học sinh các trường tư thực đều

biết theo gương sáng của Hùng, thì dù nước Nam sau này hay hay dở mặc lòng, làm gì có bọn Godautre như tôi, uống nước lã để cầm hơi dạy học?

VIII

TẮM GƯƠNG KIÊN NHẪN

Một hôm, tôi giận nhau với cậu học trò sông phẳng đó.

Tôi nói là giận nhau, thì quá đáng, vì chỉ có cậu không bằng lòng ra mặt, chứ tôi phải giấu kín cái cảm tình bất mãn đó vào tận “đáy lòng”.

Cậu có quyền đi học hay nghỉ ở nhà, hay không thuộc bài, hay đùa trong lớp, mà quyền đuổi cậu thì ở ông Hiệu trưởng, thành thử tôi chỉ là người giữa, một cái bị đụng những nỗi bực mình, không dám thổ lộ cùng ai.

Vào cảnh ngộ tôi, ai cũng có lúc làm dữ cho hả đôi chút.

Thế mà tôi không.

Tôi nghiệm rằng tôi hơn người ở chỗ tốt nhịn, và tôi lại nghiệm thêm rằng tính tốt nhịn chỉ có ở những bậc có chí lớn mới luyện được.

Nào tôi dám khoe khoang để tăng thêm giá trị. Lời tôi có Trời Phật chứng quả, nếu tôi bịa ra tí nào xin các ngài cứ đẩy tôi vào kiếp “Godautre” suốt đời.

Duyên do câu chuyện như sau này:

Ông khách hàng sông phẳng của tôi buổi nào cũng đến lớp chậm ít nhất nửa giờ.

Tôi làm lơ đi nhiều bận rồi.

Ngày hôm ấy tôi đương bực dọc vì nỗi bà chủ trọ thúc tiền cơm tốn quá, nên tôi chứa trong huyết quản một thứ máu bản-săn-sàng.

Mười lăm phút đầu buổi học, tôi dùng nguyên vào việc tuần phòng trong lớp, dần lòng đi khuyên giải từng tay phiến loạn cừ khôi, mong sao giữ được cuộc trị an mới có thể làm việc bình an được.

Khi đầu đó im lặng hẳn hoi, ông khách hàng mới đến, trên mép vênh ra một bộ râu già.

Thế là công toi. Tiếng cười ran như pháo. Có đứa đập chân xuống sàn, có đứa vỗ tay chan chát.

Cơn đông tố nổi lên trong phòng, đồng thời khơi ra một cơn đông tố thứ hai trong lòng tôi nữa.

Tôi không biết khi đó, mặt tôi đỏ hay xanh, nhưng tôi thu hết can đảm, cười nhạt như một người quân tử. Tôi không nói được tiếng nào nữa, mà cái bộ dạng mỹ miều của tôi có lẽ đáng yêu lắm thì phải. Đùa chán thì phải im. Tôi đợi cho cái phút “thiên liêng” đó đến, mới cất giọng run run, vì cảm động hay vì bực tức, làm một bài luân lý.

- Anh Kha! Anh như thế trẻ con lắm. Anh há không biết rằng anh đã lớn, bốn phận anh là phải làm gương cho đàn em? Thế mà tôi nghiệm ra, anh chỉ là một con cừu ghẻ, rắp mang bệnh truyền cho những con lành. Cái học thức và hạnh kiểm của anh tôi không biết ngày sau anh ra làm trò gì!

Tên quỷ sống ngồi cầm mặt xuống bàn. Tôi đắc sách, lại cho hắn một thôi nữa:

- Hai đồng bạc anh đem đóng, tôi nom thấy tiếc cho anh. Nói cho đúng, tôi tiếc cho thấy mẹ anh ở nhà lắm. Một người như anh thì còn ai hy vọng vào đâu nữa. Tôi không hiểu những khi anh rồi, ngồi một mình, anh có nghĩ đến tương lai không? Ta phải lo kiếm một kế sau này làm ăn nuôi gia đình chứ. Nào! Anh Kha, anh có ý định sau này anh sẽ làm gì không?

Kha đứng phắt dậy, không ngập ngừng đáp:

- Thưa thầy, anh em chúng con đây sẽ theo gương thầy, mà làm giáo học trường tư.

Nói xong, ngồi phịch xuống, cười như nắc nẻ...

IX

QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ

Suốt một đêm, tôi nằm nghĩ, mà không ra mưu kế gì.

Số là vừa buổi chiều, ông Hiệu trưởng cho mời ông Phó đốc và tôi ở lại để giải quyết một vấn đề, ông bảo là "quan hệ đến sự tồn vong" của "Đông tây đại học đường".

Tin đâu sét đánh, khắp người tôi sồn cả gai ốc lên!

Tôi mong cho hết giờ học để xuống nghe ông.

Khi đâu đầy yên vị, khi ông kéo xong hơi thuốc lão rồi, ông mới trịnh trọng, trước hết trình bày về tình hình của trường.

Ông nói:

- Ở một trường tư thực, sự phát đạt ta chẳng nên tính

vào số học trò hoặc trình độ của chúng. Ta nên nom ngay đến số tiền thu.

Ví dụ tháng này, trong tám mươi hai đứa có tên trong sổ, thì bảy mươi lăm đứa đóng tiền học, mà bảy đứa quyết. Ấy là tôi kể cả những tên có người nhà đưa lại, mặc cả năm hào sáu hào, lấy cớ rằng: “Cháu còn bé, đi học cho quen, chứ cũng chả học được nhiều như đứa lớn”. Lại còn vài tên thiếu vài xu, một hào, chúng nói là lỡ tay đánh rơi mất. Thôi làm gì bằng những món nhỏ nhặt đó, mình thu được đồng nào hay đồng ấy, chả hơn không ư?

Vậy nên tổng cộng, chúng ta chỉ được có tám mươi đồng bạc và tám xu lẻ. Số tiền đó, các ông cũng biết là không sao đủ chi phí, còn đâu mà khuyếch trương cho cái nhà trường cho xứng đáng với tên nó.

Sự cần dùng khẩn cấp là mình có thêm học trò mới.

Tôi xin các ông chú ý đến vấn đề đó, ngày mai mỗi người một cách, chúng ta bàn tính chung thì mới mong đứng vững được.

Những câu trình bày của ông Hiệu trưởng, chính là một cái đầu bài khó vậy.

Cho nên suốt đêm, tôi trần trọc không ngủ được.

Tôi chỉ có sáng kiến mở sách ra mà theo, chứ thực ra không nghĩ một mình được ý gì bao giờ.

Sáng hôm sau, tôi đến trường, óc rỗng như... óc một ông giáo trường tư. May sao, (thế mới biết hơn một ngày hay một chước) chính ông Hiệu trưởng, người đã hơn mười năm nghiên cứu nghề nhà, lại trả lời vào đầu đề ngay:

- Nay tôi định, mỗi ngày nghỉ, các ông bỏ chút thì giờ

qua đây vào quăng tám giờ sáng. Chúng ta sẽ đi đến từng nhà một nói với phụ huynh học trò, nếu thừa cậu còn con nào chưa cho được vào trường nhà nước, thì xin đem đến thụ giáo mình. Như vậy mình chỉ mất chút công thôi, nhưng đến khi tiền thu hàng tháng được nhiều, chúng ta sẽ được thành thoi đôi chút.

Câu bàn của ông chủ chính là một mệnh lệnh truyền xuống để thi hành. Nên, sau bữa đàm phán đó, cú thú năm, chủ nhật, hàng phố được trông thấy mặt trời tráo của bọn "Tam hùng" chúng tôi mang những khối óc thông minh, đầy học thức và đạo đức, đến các nhà để làm mẫu, mong hút được ít khách hàng.

1934

SAMANDJI

Vì một chuyện con con, tôi với Samandji giận nhau.

Về sự giận nhau, tôi cho là có hai thứ: thứ vợ chồng giận nhau, và thứ bạn bè giận nhau.

Thứ trên không nguy hiểm, và thường không lâu hơn một đêm, nếu người chồng không nhức đầu, đau bụng quá nặng, đến nỗi chịu nằm bẹp gí một chỗ.

Thứ dưới, trái lại bao giờ cũng lâu hơn. Vì khó lòng có dịp để cho hai người lành nhau với nhau, trừ phi khi nào người nọ lại là nhân tình của vợ người kia, hoặc khác hơn, người kia lại là nhân tình của vợ người nọ.

Bất tất tôi phải nói lại cái cơ giận nhau của chúng tôi. Có đó nó trẻ con lắm, tuy trên đầu chúng tôi cộng cả thấy tóc bạc, cũng đã được một món khả kính.

Vậy tôi tóm tắt ngay cho khỏi dài dòng: anh oản với tôi giận nhau, và không thêm trông thấy mặt nhau nữa.

Không biết trong lòng anh ta có bứt rứt gì về tình bạn bè đoạn tuyệt hay không. Riêng tôi, từ hôm xảy ra câu chuyện bất bình, tôi cứ ngồi lý ở nhà, để ôn lại tấn kịch đáng phàn nàn ấy.

Càng nghĩ bao nhiêu, tôi càng căm ghét cái giống da đen. Thực là hạng người đáng khinh bỉ. Nghĩa lý gì cái mặt đen bóng như sơn, bộ tóc cũng như dây đồng, và cặp môi dây châu ra, cao bằng hai mũi? Còn tính nết? Họa có ông Trời và con Quỷ chịu nổi. Tôi tưởng có một con Cừu và một con Sư-tử cùng ở trong óc học. Có lúc họ hiền lành, phúc hậu, thực đáng thương. Có khi thì dùng dùng thịnh nộ, tưởng chừng như có thể ghé răng cắn vỡ đôi quả Đất.

Samandji không chơi với tôi nữa, lắm lúc tôi cho là một điều hạnh phúc. Xa anh, tôi lại được xa vợ anh, một con ma dâm dục, đã nhiều phen xuyết làm liên lụy đến tôi.

Thế mà một hôm, khi tôi đang nằm ềnh trên giường để ngẫm nghĩ đến mặt mỹ thuật của sự lười, thì con ma đó hiện bên tôi lúc nào không biết. Hắn phát thực mạnh vào đùi tôi, làm tôi giật bắn người lên. Khi quay ra, mắt tôi gặp ngay bộ răng nham nhở hắn vừa đánh trắng. Hắn toét mồm cười như thế, chẳng nói thêm câu gì. Đôi mắt tím lên, chỉ còn hai cái kẻ đen, trong đó chứa chất biết bao nhiêu tinh thần lẳng lơ, dĩ thỏa.

Tôi ngồi lên, nghiêm trang nói.

- Mời chị ngồi ghế đằng kia.
- Được, ông cứ cho em đứng đây để được hầu khăn áo.
- Chết nổi, ở đây có kẻ nọ người kia, sao chị nói những câu lạ lùng thế! Chị muốn điều gì?
- Thằng đen bảo em mời ông lại chơi. Nó ngượng không dám đến.
- Anh Samandji ấy à? Anh ấy định xin lỗi tôi sao?
- Có lẽ thế đấy. Ông đến ngay đấy nhé. Nó chỉ cho em đi có hai mươi phút thôi.

- Vâng. Chị cứ về, tôi mặc quần áo rồi lại ngay.

Vợ Samandji nghe nói, nét mặt lộ vẻ vui mừng, đắc ý. Tôi không sao hiểu nguyên nhân cái tâm lý hần lúc bấy giờ, trong lòng ngỡ vực.

Hắn chào tôi bằng một cái mỉm cười, rồi đi ra.

Đến bàn giấy tôi, hắn đứng dừng lại. Hắn ngắm nghía chiếc ảnh nửa người của tôi mới chụp bày trên bàn. Rồi hắn thò tay cầm lấy, rồi... đưa lên miệng, hôn một chiếc thực kêu.

Tôi trợn mắt, toan chạy lại giật lấy ảnh, thì nhanh như cắt, hắn đã cầm cả chiếc ảnh, vùn vụt vừa chạy vừa quay lại, nói:

- Mình sú-vớ-nia cho em nhé.

Hắn ngổ thế này, thì hắn coi trời bằng vung thực. Lỡ ra mà chồng hắn bắt được ảnh tôi ở túi hắn, hoặc cứ quanh nhà hắn, là tôi cũng đủ bị què cẳng rồi. À, giãy với tụi này nguy hiểm quá.

Trước tôi còn đắn đo không muốn đến nhà Samandji. Bây giờ thì tôi quyết thể nào cũng phải đi, đi để tỏ bày cho bạn cái tính nết khốn nạn của vợ anh, và để bộc bạch cho bạn biết vì sao cái ảnh của tôi lại bay đến nhà anh được.

Mặc quần áo qua loa xong, tôi hăm hăm lên xe, lại nhà Samandji.

Tới nơi, tôi vẫn hăm hăm, cứ việc tiến vào chỗ mọi khi anh vẫn tiếp khách.

Nhưng lạ quá! Tôi chẳng thấy bóng Samandji đâu.

Tôi liền chạy vào nhà trong là chỗ anh ta hay ngồi khi một mình buồn. Thì tôi giật mình. Tôi thấy vợ anh đang

ngồi duỗi thoi trên chiếc chõng tre, ung dung cầm chiếc ảnh tôi ngắm nghía.

Tôi lên tiếng:

- Này chị! Anh ấy đâu?

Vợ Samandji không trông lên, cũng không trả lời. Hắn nâng lên chiếc ảnh bằng hai tay, và nựng:

- Âu! Ngoan nhé! Rồi tôi ru cho mà ngủ nhé!

Tôi sùng sốt cả người, tức đẩy lên cổ. Tôi hỏi dồn:

- Anh ấy đâu? Chị ăn nói nhảm nhí thế à? Liệu không có tôi mách anh ấy cho mà xem!

- Gớm! Chỉ được cái thế thôi.

Rồi hắn lườm tôi một cái mà tôi chắc là lườm yêu. Vì đồng thời với cái lườm thiếu mỹ thuật của bộ mặt nhợt nhạt ấy, tôi trông thấy một nụ cười tươi như meo.

Đưa tình xong, hắn nói:

- Samandji của ông làm gì có nhà! Tôi nói dối để ông lại chơi đây chứ.

Rồi hắn ngheo cổ, nhăn mặt, âu yếm nói tiếp:

- Gớm, lâu nay không gặp mặt, làm người ta nhớ nhớ là!

Tôi biết sắp có chuyện lôi thôi to, bèn quay phắt ra, không đáp.

Nhưng tôi chưa đi được vài bước, thỉnh linh có hai cánh tay ôm choàng lấy ngang lưng tôi.

- Mình ơi! Mình ở lại kéo phụ lòng em quá!

Hắn ôm chặt quá. Tôi hết sức gỡ không ra.

Chẳng lẽ tôi đâm lối hèn mặt mà kêu rầm lên. Mà một người đàn ông như tôi, một mình ở trong nhà một người đàn bà chồng đi vắng, thì thật khó xử.

Hắn dường như hiểu vậy, căng làm già:

- Thôi đi mình! Bớt giận làm lành. Sở dĩ em đánh lừa mình, một là em nhớ mình quá, hai là em mới may xong bộ khăn trải giường...

- Chị bỏ tôi ra, nếu không, chị chẳng ra gì với tôi bây giờ!...

- Em mời mình khánh thành mà. Có quý nhau mới thể chứ!

Rồi hắn tóa ra một nhíp cười ghê thệt. Tôi vùng vằng, nghiêm nghị:

- Chị buông ngay tôi ra.

- Ừ chà! Khi nào! Mèo cấp được mỡ, mấy khi lại nhả.

Nói đoạn, hắn xô tôi lại gần chiếc giường Hồng không cạnh cửa sổ, rồi đẩy tôi ngã vào đó, mặt thì đỏ bừng bừng.

Thấy thế nguy, tôi hết sức giãy giụa, và gạt mạnh hắn đi. Hắn văng sang một bên, tóc xổ rũ rượi.

Vừa lúc đó, có tiếng đấm cửa, kể đến Samandji gọi. Tôi hết hồn! Con mụ khốn nạn cũng run lên bần bật, hỏi khê tôi:

- Chết! Nó về. Làm thế nào?

Cố lấy can đảm, tôi vờ cứng cỏi đáp:

- Mở cho anh ấy, chứ sao?

- Mở mà tù cả à?

Rồi hắn trở vào tóc, vào quần áo, vào giường.

Tôi giật mình. Tóc hắn thì rối bù, quần áo thì xộc xệch, dân dums. Cái khăn trải giường cũng xô lệch, lại có in vết người nằm. Hắn lại ghé tai tôi:

- Và mình giận nhau với nó, thì lẽ gì lại nhà nó trong khi nó đi vắng?

Ngoài kia tiếng gõ cửa mạnh bao nhiêu, trong này trông ngực tôi mạnh bấy nhiêu. Tôi chỉ muốn bay lên trời. Tôi chỉ muốn thụt xuống đất. Chỉ một phút nữa, tôi sẽ biết đời tôi ngắn hay dài!... Trời đất ơi!

Nhưng bỗng tôi không nghe thấy tiếng thình thình ở cửa nữa. Thì vừa chưa hoàn hồn, tôi đã thấy vợ Samandji ôm lấy tôi, vuốt ngực tôi, và cười như nắc nẻ:

- Thôi, hết sợ rồi. Nó lại đi rồi!

Tôi đứng xa ra để thở cho được tự do, và mắng:

- Chị tệ lắm! Máy lần làm tôi hết hồn rồi!

Hắn cười hoài:

- Đàn ông mà nhát như thế thì đừng sống nữa. Mới có vậy mà mặt đã tái mét!

- Thế chị không sợ à?

Hắn lắc đầu, thản nhiên đáp:

- Tôi chỉ giật mình xoàng mà thôi, vì tôi trải quen rồi. Và dù có gì đi nữa, nó cũng không tài nào vào được.

Tôi nhìn hắn bằng con mắt muốn hỏi. Hắn tiếp:

- Bao giờ bên ngoài cũng có thằng bồi nó khóa cửa, rồi nó lẩn vẩn ở đấy. hể thằng trời đánh bất thành linh có về, thì nó chống chế hộ.

- Chống chế thế nào?

- Nó bảo rằng tôi vừa đi chơi về mạn Bờ Hồ với một người đàn ông. Ý tất thằng cha ghen, phải đuổi theo, rồi chúng ta cứ việc yên tâm và vui thú!

Nói đoạn, hắn lại tự phê bình vào câu nói của hắn:

- Khôn không!

Tôi bật buồn cười. Hắn đắc chí, nhảy chồm vào tôi, hôn vào giữa trán tôi.

Sự sỗ sàng lại làm tôi bất lực. Song tôi phải dịu dàng để dùng kế thoát thân. Tôi vờ tươi cười, nói:

- Chị giỏi nhỉ?

- Thế mình có thương em không?

- Có chứ! Chiều hôm nay nó có phiên gác không?

- Ờ nhỉ, xem nào. Thứ ba, thứ năm, thứ bảy... Hôm nay thứ mấy?

- Thứ bảy?

- Ô! Thế thì hả lắm rồi! Đến tối mình lại đây nhé.

Tôi mỉm cười, gật đầu.

Hắn sung sướng, tát khế tôi một cái:

- Minh ơi! Minh sờ ngực tôi mà xem. Tôi hồi hộp vì câu nói của mình.

Rồi hắn năn nì:

- Thế nào cũng đến nhé. Tôi chờ. Bảy giờ nhé!

Tôi lại gật đầu.

- Thế nhé. Thế đi nào.

Muốn cho hắn chắc chắn sự hứa của tôi hơn lời thề, tôi bèn nhắm mắt nhắm mũi, nhịn thở, để “đóng danh” hai môi tôi vào má hắn, mỗi bên ngót nửa phút.

Thế là hắn thả tôi ra, chứa chan hy vọng.

Đi đường, tôi thấy khoan khoái vô cùng, tưởng chừng như mới được trốn thoát khỏi ngục thất.

Cố nhiên là đến tối, tôi chịu cho vợ Samandji chửi thắm

cho đứa sai hẹn. Tôi không động tâm, vì tôi chỉ là bắt buộc gặt cho thoát nạn. Mà dù nó có chửi đúng thẳng hay gặt, thì đã có vô số ông nghị chịu thay tôi!

Tối hôm ấy, tôi đóng chặt cửa ngay từ chiều sớm, và đánh một giấc ngủ ông Hoàng.

*

* *

Sáng chủ nhật, tinh thần khoan khoái, tôi bèn mặc quần áo đi chơi.

Vừa ra đến cửa, tôi đã gặp ngay Samandji rầm rộ đi đến.

Ngượng ngịu, tôi vội không nhìn thấy, định lờ đi, xem anh ấy xử trí ra sao. Bỗng Samandji chạy lại ngay tôi, có vẻ cảm động. Anh giơ tay bắt tay tôi, và nói:

- Xuýt nữa tôi không gặp anh, tôi cần hỏi anh một chuyện. Anh lại chơi tôi thì tiện hơn. Sắp sẵn cả rồi.

Câu nói dường đột làm tôi hơn chột dạ, nhưng tôi phải cứng cỏi đáp:

- Vâng, tôi rất sẵn lòng.

Tôi theo Samandji, vẫn lơ nghĩ đến tấn kịch hôm trước. Hai chúng tôi chẳng ai nói với ai một lời nào. Vậy là có sự dở hay sự hay?

Đến nơi, anh lễ phép mời tôi ngồi, như tiếp một ông khách lạ.

Sự ngạc nhiên bắt đầu làm tôi e sợ.

Bỗng Samandji rút trong túi ra tấm ảnh của tôi.

Tôi tỉnh ngộ, rất kinh ngạc. Giá cái ghế không có lưng dựa, thì đành tôi ngã ngửa ra rồi.

Samandji đặt ảnh xuống bàn, vỗ mạnh một cái, rồi nhìn tôi, như để dò tâm trí tôi vậy. Cố nhiên trống ngực tôi nổi lên mỗi lúc một mạnh. Rồi đôi mắt trắng dã chòng chọc vào tôi, anh nghiêm dần sắc mặt lại.

Tôi cố thản nhiên, cũng nhìn anh, bằng đôi mắt thôi miên hạng bét, bởi vì có lẽ mất cả tinh thần rồi. Lúc ấy, tôi thấy vợ anh ở trong ngấp nghé ra, có ý ngạc nhiên lắm. Nhìn tôi chán chê, anh thở dài, nói:

- Anh không tốt!

Ài chà! Thế này thì đích là to sự chứ không vừa rồi! Tôi nhìn bàn tay khổng lồ của anh, ngón to bằng quả chuối mần mà phát sốt!

Tôi toan đáp, thì anh lại nói:

- Anh không tốt!

Câu ấy vang mãi trong óc tôi không thôi!

Dù sao tôi cũng phải chống chế đến cùng. Làm bộ sững sốt, tôi hỏi:

- Tôi không tốt à?

- Phải, mà vợ tôi cũng không tốt!

Lúc ấy, con mụ vợ đứng trong, cũng trợn mắt, mặt mũi xám ngoét.

Hắn là chẳng phải chuyện chết hụt mọi khi, tôi nhún chân tay, cố vờ lắng tai, nén ngực, mà không sao cảm được hơi thở. Samandji day:

- À, bây giờ anh mới thở dài, hồi hận. Chậm lắm rồi!

Rồi phát câu, hắn liền thoáng:

- Anh không tốt! Vợ tôi không tốt! Cả hai người cùng không tốt! Nghe chưa?

Tôi gượng hỏi:

- Anh nói rõ. Tôi chưa hiểu.

- Lại còn nói rõ thế nào nữa. Việc mình làm còn không hiểu, thì ai hiểu cho.

Rồi anh trở cái ảnh, anh hỏi:

- Anh còn vờ phải không? Cái ảnh này là chứng cứ hiển nhiên nó mách tôi cả.

Theo câu nói, Samandji điểm một nụ cười lạt. Tôi nom cái cười ấy nó mới chua chát làm sao!

Chỉ còn kế chạy trốn thoát thân, cho nên tôi liều mạng, định vớ con cóc đồng va vào mũi anh một cái, rồi chạy. Tay tôi nắm được khí giới, mắt tôi đưa ra cửa để nhìn lối.

Này, muốn ra sao thì ra này, tôi đứng phắt dậy... Thì Samandji cũng đứng phắt dậy, hăm hăm chạy ra cửa, cầm chìa khóa, quay một vòng, rồi rút tọt ra bỏ vào túi. Đoạn, anh cười, vỗ vào vai tôi, nói:

- Anh chạy nữa đi!

Câu nói như nhát dao đâm vào tim tôi. Tôi không còn sức nữa, ngồi phịch xuống ghế, lặng ngắt.

Samandji lại ngồi đối diện tôi, trừng trừng nhìn tôi. Tôi toan quỳ xuống ôm lấy chân anh mà khóc lóc, mà lạy van, mà kể lể nỗi oan uổng, và xin anh tống cổ con vợ hại gia đạo của anh đi trước khi anh gây sự với tôi.

Thì chả làm thế thì làm thế nào? Đối với kẻ thù, theo cách anh hùng An Nam, khi mình đã không cần trộm nổi, thì còn một cách nữa là mình giả lối dê tiện mà hàng người ta vậy. Như thế là khôn đó! Và ở đời, muốn được sung sướng vung vinh thì cái triết học mầu nhiệm nhất, chả là nên uốn

lưng cho dẹo là gì! Ai biết đó là đâu? Các ngài ít lịch duyệt, chớ vội chê tôi là khốn nạn nhé.

Lúc ấy, Samandji vẫn trơ trơ, vững như đồng... đen.

Tôi toan thi hành thủ đoạn, thì Samandji làm lấp lời tôi:

- Tôi không ngờ. Hôm qua anh đến đây phải không?

Tôi nhả nhỏ, đáp:

- Phải, nhưng mà...

- Thôi, thôi, tôi biết cả. Ra tôi chơi với anh, mà đến bây giờ tôi mới hiểu bụng anh.

- Anh mạnh tâm làm điều gì?

- Thôi đi, anh bí mật lắm!

Tôi cãi:

- Không. Anh lắm! Anh tưởng...

- Tôi chẳng tưởng gì cả. Tôi biết đích thế. Vợ tôi nó nói thực cả rồi. Anh còn giấu tôi làm gì nữa. Tôi căm giận anh lắm. Mỗi lúc tôi thấy cái ảnh, tôi lại dấy cả ruột gan. Anh không tốt! Mà vợ tôi cũng không tốt!

Tôi ghen ngào, càng ghê sợ mồm miệng, đặt điều của con quỷ cái. Chắc là bao nhiêu tội lỗi nó đổ cả cho tôi. Tôi đáp:

- Phải, tôi đã đến đây trong khi anh đi vắng. Còn như cái ảnh này.

- Khoan đã. Bồi! Mang cái ấy ra đây. Mau lên! Mình đâu, ra đây...

Quyết nhiên anh gọi chúng có để trừng trị tội tôi. Mà sự trừng phạt ấy tất là nó đáng với cái tội thông dâm với vợ

anh. Cái mà anh giục bồi mang ra, hẳn để sửa tội tôi. Cái gì vậy? Súng lục chẳng?

Ồi ông bà, cha mẹ ôi! Ối trời đất ôi! Thế này thì ai còn muốn ở hiền làm gì nữa! Tôi nguyên rửa những ai cứ hay chấp nhặt thành những câu xử thế chậm ngôn đầy nhé! Nào ở hiền có gặp lành? Nào làm phúc có được phúc? Hỡi thần số mệnh, sao ông éo le khắt khe đến thế này?

- Nay anh, - tiếng Samandji kéo tôi lại cõi thực - tôi hỏi thật anh nhé.

- Vâng.

- Cái ảnh này của anh?

- Vâng.

Samandji cười:

- Hai với hai còn là năm sao được. Tôi muốn chờ câu trả lời của anh, xem anh có đến nỗi ngốc mà không nhận đó thôi.

- Nào tôi có nói dối!

- Được rồi. Anh chụp ở hiệu nào?

- Ở một hiệu gần nhà tôi.

- Hiệu nào?

- Tôi quên tên rồi.

- Hừ! Biết ngay mà. Cái đó anh còn giấu nữa là. Nhưng không hề gì.

- Tôi giấu đâu. Tôi quên thật. Tôi chỉ nhớ nhà mà thôi.

- Được rồi! Sao anh chụp có một mình?

- Vì tôi chỉ có một mình chứ sao?

- Nếu vậy, thực anh không tốt!

- Tôi không tốt!

- Phải. Anh nghe đây. Anh với tôi bạn bè bao nhiêu rồi, khi vui có nhau, lúc buồn có nhau, thế mà anh nỡ lòng nào không cho tôi đứng cùng anh để chụp ảnh. Anh khinh tôi, anh không tốt!

Cái bản án giản dị ấy tuyên xong, bao nhiêu hôn, bao nhiêu vía của tôi kéo nhau về cả với tôi, mặt tôi đỏ hỏn lại. Ngực tôi nhẹ hẫng đi. Như người ốm khỏi, tôi thấy đời lại vui vẻ như cũ. Tôi muốn sống dai bằng ông Bành tổ để được hưởng những sự bật cười, để được cảm ơn thần Số mệnh và những tay danh nhân dạy đời bằng các câu xử thế thâm ngôn.

Cười một tiếng thực to để hất hết cái hơi sợ, tôi đáp:

- Tôi biết ngay từ ban nãy rằng anh trách móc, điều đó. Anh không bằng lòng là phải, nhưng anh hiểu cho vì tuần lễ trước chúng ta giận nhau, nên tôi buồn, tôi mới đi chụp ảnh cho khuây khỏa.

Samandji mặt vẫn rầu rầu, nói:

- Không phải thế. Ngay như vợ tôi, có chụp ảnh, nó có thích cho tôi đứng chung đâu. Tôi biết mình hình dạng tôi nó xấu xa, đen đui, nên tôi bị bạn bè, vợ con hắt hủi, khinh bỉ. Tôi tủi lắm.

Hai dòng nước mắt từ từ bò ra, đến chỗ xương gò má thì ngã lăn xuống đất!

Tôi thương hại cả giọt nước mắt lẫn Samandji, vội vàng rút mùi xoa ra lau cho anh như dỗ dành một nhân ngãi. Thấy cách cử chỉ thân mật, anh dường như cảm động, nắm chặt lấy tay tôi mà hôn:

- Thế mà chúng ta đã giận nhau. Thật là đáng hối hận. Cũng may anh là người tốt: vợ tôi nói hôm qua anh đến chơi tôi trước, nên tôi mới lấy cách lịch sự mà đến chơi anh ngày hôm nay. Nếu không thì chúng ta giận nhau mãi. Anh thấy tôi không có nhà, lại có nhĩ ý mà để ảnh lại làm tin. Thật anh là người rất đáng quý hóa. Đến bây giờ tôi mới hiểu bụng anh.

Tôi thì ghen lời, cứ chịu đau cho lòng tay anh cọ xát vào tay tôi. Đoạn, Samandji quay về phía bếp, gọi:

- Bồi! Mang cái ấy ra đây! Lâu thế?

Tên bồi dạ vâng. Một lúc hần lễ mễ bưng ra một khay, bày chả Saigon với rau đầy tú ụ.

- Ăn đi anh! Tôi thích món này lắm. Ở Châu Phi không có. Ăn đi, rồi ta lên hiệu này chụp với nhau bức ảnh kỷ niệm ngày tái hợp của chúng ta.

Rồi Samandji đứng dậy, khoả chân múa tay, lên giọng hát vang lừng, như điên như cuồng vậy.

2 Mai 1935

THANH! DẠ!

Thanh!

- Dạ!

Trong nhà hôm nay tấp nập như mở hội. Me cho phép cả sáu cô ra Đồ Sơn. Ngay từ bảy giờ sáng, sáu chị em đã gọi nhau choàng cả dậy. Các cô kê cho đôi mắt đỏ gay nó bốc hỏa, các cô tranh nhau rửa mặt, rồi thi nhau trang điểm. Mùi phấn, mùi nước hoa thơm phức cả nhà. Mỗi cô chọn một mẫu áo, rồi ngắm hết cho mình, lại ngắm cho nhau.

Chung quy chỉ chết một mình con Thanh. Đã bận, lại thêm tíu tít. Mới gánh được gánh nước, cô Diễm đã gọi giật:

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy để thùng vào trong nhà, đem giấy này lại đăng nhà cô Vân mượn cho tao quyển tiểu thuyết đã.

Nó nhặt bức thư ở bàn. Thế là tất tả chạy. Loáng một cái, nó đang quyển sách bìa nát nhàu về.

Vừa lúc đó, cô Tuyết sấn lại nó, và quát:

- Thanh! Mày làm ăn thế nào mà chả có giọt nước nào rửa chân thế! Muốn sống đi gánh nước về mau không?

Con Thanh chẳng nói chẳng rằng, lại đặt đòn gánh lên vai.

Rồi đến cổng, nó quay lại, thấy vắng người, bèn lăm lăm bấm một mình để mình oản:

- Khốn nhưng còn phải mổ gà để nấu cháo.

Đến cửa, chưa ra thoát, nó đã thấy hai chiếc xe hòm vừa đỗ. Một "đội" người nhẩy xuống, toàn quần áo tây, đầu trần. Tiếng gót giầy quèn quẹt, đồng thời, tiếng cười nói vang vang.

- Ô kìa, các anh đã đến sớm thế?

Một người giơ cổ tay, trở chiếc đồng hồ chữ nhật:

- Y hẹn. Đúng tám giờ. Không sai một phút.

- Thế chúng em xin lỗi các anh nhé. Chín giờ đi cũng được. Xe nhà, sợ gì. Đừng chê chúng em là rùa nhé.

- Thanh!

- Dạ!

Con Thanh, lạy Trời Phật, mới đi được đến vệ hè. Nghe gọi, nó quay lại, không thấy ai, lại toan đi cho xong.

- Thanh!

- Dạ!

Nó dừng bước. Cô Nguyệt ra tận hè, chỉ tay vào mặt nó, cong cớn mắng:

- Con ranh đi đâu đấy?

- Con đi gánh nước.

- Sáng sớm chẳng gánh, hễ có khách là sắp lẩn phải không?

Nó đặt gánh, nói:

- Bà sai con gánh nước, nhưng đã có lúc nào đi được đâu.

Cô Nguyệt trừng mắt, để im cho nó cãi, rồi vênh váo hỏi:

- Nhưng bà đang gọi rằm mà ở dưới bếp ấy, mà có biết không?

Bà gọi rằm! Đến cả ông bà ông vải nó ở dưới âm phủ để lúc nào cũng phải cố lắng tai để nghe bà gọi và nhắc nó. Vì ông bà ông vải nó muốn được yên giấc ngàn năm.

Nó tặc lưỡi, quấy thùng không mà về.

Khách khứa nhốn nháo khắp nhà. Con Thanh len lén đi, cúi gằm mặt, tránh hết người này lại tránh người nọ. Nó không dám nhìn ai, cũng không dám nghe ai.

- Thanh!

- Dạ!

- Mà đi đâu?

- Dạ thưa cô, bà sai con đi mua hạt tiêu.

Bỗng vành khăn nó xổ ra, rồi cả hai món tóc nó bị kéo giật. Nó ngật đầu ngoảnh lại. Một cậu đặc chí, cười hênh hếch, nấn lại cái cà-vạt, nói:

- Gớm, các cô tiểu thư nhà này kiệt quá, không cho nó được cái khăn nhung cũ. Chó gây hổ mặt người nuôi!

Nó biết là việc đùa, hết trống ngực, tùm tùm cười, vừa đi vừa quấn khăn. Nhưng vẫn không dám để tai đến những lời bàn tán về nó, sau lưng nó.

Rồi mặt trời lên cao. Ánh nắng chói lọi. Một mảng áo lung nó bết vào với thịt. Khi trở về, qua buồng khách nó bẽn lẽn, ngượng nghịu. Những tiếng nói cười bàn tán vẫn tranh nhau làm loạn nhà.

- Thanh!

- Dạ!

Nó quẳng vôi đôi thùng với cái đòn gánh cạnh thập nước, chạy ra.

- Anh bảo nó mua gì?

Cậu ấy chẳng đáp, lấy tờ báo để quạt, nghiêng đầu ngắm nó. Chẳng trả lời câu hỏi, cậu ấy bĩu môi, nói:

- Nhưng tay nó bẩn lắm.

- Làm gì?

- Nhà có cái bị hay cái hộp nhỏ nào không?

- Có.

Cậu ấy quẳng ra bàn ba xu, bảo nó:

- Mua nước đá. Nhưng không được mó tay vào nhé.

Cô Nhuận nói:

- Chạy lên! Hễ tan hết thì chó chết!

Nó sợ chết, nên ba chân bốn cẳng, chạy như bay.

Tội nghiệp con bé, trên mặt mũi, mồ hôi nhỏ giọt. Nhưng hai mắt nó sáng long lanh, vì vừa làm tròn được một việc mà không phải mắng. Nó sung sướng, cái vui sướng của nhà nghệ sĩ, nhìn hết người nọ đến người kia.

Cô Nghi khen:

- Thưởng cho con Thanh cái mề đay.

Nó sắp tùm tùm, thì cô Tuyết đã lên giọng danh đá mắng nó:

- Đi mà gánh nước. Chậm như sên! Bà ở bếp ra mà không có gì rửa tay, thì mày ồm đôn.

Bống nó nghĩ đến bà - bà nghĩa là những ngọn roi, những câu chửi - nó sợ.

Nhưng cô Ngọc, độ mười ba mười bốn tuổi, ở trên gác, đánh phẩn xong rồi, mà mới xỏ được một bên tay áo, đã vội vã chạy xuống, hỏi:

- Con Thanh đã về đấy à?

- Rồi.

- Thanh!

- Dạ!

- Làm gì đấy?

- Ô! Để cho nó gánh nước, không mẹ mắng cho.

Cô Ngọc ngăn ngừa:

- Nhưng mà hãy gượng. Thanh! Đi quàng lên cho tao vậy. Mày ra thợ giặt, bảo nó là ngay cho tao chỗ này nhé.

Một là con Thanh ngoan, hai là nó nhát, nên nó khoanh cả hai cẳng mà đi rõ nhanh.

Rồi nó về, vẻ mặt lo lắng. Nó giao hẹn:

- Thôi, các cô để con quấy một gánh nước, kéo bà đánh con nhé.

- Ừ.

- Mau lên!

- À, nhưng Thanh! Tao bảo. Một công đôi ba việc.

- Dạ!

- Mày đi mua cho ta ba xu ô mai. Đẳng chua ấy nhé.

Rồi cô Kim nhìn mọi người, chế nhạo:

- Vừa nói đến ô mai chua, cậu nào cậu ấy đã nuốt nước dãi!

Tiếng cười vang cả buồng. Cô Kim mở ví, nhặt chọn cho hết Trinh Bảo Đại mới đến trình Khải Định. Con Thanh chờ. Nó đập bàn chân nọ vào bàn chân kia, cho đỡ sốt ruột.

Rồi nó cầm tiền, nhắc đòn gánh lên vai. Vừa ra đến cổng, cô Hà cười sảng sặc, gọi theo:

- Thanh!

- Dạ!

Nó đứng lại, thở dài, chờ lệnh.

- Mày mua về, phải đưa cho tao.

Cô Kim xua tay:

- Không được.

Một cậu bảo:

- Thanh! Mày cứ đưa cho tao.

Rồi nhao nhao mỗi người một điều. Nó chẳng nghe ra sao cả. Mà hễ bước một bước, thì lại bị gọi:

- Thanh! Phải đưa cho tao!

Chờ các cậu, các cô đùa nhau để mất thì giờ của nó, nó lo lắm. Nó đánh liều bước ra đi.

- Thanh!

- Dạ!

- Hãy về tao bảo!

Nó lại phải thủng thẳng trở lại. Cô Minh nói:

- Chờ đấy, tao lấy tiền, mua thêm năm xu nữa. Thế là ổn.

Rồi cô quay lại mọi người:

- Để tôi đóng vai nhà từ thiện, bố thí ô mai cho cả mọi người.

Tiếng vỗ tay, tiếng cười vang động cả đến nhà dây phở bên kia.

Con Thanh đứng tựa vào tường, chờ cô Minh đưa tiền, ngắm cái cảnh êm đềm, vui vẻ trước mắt nó. Bỗng một tiếng gọi như gắt ở dưới bếp đưa lên:

- Thanh!

Cô Tuyết tròn mắt, xua tay cho mọi người im, và nhìn con Thanh, hất hàm bảo:

- Kia! Bà gọi gì mà.

- Thanh!

Tiếng gọi như quát. Con Thanh vội vã:

- Dạ!

Trên nhà, các cô các cậu nhìn nhau, sợ hãi.

Cô Ngọc bảo khê mọi người:

- Bà cụ đã nổi tam bành cái gì ở dưới kia kia. Gớm!

Ai nấy đều yên lặng. Tiếng léo xéo trong sân làm mọi người ngồi yên trên ghế, nhu mì và trật tự.

Rồi cô Tuyết rón rén dòm vào sân, thì thấy mẹ, cái đuôi gà ở đầu khăn ngổng ngược lên trời, mặt đỏ như, quệt cái tay áo dấm những mồ hôi lên trán, tay cầm thanh củi, trở vào thạp nước, tròn tròn mắt, rồi phang vào đầu, vào mặt, vào lưng con Thanh túi bụi, để đánh nhịp với những tiếng:

- Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười!...

2-7-1935

THẾ CHO NÓ CHỪA

Thế này thì phải đến chùa thật! Khốn nạn! Giá báo nó ăn cấp năm lần bảy lượt cho cam! Nó thế với tất cả mọi người rằng vì nó đói quá, nó mới dám liều.

Chứ bản thân nó vẫn lương thiện. Nhưng ai tin nó?

Người ta không muốn nghe kẻ gian nói dối mãi. Nó đành khóc mà lấy trời làm chứng.

Trời xa, trời mặc kệ nó.

Vả lại, nó bị bắt quả tang ăn cắp. Theo luật, thế là a lê, vào nhà pha!

- Cứ điệu nó lên bóp, bà ạ. Nó kêu oan thì vả vỡ miệng nó ra. Để người ta đưa nó vào xăng tan, tẩn cho vài trận thành tảng. Thế cho nó chữa.

- Con cần cở cần rác lạy các ông các bà, con chữa rồi. Đừng bắt con bóp. Con sợ lắm! Con chết mất! Biết thế, con chết đói còn hơn chết đòn.

Nó òa lên, khóc rất thảm thiết. Một lúc, nó lăn ra đất, gào lên, lê la lê liệt.

Nhưng thế là nó còn non dại, chưa biết gì. Đám người

xúm quanh nó lúc ấy toàn những kẻ thù, chỉ muốn ăn sống nuốt tươi nó.

Hai người cảnh sát xuống xe đạp, rẽ đám người để vào.

Những nét mặt tươi lên. Một vài nụ cười hoan nghênh, tiếp rước hai nhà thừa hành pháp luật.

Nó quay ra. Hy vọng vụt chốc biến mất. Nó suýt ngã. Bất tỉnh.

Bỗng trong áo nó rơi ra một tấm bánh. Nó mất kêu oan. Đành mặc người ta túm ngực, lôi xềnh xệch lên sở Cảnh.

Nó nhìn quanh quần xem có ai quen không, để mong có một sự cứu vớt. Nhưng than ôi, nó sực nhớ ra rằng từ bé, nó chưa biết ai là cha mẹ, anh em cả. Một thân cô cút, bị xã hội dè gí xuống bùn, nó vẫn chỉ lê la đầu đường xó chợ, sống bằng cách tranh cướp chiếc lá bánh, mảnh xương khô với những kẻ cùng cảnh.

Vừa bước qua mấy bậc thêm, nó vào một gian đầy những ông quần áo tây vàng, thắt lưng da ngang mình. Các ông ấy đương ngồi xung quanh một chiếc bàn mộc, cười nói râm ran. Thấy nó vào, các ông nhìn. Từng ấy luồng con mắt rừng rực như muốn thiêu nó ra than.

Nó nóng bừng cả người.

Người cảnh sát dẫn nó, bỏ mũ xuống bàn, thở mạnh một cách khoan khoái, rồi chỉ tay và quát:

- Ngồi vào xó kia, ôn con!

Tức thì, một người đi lại chỗ nó, lấy bàn tay khổng lồ úp vào sọ nó, ấn xuống. Mặt nó bị vênh lên.

- Ê! Chà! Ba tuổi ranh đã trộm cắp. Ông thì cho tù!

Những lời dọa nạt thì nhau làm cho nó hoảng.

Dần dần, nó thấy mệt. Mệt quá. Hai mi mắt nặng trĩu. Nó gục mặt vào đầu gối.

Bỗng một chiếc bạt tai thực kêu kéo nó ra khỏi cõi mơ màng. Nó choàng dậy. Thì lại bắt đầu lo sợ. Nó nom ra ngoài đường, ao ước cảnh những người đang kéo xe hoặc bán phở. Nó tưởng tượng được làm con chim kia để bay nhảy một chốc. Thì rồi sau có bị mắc cạm bẫy cũng cam.

Người ta cầm tóc nó, kéo lên. Nó ê ẩm cả một mảng đầu. Lúc nó nhìn lên, nó thấy một tấm mặt cau có, đen xạm. Nó rùng mình.

Người cảnh sát đến một chiếc bàn con đầy sổ sách, ngoắc ngón tay gọi nó:

- Lại đây, cậu cả!

Nó theo lại, khai tên tuổi. Xong rồi, túi áo, cặp quần nó bị xét kỹ lưỡng. Đoạn người ta dẫn nó xuống nhà giam.

Lúc cánh cửa gỗ đóng lại trước mặt nó, nó còn nghe thấy câu sau cùng.

- Ông cho thì tù!

Chết! Tù thì chết! Biết bao giờ nó lại được tự do? Nó tự trách nó quá dại dột một lúc để làm khổ cả một đời. Ôn lại việc đã qua, nó vẫn không rõ cái sức mạnh nào đã ấn tay nó giờ ra để cướp tấm bánh đỏ của bà hàng. Nó chỉ còn nhớ là lúc ấy bụng nó réo, mắt nó hoa. Cho nên nó đã làm như một cái máy.

Nó tưởng tượng nếu người ta thả nó ra, thì suốt đời nó sẽ không quên những phút này. Hình ảnh hai người cảnh sát với cái buồng giam cũng đủ bắt nó tránh rất xa những việc phi pháp. Lấy lại được tự do, nó sẽ hiền lành hơn trước nhiều. Và có lẽ nó quy thiện được nhiều bạn nữa.

Nghĩ bao nhiêu, nó lại càng thất vọng bấy nhiêu.

Đến hai giờ chiều, người ta mở cửa buồng, xích tay nó, đưa ra tòa án. Nó bị dẫn đến trước một ông quan nghiêm khắc.

Ông quan hỏi qua loa, rồi phán:

- Đưa sang đề lao!

Thôi, côi chết đã đến. Nó bật khóc, khóc rất to mà nó không ngờ. Chân tay nó run lẩy bẩy. Nó ngã khuỵu xuống trước mặt quan dự thẩm:

- Lạy quan lớn. Quan lớn tha cho con! Con chữa rồi. Con thề rằng con không làm bậy nữa. Quan lớn không cần giam con đâu.

Những câu van lơn của nó có kết quả ngay. Quan dự thẩm thét:

- Lôi nó đi!

Người cảnh sát được lệnh, kéo cánh tay nó xềnh xệch ra lối ngoài.

- Ranh con mà buống thế, không đi. Ông đánh ựa cớ ra bây giờ!

Nó toan để người lính đánh, xem có ựa cớ được không. Vì trong bụng nó, bói cũng chẳng còn một hột có tên quy hóa ấy. Nếu có, thì chẳng đời nào nào đi ăn cắp.

Cổng Hỏa Lò mở rộng. Con vật đen sì nuốt chửng thẳng bệ.

Mai đây, nó sẽ sang Sở mật thám, đo người, chụp ảnh, in tay. Thế là nó bị liệt vào hạng chính thức bất lương. Và bị đòn đánh, tra tấn, rồi vút lộn xộn với tất cả các thú rác rưởi của xã hội.

Máy tiếng trống vắng vẳng ở đằng xa. Cậu cai quát chiếc roi xuống sàn, hét:

- Dậy cả đi!

Nó lồm nhồm bò dậy, xếp áo, chiếu, để lên trên ba gác.

Nó nhìn quanh, ngó ngán. Chẳng bao lâu, nó nhớ lại cảnh mình. Bỗng nó đâm liều. Chẳng liều cũng chẳng làm thế nào được.

Bọn cũ, cậu cai xua ra ngoài sân cho rửa mặt, đi bách bộ. Bọn mới, cậu truyền ở lại trại để lau cọ nhà. Cậu phát cho họ hai mươi chiếc chổi buộc bằng những manh chiếu quăn lại.

Nó ngoan ngoãn, trước tiên, cầm lấy một chiếc chổi, chui vào tận góc nhà hiểm hóc để quét. Nó có vẻ một đứa bé chăm làm.

Nhưng tự nhiên: Vút! Cái roi mây quất vào mông nó. Nó giãy nảy, quay lại. Cậu cai nhăn nhó cười:

- Thăng này với ba thằng kia ra nhà xia để dọn.

Nó ức lắm. Nhưng nó phải cố lép, cầm cổ theo lệnh.

Như thế đã xong đâu. Cậu cai rình nó từng tí. Nó biết làm thế nào vừa lòng cậu? Cái roi cứ luôn luôn giáng xuống đầu nó vì những lỗi nó không hiểu.

Ngày đầu tiên thực là ngày khổ cực. Đến chiều, cậu cai ra lệnh:

- Im mồm! Ngủ đi!

Tình cờ, nó nằm cạnh một người hơn nó ít tuổi. Nó kết ngay làm anh em. Những câu than thở, những lời xui bầy, trao đổi, không ngờ nồng mặn ngay:

- Anh bị can án sáu lần rồi, em ạ.

Nó sững sốt. Nó ngấm lại người nằm cạnh như ngấm một kỳ quan. Có lẽ nào vào tù nhiều lần thế? Nó như tỉnh một giấc chiêm bao. Thì ra người ta rất có thể phạm tội nhiều lần.

- Thế lần đầu, anh có sợ không?

- Cũng như em bây giờ. Nhưng chỉ vài hôm rồi quen.

Rồi thấy sung sướng.

Ồ, hay quá nhỉ! Nếu vậy, mai, ngày kia, những đứa khác sẽ phải đôn thay nó, và nó sẽ sung sướng.

- Còn những lần sau?

- Những lần sau vào đây như về nhà. Đến lúc hết hạn phải ra, nhớ họ ra phết.

Những câu nói làm nẩy óc tò mò của nó. Nó nghe mà thích chí.

- Anh bị tội gì?

- Toàn ăn trộm.

- Vậy ra anh làm nghề ấy à?

- Ừ. Rồi anh truyền cho em. Anh cũng học được nghề ấy của người bạn ở trong này. Nếu sau này được ra, anh sẽ cho em nhập bọn, rồi em mới giỏi được.

Cứ như vậy, anh em thân mật nhau dần.

Nó chỉ việc lấy tai để nhập tâm những điều cốt yếu:

- Em đừng sợ gì cả. Mình mà có cánh thì đi đâu cũng chả cần. Đây, thằng Cam, mấy lần vào đây, đều được làm phó cạo, vác tông đi khắp các trại để húi đầu. Khá đấy. Thằng Tấu có tiền đút lót, lần nào vào đây cũng được làm cai. Nó kiểm soát bọn mình, có tiền để tậu ruộng, tậu nương đấy. Em đừng sợ. Ở tù, tưởng là khổ, chứ khổ đếch gì. Mình khôn, thì vào nhà đá mình học được khối cách kiếm ăn.

Trên tám linh hồn trong trắng, thằng bạn tha hồ bôi mầu. Những nét đậm dần, rõ dần, sẫm dần. Có tài thánh cũng chẳng gột sạch.

Đến hôm ra tòa, nhận ba tháng tù, nó chẳng còn bộ mặt

buồn thiu nữa. Nó hí hớn đắc chí. Nó có vẻ khinh nhờn pháp luật. Nó cho quan tòa là khờ dại, đã gài vào đúng chỗ ngứa của nó.

Chẳng bao lâu, nó được tha. Trông đời, nó đã có con mắt khác.

Nó lang thang qua sở Cảnh, thăm lại chỗ nó bị giam hôm đầu tiên.

Nó thẹn đỏ mặt. Nó thấy rằng trước nó hèn nhát vô cùng. Làm gì mà phải sợ ai? Cho đến ông sếp nhà pha nó cũng đã coi thường.

Bỗng nó sực nhớ ra rằng từ sáng nó chưa có gì trong bụng. Rảo bước, nó đi thẳng ra chợ. Qua bà hàng bánh, nó nhận ra ngay cái hồi hơn ba tháng trước, đã túm nó, giải nó lên bốp. Trong óc nó nảy ra một ý: nó phải thử nghe.

Và nó muốn xoáy của bà ta cho bà ta biết tay.

Nó lượn trước hàng bà cho bà nhận kỹ mặt nó. Nó lại nhìn bà bằng cặp mắt giễu cợt mà nó luyện trong những ngày ở nhà pha. Rồi một loáng nó biến mất.

Vài phút sau, bà hàng la hét, làm rối loạn cả một khu chợ. Tấm bánh bà vẫn bày ở đây. Thằng ranh con ngày trước nó vừa lảng vảng ở đây. Vụt một cái, bây giờ, cả tấm bánh lẫn nó...

Thấy huyền não, người đội sếp đến.

Bà hàng kể lễ sự tình, rồi ca cẩm:

- Tưởng nhà nước bỏ tù nó, thì nó sợ, nó chữa. Chẳng hóa ra bây giờ nó bợm hơn trước, thầy ạ.

THẰNG ĐIÊN

Trời nắng, cái nắng mới, làm cho người ta khó chịu, dễ sinh giận dữ, gắt gỏng với cả mọi người

Trên con đường nhựa Hà Nội - Hải Phòng, đen như con rắn nằm nhòai không cựa quậy, anh đi Mùi đi chợ về, quẩy một gánh nặng những khoai lang. Đi đã năm cây số, nên mồ hôi anh nhễ nhại, ướt cả áo, lấm tẩm trên trán, trên mũi, và trên cằm...

Anh đang rảo cẳng bước cho chóng hết nốt hai cây số nữa, thì trông thấy ở cạnh đường, một cái ô-tô hòm liệt máy, đứng đó. Nhân có bóng cây mát, anh nghỉ chân, hạ gánh khoai xuống, ngồi ở vệ đường. Anh phanh áo ngực, rồi lấy nón, vừa quạt, vừa nhìn cái xe chết.

Dằng mũi xe, một ông độ bốn mươi tuổi, mặt mũi phương phi, áo khăn chững chạc, đương loay hoay, chữa hết máy này, sang máy khác, mồ hôi chảy ròng ròng. Trong xe, một người đàn bà, cũng trạc tuổi ấy, ăn mặc cũng sang trọng, thỉnh thoảng lại thò đầu ra hỏi:

- Thế nào, xe có chạy được không?

- Chẳng ăn thua gì.

Một chốc, người đàn ông trèo lên xe, vẫy anh đi lại gần, và nói:

- Này bác, tôi nhờ bác đẩy hộ đi mấy bước.

Vốn quen tính giúp đỡ, anh dĩ chẳng quản công. Anh bèn ịch đùn xe đi được vài bước. Nhưng người ngồi trên xe thất vọng, nói:

- Thôi, cảm ơn bác.

Rồi quay lại nói với người đàn bà:

- Thôi, đành chịu. Hết cách rồi.

Anh đi nhìn hai vợ chồng người này - vì anh chắc là hai vợ chồng - thấy có ý lo lắng, thì anh cũng ái ngại thay. Đã được dịp làm quen, anh mới dám tò mò bóp cái lốp bánh xe, sờ vào mặt kính, mò các máy móc, rồi ngó vào trong xe. Anh thấy hai cái va ly to lắm.

Người vợ nói:

- Làm thế nào về cho kịp được?

Người chồng bắn khoăn, móc túi xem đồng hồ, trả lời:

- Phiền quá! Mười hai giờ rồi. Đành phải đi bộ đến ga cho kịp xe lửa. Nếu may mà gặp xe hàng thì lên vậy.

- Nhưng ai coi xe cho?

- Bà ở lại tôi về một mình, kéo lỗ việc.

- Nhưng hai va-ly nặng lắm, mang thế nào nổi?

Hai vợ chồng nhìn hai cái va-ly, rồi cùng quay ra phía anh đi Mùi, như trong óc cùng nảy ra một ý nghĩ giống nhau vậy.

Rồi người vợ vẫy người chồng lại gần, ghé tai nói thầm như bàn nhau một việc gì. Đoạn người chồng hỏi anh đi:

- Này bác, bác có thể gánh thuê cho tôi hai cái va-ly này đến ga được không?

Anh đi nhìn hai cái va ly, rồi nhìn hai thúng khoai lang. Anh gãi gáy, ra ý nghĩ ngợi, rồi hỏi:

- Có nặng không, thưa ông?

- Hơi nặng. Nhưng gánh thì cũng cân.

Anh đi nhắc thử lên xem, thấy cũng vừa sức. Anh gật đầu:

- Được, ông để nhà cháu gánh giúp.

Anh đi đặt hai chiếc va ly lên hai thúng, rồi ghé vai vào, gánh đi. Người đàn ông theo sau. Còn người đàn bà ở lại.

Gánh nặng. Trời nắng. Anh đi mệt thở hơi tai. Người đàn ông đi trước, vừa nực, vừa nhọc, vì từ nhỏ bé, chưa từng bị khổ như thế này bao giờ. Nhưng thấy anh nhà quê rụt cổ, nhẩn mặt vì gánh nặng, nên ông ta cũng ái ngại:

- Có nặng không bác?

- Bẩm ông, nặng ạ. Ông đi đâu?

- Tôi đi lên tỉnh.

- Thưa thế ông ở đâu ta?

- Tôi ở ngay tỉnh.

- Thế thì thích lắm nhỉ. Tỉnh có nhiều phố vui lắm. Ngày trước, cháu đã được lên tỉnh một lần.

Anh đi thấy ông ấy nói chuyện dễ dãi, nên vì cũng muốn quên nỗi gánh nặng, đường xa, trời nóng, mới hỏi thêm:

- Ngoài tỉnh chắc bây giờ vui vẻ hơn trước, ông nhỉ?

- Phải, hôm nào bác rồi, lên tỉnh mà chơi.

- Cháu chẳng quen ai, mà cũng chẳng có việc gì mà lên. Đi một mình, nhớ lạc chết.

Thấy bác nhà quê thực thà, ông kia chẳng hẹp gì mà không tỏ hết cái tử tế với người giúp mình, bèn nói:

- Được, khi nào lên tỉnh, bác cứ lại nhà tôi chơi. Nhà bác ở đâu?

- Nhà cháu ở gần ga, cách một cây số. Qua làng cháu rồi mới đến ga.

- Vậy bác phải đi thêm cho tôi một thôi đường nữa à?

- Vâng, nhưng chẳng ngại. Cháu làm ăn vất vả quen rồi.

- Thôi được, tôi sẽ đãi bác hai hào cho bố công.

- Ông đừng lo, cháu không lấy đâu. Nhân thể chuyển gánh, thì cháu giúp ông, chứ công sá gì.

- Bác không lấy, tôi không bằng lòng. Bác cầm về mua quà cho cháu.

- Không. Người ta ăn ở với nhau, cốt giúp nhau lấy tình, chứ tiền mà làm gì?

Người ấy thấy anh đi nói với mình một cách nghĩa hiệp, thì ngợi khen mãi. Từ lúc ấy, hai người nói chuyện thân mật như bạn.

Khi tới ga, ông cứ lấy ra hai hào đưa anh đi. Anh đi cười, lắc đầu:

- Ông đừng làm thế. Hai hào chứ hai đồng cháu cũng không lấy đâu.

Ông ta nằn nì:

- Bác cứ cầm cho tôi bằng lòng. Tôi biết là công bác to hơn thế này kia.

- Không mà, cháu đã nói là ăn ở với nhau cốt lấy tình, chứ tiền thì làm gì.

Khi xe lửa đến, ông ta nắm tay anh đi, và nói:

- Bác thực có bụng tốt ít có. Bác là một người đáng quý, không bao giờ tôi quên. Khi nào bác lên tỉnh, nhớ lại nhà tôi chơi. Tôi sẽ đưa đi xem phố. Nhà tôi ở phố Bồ Sông, số 36. Nhớ nhé. Thôi, chào bác, cảm ơn bác.

- Vâng, không dám. Chào ông ạ.

*

* *

Một câu mời doi. Một câu hứa vờn. Ai ngờ đến cuối năm ấy, anh đi Mũi có tiền, lên tỉnh sắm Tết.

Mua các khoản xong, anh mới đi xem các phố xá. Anh nhớ người khách qua đường nhờ gánh va-ly mấy tháng trước, cũng muốn xem nhà người ấy ở đâu. Nhưng nào anh có nhớ phố và số nhà để hỏi thăm đến.

Đi hết phố này sang phố khác, nhà nào anh cũng ngắm, cũng nhận kỹ lắm. Vì không mấy khi lên tỉnh, lại được rảnh rang, nên anh chẳng chịu lỡ nhịp mà chẳng đi cho khắp. Anh dừng chân trước hiệu cân gạo. Anh dừng chân trước xưởng ô-tô. Anh xem cái cột đóng dầu ét-xăng, chiếc vàng, chiếc đỏ. Rồi anh đến phố Bồ Sông. Anh thấy một nhà có hàng rào sắt. Nhân có bóng cây, anh đứng nghỉ.

Anh đưa mắt vào trong nhà để nhìn. Người đi lên đi xuống tấp nập, người nào người ấy ăn mặc rất lịch sự.

Anh ngắm các câu đối, hoành phi, sơn son thếp vàng. Anh nhìn các bồn cây, lá hoa bay tới tả.

Bỗng anh thấy ở trong nhà có tiếng găt toang toang, mà đây tớ thì chạy cuống quít. Rồi có một người đứng ở hè nét

mặt hăm hăm. Anh thoát trông người ấy, lấy làm ngờ ngợ. Nhìn kỹ, thì té ra chính là cái ông hồng ô-tô độ trước.

Vậy thì anh dĩ Mùi quen ông ấy rồi. Anh nghĩ lại cái việc anh đã giúp ông ấy, những câu ông ấy nói chuyện rất tử tế, dễ dãi, cùng những lời ông ấy khen anh và mời anh. Nay anh đã tìm thấy nhà ông ấy, không lẽ anh lại không vào một tý hay sao. Vì mấy khi anh đã lên đến tỉnh?

Anh đi đứng hẩn ở giữa cổng để nhìn vào nhà cho cẩn thận. Anh sợ trông lầm chãng. Anh ở nhà quê quen, trông người trên tỉnh, thường thấy người nào cũng sang trọng giống người nào.

Anh thấy ông kia cũng nhìn anh một lúc. Nhưng quái, sao không thấy ông ấy gọi? Hay là hôm nay anh đội khăn và mặc áo dài, nên trông khác, mà ông ta chưa nhận ra chãng?

Anh bèn giơ tay ra vẫy, và gọi:

- Ông ơi!

Lạ quá, anh thấy ông ấy quay trở vào. Và tiếng găt máng lại to hơn ban nãy. Rồi bỗng có người đẩy tớ ở trong chạy ra, hất hàm hỏi anh:

- Đi đâu? Vào đây làm gì?

- Tôi quen ông kia. Tôi vào chơi.

- Ai chơi với mày? Thằng điên!

- Tôi không điên đâu. Tôi quen thật đấy.

- Đừng láo! Liệu không tao báo đội sếp đưa vào nhà thương. Cút đi!

- Anh hỏi lại ông ấy mà xem. Tôi không điên đâu. Tôi quen ông ấy. Ông ấy mời tôi đến chơi thật đấy mà.

- Mày đừng giở thói điên ra đây. Cút đi!

Người đầy tớ vừa nói, vừa dắt tay anh đi, lúi ra cổng.

- Mày là thằng điên. Chỗ này không phải chỗ mày đến nói láo. Ông ấy bảo tao đuổi mày đi, vì mày điên, nghe chưa!

- Tôi quen thật. Ông ấy nhờ tôi gánh va ly lên ga đấy, cái ngày ông ấy hỏng ô tô ấy mà.

Người đầy tớ nhìn qua nét mặt anh đi, rồi hỏi:

- Anh nói thực?

- Tôi nói dối làm gì? Ông ấy không mời, sao tự nhiên tôi dám đến. Tôi không điên đâu. Ông ấy tử tế lắm.

Người đầy tớ lại nhìn anh đi một lần nữa, thấy bộ mặt anh quá thực thà, thì thương hại, nên mỉm cười, vỗ vai anh, và ôn tồn giảng:

- Ô! Thế thì anh chẳng điên là gì? Lúc người ta hỏng ô tô khác, lúc người ta ở nhà tiếp khách khác. Chứ anh tưởng người ta lúc nào cũng như lúc nào à? Thôi, anh về đi là khôn...

1935

NGẬM CƯỜI

Làng tôi bây giờ sở dĩ được yên ổn, là nhờ lòng can đảm, nghĩa hiệp của anh cu Bản, đã liều mình khám phá ra cái tổ trộm cướp ở cánh rừng Thông.

Sáu tháng về trước, luôn một dạo, những lúc đêm khuya, tĩnh mịch, không có trăng, ít người dám đưa mắt ra ngoài sân tối mịt. Nghe ngọn gió rít qua khe liếp cũng đủ trợn! Hễ có tiếng chó rồ lên sủa khan ở xóm bờ sông, là ngay từ đứa bé lên hai cũng biết giật mình. Nó khóc thét lên, ôm chầm lấy mẹ. Mẹ nó vỗ, xoa, ru khe khẽ để lắng tai nghe. Rồi nếu một hồi tù và dậy lên, thì ông già vịn to ngọn đèn hoa kỳ, ngồi nhòm dậy, húng háng ho, hoặc hút thuốc Lào, cho đỡ vắng vẻ.

Nhưng bỗng vắng nghe ở đâu kêu cướp, rồi trống đánh liên thanh, tiếng khóc như rì, tù và rúc, chó sủa lạc tiếng, liên liên nhau từ làng này đến làng khác, dài hàng mấy cây số, thì người cứng bóng vía đến đâu cũng phải lạnh run lên, đánh thức cả nhà dậy, ngồi đến suốt sáng.

Mười tối thì đến bốn năm tối kinh khủng như thế. Mà bọn cướp rất tài, ban ngày chúng khéo lẫn lút trong cánh

rừng Thông. Các nhà chuyên trách mấy lần cho lính vào sục cũng không bắt được.

*

* *

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ chiều. Chị cu Bản đang ngồi nhặt ra trong bếp, thì chồng về. Nét mặt hăm hờ, anh nói:

- Này u nó, quan đã bắt tôi rồi.

Chị ngơ ngác:

- Cái gì?

- Bắt đi bắt tổ cướp rừng Thông.

Xám ngắt mặt, chị gắt:

- Quan bắt thầy nó vào chỗ chết mà cũng nghe à?

Anh cu vênh mặt, kiêu căng, đáp:

- Chỉ nói đại! Việc gì mà chết. Chính tôi tình nguyện với quan để xin đi!

Chị cu òa lên khóc:

- Thầy nó nỡ bỏ mẹ con tôi chết đói hay sao? Khổ quá! Tôi biết trông cậy vào ai được? Thầy nó đừng đi!

Ba đứa bé, ngơ ngác nhìn cha mẹ, cũng òa lên khóc.

Anh cu cảm động, an ủi vợ:

- U nó cứ yên lòng. Thế nào sáng mai tôi cũng về. Nếu tôi không ra tay, rồi quân cướp cứ những nhiều mãi, vùng này còn ai làm ăn gì được!

-Đành vậy, nhưng lỡ ra...

- Thì cũng đành chứ sao? Tôi làm việc ích cho mọi người mà u nó cũng cứ ngăn cản.

- Làm ích cho nhà giàu, chứ những hạng như mình thì lo gì bị cướp? Tôi chỉ sợ lỡ ra, thì một nách ba con mọn, tôi biết làm thế nào?

- U mày đừng dờ hơi! Việc gì mà lo xa như thế? Tôi sẽ được thưởng. Quan hứa rồi. Nếu thành công, ta không phải vất vả như thế này nữa.

- Thôi, tôi van thầy nó đừng đại đột. Tôi không để thầy nó đi đâu.

Anh cu quắc mắt, nói:

- Việc quan nào phải việc trẻ con! U nó không được nói thế.

Chị cu lại òa lên khóc, túm chặt lấy áo chồng. Anh cu giằng ra, mắng:

- U nó không được giữ. Quan và lính chờ tôi ngoài đình kia. Để tôi đi, kéo chậm.

- Không! Không đi! Thầy nó hãy ăn cơm đã, vội gì.

- Không cần. Đã có cơm của quan. Tôi phải đi ngay bây giờ mới kịp.

Nói đoạn anh cu nhất định dứt áo ra đi. Anh ôm ba con vào lòng, xoa đầu, dặn dò mấy câu, rồi ra cổng. Chị cu bế con, khóc lóc theo chồng. Nhưng vẫn thản nhiên, anh cu coi nhẹ nghĩa vợ chồng, tình cha con. Đến đầu làng, anh rí tai nói với khán thủ kéo chị cu trở lại.

*

* * *

Sự thành công của anh cu Bản đã làm cho vợ anh ta góa chồng! Đêm hôm đó, nhờ anh can đảm, quân cướp bị giải lên huyện. Nhưng anh cu Bản bị bỏ mạng. Thương thay!

Từ bảy giờ trên đầu chị một tấm khăn tang, kẻ nách chị ba mụn con mụn. Đoạn trường lắm lúc nghĩ mà buồn tênh...

Cả làng ai cũng ái ngại cho chị cu Bản và ngậm ngùi thương hại cho con người trọng nghĩa mà khinh thân.

Bọn nhà giàu được ăn no ngủ yên. Họ mổ gà mổ chó ăn mừng. Họ khen quan huyện tốt với dân, biết hy sinh một người để cứu nhiều người. Họ xui chị cu Bản bế cả ba đứa con lên kêu quan phụ mẫu thương đến tình cảnh nhoe nhóc của chị mà cho một món tiền bồi thường.

Quan huyện rất tử tế. Ngài nói:

- Nhà chị không phải kêu, bốn phận ta là phải bầm lên quan trên xét người có công, cứ về mà chờ đợi ít lâu. Rồi chị sẽ không phải phàn nàn về sự ân thưởng đích đáng của chồng chị.

*

* *

Ôm tấm mong mỏi, chị cu Bản vui vẻ về nhà, kể chuyện cho mọi người nghe. Ai cũng có bụng mừng thay cho chị.

Thường khi làm ăn vất vả, được bữa nay lo bữa mai, chị lại nhớ thương chồng. Nhưng chị lấy ngay cái hy vọng ra để tự an ủi. Nếu được thưởng, chị dùng món tiền để sinh lợi, thì chắc được đủ ăn suốt đời.

Năm hôm, mười hôm. Cái trò mong vẫn hay thấy lâu. Chứ chị biết đâu rằng lá đơn của chị còn phải qua tòa này sở nọ, có khi nó đi chậm mà hay nghĩ như ông cụ già.

Rồi nửa tháng, lại một tháng. Chị cu Bản ngày càng quần bách. Cơm chẳng đủ nuôi con. Nhà dột, không ai giới hộ. Sân rêu, cỏ mọc, chị chẳng có lúc nào sửa sang. Mấy

dứa bé bêu rếch. Nhưng biết làm thế nào? Nếu chị ở nhà trông nom chúng, thì ai đi làm lụng kiếm miếng cho mà ăn? Giá chúng lớn, độ lên bảy lên tám cả, thì chị đã cho một đứa đi ở, để đỡ phải nuôi. Khốn nhưng thằng lớn mới lên năm tuổi.

Rồi nữa, một tháng, hai tháng. Người ta thấy chị cu Bản rách rưới. Không ai không phân nân cho chị. Mặt mũi chị hốc hác, đen đũi, xấu xa. Người ta hỏi thăm, chị đều trả lời:

- Nay mai tôi sẽ có món tiền thưởng.

Thưởng. Cái đó không thể không có. Chắc lắm rồi. Quan đã hứa thế. Nhưng hôm nay chị chưa có gì cả. Chị nóng ruột. Khổ. Nhưng, nhất định chị chờ cái tương lai.

Ồ ngoài, họ đồn chán lên đây. Có người mong chị được thưởng một nghìn bạc. Có người đoán chị được lương ăn suốt đời. Có người ở xa, lại nói dựng đứng ngay rằng đã gặp chị lên tỉnh lĩnh hai nghìn ở Kho Bạc.

Nhưng sự thực chưa có thế. Sự thực thì chị cu Bản vẫn tự an ủi bằng cái hy vọng những khi đầu tắt mặt tối, và khóc thầm những lúc nhà vắng đêm khuya. Chị nhớ lại hôm chồng hăm hở đi đưa quan lính vào chỗ tổ cướp. Chị nhớ lại lúc trông thấy xác chồng nằm co ro trên vũng máu để tự nhiên chị thành góa bụa, với ba mụn con thơ. Chị đau đớn. Nhưng chợt chị nghĩ đến lời quan huyện hứa, quả quyết sẽ được bồi thường về công của chồng chị. Trời ơi, bao giờ nhỉ? Bao giờ cái đói, cái rách, cái khốn quẫn nó tha cho chị mà đừng dọa nạt chị nhỉ? Bỗng chị nhìn trên vách. Thấy bóng chiếc khăn ngang, chị cảm động, thút thít khóc.

*

* *

Một hôm, chị cu Bản chạy sang nhà tôi. Tôi không thấy tay chị cầm chiếc rá. Mặt chị cũng không thấy nhăn nhó như mọi khi. Chị giơ tờ giấy có dấu son đỏ lòe, nhờ tôi xem hộ, và hỏi:

- Ông lý đưa tôi tờ sức, nói rằng tôi đi lính thường phải không?

Tôi mừng thầm cho chị. Chị lại hỏi:

- Có phải không? Bao nhiêu, hở cậu?

Xem xong, tôi nhìn chị, rồi khẽ đáp:

- Phải, thường, anh ấy được truy tặng cứu phẩm bá hộ, chị ạ.

- Chứ không phải tiền à?

- Không!

Bỗng chị cu Bản xám mặt lại. Chị run bắn lên, rồi mếu máo khóc. Chị giật lấy tờ giấy, chạy ù ra cổng, quên dứt rằng đáng lẽ chị phải vui vẻ cho chồng chị ở chín tuổi được ngậm cười.

1935

KIỆP TÀI TÌNH

Nhà hát tây hôm ấy có vẻ tôn nghiêm của một vẻ tôn nghiêm của một vị thượng quan mặc lễ phục. Dưới ánh sáng đèn điện như hàng trăm con nhện lửa chằng tơ trên tường và ngoài vườn hoa, hiện ra quang cảnh một thế giới riêng của hạng người phú quý.

Tiết trời đông lạnh lẽo những đầu đầu, chứ ở trước nhà hát, vẻ tấp nập, hớn hở lộ trên nét mặt các nam thanh nữ tú, làm cho nhà soạn kịch Hồng Sơn tưởng tượng đến những bông hoa của mùa ấm áp.

Một mình, chàng đứng nấp dưới bóng tối một khóm dạ hương đưa mắt ra ngắm cái cảnh náo nhiệt đó, là cái kết quả của hai năm hy sinh làm việc, hai năm nhịn nhục của chàng.

Đã hai năm nay, Hồng Sơn đem hết tâm lực để soạn một vở kịch đầu tiên, mà chàng quyết nó được hoàn toàn trong tất cả các phương diện. Vở kịch ấy lại được một ban tài tử nổi tiếng xưa nay của Tiếp Như đem diễn, nên Hồng Sơn rất vui mừng, thấy trong lòng phấn khởi, vì cái công

lao của chàng trong bấy lâu nay không đến nỗi uổng, mà vở kịch ấy quyết sẽ là một cuộc vui, hoặc là một mối suy nghĩ cho biết bao trái tim, khối óc thiếu niên!

Lúc đó, chàng lại vụt nom thấy trong túp lều tranh nghèo khổ của chàng. Tiếp Như, trưởng ban kịch, dùng bộ mặt tài tử lỗi nghề, đôi vẻ khôn khéo ra vẻ thực thà mà quả quyết:

- Rồi ông xem, cả thành phố ta sẽ vỗ tay ông. Chúng tôi dám tự phụ rằng hễ chúng tôi mang nhà văn nào ra mắt quần chúng thì nhà văn ấy sẽ được hoan nghênh tức khắc. Ông sẽ nổi tiếng. Ông sẽ ra được khỏi cảnh bó buộc của vật chất.

Những câu khuyến khích đó, rất vô công hiệu đối với Hồng Sơn. Chàng đã hiểu cái thiên chức của nhà nghệ thuật và số kiếp của họ.

Vả chẳng, tuy chàng có thể tin được lời tự phụ chẳng quá ngoa của Tiếp Như, nhưng chàng cũng không tự phụ mà tin rằng ở cái giá trị riêng của văn tài chàng, song chàng có thiết chi cái danh tiếng hão huyền, cái phú quý rườm rà tục tĩu. Chàng vẫn cho rằng cái gì người đời đã tự ý đặt ra để tăng bốc hoặc để chôn vùi nhau, thì cũng có thể tự ý xóa bỏ đi rất dễ. Cái phần thưởng thật của nhà nghệ thuật, người đời chỉ phát ra cho họ, sau khi họ gác bút, nằm yên nghĩ dưới nắm đất vàng.

- Ông làm vẽ vang cho văn giới nước nhà. Cái số tiền hoa hồng bốn mươi phần trăm để phần ông là một số tiền xưa nay các kịch sĩ chưa ai được chúng tôi biệt đãi như thế. Riêng một tối đầu về ông năm trăm là ít. Ông sẽ lấy tiền ấy mà xuất bản sách.

Một lần nữa, Hồng Sơn đáp lại câu dỗ dành thiết tha về

danh lợi bằng nét mặt lãnh đạm. Bởi vì chàng lấy làm vô lý. Nếu sau này, cứ mỗi tháng chàng viết xong một vở, cái thì giờ một tháng cũng đủ thừa cho một vở kịch được hoàn toàn, thì làm gì nghề không nuôi sống nổi người một cách dễ dàng, vậy sao đòi nào. nước nào. các nhà nghệ thuật cũng vẫn chung một kiếp long đong nhất?

Một tiếng thở dài dành phần của một nhà văn hát ra, làm héo hắt mất nụ cười úy lạo trên môi nhà tài tử. Tiếp Như, mắt lăm lét, cuộn cho nhanh quyển kịch, rồi đứng dậy ra về. Hồng Sơn trông theo, mơ màng hy vọng.

Bỗng cơn gió thổi vù vù, hát trả Hồng Sơn lại cái đời thực, cái đời hiện tại. Tà áo the bạc bay tung, Hồng Sơn thấy lạnh buốt. tâm hồn chàng thêm một sự lạnh lùng đối với thế sự.

Bụng chàng réo lên như sôi: thì ra Hồng Sơn đã hai hôm nay chưa có một giọt cháo thấm vào trong dạ.

Cái bể người xanh đỏ vẫn cứ xô đẩy nhau, chảy dần dần vào trong nhà hát.

Hồng Sơn không chịu nổi hơi lạnh ở ngoài, cũng theo mà vào.

Ngồi thụt trong chiếc ghế bành trên gác, là chỗ dễ riêng cho chàng, chàng thấy dễ chịu, êm ấm. Vật chất như từng bước, sắp lấn át cả hồn lãng mạn của chàng. Mùi nước hoa thoang thoảng, lẫn với mùi phấn hồng đượm đà, làm cho chàng thên thên nhẹ nhõm.

Chàng nom xuống tầng dưới: quần áo tây san sát xen lẫn với những chiếc khăn quàng trắng nuột.

Một thế giới thần tiên...

Chàng lại văng vẳng nghe Tiếp Như:

- Ông sẽ nổi tiếng, ông sẽ ra được khỏi cái cảnh bó buộc của vật chất.

Câu nói vẽ cho chàng quãng đời mai hậu như gấm như hoa.

Bất giác, chàng thấy trái tim hồi hộp.

“Có lẽ nào, mỗi phú quý thử ta chăng? Nhưng đời lãng mạn thanh tú lắm, khi nào ta bỏ!”

Song chàng lại tự nhiên thấy mình được ngồi trong một chiếc lâu đài, bàn ghế bóng lừ, ngăn nắp, cái ô-tô sáng nhoáng đợi chàng ngoài cổng, hỗn hển, nhe bộ răng như sắp ngốn, sắp nuốt quãng đường dài.

Hồi chuông thứ ba inh ỏi, thu bớt dần những tiếng ồn ào.

Đèn điện tắt. Màn sân khấu mở. Một thứ ánh sáng xanh lơ của thuốc pháo đốt lên, tỏa ra ngoài phòng tối nhờ, một màu dịu dàng, phẳng phát, có phần ảm đạm.

Người ta đoán trước, sẽ được xem một tấn bi kịch thảm thê.

Quả vậy, cảnh thứ nhất đưa khán giả vào căn phòng làm việc của một họa sĩ, bữa bọn ngốn ngang, cái thiếu thứ tự của một đời cô độc lãng mạn. Tài tử ngồi quay nghiêng, đập những nét chênh mảng trước một tấn lụa căng trong khung trước mặt, thỉnh thoảng tì tay bút vào đùi, dăm dăm nhìn lên khoảng trời lam lộ trên một mảng mái nhà lợp bằng kính.

Tài tử thở dài, thốt lên những tiếng rên rĩ, như rót vào tâm hồn các khán giả những giọt nước mắt trong mà lạnh,

thăm thía, cảm động. Tuy nói một mình, mà muốn kể ra cảnh cực nhục của người hy sinh cho nghệ thuật.

Trên sân khấu lúc đó không có chi là hoạt động, song, mỗi lời của họa sĩ nói ra là làm cho người ngồi nghe phải nín thở, phải chờ đợi, như được đứng trước một tấn kịch mỗi phút một đổi thay.

Đến khi họa sĩ đứng dậy, trên nét mặt rầu rầu, mà gân guốc, người ta dường như thấy bốc lên cái tinh thần quả quyết phấn đấu.

Một hồi vỗ tay làm rung động cả phòng nhà hát.

Hồng Sơn như chợt tỉnh giấc mê, vì chàng đang tưởng chừng như chàng là họa sĩ, vội đứng nhòe dậy, nhìn sang tứ phía.

Bên cạnh chàng, một ông béo phì, thô bỉ, ngồi sát cánh với bà vợ trẻ thoa son trát phấn, liền liền đập hai tay vào một, bình phẩm to trong lúc ồn ào.

- Đời tài tử tốt đẹp làm sao! Ấy người ta tuy vậy, mà rất hoàn toàn sung sướng bằng tinh thần mỹ thuật.

Hồng Sơn nghe nói mà cảm phục tấm lòng cao thượng, nhưng chàng thấy cồn cào trong dạ, mà bụng cứ réo sôi mãi. Thấy chiếc bánh sô-cô-la của cậu con ông béo phì cầm ở tay, chàng phải quay đi, không dám nhìn lâu, và cố nghĩ đến cái khác cho quên nỗi đói.

Hồi vỗ tay vừa dứt, thì họa sĩ trên sân khấu đã lâm vào cảnh khốn khó về đường tình. Nỗi tử biệt sinh ly làm cho họa sĩ ngây ngất, ử rữ như chiếc hoa tàn buổi chiều thu. Nhưng họa sĩ cố quên sự thống khổ, thì gan sắt đá với lòng nham hiểm không bờ của con Tạo. Song sức người có hạn, họa sĩ sau cùng phải to lời thở than.

- Ta quên sao được? Ta càng cố quên, thì ta càng phải nghĩ đến, mà càng nghĩ đến, thì biết thuở nào ta quên cho đành!

Lại một tràng pháo tay hoan nghênh câu tâm lý, bao hàm hết cả nỗi thống khổ u uất trong tâm khảm của người trong cảnh ngộ.

Hồng Sơn lại một lần tỉnh giấc mơ màng, lại một lần nhìn khắp đó đây. Thì ngay chỗ chàng xuống, trong dãy ghế tầng dưới, chàng thấy một cặp nhân tình quay lại nhau bàn tán. Chàng nghe rõ, trong những câu nồng nàn tình ái và hạnh phúc:

- Quý thay đời lãng mạn và đời đau đớn. Đó mới là cảnh đời thực.

Họ hình như hoan nghênh họa sĩ lắm thì phải, song, trong chỗ hoan nghênh, Hồng Sơn thấy sự sợ hãi, sự lo âu, vì họ chẳng khi nào ao ước được thay lấy đời họa sĩ.

Bỗng dưng Hồng Sơn thấy mình cô độc vô cùng. Chẳng lẽ người tình nhân suốt đời của chàng lại là thần Mỹ thuật mãi sao?

Bụng chàng càng réo sôi hơn trước. Mắt chàng đã thấy hoa lên. Chàng thấy cái nhu cầu thiết thực là miếng bánh hay bát cơm, đang thúc giục chàng hãy bỏ sự viển vông của tinh thần mà lo về sự sống vật chất đã.

Hồng Sơn ngồi trong ghế, mỗi phút bắt đầu thấy buồn chán. Chàng càng thấy cái mối hoan nghênh của người đời, thì càng như bị trêu chọc.

Chàng thấy một bầu không khí nặng trĩu đè xuống đầu: chàng đứng dậy để ra ngoài sân.

Chàng len qua mặt người ngồi xem một cách rất cung kính, song chàng thấy ở nét mặt mọi người hình như có sự khinh bỉ, khinh bỉ cái áo the tàng và bộ tóc lòa xòa lâu chưa cạo.

Ra tới ngoài, chàng đứng tựa vào một gốc cây, mơ màng...

Những chùm đèn điện tỏa vào mặt chàng thứ ánh sáng gắt gỏng. Hàng quà bánh rao dằng xa, máy ô-tô chạy bên cạnh, tiếng xôn xao người hàng phố đã quấy đục mất cái cảnh đẹp của ban đêm.

Gió lạnh thổi. Hồng Sơn co ro đứng, tự thấy dễ chịu hơn lúc ở trong rạp.

Nhưng bụng chàng cứ réo mãi. Mắt chàng hoa hơn. Cái cồn cào làm cho chàng mệt như bị ốm. Mà túi chàng rỗng không.

- Ông sẽ nổi tiếng, ông sẽ ra được khỏi cái cảnh bó buộc của vật chất.

Hồng Sơn lại văng vẳng thấy câu khuyến khích. Chàng nghĩ đến cái lều tranh tồi tàn mà ở đấy chẳng ai mong đợi chàng cả. Chàng nghĩ đến cái dạ dày lép kẹp của chàng, cái bộ dạng khinh khỉnh khả ố của phái tư bản...

Một con nhện từ cành cây văng mình lủng lẳng dưới sợi tơ trước mắt chàng. Chàng quờ lấy, ngắm nghía con vật. Bỗng thấy nhom nhóp trong tay, thì ra nhện đã bị chết bẹp từ bao giờ...

Hồng Sơn tự ví nhện với thân thể mình. Kiếp vương tở rút ruột, tạo nên cảnh đẹp cho đời người, chẳng khác chi con vật khốn nạn kia, chết vì sự ngắm nghía!

Gió lạnh thổi mãi, tiếng rì rào của lá lơ thơ trên cây như giục chàng đi vào. Hồng Sơn lại đến chỗ ngồi cũ.

Lúc đó trên sân khấu đã diễn tới đoạn cuối cùng, kết cục đời của họa sĩ bằng sự chết thảm thương trong chốn tối tăm.

Trong nhà hát lại qua một cơn râm rĩ.

Người ta không những vỗ tay, còn kêu la om sòm.

- Hồng Sơn bất hủ!

- Vinh dự cho Hồng Sơn!

Tuy đã khuya mà khán giả còn tỉnh táo, hớn hờ, như vẫn còn hăm một buổi vui thích đáng. Cũng có người muốn được cái vinh dự biết mặt và bắt tay nhà kịch sĩ đại tài.

Trong khi ấy, trong khi trăm ngàn miệng còn đang reo hò tên Hồng Sơn mà ca tụng vở kịch thì bỗng trong góc nhà hát, có tiếng Tiếp Như gọi:

- Ông Hồng Sơn! Ông Hồng Sơn! Tỉnh chưa? Ông làm sao thế?

Mở mắt ra, Hồng Sơn thấy Tiếp Như đang ôm lấy mình, mà mình thì ngồi lả, dựa vào ghế đằng trước. Chàng gạt tay trưởng ban diễn kịch ra, rồi nói:

- Không ạ! Chết chưa! Tôi làm phiền ông quá. Tôi thấy khó chịu trong người một chút, nhưng bây giờ đã qua khỏi rồi.

Thì ra Hồng Sơn bất tỉnh lúc nào không biết.

Chàng cảm động quá hay là đói quá?

Trừ cái dạ dày chàng, không ai dám quả quyết trả lời đúng sự thực.

Hồng Sơn lim dim con mắt, giơ bàn tay run run, nói một cách mệt nhọc:

- Ông làm ơn gọi cho tôi cái xe và cho tôi vay đồng bạc.

- Vâng có sẵn đây, ông hãy ký vào tờ giấy biên nhận này.

Trong khi hoa mắt, Hồng Sơn cố cầm ngọn bút cho vững để nguệch ngoạc vài nét vào tờ giấy trắng cho xong việc, có nghĩ đâu đến khoảng trên chữ ký ấy, Tiếp Như sẽ tự do biên những câu gì.

Ba hôm sau, khi cái đồng bạc của Tiếp Như đã hết công hiệu làm cho nhà nghệ thuật cầm được hơi của đời vật chất để nghĩ thêm được tấn kịch mới nữa, mà Hồng Sơn chờ mãi không thấy món tiền hoa hồng, bèn đến tận nhà Tiếp Như định hỏi.

Nhưng rủi thay, Tiếp Như đi vắng.

Lần thứ hai, Hồng Sơn lại đến.

Nhưng chẳng may, Tiếp như không có nhà.

Lần thứ ba, thứ tư, thứ năm, Hồng Sơn đều không gặp Tiếp Như. Rồi mãi mãi hỏi ra, mới biết món tiền hơn năm trăm mà chàng đã nhận và đã ký vào tờ giấy ngay sau khi diễn xong vở kịch, đã làm cho ban tài tử được thêm sự ấm no.

Hồng Sơn thở dài, rơm rớm nước mắt, bất bình về nỗi đời xử bạc.

Song, hồi tưởng lại cái buổi diễn kịch chàng thấy đã làm cho đời sống về vật chất, vui về tinh thần. Thừa rõ cái thiên chức và số kiếp nhà nghệ thuật, chàng đành tự tạm an ủi, ăn tiếng reo hò, uống lời ca tụng hôm đó, để lưu tâm nghĩ kịch bản sau này...

MÁNH KHÓE

Quyển sách nào xuất bản, mà được mạnh sự phê bình, thì tất nhiên bán chạy. Đó là kinh nghiệm.

Bởi vậy, một tác phẩm nào nháp nhẩm định ra đời, thì người thân sinh ra nó phải cần nhiều sự có: có tiền, có hàng sách quen, có những tay phê bình người nhà. Đó là mảnh khỏe.

Nếu được điều thứ ba này hợp lệ, thì những bài phê bình xúm nhau lại mà bôi phấn, xoa nước hoa và công tác phẩm ấy, thì thế nào cuốn sách cũng chạy và thành có giá trị thơm tho.

Tôi được hân hạnh, bạn với nhà văn Lê Văn Tâm, và nhà phê bình rất quen tên, Việt Sĩ.

Tôi chưa gọi Lê Văn Tâm là nhà gì, vì tôi chưa biết đúng anh chuyên môn về món gì. Tôi chỉ rõ anh là nhà cầm bút. Ngày thường đến thăm tôi, anh thường than thở:

- Không gì khổ hơn là cái kiếp người cầm bút như chúng mình, anh nhỉ.

Thế rồi có một buổi sáng, anh gõ cửa nhà tôi, lo lắng, bảo tôi:

- Tôi mới in xong cuốn sách, đem đến tặng anh đây.

Anh móc trong túi, lấy một quyển, mượn cái bút, để
mấy dòng chữ, rồi đưa cho tôi.

Tôi trân trọng cảm ơn, và hỏi:

- Anh in từ bao giờ mà kín thế, không cho tôi biết.

Lê Văn Tâm mỉm cười:

- Đã ngót một tháng nay.

Muốn đáp lại tấm thịnh tình của bạn, tôi nói cho nhà
nhận:

- Chắc chạy lắm.

Lê Văn Tâm im, lộ ra vẻ mặt lo lắng.

Công việc lúc bấy giờ của tôi, cố nhiên là phải giao thiệp
đúng với cách xử thế, nghĩa là như cái máy, tôi phải ngấm
nghĩa cái bìa, rồi phải dần dần gặt gù ngâm nga vài câu và
tận tâm mà khen.

Cho nên tôi cầm cuốn sách, giơ ra xa, để lại gần, rồi
nhìn bạn, nói:

- Đẹp! Đẹp lắm! Thật đúng là mỹ thuật.

Tâm tưởng thật, sung sướng, đáp:

- Nhưng phải cái sách hơi mỏng.

- Ô, không hề chi. Giá trị sách ở phẩm chữ nào phải ở
lượng. Nhiều trang mà làm gì. Cứ hai chữ nhan sách là
"Mật mù" cũng đã đủ bắt độc giả phải mua rồi. Thật là cái
tên sách chọn chữ rất khéo. Mật mù, hay!

Rồi làm bộ tiếc, tôi hỏi:

- Sao anh không đề cái tên thật của anh là Lê Văn Tâm
có sẵn nhiều người yêu hơn không? Tôi e độc giả hay tìm

đọc những tác giả quen tên hơn. Họ thấy cái tên Lãng Mạn Tử, sợ họ bỏ ngỡ một chút.

Thấy bạn buồn rầu, tôi chữa:

- Nhưng không hề gì. Họ chỉ bỏ ngỡ một chút thôi. Khi họ đọc, họ sẽ thấy ngay giá trị của sách.

- Phải - Tâm gật đầu trả lời thế - phải, hay vì thế chẳng.

Đề lời của bạn, tôi lên giọng ngâm nga mấy dòng đầu. Lúc bấy giờ tôi mới biết bạn tôi viết tiểu thuyết.

Nhà tiểu thuyết thấy tôi khen, thì đắc chí, ngắt tôi lại, nói:

- Thế cho nên tôi mới lấy tên là Lãng Mạn Tử. Đây là tôi tả cái tình lãng mạn của đôi trai gái ngây thơ. Trang thứ hai, thứ ba, còn nhiều đoạn hay hơn nữa kia.

Tôi lại phải đọc rất to. Nhưng may sách in bằng chữ con quạ, nên tôi miệng vừa lấy giọng đọc, óc vừa nghĩ đến truyện riêng, mà đọc cũng không sai lắm lắm.

Nhà tiểu thuyết chú ý nghe, thỉnh thoảng cao hứng, lại đọc thuộc lòng theo tôi từng đoạn, hoặc giảng cho tôi nghe những chỗ mà anh cho là hay ngấm ngấm.

Sau cùng, đọc hết trang cuối, tôi được thoát nạn. Tôi uống chén nước và ngồi thở, để mặc cho nhà tiểu thuyết tự phê bình mình. Song, muốn cho câu chuyện có kết tung người hứng, tôi nói:

- Thế này mà bán có một hào, rẻ quá.

- Phải, rẻ thực lắm. Nhưng kinh tế này, ta nên đề giá cho phải chăng. Tôi muốn cho sách tôi phổ thông, nên chỉ bán bằng cái số tiền ai cũng có thể có được.

- Anh in ra mấy nghìn?

- Hai nghìn, nhưng với người khác, tôi phải nói lớn là in năm nghìn. Rồi độ ít lâu, tôi sẽ quảng cáo ở báo là đã bán đến nghìn thứ tư. Nhưng chán quá, hai nghìn mà vẫn chưa chạy hết đấy, anh ạ.

- Vậy đã chạy được bao nhiêu rồi?

- Ít lắm.

- Bao nhiêu?

- Không khéo thì lỗ to. Chỗ bạn cầm bút với nhau, ta chả nên giấu nhau điều ấy. Anh có cách nào cứu tôi với.

- Chạy được bao nhiêu rồi?

- Mới được có dăm quyển.

Tôi cau mặt một cách rất tự nhiên để tỏ ý ngạc nhiên sự cố nhiên ấy. Bởi vì, khốn nạn, không biết Lê Văn Tâm đem in quyển "Mật mù", vì anh phải bệnh loạn óc, hay anh cần phải thượng khẩn cưới một cô vợ thích văn chương. Chú mà, cả vật chất lẫn tinh thần, cuốn sách ấy thật đáng để cấm phạt, vì nó vừa bán lại vừa... bán.

Bạn tôi nói:

- Tôi biếu anh quyển này, cốt anh đọc, để anh hiểu cho, rồi nhờ anh đưa tôi lại chơi nhà Việt Sĩ. Có một lời của ông Việt Sĩ giới thiệu trên báo, thì tất sách bán chạy.

Tôi lưỡng lự, chối:

- Việt Sĩ, tôi chỉ hơi quen, chứ không lấy gì làm thân. Vả cần anh cũng quen Việt Sĩ thì hơn, rồi anh nói với ông ấy.

- Vâng, nhưng tôi nhờ anh giới thiệu tôi với Việt Sĩ.

Rồi nghĩ ngợi một lát, Lê Văn Tâm nói:

- Tôi có cách quen thân ngay với Việt Sĩ. Chỉ nhờ anh đưa tôi đến làm quen với ông ta mà thôi. Rồi tôi sẽ mời ông

ta đi ăn cơm. Dần dần, ta hãy mượn Việt Sĩ phê bình sách.

Tôi khen:

- Nếu vậy thì kín đáo lắm.

- Nhưng thế nào hôm tôi mời Việt Sĩ ăn cơm, cũng có cả anh nữa đấy nhé.

- Vâng, tôi không dám chối từ.

- Mà anh cũng đừng nói với Việt Sĩ rằng tôi là Lãng Mạn Tử, tác giả cuốn Mịt mù vội nhé.

- Phải, lộ là anh phải dận, vì tôi sợ Việt Sĩ sẽ cho là chúng mình lợi dụng hẩn.

Nói xong, nhà tiểu thuyết vui vẻ ra về. Mà tôi thì nhìn theo bạn ái ngại cho mấy chục đồng bạc.

*

* *

Hôm ấy, Lê Văn Tâm kê dọn nhà cửa để đón một vị ân nhân. Vị ân nhân ấy tức là nhà phê bình Việt Sĩ, người có ngọn bút mâu nhiệm, đã cầm vận mệnh của những sách mới xuất bản.

Trên bàn, giải khăn trắng nuột, bày la liệt những đĩa đồ ăn thơm tho, sang trọng: rượu vang trắng, cốc pha lê, đúng sừng sừng để chực rót vào miệng các nhà "thực giả" những vị nông nân.

Cạnh bàn ăn, Lê Văn Tâm cố ý làm như vô tình, kê một cái kỷ con, đặt một chồng sách, mà trên mặt bàn, thì là quyển "Mịt mù" bìa đỏ chói.

- Để Việt Sĩ có nhìn vào quyển sách ấy mà nói chuyện, thì nhân tiện mình hãy cho Việt Sĩ biết. Như vậy, tôi tránh được cái ý gợi chuyện trước.

Bạn tôi nói với tôi cái câu ấy rồi cười xòa, đắc chí lắm.

*

* *

Việt Sĩ đến.

Lê Văn Tâm và tôi ra đón. Việt Sĩ bắt tay chúng tôi, rồi ngồi ở buồng khách, nói chuyện qua loa.

Một lát. Lê Văn Tâm hát hàm, hỏi đầy tớ:

- Xong chưa?

- Bẩm đã.

Lê Văn Tâm đứng dậy, giơ tay mời chúng tôi, rồi đi trước, đưa chúng tôi vào buồng ăn. Việt Sĩ nhìn các món ăn, nhăn mặt, trách:

- Ông Lê Văn Tâm bày vẽ quá. Sao ông không cho chúng tôi ăn cơm thường, có phải thân mật hơn không?

Lê Văn Tâm cười, đáp:

- Có gì là bày vẽ, tiên sinh dạy quá lời.

Rồi rót rượu vào cốc. Rồi cốc nghiêng vào mồm. Rồi mồm đẩy xuống cuống họng. Cả đồ ăn cũng theo lối ấy vào dạ dày.

Câu chuyện đưa đi, trước từ việc nhà, sau đến việc ăn, sau nữa đến việc văn. Nhân cơ hội, tôi nói với Việt Sĩ:

- Ông Lê Văn Tâm cũng là một nhà văn.

Lê Văn Tâm nhìn Việt Sĩ, mỉm cười, nhũn nhặn. Việt Sĩ nói:

- Thì ra cùng anh em làng ta cả. Vậy ngài đã hay giúp báo nào chưa?

- Thưa tiên sinh, tôi yêu văn chương lắm, thỉnh thoảng

có học đòi dăm ba bài, thì lại đưa cho bạn tôi đang ở báo Bạn cả.

- Vâng, báo ấy nhiều người đọc lắm.

Nổi lời Việt Sĩ, tôi nói:

- Những bài của ông Lê Văn Tâm viết hay lắm.

Việt Sĩ gật đầu, nói:

- Có, tôi có đọc. Ngài còn ký tên là gì nữa không?

Lê Văn Tâm nhìn tôi, rồi đáp:

- Viết văn ở báo thì tôi chỉ ký tên Lê Văn Tâm mà thôi.

Việt Sĩ nói:

- Vâng, ngài viết rất hay, tôi rất ưa văn ngài. Thơ của ngài không kém gì Đỗ Phủ, tiểu thuyết của ngài thật luyện lối Paul Bourget.

Vẻ sung sướng hiện trên nét cười ở mặt Tâm, Tâm liếc mắt nhìn cái kỷ con bên cạnh Việt Sĩ. Lúc ấy, Việt Sĩ lại đặt cái khăn lên trên. Thành ra quyển "Mật mù" bị mật mù ở xó tối.

Câu chuyện văn chương được Tâm và tôi nuôi mãi cho tới lúc xong bữa.

Tâm thì nóng ruột về Việt Sĩ mãi không trông thấy cuốn sách ở ngay bên cạnh, bị cái khăn nó chôn mất, mà Việt Sĩ thì cứ khen văn của Tâm hoài.

Rồi nhà tiểu thuyết nhất định đứng phắt dậy, đến gần Việt Sĩ, cất cái khăn ăn ra.

Tự nhiên, cuốn Mật mù trông có vẻ tươi tắn, xinh xắn lạ thường.

- Những tiểu thuyết xuất bản gần đây, - Việt Sĩ nói, - thật rất ít quyển có giá trị. Vậy ngài nên cố để thì giờ ra mà viết lấy một ít.

- Vâng, Tầm tôi xin lĩnh ý. Lúc đó, xin nhờ ngài một bài phê bình.

- Ô! Cái đó là bốn phận của tôi. Và tôi xin lấy lương tâm nhà phê bình mà giới thiệu tác phẩm với độc giả.

- Thế thì rất hân hạnh.

- Sách của ngài mà tôi không tán dương, thì còn sách nào nữa.

- Không dám.

Chắc trái tim Lê Văn Tầm lúc đó hồi hộp như ta ngồi cạnh người yêu vậy. Khi nào người ta yêu làm trái tim ta hồi hộp, thì ta muốn thổ lộ hết can trường, vì ta muốn yêu cầu người yêu ta nhiều khoản. Vì vậy, Lê Văn Tầm nhìn cuốn "Mật mù", nói với Việt Sĩ:

- Ngài đã xem cuốn tiểu thuyết "Mật mù" kia chưa?

Việt Sĩ quay lại, cầm quyển sách. Hẳn là Lê Văn Tầm hồi hộp bằng hai. Người ta yêu nắm lấy tay ta mà nưng niu âu yếm, thì ta quyết cũng phải nưng nịu hỏi:

- Em có yêu anh không?

Vì vậy Lê Văn Tầm cũng hỏi:

- Ngài cho biết ý kiến ngài đối với cuốn sách ấy.

Việt Sĩ đứng phắt dậy, đáp:

- Đây là cuốn Mật mù của Lãng Mạn Tử, tôi cũng đã đọc. Nói vô phép ngài, không hiểu Lãng Mạn Tử là thằng nào mà dám cả gan viết cuốn sách dốt đến như thế này...

Tôi giật mình. Mặt Lê Văn Tầm biến sắc.

- Thật là đồ khốn nạn! Nó làm nhor bẩn đến quốc văn đến thế là cùng...

Tôi khoèo chân Việt Sĩ.

- Lãng Mạn Tử là một thằng vô học, cuồng dại, nó tưởng viết văn dễ như bú mẹ nó...

Tôi lại khoèo chân Việt Sĩ. Mặt Lê Văn Tâm tái xanh.

- Truyện đã chẳng ra truyện, mà văn chương thì như mèo mửa...

Tôi hất cẳng tôi vào cẳng chân Việt Sĩ năm sáu cái liễn. Mặt Lê Văn Tâm xám ngắt.

- Đem mà chém chết hết cái bọn bôi nhọ văn đàn như cái thằng Lãng Mạn Tử này đi.

Bất đắc dĩ, tôi đập vai Việt Sĩ, hỏi lảng:

- Không biết phố Tiền Quân Thành ở chỗ nào ấy nhỉ.

Nhưng Việt Sĩ vẫn mặt đỏ tía tai, hùng hồn nói:

- Chúng thấy người ta làm văn...

Tôi nói với Tâm:

- Bây giờ người ta đặt lăm tên phố rất khó nhớ.

- Thì ngài mua sách này làm gì, tôi mạn phép ngài đem mà xé nó đi nhé, vì ta dùng nó, sợ bẩn lây, ngài ạ.

Nói xong, Việt Sĩ xé cuốn sách làm đôi, làm tư, rồi vò nát, vứt xuống gạch:

- Để một hào cho ăn mày còn được phúc hơn là cho thằng Lãng Mạn Tử nó thu vào vốn sách của nó...

Tôi nói:

- Nhất là những phố ở phía chợ Hôm mới khó nhớ tên nữa chứ.

Lúc ấy Lê Văn Tâm run run. Anh nhìn tôi bằng đôi mắt nằn nì, rồi cố lấy gân sức, để lộ một nụ cười khó đăm đăm. Anh lắc đầu, thở dài, đáp bằng giọng như mếu:

- Vâng, tôi cũng không nhớ hết tên phố...

14-9-1935

NỖI LÒNG AI TỎ

Từ lúc ăn xong bữa sáng đến bây giờ, chẳng ai hiểu vì lẽ gì, cô Tuyết cứ thở vắn thở dài. Rồi chờ cho mẹ đi chơi, cô lên giường đắp chăn, thút thít khóc mãi.

Thật trái hẳn với mọi khi. Xưa nay, cô vẫn là người vui vẻ. Suốt ngày không ai thấy cô buồn bã bao giờ. Ngay từ buổi sáng, vừa ở trên giường bước chân xuống đất, cô đã ngấm vuốt. Cô chải đầu, rẽ tóc. Cô đánh mặt, bôi môi. Rồi khi đọc chán chê các tiểu thuyết, cô lại ra cửa đứng, để ngấm từ đầu đến chân các cô khá tha thướt đi qua trước nhà.

Thế mà bỗng tự dưng hôm nay, cô cứ thở vắn thở dài. Rồi lên giường đắp chăn. Thút thít khóc! Thì ai không ngạc nhiên và không thương? Phải, còn gì làm cảm động hơn là giọt lệ long lanh trên đôi má hồng của một thiếu nữ đào tơ sen ngọc?

Nhưng mà giọt lệ ấy vì đâu mà long lanh trên đôi má cô Tuyết?

Anh xe rón rén vào:

- Thưa cô, xin cô năm xu cho con mua bánh xà phòng.

Cô gắt:

- Tao không biết!

Anh xe sợ hãi, nói:

- Thưa cô, bà đi vắng, con xin cô.

Cô câu tiết:

- Mặc kệ!

Rồi cô nhắm mắt, thở dài và kéo chần trùn đầu. Mặc kệ cho hán ngơ ngác.

Một lát, con Sen đến, khe khẽ thưa:

- Bẩm cô...

Cô Tuyết lật mặt ra, nhìn về tức giận.

- Bẩm cô, trên bà Cả cho người xuống hỏi...

- Tao không biết!

Rồi lại trùn chần, cô quay mình trở vào. Con Sen run run, nói:

- Bẩm cô, cái món nấm Thái độ tết, bà Cả hỏi ở nhà còn không ạ!

Cô Tuyết hăm hăm quay ra, gắt:

- Không hỏi! Tao không biết!

- Bẩm cô, trên bà Cả hỏi.

Tức thì cô vùng dậy, phát lẩy phát để vào lưng con bé:

- Này hỏi này! Này hỏi này!

Đánh chán tay, cô Tuyết vẫn còn bực mình lắm. Cô buồn, mà chúng nó cứ đến nhiều cô. Cô lạnh lạnh quát mắng một hồi, rồi ra lệnh.

- Tao cấm chúng bay hỏi tao. Để tao nằm yên!

Đoạn cô lên giường, đắp chăn, thở vắn, thở dài, và thút thút khóc.

*

* *

Chiều xẩm.

Me về.

Cô biết. Nhưng cô không dậy.

- Con ơi! Tuyết ơi! Con làm sao thế?

Cô Tuyết vờ ngủ, để khỏi phải đáp, rồi phải nghe những câu làm cho cô quên mất nỗi đau lòng riêng. Nhưng me lay cô:

- Con ơi! Con làm sao thế?

Dám dẫn, cô nói:

- Con nhức đầu.

Me đưa tay lên trán cô, hỏi:

- Có nóng không?

Cô nguẩy một cái:

- Me cho con nằm yên.

Rồi cô thở dài, khiến me đâm vợ vắn nghĩ. Me ngồi bó gối trên giường một lát, rồi dịu dàng, hỏi:

- Làm gì mà thở dài thế, con?

Không thấy cô Tuyết đáp, me lại hỏi:

- Có điều gì, con cứ nói với me.

Bỗng cô Tuyết thút thút, làm cho me dào dạt cả người. Me dỗ dành:

- Có điều gì, con cứ nói với me, con ơi!

- Me không hiểu được đâu!

Me nhìn nhỏ, an ủi:

- Me có thể hiểu được, con cứ nói.

Cô Tuyết khó chịu lắm, đáp:

- Thôi, con lạy me, me cho con nằm yên.

Thấy con gan góc, me than một mình:

- Trời!

Rồi me bảo:

- Me không muốn con như thế. Có điều gì buồn bực, con nên nói ngay với me. Me chiều chuộng con hết sức. Vậy con chớ nên giấu giếm me tí gì. Người hay buồn thì dễ mắc các chứng bệnh khó chữa. Cho nên con không nên để trong lòng một điều gì.

Cô Tuyết cựa, quay ra phía me, uể oải đáp:

- Con nói thực đấy, me không hiểu được nỗi buồn của con đâu mà!

Me mừng thầm, dỗ:

- Me hiểu được. Me tính như con thì thật là sung sướng. Cái gì me cũng theo ý con. Con xin may mặc thức gì, me có tiếc con bao giờ đâu?

- Không phải con buồn vì thế. Khổ quá, con lạy me, me cho con nằm yên mà!

Me cười, lay lưng cô con gái rệu:

- Không, tôi không để cho cô nằm yên đâu. Cô hãy nói cho tôi nghe đã.

Cô Tuyết nhận nhỏ:

- Con lạy me, me cũng chẳng tha.

- Nhưng me không cho phép con phẫn uất thế mà! Nghĩ ngợi gì, nói đi?

Cô Tuyết đập tay xuống giường:

- Chỉ có một mình chị Mai hiểu được tâm sự của con mà thôi. Nói cho mẹ nghe, con sợ mất nhiều thì giờ, chuyện này dài lắm.

Mẹ ngạc nhiên, cau đôi lông mày để vợ vẫn đoán. Một lát, mẹ hỏi:

- Hay là con đã nghe thấy bên bà cụ Huyện họ nói ra nói vào cái gì chẳng?

Cô Tuyết nguẩy vai một cái:

- Không phải! Không phải đâu!

- Hay là con nghe ai nói thẳng tham có nhân tình nhân nghĩa mà con muốn lảng ra?

- Không phải! Khổ lắm. Mẹ cứ nghi oan cho người ta mãi.

Mẹ nóng ruột, gắt:

- Thì chuyện gì mà dài dòng mới được chứ? Không phải chuyện dính dáng đến cuộc nhân duyên của cô, thì còn là cái gì nữa!

Cô Tuyết nằn nì:

- Thôi, mẹ đừng hỏi, vô ích. Để rồi con nói với chị Mai...

Mẹ mát mẻ:

- Thế ra cô quý bạn hơn mẹ!

Cô Tuyết vội đỡ lời:

- Không phải thế. Con buồn về chuyện riêng của con. Chỉ có mình con và chị Mai hiểu mà thôi.

Mẹ lại nghĩ ngợi một lát, rồi gắng hỏi:

- Hay là bên ấy người ta nghe lời đồn đại, mà cho rằng

nhà ta đổi ý kiến thế nào chẳng, mà con buồn? Nếu thế thì me đến nói chuyện cho người ta hiểu, chứ việc gì phải nghĩ ngợi?

Cô Tuyết thờ dài, lắc đầu:

- Phiền quá! Me hỏi mãi!

Me ghé tai, hỏi nhỏ cô:

- Hay là tham nó thay lòng đổi dạ?

Cô Tuyết ngồi nhồm đậy, chấp hai tay:

- Lạy me! Lạy me! Me đừng nghĩ ngợi xa xôi. Me mặc kệ con. Con đã bảo me không hiểu được, thì me hỏi làm gì kia chứ?

Thấy cô một mực không nói, me vừa bực mình, vừa thương con. Quái, cô con gái cứng của me nào có phải người gan góc, kín đáo? Cô giận gì me? Hay cô đã yêu ai? Hay là cô không bằng lòng người mà me đã chọn cho cô? Hay cô đã tự kén được một người nào hơn món ấy mà nay làm nũng để bắt đền me? Một câu chuyện chỉ bạn biết, thì quyết là chuyện tâm sự. Tâm sự đau đớn, đau đớn như vẫn thường xảy ra ở Hà thành hoa lệ này, đến nỗi phải cầu đến hộp thuốc phiện, đến giải lụa đào, đến dòng nước, để thoát ly cõi đời, thì là đau đớn to lớn đấy. Phải giải cái đau đớn ấy đi.

Thế là nghĩ khôn chẳng nghĩ, me cứ nghĩ đại. Me đâm lo, rồi nước mắt chảy quanh.

Me bèn để cho con gái nằm một mình. Me sai con Sen đi mời cô Mai đến chơi ngay. Me định khi cô Mai đến, me sẽ đứng nép một chỗ, để nghe lỏm câu chuyện đôi bạn thủ thủ với nhau, thì mới biết được sự thực.

*

* *

Cô Tuyết còn buồn lắm. Cô vẫn trần trọc và thở dài. Cô với tay lấy quyển báo, mở đến trang tiểu thuyết... Rồi chẳng đọc được chữ nào, cô lại thút tha thút thít. Nước mắt giàn giụa thấm ướt cả một góc gối. Cô đặt báo xuống, rên rỉ:

- Vân chết! Trời ơi!

Rồi rung rúc, cô khóc ra tiếng.

Bỗng tiếng gót giày cô Mai thoăn thoắt ở nhà ngoài. Cô Tuyết hớn hỏ như cá gặp nước. Cô chùi nước mắt gọi:

- Chị Mai, tôi nằm đây.

Gặp đúng người để giải tỏ nỗi lòng, cô Tuyết mừng rỡ, nhồm ngay dậy. Cô vớ tập báo đưa bạn, và lau lấu nói:

- Vân chết rồi, chị ạ! Thương hại quá, chị nhỉ! Chẳng biết rồi sau Lục có lấy Bách không? Gớm! Mình xem đến chỗ tả Vân chết, mà mình buồn-buồn-buồn là!

1935

NHÂN TÀI

Tôi không hiểu làm sao, một thành phố to như ở đây, mà ông Cẩm còn để bày ra trước mắt công chúng nhiều cái bẩn quá, lại không thẳng tay trừng phạt.

Mà tôi cũng lạ, không có một ông phóng viên báo hàng ngày nào than phiền và yêu cầu Cẩm phạt những cái dám ngạo mạn cả lẽ phải của đời.

Hôm nay, bất đắc dĩ tôi phải có ác tâm kể ra một vài thí dụ. Trước hết tôi hãy xin lỗi tất cả các bạn.

Này, thưa các bạn, trong buồng khách quét vôi mầu, kẻ hoa sắc sỡ, ông chủ đã bày một bộ xa-lông tối tân, lùn tịt xuống đất, mà trên tường, lại treo đôi câu đối rất những chữ nho. Thế thì, cứ phép công, ông chủ ấy, đáng Cẩm phạt. Một cửa hàng to, rộng, đèn điện sáng choang, bán rất thứ xa xỉ, mà lại có một bà cụ già, xấu, ngồi ở sau quầy, thì bà cụ ấy, Cẩm phạt. Một cái xe cao xu nhà, gọng kèn sáng nhoáng, sơn quang dầu rất mới, mà người trên xe lại chỉ ngồi móm có một tí ở đệm ngoài, hai cánh tay đặt đối rõ chọi bằng trác lên trên hai chỗ tựa tay, nghĩa là lúc nào trông ông ấy cũng có vẻ nhấp nhóm rình nhảy xuống đất,

thì ông ngồi xe, Cầm phật. Một cô con gái, ăn mặc tân thời từ đầu đến gót, mặt trắng, răng trắng, tóc chải lật và quăn, mà chỉ phải cái mặt thiếu vệ sinh, thì cô ấy, Cầm phật.

Cứ kể ra, còn bài của học trò lớn tuổi viết mà còn phạm nhiều lỗi, mặc quần áo ta mà để râu Hoa Kỳ, chồng lùn mà vợ cao, muốn đọc báo mà đi thuê, hoặc xem trộm, cô tiểu thư đẹp lại lấy chồng, vân vân, vân vân, đều đáng Cầm phật cả.

Sở dĩ tôi kể lể một nút những thứ Cầm phật, vì tôi muốn nói một lần nữa đến Lê Văn Tâm, biệt hiệu Lãng Mạn Tử, tác giả cuốn tiểu thuyết "Mật mù".

Nếu có luật Cầm phật như trên kia thật, thì cái tác phẩm của Tâm mới in thành sách, còn đáng Cầm phật nặng gấp đôi, vì hẳn các bạn chưa quên nhà phê bình Việt Sĩ đã trả nợ miệng tác giả bằng những câu thế nào ở trong bài *Mánh khéo*.

Hôm ấy, bữa cơm ăn thật xong, thì Việt Sĩ nhovn cần thận cái miệng giao thiệp để cười và bắt tay cảm ơn Tâm. Tôi cũng phải nổi gót Việt Sĩ mà đi về, vì tôi chẳng có can đảm ở lại nhà bạn nữa. Chẳng phải tôi hèn không dám nghe những lời nhà tiểu thuyết, "ấy" lại nhà phê bình, nhưng chính là tôi yếu bóng vía, vì Tâm, lúc bấy giờ, trông chẳng khác gì cái xác chết.

Sáng hôm sau, Việt Sĩ đến tòa soạn, vào buồng ông chủ nhiệm, đưa bài phê bình cuốn sách "Mật mù":

- Ta phải giấy cho sạch bọn này mới được. Thật là những cái nhơ bẩn trong vườn văn. Họ làm ta xấu hổ phải mang danh văn sĩ với họ.

Nói xong, Việt Sĩ móc túi đưa bài cho ông chủ nhiệm.

Ông chủ nhiệm đưa mắt lên tờ giấy, thấy những chữ có gạch dưới để dẫn in ngả, thì ông rung rung hai cẳng, tùm tùm cười, ngẩng mặt lên, hỏi Việt Sĩ:

- *Mật mù* à? Nó là tên sách gì?
- Tên cuốn tiểu thuyết viết không sao ngủi được.
- Của Lãng Mạn Tử à?
- Phải.

Rồi ông chủ nhiệm cắn môi, thờ mặt ra nghĩ, và hỏi:

- Cái tên này, ông đã thấy ký ở báo nào chưa nhỉ?
- Chưa, nó là một thằng ranh con...
- Thế thì đáng giã lắm.

Ông chủ nhiệm lại lia mắt đọc khắp mấy trang, cười sằng sặc:

- Thế này thì nó oán ông đến chết.

Rồi ông nhìn lại từng đoạn và đọc một lượt nữa.

“Ai ngờ từ đầu đến cuối sách, tác giả dùng toàn một giọng bài luận của học trò thi Sơ học Yếu lược, thêm những chữ rất dốt như mục kích thì viết là mục đích, nhu cầu thì viết là nhu cần, v.v...”

“... Cốt chuyện như vậy nên đem ra máy nước, đầu cầu họa chằng mấy thằng nhỏ con sen mới có thể hoan nghênh được.”

*“... Nói tóm lại, đáng lẽ nhà phê bình không nên đếm xỉa những tác phẩm như loài **Mật mù** của **Lãng Mạn Tử**, tác phẩm nó làm nhục tác giả, làm nhục độc giả, làm nhục người in và người bán nó, nhưng mà...”*

Đọc đến đây, ông chủ nhiệm rùng mình, cười, nói:
- Ông ác quá!

Việt Sĩ điềm nhiên đáp:

- Kệ họ, miễn là họ cứ công bằng.

Ông chủ nhiệm nghĩ ngợi một lát, nhìn vợ vẫn, rồi hỏi:

- Tôi hỏi thực ông nhé. Ông không thù hằn riêng Lãng

Mạn Tử đấy chứ?

Nhéch mép cười mỉa, Việt Sĩ đáp:

- Không bao giờ tôi đem ngòi bút để làm những việc dè hèn.

Ông chủ nhiệm nhăn mặt, lắc đầu:

- Thế thì nói làm quái gì? Lãng Mạn Tử là anh nào thế nhỉ?

- Lãng Mạn Tử là Lê Văn Tâm, người mời tôi ăn cơm chiều hôn qua. Mãi ban nãy tôi mới biết, vì có người bạn tôi bảo.

Ông chủ nhiệm cười, ngạc nhiên, nhìn Việt Sĩ:

- Vậy mà ông cũng phê bình thẳng tay thế à?

- Tôi cần gì?

Ông chủ nhiệm chống tay vào má, nghĩ ngợi, rồi nói:

- Quái, Lê Văn Tâm, hình như hắn là con một nhà thầu khoán thì phải.

- Phải đó.

- Nhà giàu lắm đấy.

- Phải, ông biết à?

- Tôi biết.

Rồi ông chủ nhiệm châm điều thuốc lá, ngửa người lên lưng ghế, đôi mắt mơ màng làm khói xanh cuộn cuộn trên không.

*

* *

- Thế nào? Ngài cho tôi biết ý kiến ngài về bài phê bình này?

Lê văn Tâm ngượng ngịu, lễ phép đặt tờ giấy lên bàn, nhìn ông chủ nhiệm, cười nhạt mà không đáp. Ông chủ nhiệm, như đã trông rõ Tâm đến tận tâm can, bèn thân mật nói:

- Song, tôi không nỡ quá nghiệt ngã với văn nhân, ngài ạ. Bao giờ tôi cũng muốn nuôi nhân tài. Tôi không muốn dìm ngài ngay bước đầu tiên. Như thế hại cho ngài lắm, không biết đời nào ngài mới ngóc cổ lên được. Bởi vì tôi chỉ nghĩ một điều, là bây giờ ngài mới ra đời, không ai biết đến, nhưng biết đâu, trong vài tháng nữa, ngài không lừng lẫy tiếng tăm.

Khiêm tốn, Tâm vui vẻ đáp:

- Thưa ngài, tôi đâu dám quá mơ hồ đến thế. Tôi làm gì có tài mà mong có tiếng được.

Ông chủ nhiệm lắc đầu, cười:

- Ngài lắm to. Ngài tưởng danh tiếng ngài là do tài ngài làm nên được à? Sự thực trái hẳn thế, ngài ạ. Danh tiếng ngài là do ở tài tôi làm ra.

Rồi yên một lúc, ông nói tiếp:

- Không tin, ngài nghĩ mà xem.

Nói xong, ông chủ nhiệm cười hà hà rõ to, đứng dậy, ra

mở cửa sổ, để Lê Văn Tâm vẫn vợ bối rối đến mấy phút một mình vì câu nói lạ lùng ấy. Rồi khi ngồi vào bàn ăn giấy, ông nhả nhận, tươi cười, giơ tay, nói:

- Xin lỗi ngài nhé. Tôi quả bạn quá. Để hôm khác mời ngài đến chơi, chúng ta sẽ nói chuyện lâu. Ngài cứ yên tâm. Bài phê bình này tôi không cho đăng đâu. Tôi ở luôn trong tòa báo. Lúc nào ngài đến cũng gặp.

Ông nắm tay Tâm, bắt đầu rung từ lúc nói tiếng "xin lỗi" cho đến lúc nói tiếng "cũng gặp" mới buông.

*

* *

Độ này, người ta thấy ông chủ nhiệm và Lê Văn Tâm thân thiết như anh em ruột. Hai người dính nhau như đôi nhân ngài mới yêu nhau, xa nhau thì nhớ, gặp nhau thì mừng.

Thứ keo sơn nó gắn bó hai người ấy là một thứ keo sơn biết kêu, biết nẩy, nhưng không biết dính. Nó tròn và trắng. Nó do tử kết nhà Lê Văn Tâm nhả ra. Nó trọ ở túi Tâm một lát, rồi nó lan đi khắp các nơi: phố Tràng Tiền, xóm Khâm Thiên, nhà vàng bạc và hiệu bào chế thuốc phong tình.

Song, Lê Văn Tâm chẳng phải chỉ là khách giá trị của những phố Tràng Tiền, xóm Khâm Thiên, nhà vàng bạc và hiệu bào chế thuốc phong tình, mà chính chàng lại là một nhà tiểu thuyết giá trị.

Mà cái văn phẩm làm anh chàng nổi giá trị trong làng văn, lại chính là cuốn *Mật mù*.

Cuốn *Mật mù* đó, rồi vài hôm sau ngày Lê Văn Tâm gặp ông chủ nhiệm, được Việt Sĩ cho một bài cực lực tán dương.

“...Trừ những chữ in lằm cởn con, (mà lỗi thì ở nhà in), như mục đích, nhu cầu còn toàn quyển, ta có thể gọi là một văn phẩm hoàn toàn về hình thức, làm vẻ vang cho nghề in sách của nước nhà.

“... Cốt truyện thực là giản dị, mà giản dị thì lúc nào cũng hợp thời, vì bao giờ nó cũng đi tới chỗ tận thiện, tận mỹ.

*“... Tác giả đã khéo gợi cảm độc giả bằng những lời tha thiết của những vai chính trong truyện. Những lời ấy, mới đọc, ta tưởng như nó ở cửa miệng trẻ con, nhưng chính đó mới là cái nghệ thuật tối cao của nhà tiểu thuyết, muốn cho những lời nói được tự nhiên. Một cái thông bệnh của những người mới bước chân vào làng văn, là làm sao cho câu của mình chải chuốt, gọt giũa. Vì đó, có những sự cầu kỳ nực cười. Nhưng **Lăng Mạn Tử** mà ta chưa thấy tên dưới một tác phẩm nào, đã có ngay một giọng văn của những nhà tiểu thuyết lão thành: Nó giản dị mà không thiếu ý, nó chắc chắn mà không thừa lời...*

*“... Nói tóm lại, cuốn **Mật mù**, một tác phẩm có ích cho bình dân, đã làm vẻ vang cho văn học hiện đại, và có thể giữ được địa vị của nó với hậu thế...*

Thế là chồng sách *Mật mù* đang ngủ yên ở trong tủ kính đã bắt đầu được tay ngọc ngà của cô hàng đập vào đánh thức. Rồi nó cựa cạy. Rồi nó chạy. Nó cảm cổ nó phi...

Trên mặt tờ báo, thường có những bài nhắc đến tên Lăng Mạn Tử luôn. Rồi tờ báo khác cũng nói đến. Rồi ai ai

cũng nói đến. Mà độc giả nghe ba tiếng Lãng Mạn Tử thành quen tai.

Độ này, người ta làm sử Văn học, tôi đã thấy tên Lãng Mạn Tử in ở chương nói về các nhà tiểu thuyết đương thời.

Một hôm, tôi gặp Lê Văn Tâm đi chơi phố với nhiều nhà văn trứ danh. Trong khi đang mày tao thân mật với các bạn, thì anh trông thấy tôi. Anh khinh khỉnh nhìn tôi và gọi tôi, rồi trở tay vào những người đứng chờ. Anh vênh vảo và lên giọng đàn anh để tỏ ý thương hại tôi. Anh bảo:

- Viết văn mà không có tụi, thì có đời chết anh cũng không thành được nhân tài.

19-9-1935

XUẤT GIÁ TÔNG PHU

Trả tiền xe xong, ngài ôm cái gói bọc giấy xanh, chẳng dây hồng, thoăn thoắt đến buồng khách, qua buồng ăn, ngó vào nhà tắm, rồi xuống bếp: su hào, bắp cải, bong bóng, nấm, mực, còn bữa bãi, ngổn ngang ngay cả trên phản làm cơm. Ngài ngơ ngác hỏi:

- Bếp! Bà đâu?

Anh bếp ngơ ngác, thưa:

- Bẩm, bà ở ngoài.

Ngài càng ngơ ngác:

- Không mà!

Rồi ngài tìm lượt nữa: nhà tắm, buồng ăn, buồng khách.

Ngài gọi to:

- Mẹ đâu nhỉ?

Chẳng thấy vợ đâu, ngài sực nghĩ ra. Ngài chạy lên gác, bật đèn lên. Thì quả nhiên bà nằm trên giường, đắp chăn kín mít.

Mừng rỡ, ngài đặt cái gói lên bàn, lại gần, ngồi cạnh vợ, lật chăn ra, tỏ ý ngạc nhiên:

- Kia, tôi tưởng mợ sắp sửa xong rồi. Dậy đi, mau!

Bà mở mắt lim dim, kéo chăn đắp lại, uể oải nói:

- Tôi nhức đầu quá, mà cơm cúng ở nhà cũng chưa sắp sửa được gì cả.

- Không cần. Dậy mặc quần áo, kéo không kịp.

Nói đoạn, ngài lật tám chân ra. Bà vợ thì cố co lại:

- Thôi, tôi nhức đầu như bị búa bổ, và chóng mặt lắm.

Ngài cười khanh khách, kéo vợ ngồi dậy:

- Ô, vờ mãi! Mặt mũi thế này mà bảo nhức đầu. Mau đi, kéo lờ.

Rồi chẳng hiểu cảm vì sắc đẹp hay muốn giở khoa nịnh đầm, ngài ôm lưng vợ, hít vào cổ. Nhưng bà hất ra, và lại cố nằm xuống, dần dỗi:

- Tôi chịu thôi.

Ngài trợn mắt, kinh ngạc:

- Chết, việc cần, không nói thế được. Thu xếp xong đâu vào đấy rồi. Mợ đừng phụ công tôi.

Rồi ngọt ngào, ngài đập vào vai vợ, trỏ cái gối:

- Này, tân thời, đẹp đáo để. Dậy mà xem.

Bà vừa kéo chăn toan trùm đầu, vừa nói:

- Điều khác thì tôi xin chiều ý cậu ngay.

Ngài co phất chăn, cuộn lại, ôm quàng sang giường bên kia, hênh hếch cái mồm, cười:

- Mợ chỉ ngại rét chứ gì? Có rét quái đâu! Ở ngoài đường cũng ấm áp lắm.

Bà ôm đầu:

- Ở nhà công việc còn bẽ bẽ ra, cậu không biết à? Cơm cúng đã làm được tí nào đâu.

Ngài dỗ dành:

- Không cần! Chả cụng bây giờ thì tám giờ, chín giờ, mười giờ đêm, lúc nào mợ về hãy hay. Mà chẳng có thì tôi cứ trầu nước mời các cụ về cũng được, chứ đã làm sao? Mai năm mới, hãy cố bàn bày vẽ.

Nói đoạn, ngài dựng vợ dậy, cầm hai cánh tay, kéo ra cạnh giường, rồi ngoè chân, xếp lại hai chiếc guốc cho ngay ngắn. Bà oàn oại, ngả người để co lại, nhả nhó, giằng tay ra. Nhưng thấy sức yếu quá, nên tự nhiên, bà bật ra tiếng khóc.

Đó là lúc chẳng nên đùa.

Cho nên ngài trợn mắt, nghiêm chỉnh hỏi:

- Ô hay, mợ không đi thực à?

Bà vẫn ôm mặt nức nở:

- Cậu còn phải hỏi hay sao:

- Nhưng tôi đã hứa với người ta rồi kia mà!

- Mặc kệ cậu. Ai bảo?

- À, mợ khó bảo nhỉ? Nào có nhọc nhằn gì việc ấy. Tôi quanh năm làm lụng vất vả. Mỗi ngày vùi đầu vào công việc hàng bảy tám giờ đồng hồ. Nếu tôi quản công thì liệu cả gia đình này có được ấm no hay không? Mợ không biết nghĩ.

- Tôi hiểu cả. Cậu không cần nói nhiều. Nhưng cậu đừng bắt tôi thế.

Buông phứt vợ ra, ngài ngầu ngầu nhìn thật nghiêm chỉnh:

- Thế mợ muốn người ta cho tôi là đồ gì?

Bà chấp hai tay, vái lấy vái để:

- Tôi lạy cậu, tôi van cậu, cậu đừng ép tôi. Tôi là vợ cậu...

- À, tôi là vợ cậu! Là vợ mà chồng bảo không nghe. Luân lý để đâu? Giáo dục để đâu?

Bà lại ôm mặt, thốn thức. Ngài móc túi coi đồng hồ.

- Thôi, dậy sớm sửa mà đi, còn có ngót một giờ nữa thôi.

- Ngót một phút nữa tôi cũng chịu.

Nghiêm nét mặt, ngài dễ dàng, giảng:

- Mợ phải hiểu, tôi không muốn phải ép mợ. Tôi muốn mợ vui vẻ đi. Tôi giảng nghĩa trong từng ấy ngày, tôi tưởng mợ đã nghe hiểu. Thế này thì câu thật!

Bà nằm lả xuống giường, ôm đầu. Ngài nhìn một lát, bồng hất hàm, hỏi:

- Mợ có đi hay không thì mợ bảo?

- Tôi cần rơm cần cỏ tôi lạy cậu, cậu tha cho tôi. Cậu đừng làm tôi nhục.

Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

- Có đi hay không?

Bà cũng nhăn mặt:

- Khổ quá, tôi lạy cậu.

Ngài gắt:

- Có đi hay không. Mợ trả lời một tiếng. Không lạy van gì cả? Có hay không?

Bà không đáp, nức nở khóc. Ngài nắm chặt bàn tay, dấm mạnh xuống phản:

- Nói!

Nhưng chẳng được nghe ý kiến vợ, ngài xung tiết, chạy

đến mắc áo, vớ cái ba-toong, khuynh tay đứng trước giường, rồi giờ ngọn gậy vào mặt vợ, hỏi:

- Có hay không? Một tiếng!

Vừa sứt sùi, bà vừa đáp:

- Không!

- À, búong! Tao không dọa đâu nhé. Để rồi mồng bốn Tết, nó nhổ vào mặt tao ấy à! Cứng cổ này! Khó bảo này!

Thế là chiếc gậy hăng hái, cú từ trên cao giáng xuống. Bà rú lên, rồi giờ tay ra đỡ, sấn lại chống, cổ nứu lấy cánh tay rắn như sắt. Nhưng loáng một cái, ngọn gậy giờ lên thật cao, quật mạnh xuống, chạm phải thành giường, gãy các ra làm đôi. Một mẩu quay lông lóc như chong chóng, bắn lên gần trần, rồi rơi xuống ván gác.

Đó là một cảnh dữ dội.

- Tôi van cậu, để nội trong ba ngày Tết, hôm nào tôi đi cũng được.

Biết là sự làm già bao giờ cũng hay hơn, ngài lắc đầu, co giật phất vờ xuống. Bà ngã ngồi trên hai chiếc guốc lúc ấy ngổn ngang.

- Phải đi ngay! Tao không hoãn một phút! Đồ thân lừa chỉ ưa nặng.

Bà nhăn nhó, khóc:

- Để đến mai, mồng một Tết, tôi đi vậy, bây giờ tôi phải làm cơm cúng.

- Đã bảo không cần mà. Người ta đi trước Tết, chứ ai để đến Tết rồi mới đi! Đứng ngay dậy!

Ngài giật phất cái cột màn. Thì thành linh:

- Ối hàng phố ơi!

Bà vừa kêu, vừa túm lấy chồng, thở ì ạch.

Nhưng khỏe như con vâm, đưa khuỷu ra, ngài gạt vợ ngã lăn, và nắm chặt lấy hai cổ tay. Bà oàn oài, song yếu quá. Bà dùng hai cẳng để cưỡng. Nhưng cả cái sức nặng của tám thân vạm vô đè lên ngực bà, bà phải cố cựa cạy để thở. Vậy mà ngài tát. Ngài tát dồn năm sáu cái, và hỏi tội:

- Mà có đi hay không?

Bà tối tầm mặt mũi, hỏn hển thách:

- Đây, cậu cứ đánh chết tôi đi.

Tức thì, những quả thui vào mặt, vào ngực và vào sườn, làm bà kêu thất thanh. Nhưng mặc kệ, ngài vẫn hỏi có một tội:

- Mà có đi hay không?

Bà kêu cha, kêu mẹ, kêu cả Trời nữa. Nhưng ai thưa? Ví thử cha mẹ hay cả Trời nữa có đứng đấy thực, cũng đổ ai dấm vào mà gõ.

*

* *

Việc gì cũng vậy, đánh đau thì phải chữa. Cho nên chẳng mấy chốc, bà kêu cuống quýt:

- Vâng! Vâng! Tôi lạy cậu. Tôi xin đi.

Ngài hung hăng, lôi phất vợ dậy, hăm hăm nhìn.

Bà ngồi lả, chống tay đằng sau, đầu tóc rũ rượi, thở.

- Nếu mày định đi thật, thì đi mà lau mặt.

Sợ quá, bà chấp tay, vái cuống queo:

- Vâng, vâng! Tôi xin đi.

- Đi ngay.

- Vâng, vâng! Tôi lạy cậu.

Nói xong, bà lê đến ngồi ở ghế.

Ngài chạy ra hiên, chạy lấy chiếc khăn mặt, đưa vợ:

- Đây, lau mặt đi! Áo quần, phấn sáp có sẵn cả rồi, còn khó khăn gì nữa.

Đoạn ngài với cái bọc, cởi dây, mở giấy ra trước mặt bà và nói:

- Không biết tao hết hơi nói với người ta mới cho mượn những thứ này à? Mau, chậm rồi.

Bà khóc suốt muốt, cầm cái lược, giữ mái tóc ra và vừa xuyết xoa, vừa chải. Ngài vẫn còn hung hăng:

- Rẽ như lối chị Tham ấy.

Giật nẩy mình, bà vội chải, vội rẽ, vội uốn éo cho làn tóc lật lên, cong xuống cho thật nên, rồi vừa lau nước mắt, bà vừa lấy các thứ ở bọc để xoa phấn trắng, đánh phấn hồng, và kẻ môi son cho thắm.

Trong khi ấy, ngài đứng coi, mỗi chốc lại giở đồng hồ ra xem và giục.

Trang điểm xong, bà thở dài, cố gượng đau để đứng dậy, lấy cái quần xa tanh trắng và cái áo nhung mầu may kiểu mới vẫn còn gấp gọn ghê trên bàn. Bà vụn những thứ ấy vào, rồi bôi dấm nước hoa.

Đến bây giờ, dưới ánh đèn điện sáng trắng, bà thành ra một bông hồng nở nà, thơm tho, khêu gợi.

Nhưng vẫn trừng trừng nhìn vợ, ngài gắt:

- Tươi tỉnh lên thì người ta mới cảm, chứ khó dăm dăm thế kia, thì nó tống cổ về!

Rồi ngài xuống gác. Bà đi theo. Ngài gói ít nhật trình cũ, buộc dây cẩn thận, rồi đưa bà.

- Cầm cái này mà đi cho người ta khỏi ngờ.

Và vẫn nghiêm chỉnh, ngài đe:

- Hễ nói dối tao mà trốn vào đâu thì đừng ăn cái Tết này thôi!

Bà nghiêng răng, thở dài, không đáp.

Ngài nhiec:

- Cái giống đàn bà xưa nay vẫn thế kia! Lúc đến thì đừng có lù lù đằng cổng trước, nghe chưa? Mà khi nào ông ấy cho về mới được về. Tao mà thấy ông ấy tỏ ý không bằng lòng thì chó chết!

Nước mắt chạy quanh, bà bước chân ra gần đến cửa, quay lại, rít lên, nói:

- Thiếu gì cách lễ Tết mà cậu phải làm tôi nhục nhã như thế này!

Ngài trợn mắt:

- Câm ngay! Làm gì mà bô bô cái mồm lên thế. Đồ ngu như lợn. Cái gì thì mua được, chứ cái này mua được à?

Rồi ngài đứng nhìn chiếc xe kéo vợ đi khuất, mới quay lại, ra dáng yên lòng. Ngài yên lòng vì không phải thẹn với lương tâm và chắc chắn rằng sẽ được ông ấy khen là biết ơn và tử tế.

12-1935

MỘT TIN BUỒN

Đã đến mười hôm nay, ông Bảo Sơn chỉ làm có hai việc: Một là lại chơi nhà mấy ông lang quen, hai là ngồi dựa vào lưng ghế, ghéch cẳng lên mặt bàn, tay nặn cằm, nhổ râu. Ông lo món tiền nhà sắp phải trả. Ông thường lắc đầu, than thở với vợ:

- Hồng! Ít người chết thì mình sống làm sao?

Thế rồi nhìn các đồ đạc đã sắm sửa về công cuộc làm ăn, ông chỉ thở dài: mấy cỗ xe tang, chiếc đen, chiếc trắng. Những biển, cờ, bát bửu, đòn, kiệu, vòng hoa, phô đủ các màu đỏ, vàng, trắng, tím, càng sặc sỡ, choáng lộn bao nhiêu, càng làm ông nóng ruột nóng gan bấy nhiêu.

Nhưng mà vừa nãy ông cuống quýt lên về một tin mừng: cụ Hương ở dốc Hàng Gà sắp chết. Ông vội vàng mặc quần áo, gói ghém vàng, hương, nến, thuê xe lên Hàng Buồm, mặc cả căn kê để mua một cân vừa lê vừa tảo vào hạng nhì, rồi đến thẳng nhà người có bệnh nặng.

Ông hồi hộp, thập thò ngoài cửa chừng dăm phút.

Sau khi hỏi thăm cẩn thận hai bên hàng xóm, ông mới

đường hoàng bước vào. Ông phá tan nỗi ngờ ngác của người nhà bằng những lời chào lễ phép và dáng điệu nghiêm trang. Ông tỏ ý muốn được tiếp chuyện cụ.

Chẳng quý báu gì sự lo lắng buồn rầu mà giữ độc quyền! Và lại từ chối tấm lòng tử tế của một người lạ mặt đến thăm, lại là bất lịch sự. Cho nên người nhà cảm động, đưa ông đến cạnh giường bệnh nhân.

Cửa màn mở ra. Ngọn đèn le lói chiếu một thứ ánh sáng mập mờ vào một cái gân như cái đầu lâu bọc thừa nhiều da quá. Hai hàm răng nhô vầu dưới bốn chỗ lõm sâu ở má và ở mắt với tấm thâm dẹt dẹt khằng khiu, cam đoan chắc chắn rằng cụ Hường không tránh được miệng lỗ.

Ông Bảo Sơn vững tâm, cúi chào người bệnh. Ông khe khẽ đặt gói quà vào khay, rồi ngồi xuống ghế. Cụ Hường đưa mắt lơ đãng, nhìn khách, lại nhìn con.

- Thưa cụ, chúng tôi thấy cụ yếu nặng, vậy lòng thành, chúng tôi có chút quà mọn đem đến biếu cụ, và nhờ cụ làm ơn cho một việc.

Nói đoạn, ông kiễng chân đi đến gần người con cụ Hường, và ghé vào tai:

- Xin ông gọt lê táo. Người yếu xơi những thức này, tốt lắm.

Rồi quay lại cụ Hường, ông khen:

- Nhà cụ phúc hậu quá!

Cụ Hường nói rời rạc:

- Tôi cảm ơn ông. Tôi khó lòng sống được.

Ông Bảo Sơn nhìn cụ Hường, lắc đầu:

- Vâng, thưa cụ yếu lắm. Chúng tôi biết tin cụ yếu, nên

vội vàng đến hầu chuyện cụ. Thưa cụ, chúng tôi là chủ hiệu xe đòn đám ma Bảo Sơn đây ạ.

Cụ Hường nhắc lại:

- Xe và đòn đám ma?

- Vâng, hiệu Bảo Sơn. Chắc cụ cũng biết tiếng.

Cụ Hường gật:

- Vâng.

Ông Bảo Sơn vui vẻ tiếp:

- Thưa cụ, nhà chúng tôi xưa nay có tiếng là làm ăn cẩn thận. Nên hôm nay chúng tôi mới dám đến đây để bẩm với cụ, là nếu chẳng may cụ có mệnh hệ nào, thì cụ cho phép chúng tôi được hầu hạ cụ.

Giữa lúc ấy, có vài tiếng thì thảo của mấy người đàn bà đứng gần đó. Nhưng ông Bảo Sơn chẳng muốn để vào tai. Ông lại nói luôn:

- Thưa cụ, hiệu chúng tôi không như những hiệu khác, họ chỉ biết lấy tiền. Vừa tháng trước đây, có một nhà, chẳng biết vô ý thế nào, mà để cho hai con ngựa chạy lồng lên, rồi cả quan tài xuống đất!

- Khốn nạn!

Các bà rú lên những tiếng kinh ngạc. Cụ Hường cũng lắc đầu, cố rặn lấy một nụ cười đau đớn. Ông Bảo Sơn nói tiếp:

- Bởi thế, ta nên vứt hẳn lối khiêng vô ích đi. Trong nhà có ông già bà cả yếu nặng, ta nên nghĩ ngay đến việc đưa rước, mà đi hỏi trước một hiệu nào cẩn thận thì hơn. Vì, thưa cụ với các bà thế này ạ, lúc mà ông già bà cả nằm xuống rồi, thì ta có bao nhiêu việc vội vàng phải làm, nào

trình báo, nào sắm sửa lễ vật, vân vân. Lúc ấy, gặp hăng nào mà ta chẳng phải thuê. Có khi bị người ta bắt chẹt là một sự thường.

Cụ Hường nói:

- Phải.

- Thưa cụ, bởi vậy, không muốn để cho các quý khách lâm và hổ, rồi coi cá mè một lứa, nên chúng tôi phải đến hầu chuyện cụ ngay từ bây giờ.

- Vâng.

- Để cho chúng tôi được hầu hạ cụ ngay từ bây giờ.

- Vâng.

- Để cho chúng tôi được hầu hạ cụ sau này. Nội các việc trình báo, xin cứ để chúng tôi chu tất hết.

- Ông cho chúng tôi biết ông tính toán thế nào?

Ông Bảo Sơn ghé tai người con, hỏi:

- Ông định để cụ ở đâu?

- Nếu chẳng may ông tôi có thế nào, thì chúng tôi để ông tôi ở nghĩa trang hội Hợp Thiện.

Ông Bảo Sơn nghĩ ngợi một lát, rồi hỏi:

- Bẩm cụ cho đi lối ta hay lối tây ạ?

- Lối tây, ông ạ cho nó giản tiện.

Ông Bảo Sơn lắc đầu, nhìn các bà, nói:

- Rước các cụ mà theo lối tây, e không được trọng thể.

Cụ Hường đáp:

- Thôi, cái xe hai ngựa là đủ mà!

Ông Bảo Sơn vội đỡ lời:

- Ô, tội gì cụ không dùng xe bốn ngựa? Cụ như thế này

là thuận cảnh lắm rồi, còn gì? Đi hai ngựa, chúng tôi sợ ông bà đây lại ân hận.

- Thì xe bốn ngựa, ông tính bao nhiêu?

- Không hơn bao nhiêu đâu, thưa các bà ạ. Nhưng chúng tôi tưởng các cụ già cả lại đông con cháu, thì không nên chỉ dùng xe không. Nghĩa là cộn phải rước ở huyết về nhà, mới coi được. Nhiều đám, lúc đi thì theo lối tây, nghĩa là chỉ có mấy vòng hoa và cái xe, nhưng bao giờ chúng tôi cũng phải để sẵn năm lá cờ, long đình và dàn nam ở huyết, để lúc về thì rước.

Một bà nói:

- Như vậy, ông tính bao nhiêu ạ?

- Thưa bà không mấy ạ, độ ngót ba chục. Nhưng thưa các bà, chúng tôi nói thực câu này để các bà xét cho, chứ đám ma như cụ nhà mà đi theo lối tây, tôi e mất cả nghi vệ.

Người con hỏi:

- Theo lối ta thì đi những gì, xin ông cứ cho biết.

- Nếu ông thông thả, mời ông lại đằng nhà chúng tôi mà xem. Bẩm từ đòn đại dư, cho đến cây đèn, thứ nào cũng mới sơn và chạm trổ rất đẹp.

Cụ Hường hỏi:

- Vâng, ông định cho đi những gì?

- Cái đó tùy ở cụ, và các ông các bà. Sự sang trọng thì vô giá. Vừa tuần lễ trước, chúng tôi đi một đám mà nguyên một cái nhà táng kết toàn bằng hoa thật cả, đã tốn đến ngót trăm rưỡi bạc rồi.

- Cứ thường thường thôi, ông ạ.

- Thế thì năm lá cờ ngũ hành, tám bát bửu, một bộ cà

râu, một chiếc phật đình, hai lọng vàng, hai lọng xanh, một bàn độc, minh tinh, tam sự, lọng, bánh, tám chiếc đèn, hai biển, một phường bát âm, một ngọc lộ, bốn đàn nam, một linh xa, một đại dư, một phong du. Bẩm người nhà chúng tôi toàn một lượt áo dài, thắt lưng xanh, khăn trắng, như vậy, phải linh trăm người đấy ạ.

- Có thể nào giản tiện hơn được không, ông?

- Nguyên cái đại dư, thường thường cũng bốn mươi hai người khiêng, ngọc lộ tám người, còn bao nhiêu đối tượng thì phải lấy thêm bấy nhiêu người nữa.

Cụ Hường lại hỏi:

- Có tốn đến ba bốn chục không, ông?

- Bẩm hơn ạ. Nhưng cụ đừng ngại cái tốn. Hẳn các ông các bà trả nghĩa cụ, cũng không khi nào chịu hà tiện mấy chục đồng bạc để mua lấy tiếng phố xá chê cười.

Cụ Hường nghĩ ngợi một lát, rồi nói:

- Vâng, cái đó tùy các con tôi.

• - Thưa cụ, đó là chúng tôi tính phác ra mà thôi. Còn tiền nong, thì có thể châm chước được. Miễn là cụ dặn lại các ông các bà một tiếng là đủ.

Cụ Hường gọi:

- Anh Cả!

Người con cả ghé tai. Cụ Hường nói:

- Nhớ lấy tên hiệu ông chủ đây.

Ông Bảo Sơn vui vẻ đỡ lời:

- Bẩm hiệu Bảo Sơn, Bảo Sơn ạ.

Đoạn, ông Bảo Sơn đứng dậy, cáo từ. Người con cả tiễn ra đến cửa.

Trước khi từ biệt, ông Bảo Sơn ngậm ngùi, bắt tay chủ nhà thật chặt và thật lâu như thể đôi bạn cố tri. Rồi buông tay ra, ông nói rất thân mật:

- Chúng tôi cảm ơn ngài. Chốc nữa, mời ngài quá bộ đến chơi đằng nhà để xem qua đồ đạc. Nói đồ xuống sông xuống biển, nếu chẳng may cụ có việc gì, xin ngài cứ tin cậy ở tôi.

- Vâng, ông tôi đã dặn, tôi không dám trái lời.

Rồi thở dài, người con nói tiếp:

- Có lẽ ông khó lòng được ba hôm nữa.

Ông Bảo Sơn an ủi:

- Ngài đừng lo. Nghĩa là tôi nói vậy thôi. Chứ nếu phúc nhà, cụ gặp thầy gặp thuốc mà lại bình phục như thường, thì tôi rất mừng.

*

* *

Ông Bảo Sơn hôn hờ về nhà, chứa chan hy vọng.

Ông đắc chí, bảo vợ:

- Ở thời buổi chiến tranh, không xúy sẵn như thế là mất món khách.

Thực vậy, lối xúy khách ấy đã nhiều lần làm cho các bạn đồng nghiệp của ông phải ngẩn ngơ về sự ế hàng của họ. Bởi thế, ông cho nó là cái bí quyết trong cách làm ăn, cần phải giữ kín, kéo người khác bắt chước.

Từ đó, ông phái người thỉnh thoảng lảng vảng qua nhà cụ Hường. Hễ ở đây nổi lên tiếng khóc, thì nhất định ông phải là người đầu tiên, đem gói vàng hương nén hôm nọ chưa dùng đến để phúng cụ.

Song, tận hôm thứ ba, là ngày ông chắc cụ Hường hết

số, mà ông chẳng được tin tức gì mừng hơn. Thế là ông đâm lo. Lo rằng người nhà ông không làm việc đến nơi đến chốn. Hoặc cụ Hường đã ăn xôi ngay hôm sau, mà có hăng nào phồng tay trên mặt khách rồi chẳng. Nếu vậy, ông mất toi mấy hào lê táo à? Một trăm lần ông tự hỏi, ấy là một trăm lần ông khó trả lời. Càng bực mình, ông Bảo Sơn càng phát cáu. Thân hành đến tận nhà cụ Hường để hỏi han tin tức cho chính xác, ông cho là bất tiện. Vì vậy, ông phải làm một việc tiện hơn, là cả ngày hôm ấy, ông hết mắng đầy tớ khờ dại, lại chửi anh đồng nghiệp đểu giả nào ăn hốt khách của ông.

Đến tận chập tối, ông mới thuê xe xuống dốc Hàng Gà, để hai năm rưỡi về câu chuyện đã làm ông bận trí.

Trước hết, ông lượn qua nhà cụ Hường một lượt. Ông thấy trong nhà, kể đi người lại như thường, không có vẻ chi là khác cả. Vậy tất là cụ Hường vẫn còn sống. Ông yên tâm. Nhưng rồi dần đo thế nào, ông lại đâm nghi. Có lẽ người ta đem người ốm về quê để tiện việc ma chay nơi quê cha đất tổ rồi chẳng? Ông bèn hỏi thăm nhà bên cạnh, thì ông mới lại yên tâm: đám này có chạy lên mây cũng không thể lọt qua tay ông. Vì ông già định chết ở Hà Nội.

Ông chưa chan hy vọng, lại lượn qua nhà cụ Hường thật thông thả, để thám thính cho thật kỹ càng. Quái lạ, ông nghe thấy tiếng cười vui? Ông cau mặt, nghĩ ngợi mãi, mà chẳng hiểu thế nào cả.

Rồi ông lại phải qua nhà cụ Hường lần thứ ba. Lần này, đến cửa, ông đứng hẳn lại, cố nhìn vào trong rõ lâu. Vẫn những người đi lại. Vẫn những tiếng nói cười. Quái nhỉ! Ông đoán mãi không ra là tại làm sao.

Một lát, thấy thằng nhỏ ở trong nhà mở cửa đi ra phố. Ông mừng rỡ, đứng nép hẳn một bên tường, giơ tay ra vẫy nó.

Thằng nhỏ dòm vào tận mặt ông, hỏi:

- Ông là ai?

Ông Bảo Sơn ngần ngừ một lúc, rồi khe khẽ:

- Này anh, cụ hôm nay thế nào?

Thằng nhỏ vội vàng chấp tay cho lễ phép:

- Bẩm ông, mời ông vào chơi, cụ con đã đỡ.

Ông choáng người, trợn mắt:

- Đã đỡ?

- Vâng, đỡ nhiều rồi. Nhờ giới có thể khỏi được ạ.

Ông Bảo Sơn thất vọng. Ông ngoẹo cổ, nhún vai, thở dài, rồi dút hai tay vào túi quần. Ông quay bước:

- Ô, mợ! Con khỉ!

27-7-1936

ĐÀO KÉP MỚI

Mới độ bảy giờ tối, ba ngọn đèn điện ở cửa rạp tuồng An Lạc đã bật lên. Cái trống dựng nghiêng ở chân tường đã bắt đầu rung những hồi inh hỏi.

Hiệu trống ấy, cứ một nhịp, kéo dài cho đến tận tám giờ, có khi tám giờ mười lăm, là lúc khai diễn.

Thỉnh thoảng, thằng bé con vừa nện tùng tùng, vừa ướ oải giục:

- Các ông các bà, lấy vé vào mà xem, gần đến giờ rồi.

Đó là nó mời mấy ông nhỏ, mấy bà vú em, được dịp vắng chủ, ra đấy để “xã giao” với nhau.

Các ông, ông nào ông nấy chải tóc thật mượt, hoặc gài cái lược bằng dây thép uốn, bá vai nhau, vắt chân tréo khoeo, đứng ở trước cái bảng quảng cáo giấy vàng dán trên mặt liếp, để tập đánh vần quốc ngữ.

Các bà thì áo cánh cộc lụa mặc ra ngoài áo cánh cộc vải, kệ cho lũ trẻ chạy tung tăng, đứa bò lổm ngổm, ngồi ở gần hàng nước, phàn nàn bà chủ nghiệt hoặc nói chuyện chồng bạc tình.

Rất ít người lấy vé vào coi hát.

Tiếng trống vẫn làm đình tai.

Trong cái buồng hẹp ngay cạnh cửa, có lỗ tò vò bé cõn con, trước cái bàn để sẵn ba bốn tập vé, bà chủ ngồi thừ mặt, vú vạch ra cho con bú.

Không có gì buồn cho bằng cảnh ế hàng.

Trong rạp, từ bảy giờ rưỡi trở đi, ba chiếc quạt tây, buộc díu vào một dây kéo, đã bắt đầu hoạt động. Ghế các hạng, lác đác đã có một vài người ngồi. Ngọn gió nhân tạo không phẩy được tới những dãy ghế cuối cùng, cao lêu đêu, dây ghế hạng năm xu mà người ngồi, đếm gần được bốn chục. Trong khi chờ, khán giả cười to, nói lớn, nhổ bậy, hoặc cãi nhau.

Nhưng bỗng một hồi chuông rung mạnh. Đèn phía trong sân khấu bật lên, làm rõ những mảnh sơn bong trên lớp vải màn mỏng bao nhiêu, thì làm mờ cái phong cảnh vẽ đi bấy nhiêu.

Trống, kèn, nhị, thanh la, tung ra những tiếng kêu gắt gỏng.

Bỗng một cái đầu bóng thò ra ngoài màn sân khấu, ngo ngác nhìn. Một nhịp cười đồn ở hàng ghếбет. Một hồi chuông rung ngắn nữa. Chiếc màn từ từ rút kít cuốn lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Người ta xuyết. Người ta hét inh. Nhưng ở cuối rạp, vẫn cười to, nói lớn, vẫn nhổ bậy, cãi nhau.

Vai vua gầy gò, ngồi trên cao, trước cái phong sơn thủy, vượt bộ đuôi ngựa làm bức rèm che mờ, nhìn hai dãy bá quan, hát những câu không ai nghe rõ.

Bá quan nghiêm chỉnh, thỉnh thoảng sờ nạm râu anh em ruột với râu vua, mắt liếc ngang liếc dọc, ra vẻ trịnh trọng.

Rồi một anh nhỏ mồm, quần áo thâm, quỳ giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bầy bốn chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì bốn người đứng dậy, mỗi người cầm một chén, vạch râu, kê tay vào mồm, hất cặn, rồi lại ngồi xuống.

Vua cười kha kha, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi cả bọn kép hát đứng dậy, đi bài tẩu mã. Tiếng kèn đưa cao, giọng hát hùng hồn vang nhịp, ăn theo với điệu bộ múa may. Ở hàng ghế dưới, tiếng ồn ào đã hơi dịu.

Bỗng anh nhỏ mồm ban nãy, ở trong buồng trò chạy ra, hót hơ hót hải. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng vỗ tay ran như tràng pháo, để thưởng cho anh kép pha trò đậm.

Ngã xong, anh kép đứng phắt dậy, đứng thật ngay, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba-ki-lô-mét.

- Ầi! Ầi!

Vua quát vậy, rồi với chiếc nạm gỗ, đập chan chát:

- Ầi ải! Nếu giậy, khổ đã châng khổ đã, nguy tai thị

*nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa môt
mai dâng khổ. Ở này, bá quang!*

- Dạ.

Rồi vua gò lưng, lắc đầu, cổ, hét:

*- Quang phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại
gặp buổi giăng nang, trăm truyền cho giăng giở bá quang,
xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!*

Vừa dứt lời, hai anh kép mồm nhả thính, ngồi ngoài cùng, ban nãy trơ khấc không được đánh chén, vội đứng cả dậy, xắn áo thêu, xốc lại mũ, rồi múa máy, uốn éo, làm bộ gương súng, cuội ngựa, vắn ô-tô, nhảy xe đạp. Người xem hát cười râm râm. Hai anh lại nhảy xe đạp, vắn ô-tô, cuội ngựa, gương súng một lượt nữa, đụng cả vào nhau, ngã nghiêng ngửa, cho đến tận lúc tiếng cười ngớt. Rồi trong rạp im phăng phắc. Một luồng gió, qua chỗ đi tiểu, đượm mùi cống, lọt vào cửa tò vò, làm cho cả rạp thấy thoang thoảng luồng không khí hăng hăng. Nhưng không ai để ý đến, người ta chăm chú nhìn và nghe hai anh kép đương phệnh phạo giở lối anh hùng rơm. Anh bên phải vươn cổ nói:

- Đã có tôi phò tá!

Anh bên trái, ngoác mồm tiếp:

- Lại có mỗ tá phò!

Rồi cả hai anh đồng thanh vừa hát vừa giơ tay:

- Xin thánh thượng đừng lo.

Đoạn lại cùng vênh vào trở vào ngực mình:

- Đã có tôi... phò tá!

Dứt lời, hồi vỗ tay sao mà vang lâu thế!

Thằng bé bán nước và lạc rang lách qua các chỗ ngồi để rao hàng. Trên sân khấu, vẫn diễn ra những điệu bộ và những câu pha trò nhằm nhí. Hai ba ông quần áo tây ngồi trên hạng nhất, thở dài, rồi đứng dậy ra về. Nhưng hàng cuối mỗi lúc một thêm người, mà cũng chỉ đông ở hạng ấy.

Nhìn khu ghế nhất, ghế nhì, khách vắng tanh tanh, ông chủ gánh hát lo lắng.

Ở ngoài đường, bọn tìm cuộc vui buổi tối vẫn đi lại rầm rập. Nhưng mấy ai qua rạp An Lạc, nghe tiếng kèn, tiếng nhị, đã chịu liếc mắt vào trong, xem đào kép áo mũ râu ria, diễn những trò gì.

Mấy năm nay, ít người thích nghe hát tuồng cổ.

*

* *

Gánh hát An Lạc dọn đi đâu mấy tháng, nay lại mới về, thuê ở chỗ cũ.

Ngay từ buổi sáng, ở cửa rạp, người qua đường vô ý đến đâu cũng phải trông thấy một cái cổng kết bằng lá dừa, gài thêm những cành nhãn cài hoa dâm bụt. Trên tường, một miếng vải trắng căng thẳng, có dán một dòng chữ trang kim:

Đào kép mới! Bản rạp chấn chỉnh! Đào kép mới!

Rồi đến năm giờ chiều, lúc mặt trời đã xế, trước nhà hát, bảy chiếc xe cao-su đã chực sẵn cả ở vệ đường.

Một lát, bảy chiếc xe thông thả bước một tiến đi. Xe đầu, một cái biển dán giấy đỏ, có viết chữ lớn:

Đại diễn tích hát mới! Lưu Lễ bình Phiên - Bản rạp mới chấn chỉnh! Đào kép mới!

Ngồi trên xe, một thằng bé con giơ thẳng hai cánh tay, nện vào mặt chiếc trống cái, và một thằng nữa, đánh thanh la, thỉnh thoảng phồng má, thổi bài kèn tây ra trận.

Xe thứ nhì, bốn tài tử, người kéo nhì ngồi phệt dưới sàn xe, hai người thổi kèn và sáo, lèn nhau trên đệm, và người đánh đàn ngồi chỗ mũi, dạng hai cẳng để lấy thăng bằng.

Xe thứ ba, một cô tiểu thư mắt toét, mặt trắng, má đỏ, với một đứa bé con tóc xõa. Hai người cùng áo gấm, giày Tàu.

Xe thứ tư, ba ông ngồi kẹp đuôi vào lưng nhau, một ông thượng ban, một ông trung ban, một ông hạ ban, cùng mũ cánh, áo thêu, ông thì mặt đỏ, ông thì râu dài, ông thì mũi hìn, tai bẹp.

Xe thứ năm, thứ sáu cũng vậy. Cũng những ông trông ra phết Thái sư.

Xe thứ bảy, thì một cô xấu, nhưng tân thời, mặt phấn má hồng, môi đỏ, rẽ lệch, chiếc áo căng lườn, trông tức anh ách, như một bài thơ thất luật.

Đoàn xe quảng cáo mười lăm vị đào kép mới, đi diễu hết phố này sang phố khác. Mặt trời chưa lặn. Ngọn cây đứng yên. Bóng râm mới lẩn được nửa đường bên trái. Bọn đào kép phải phơi dưới ánh nắng nóng như thiêu. Trên mặt phấn một vài người, mồ hôi lấm tấm, rồi ròn ròn nhỏ giọt. Họ lấy quạt che nắng và phẩy. Song, trời này mà họ cứ mũ áo ấy, đai măng ấy, để đi rong phố, thì dù họ có cố khéo giữ lấy bộ mặt tươi tỉnh, nhưng ai chẳng đoán được cái cảnh đáng thương của kiếp đào kép hát tuồng!



Tối hôm ấy, cũng mới độ bảy giờ, sáu ngọn đèn điện làm sáng trưng cả cửa rạp An Lạc. Thằng bé con lại khua trống rầm rầm.

Các ông bếp, các bà vú em vẫn xā giao, đi lại nhộn nhịp. Nhưng trước cái bảng giấy đỏ, đã có nhiều ông sang trọng đứng đọc, và qua lỗ hồng bán vé, thỉnh thoảng một vài cái tay trắng muốt thò vào xĩa tiền.

Độ tám giờ, trong rạp đã có nhiều khách. Trên dãy ghế hạng nhất, có chừng hai chục người. Hạng nhì đông hơn, hạng ba đông hơn nữa. Hạng năm xu càng đông hơn.

Người ta thử xem rạp An Lạc chấn chỉnh. Người ta thử xem tài đào kép mới. Người ta thử xem tích hát mới.

Nhưng rồi người ta vẫn lắc đầu với nhau. Vẫn cái màn lỗ sơn cũ che sân khấu không được kín. Vẫn cái đầu bóng ngó ra trước. Và sau một hồi chuông rung, thì cái màn ấy cũng vẫn cút kít kéo dần lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Sau một vài tiếng im, tiếng xuyt, ở hàng thế dài cuối cùng, cao lêu đêu, họ vẫn cười to, nói lớn, nhổ bậy, cãi nhau.

Trước cái phong sơn thủy vĩa, vai vua, mặt mũi phương phi, không đeo râu, ngồi trên ngai cao, mắt liếc bên phải bên trái, có vẻ oai vệ, để nhìn hai dãy bá quan, và hát những câu không ai nghe rõ.

Rồi một anh mõm trắng, quần áo đỏ, qùy giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bảy sáu chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì cả sáu người đều nhấc chén, vạch râu, ngửa cổ ra để uống rượu bằng không khí. Anh

mồm trắng cầm chiếc nậm gỗ, rưới vào chén một lượt rượu nữa. Bá quan lại uống một tuần nữa và kêu say. Lúc ấy, anh mồm trắng đứng dậy nhìn một vai quan đương lão đảo. Anh lướt tay vào nậm râu của hắn, rồi quệt vào mồm mình. Thế là anh say đồ điên cuồng, mắt trợn ngược lên, chệnh choạng, sờ soạng, ngã bên kia, giúi bên nọ, mãi mới vào được buồng trò.

Trời ơi! Người ta cười, người ta vỗ tay, tưởng đến vỡ rập.

Vua cười kha kha, phán:

- Giui! Giui quá đi mắc mà thôi!

Rồi bài tấu mã theo giọng kèn, hùng hồn vang nhịp.

Bỗng anh mồm trắng ban nãy, hốt hơ hốt hải chạy ra. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng cười lại vang động.

Ngã xong, anh đứng phắt dậy, ngay như tượng gỗ, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sần Gòn, phán hỏi:

- Chi mà bay giội giàng làm giậy, thẳng kia?

- Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki-lô-mét.

- Ầi! Ầi!

Vua quát vạy, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

- Ầi ẩi! Nếu giậy, khổ dã châng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiến tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa môt mai dâng khổ. Ở này, bá quang!

- Dạ.

Vua hét:

- *Quâng phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trăm truyền cho giảng giỡ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!*

Hai anh kéo ngồi ngoài, một anh mặt đen, râu đỏ, phun phè phè từ thái dương đến môi, một anh mặt trắng, râu vẽ bằng mực, lanh lẹn xắn áo, xốc mũ, mua may, uốn éo, làm bộ giương súng, cưỡi ngựa, vận ô-tô, nhảy xe đạp. Tiếng cười lại vang lừng.

Anh bên phải lắc đầu, lắc cổ, nói:

- *Đã có tôi phò tá!*

Anh bên trái, ngoác mồm tiếp:

- *Lại có mô tá phò!*

Rồi cả hai cùng giơ tay và cùng hát:

- *Xin Thánh thượng đừng lo.*

Đoạn lại cùng vênh vào trở vào ngực mình:

- *Đã có tôi... phò tá!*

Trên hàng ghế đầu, người ta nhăn mặt, bàn tán:

- Nhảm quá. Ta phải lừa rồi.

- Phải, họ nói láo, chứ chần chĩnh cái cóc khô gì. Vẫn đồ bài trí ấy, có đào kép mới mà vẫn hát tích cũ, thì có khác trước tí nào?

Một người tinh mắt, mỉm cười, trở lên sân khấu, nói:

- Các ngài thử nhìn kỹ xem bọn kéo này là mới hay cũ. Cái anh lần trước ngồi kia, thì bây giờ bỏ bộ râu ra và ngồi đây. Cái anh ngồi bên này bây giờ vận mũ khác, áo khác và vẻ mặt khác. Và được độ một vài thằng kép khổ hoặc con

đào ươn, mà đã nặng lên là mới, là chấn chỉnh, thì chúng mình chỉ mắc một lần là cùng!

Rồi cùng thất vọng, rủ nhau ra.

*

* *

Từ hôm sau trở đi, chiều nào cũng vậy, cứ độ năm giờ, bọn đào kép ban An Lạc lại mũ măng, phấn sáp, râu ria, ngồi trơ tráo trên xe cao-su, đi diễu qua các phố để phơi nắng cái đời hát tuồng còn ngắc ngoải.

Nhưng những người đã xem diễn qua một tối, họ đều chán ngán. Nghe tiếng trống kèn cổ động âm ỉ, họ cũng biết rằng gánh hát còn sống đó, song, chẳng ai muốn để ý xem tối nay, trong rạp, bọn vua quan trò hề ấy âm oẹ với nhau những trò gì!

5-8-1936

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	7
* Sức trẻ của một cây bút	9
1. Sóng vũ môn	28
2. Nhân tình tôi	49
3. Răng con chó của nhà tư bản	62
4. Oản tà roăn	68
5. Hai thằng khốn nạn	78
6. Thật là phúc	83
7. "Lập-gioòng"	89
8. Ngựa người và người ngựa	94
9. Bố anh ấy chết	104
10. Quan tham nửa giờ	112
11. Ông chủ báo chẳng bằng lòng	118
12. Chuyện chó chết	133
13. Thế là mợ nó đi Tây	146
14. Xin chữ cụ Nghè	158
15. Gói đồ nữ trang	163
16. Thằng ăn cắp	169
17. Samandji	176
18. Báo hiếu: Trả nghĩa cha	182
19. Báo hiếu: Trả nghĩa mẹ	189
20. Vợ	196
21. Cụ chánh Bá mất giấy	201

22. Cô Kếu, gái tân thời	207
23. Mất cái ví	212
24. Kép Tư Bền	220
25. Ái tình tiểu thuyết	229
26. Cái ví ấy của ai	238
27. Cái vốn để sinh nhai	247
28. Cái nạn ô tô	252
29. Bà chủ mất trộm	267
30. Đàn bà là giống yếu	263
31. Tôi chủ báo, anh chủ báo, nó chủ báo	271
32. Thầy câu	282
33. Một tấm gương sáng	290
34. Cái thú tổ tôm	297
35. Bữa no... đòn	304
36. Cho tròn bốn phận	310
37. Godautre	316
38. Samandji	333
39. Thanh! Dạ!	347
40. Thế cho nó chùa	354
41. Thằng điên	361
42. Ngâm cười	368
43. Kiếp tài tình	374
44. Mảnh khoe	384
45. Nỗi lòng ai tỏ	392
46. Nhân tài	399
47. Xuất giá tòng phu	407
48. Một tin buồn	415
49. Đào kép mới	424

NGUYỄN CÔNG HOAN

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội Tel & Fax: 8222135
Email: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập: NGUYỄN THỊ ANH THU
Sửa bản in: THANH PHƯƠNG
Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

In 800°. khổ 14,5 x 20,5. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy phép xuất bản số: 19/ 826/ XB - QLXB cấp ngày 18 / 06/ 2004.
In xong và nộp lưu chiểu qui II năm 2005.

NGUYỄN CÔNG HOÀN

TRUYỆN NGẮN
CHỌN LỌC



NHÀ SÁCH

30 HÀN THUYỀN

QUẬN HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

ĐT/FAX: (04) 8246272